http://hoangsa.org

SỐ 21

sử địa

DO MỘT NHÓM GIÁO SƯ, SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM SÀI-GÒN CHỦ TRƯƠNG

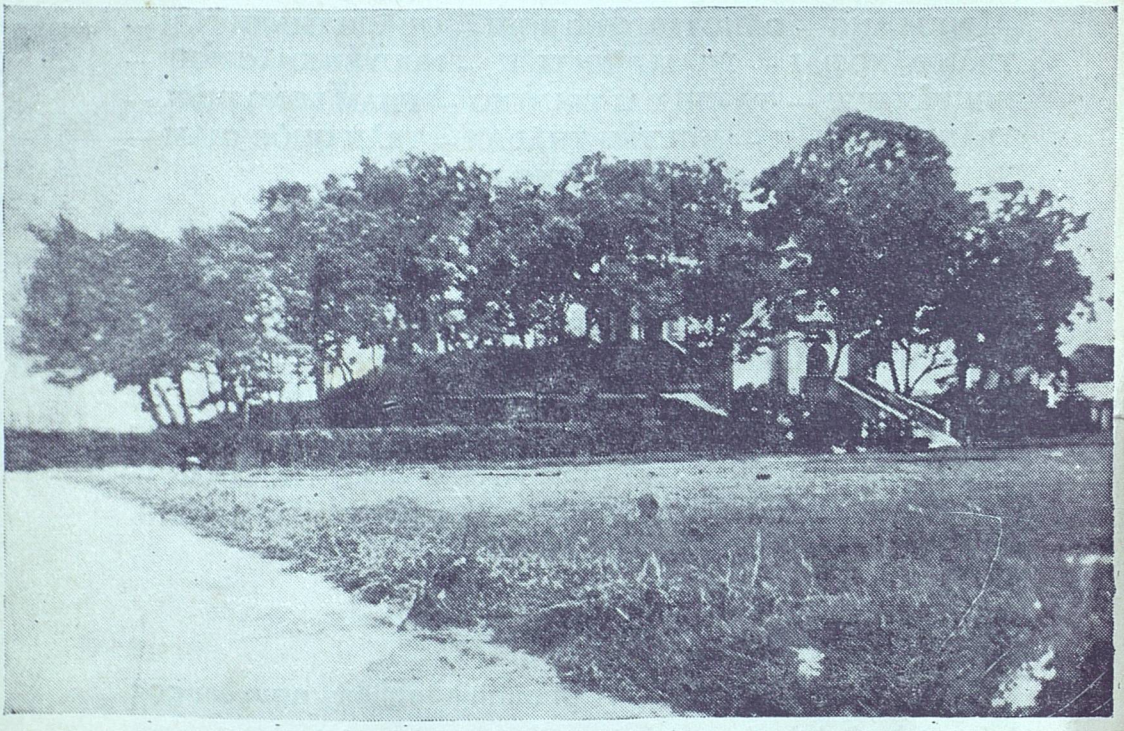

200 năm phong trào Tây sơn

TẬP-SAN SỬ-ĐỊA

NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ BẢO TRỢ

21

1971

http://hoangsa.org

sửđịa

*TẬP SAN * SƯU TẦM * KHẢO CỨU * GIÁO KHOA*

BAN CHỦ BIÊN:

NGUYỄN THẾ ANH — BỬU CẦM — PHAN KHOANG — LÂM THANH LIÊM—PHẠM VĂN SƠN — THÁI VIỆT ĐIỂU — PHẠM CAO DƯƠNG — PHÙ LANG — ĐẶNG PHƯƠNG NGHI — QUÁCH THANH TÂM — TRẦN ĐĂNG ĐẠI — PHẠM ĐÌNH TIẾU — NGUYỄN KHẮC NGỮ — NGUYỄN HUY — TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG — PHẠM LONG ĐIỀN — TRẦN ANH TUẤN — NGUYỄN THÁI AN — TRẦN QUỐC GIÁM — NGUYỄN SAO MAI — MAI CHƯỞNG ĐỨC.

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA:

HOÀNG XUÂN HÃN — CHEN CHING HO — THÍCH THIỆN ÂN — LÊ VĂN HẢO — NGUYỄN VĂN HẦU — TẠ TRỌNG HIỆP — NGUYỄN TRẦN HUÂN — NGUYỄN NGỌC CƯ — PHẠM VĂN DIÊU — BỬU KẾ — NGUYỄN KHẮC KHAM — TRƯƠNG BỬU LÂM — LÊ HỮU MỤC — NGUYỄN PHƯƠNG — HỒ HỮU TƯỜNG — LÊ THỌ XUÂN — ƯNG TRÌNH — NGHIÊM THẨM — TÔ NAM — BÙI QUANG TUNG.

BAN TRỊ SỰ:

nguyễnnhã - nguyễnnhựttấn - phạmthịhồngliên - nguyễnngọc trác - trầnđìnhthọ - nguyễnhữuphước - phạmthịkimcúc - trần ngọcban - phạmvănquảng - phạmđứcliên.

LIÊN LẠC *Thư từ, bài vở, ngân chi phiếu, xin đề :* NGUYỄN NHÃ

TRÌNH BÀY NGUYỄN NHỰT TẤN

TRƯƠNG MỤC TẬP SAN SỬ ĐỊA *Sài-gòn T/M 2763*

Chánh Trung Khu chi phiếu — Sài-gòn

TÒA SOẠN *221, Cộng Hòa, Sài-gòn B.P : 380*

http://hoangsa.org

lá thư tòa soạn

Cách đây đúng hai trăm năm (tân mão-1771), Tây-sơn do Nguyễn Nhạc lãnh-đạo đã dựng cờ khởi-nghĩa, phát-động một cuộc cách-mạng làm rung chuyển xã-hội Đại-việt, tiêu-diệt các chính-quyền thối nát trong Nam cũng như ngoài Bắc hồi đó. Chính Tây-sơn đã phá-vỡ thế phân-tranh Nam Bắc kéo dài gần 200 năm để tiến tới sự thống-nhất Việt-Nam. Chính trong thời đại này đã xuất hiện người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ, tài-ba xuất-chúng, tạo các chiến-công hiển-hách, đánh Nam dẹp Bắc, bình Thanh, diệt Xiêm.

Kỷ niệm hai trăm năm Cách-Mạng Tây-sơn là dịp tỏ-bày sự ngưỡng-mộ đối với những vị anh-hùng Tây-sơn. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và cũng là dịp chúng ta suy-gẫm về hiện-trạng đất nước với những nguyện-vọng thiết-tha của người dân Việt : Thống-Nhất Đất-Nước Việt-Nam Hùng-Cường.

Xuân Mậu-Thân (1968) với số đặc khảo về Quang-Trung (Sử Địa số 9 và 10), xuân Kỷ-Dậu với số đặc khảo về Chiến Thắng Đống Đa (Sử Địa số 13), xuân Tân-Hợi năm nay, chúng tôi đã cố-gắng thực-hiện số kỷ niệm « 200 năm Cách-Mạng Tây-sơn » với ước-mong một phần nào gom-góp các sử-liệu hiện còn tản-mát liên-quan đến thời-đại Tây-sơn. Với chủ-trương tôn-trọng tinh-thần khách-quan sử-học, chúng tôi xin cống-hiến cùng quí bạn đọc, trong số đặc-biệt này, những

http://hoangsa.org

tài-liệu xuất-xứ từ những thành phần ác cảm với Tây-sơn, từ các phần-tử trong đảng chống đối Tây-sơn đương thời ở Bắc Hà đến các giáo sĩ có cảm tình với họ Nguyễn. Từ những tài-liệu đó, chúng ta có thể rút ra những sự thực lịch-sử.

Năm năm đã qua. Sự đóng góp của TẬP SAN SỬ ĐỊA chưa có là bao so với sự mong-đợi của mọi người cũng như đối với những người chủ-trương TẬP SAN này. Dù sao, trong hoàn-cảnh khó-khăn của đất-nước, chiến-tranh khốc-liệt, thiếu-thốn tài-liệu, thiếu tài-chính, thiếu nhân-sự chuyên-môn, và rất ít sự khích-lệ..., Tập San Sử Địa đã nói lên được lòng yêu mến sử-học cũng như địa lý nước nhà. Sử Địa cũng góp tiếng chuông thúc-giục Đại-Học Việt-Nam sớm làm tròn nhiệm-vụ phát-triển văn-hóa dân-tộc.

Với 21 số báo, trong số có những số đặc khảo về các danh-nhân như Trương Định, Nguyễn Trung-Trực, Phan Thanh-Giản, Quang-Trung... hay các chủ-đề quan-trọng như phong-tục Tết Việt-Nam, Việt kiều tại Thái Miên Lào, Nam Tiến của Dân Tộc Việt-Nam, đường lối của Tập San Sử địa đã phần nào được thể-hiện.

Tập San Sử Địa sẽ nỗ-lực hơn nữa để tiếp tục con đường đã đi, tiếp-tục khai-thác những chủ đề có tính-cách xây-dựng văn-hóa hay tinh-thần quốc-gia dân-tộc, nhưng vẫn luôn luôn tôn-trọng sự thực lịch-sử. Tập San Sử địa sẽ cố gắng bỏ những bài kém tinh-thần khách quan sử-học. Giai đoạn lịch-sử cận và hiện đại vẫn được tiếp tục chú-trọng, không những về thế kỷ XVIII, XIX mà sẽ được chú tâm hơn về tiền bán thế kỷ XX. Những vấn đề địa lý Việt-Nam cũng được chú tâm nghiên-cứu tới hơn.

Nếu được sự hỗ-trợ mạnh-mẽ nhứt là về phương tiện tài-chánh, Sử Địa sẽ tổ-chức những công-trình nghiên-cứu qui-mô hơn, giá-trị hơn.

Chúng tôi xin thành-thật tri-ân sự hợp-tác quí báu của quí vị học-giả, sự trợ-giúp thiết-thực của quí vị hảo-tâm nhứt là Ông Giám-Đốc nhà sách Khai Trí cùng tất cả quí độc giả, đã ủng-hộ tích-cực giúp Tập San Sử Địa có thể tồn-tại đến ngày nay.

Tập San Sử Địa hiện đương sửa-soạn số đặc khảo về Đà Lạt, Nguyễn Trường Tộ, chúng tôi lúc nào cũng mong được sự tiếp tay của quí độc giả.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

http://hoangsa.org

PHE CHỐNG ĐẢNG TÂY-SƠN Ở BẮC VỚI TẬP «LỮ TRUNG NGÂM»

▽ HOÀNG XUÂN-HÃN

Trong sử nước ta, cách-mệnh Tây-sơn có đặc-điểm nầy: từ một loạn địa-phương mà lần lần kéo sụp ba triều-đại. Không những lúc ban đầu là nguyên-nhân làm yếu chính-quyền chúa Nguyễn, biến thành cái mồi nhử quân Trịnh vào Phú-xuân; mà gián-tiếp làm yếu binh-lực Trịnh bởi khuyếch-trương địa-bàn chiếm đóng. Nhờ đó, chỉ một cuộc hành quân mà NGUYỄN HUỆ đã bứt hết chế-độ đế vương ở Bắc. Những chính-biến nối tiếp sau, tuy có làm nảy ra hai mầm: vua Chiêu-thống và chúa Yến-đô, nhưng đó là hơi tàn không thể nhóm lên được.

Tuy vậy, chế-độ vua chúa đã ăn sâu vào trong trí những sĩ-phu và quân-nhân. Trước lúc mất, nó còn quẫn-quại chống chỏi được một kì. Các sử sách, kí tải đương thời hoặc đầu đời Nguyễn có ghi lại những biến-cố ấy. Hoặc chép vào chính-sử như *Sử kí tục biên* (SKTB), *Lịch triều tạp kí* (LTTK); hoặc chép vài dã-sử như *Lê quí kí sự* (LQKS), *Lê triều dã-sử* (LTDS); hoặc chép thành tiểu-sử những nhân-vật quan-trọng như trong *Lê mạt tiết nghĩa lục* (LMTNL), *Nghệ-an kí* (NAK) và *Nhất thống chí* các tỉnh, hoặc là kể rất tường-tận với những chi-tiết vụn-vặt tả tâm-lí, dẫn lời, tự sự, hầu như tiểu-thuyết-hóa, như trong *Hoàng Lê nhất thống chí* (HLNTC) của văn-phái họ NGÔ ở xã Tả Thanh-oai.

Những tác-phẩm ấy cũng không phải không tương-quan. Đọc cẩn-thận sẽ thấy tác-giả nầy đã trích kí-tải khác, hoặc ít ra hai tác-phẩm cùng dùng một nguồn trao tin. Ví dụ, về đoạn ta xét đây, HLNTC với LTTK có nhiều đoạn văn y như nhau; LTDS rút phần lớn ở NAK ra. Phê-bình tóm-tắt, thì sử-liệu về khoảng nầy nay còn ba nguồn khá chắc và khá tự chủ: 1⁰ nhóm họ Ngô tác-giả HLNTC (Ngô Thì-Chí: bảy hồi

http://hoangsa.org

旅中吟序

天能予人以卓犖瑰異之才。忠義激烈之操。而顧使之詘于遇。至於擧天下之穷。而無以加焉。是獨何哉。其將使之以其卓犖瑰異之才。以見其忠義激烈之操耶。吾從大舅黎公瑤池。早飲香名。少領秋薦。登泮後。每以魁多士馳盛名。屢擧礼部不第。既乃博覽孫吳七書。改習武業。又以足疾。弗獲應擧。久之得一布政州知州。丙午国変。○宴都王晉輔国政。擢副知礼番。不数月○王北行。遂奉羈靮。蛮兵再入。又扈○昭統皇帝御駕于北。復国未幾○駕遷内地。公弗獲扈從。復追隨○晏都王于險雉中。檄諭皆出其手。特放入侍進朝伯爵。○王殂。竄于南海。尋避偽命徙山西之峰州。連遭家変。志不少沮。而卒歸於無所成焉。今遷于京邸。病且革。以其所作旅中吟集示某。叮囑點閲。兼為之序。某歸捧而讀之。其中雜以国音。有声罪討賊之作焉。有感舊舒怅之作焉。有哀輓之作焉。有酬和之作焉。而乩筆問答之作。則又十居其四五也。其慷慨忠憤之情。溢于言表。使人慨然以思（有碌批曰一字一淚）悽然以悲。而不知其所以為也。人豈無旅也。旅豈無吟也。而何公之旅之吟之若是也。豈天固厚公之才。而薄公之遇。以見公之操耶。或曰是則然矣。乩筆問答。不幾

http://hoangsa.org

於幻乎。曰離騷有天問。天可問。仙獨不可乎。於是乎序。

癸亥一陽月

表從姪舊丁未科進士翰林院檢討。仁溪杜浩養甫 善 拜稿。

侍中學士行奉天府督學適安侯。首已亥科進士入侍漆差知工番。

立齋典道甫 范 潤正

旅中吟

故黎徵臣進朝入侍瑤池伯黎輝瑤撰 公青池仁睦首入原名輝瑞

麥歌深有感　黍賦最堪憐

已矣陵為谷　哀哉海變田

http://hoangsa.org

đầu; Ngô Thì-Du: bảy hồi sau — theo *Ngô gia thế phả* — Hồi cuối là hồi thứ 15[1] theo bản viết của họ Ngô, có lẽ tác-giả là Ngô Thì-Thiến, mà nhóm Trần Văn-Giáp mách rằng đã dự soạn HLNTC — Xem *Lược truyện các tác gia Việt-nam*); 2⁰ Bùi Dương-Lịch tác-giả NAK và LTDS, và 3⁰ Nguyễn Thu hoặc Bảo tác-giả LQKS.

Đối với các tài-liệu ấy, ta phải so-sánh cân nhắc may gì mới tìm được những sử-kiện hoàn-toàn tin được. Còn những điểm khác, nếu không tìm thấy lí-do gì đích-xác để bác nó thì mình cũng phải tạm tin, vì kích-bác là tỏ thái-độ chủ-quan.

Ngoài các tác-phẩm trên, tôi đã từng xét một tập văn mà tác-giả cũng là một kẻ đương thời đã dự vào một phần trong tấn tuồng chống đảng Tây-sơn: ấy là tập *Lữ trung ngâm* soạn bởi LÊ HUY DAO (có tên Huy Vĩ). Đặc điểm là văn viết phần quan trọng văn viết bằng nôm, lối *ngâm* nghĩa là song thất lục bát. Lại xen một số thư, hịch, văn tế lẫn nôm và Hán. Nội-dung khá sơ sài nhưng liên-quan đến việc hai vị vua Lê chúa Trịnh cuối cùng chống với đảng Tây-sơn. Riêng đối với chúa Yến-đô Trịnh Bồng, có chép những tiểu-tiết mà không đâu có.

Muốn giới-thiệu tập văn ấy, tôi nhân-tiện xét lại các sách đã kê trên, để nhắc lại đoạn sử nầy một cách chính-xác hơn trước, về mặt biến-cố và nhất là về mặt thời-điểm.

LÊ HUY-DAO VÀ TẬP LỮ TRUNG NGÂM

Mở đầu tập, tác-giả tự giới-thiệu:

Cố-Lê vi-thần tiến-triều nhập-thị Dao-trì bá Lê Huy Dao soạn

Nghĩa là bầy tôi mọn đời Lê cũ, được ban danh-dự tiến-triều, chức nhập-thị, tước Dao-trì bá đã soạn tập ấy. Đời Lê phải đậu đại-khoa mới được giữ chức lớn ở triều-đình; nhưng những người chỉ đậu hương-cống cũng có cách dự, nhờ huy-hiệu *tiến-triều* chúa ban cho, hoặc vì có tiếng hay giỏi, hoặc chỉ vì được tiến cử. *Nhập-thị* trỏ trung những viên-chức không phải hoãn-quan được làm việc trực-tiếp với chúa. Tước *bá* chỉ là một tước nhỏ mà đời Trịnh thường ban cho rất nhiều người cọng tác gần, hay cho các con cháu đại-thần. Thật ra, các chức tước nầy, Huy-Dao mới được ban trong khi chạy giặc với chúa Yến-đô.

Đầu tập, lại có chú-thích (xem Hán-văn sau phụ-trương bài tựa.)

---

1. Ngô Tất-Tố đã dịch theo một bản khác, gồm 19 hồi nhưng nội dung cũng như bản Ngô-gia văn phái (xuất bản Mai-lĩnh Hà nội 1945).

http://hoangsa.org

Ông người huyện Thanh-trì, làng Nhân Mục. Nguyên tên là Huy Vĩ.

Nhân-mục tức là làng Mọc ở kế phía tây Thăng-long; cũng là quán của Đặng Trần-Côn.

Sau đây là lời tựa tập *Lữ trung ngâm* do cháu họ *Đỗ Lĩnh-Thiện*, tiến-sĩ, đã soạn và hoàng-giáp *Phạm Quí-Thích* nhuận-chính.

Tựa Lữ Trung Ngâm:

Trời đã phú cho cái tài lỗi-lạc, cái tiết rắn rỏi, mà lại xui gặp vận chẳng may để đến nỗi cả thiên hạ bị mất; khiến nên tài ấy tiết ấy không thi-thố được. Tại sao một mình ông bị như vậy? Phải chăng trời muốn lấy cái tài lỗi-lạc để làm rõ cái tiết rắn-rỏi kia chăng?

Ông cậu họ tôi, là LÊ DAO-TRÌ, đã nổi tiếng sớm. Trẻ đậu hương. Sau thi hội mãi không đậu. Bèn tìm đọc binh-thư, tập võ-nghệ. Nhưng vì có tật ở chân, không được đi thi võ. Sau mãi mới được bổ chức tri-châu Bố-chánh.

Đến năm biến Bính-ngọ (1786), chúa YẾN-ĐÔ phụ quốc-chính, bèn cất ông làm phó-tri Lễ phiên. Chưa được vài tháng, chúa chạy lên Bắc (xứ Kinh-bắc, chạy vì Nguyễn Hữu-Chỉnh đem quân tới đuổi). Ông bèn hộ-tùng.

Đến lúc quân Tây-sơn lại tới, ông lại hộ vua CHIÊU-THỐNG chạy lên Bắc (xứ Kinh-bắc. Ý chừng ông đã rời chúa sau khi thua trận Đông-hồ — sẽ xem sau —) Vua lấy lại được nước, rồi chẳng bao-lâu chạy vào Nội-địa.

Ông không theo kịp, bèn trở lại theo chúa Yến-đô ở trong gian-hiểm. Các hịch, dụ, đều từ tay ông thảo. Chúa bèn ban cho tiến-triều và tước bá.

Sau khi chúa mất, ông trốn ra vùng bể Nam để tránh mệnh Tây-sơn đòi dùng. Rồi sau dời tới ở Phong-châu, tại Sơn-tây. Gặp gia-biến liền liền, mà chí ông không nhụt. Thế mà chung qui, không thành-tựu gì.

Nay (1803), ông dời về ở nhà tại Kinh (Thăng-long. Bấy giờ Gia-long đã lên ngôi ở Phú-xuân, nhưng đây là lời người Bắc không phục). Ông ốm nặng. Bèn lấy tập LỮ TRUNG NGÂM mà ông đã soạn, đưa cho tôi xem; đinh-ninh dặn điểm-duyệt và đề tựa.

Tôi cầm về đọc. Thấy trong tập có tạp-dụng quốc-âm; hoặc để kể tội mà đánh giặc mà làm; hoặc để tả lòng cảm-cựu mà làm; hoặc để khóc viếng người thân mà làm; hoặc để thù họa với người khác mà làm. Nhưng thơ nói chuyện với các tiên thì lại chiếm đến bốn năm phần mười.

http://hoangsa.org

Tình khảng-khái trung-phẫn tràn-dào ra lời, khiến người đọc khảng khái rồi nghĩ, thê-thảm rồi xót, mà không rõ cớ vì đâu. (Có chữ nét son phê bình : mỗi chữ là một giọt lệ). Ai mà không trọ đất khách. Trọ đất khách, ai lại không làm thơ. Nhưng sao mà sự trọ đất khách, sự ngâm trên đất khách của ông lại như thế nầy? Phải chăng trời sẵn đãi cho ông về tài, mà bạc với ông về ngộ, để làm rõ tiết-tháo của ông? Hoặc có kẻ trả lời rằng đúng như vậy.

Còn như nói chuyện với tiên, không chừng ấy là huyền-ảo chăng? Xin trả lời : thiên LI-TAO có đoạn Hỏi Trời ; Trời còn hỏi được, thì Tiên sao lại một mình không hỏi được?

Đấy là lời tựa.

Năm Qui-hợi (1803) tháng giêng.

Cháu biểu-tùng-điệt là tiến-sĩ khoa Đinh-mùi đời Lê (1787), hàn-lâm-viện kiểm-thảo, hiệu Nhân-khê, Đỗ Hạo-dưỡng-phủ Thiện (Đỗ Linh-Thiện, heo Đăng khoa lục) kính soạn.

Thị-trung học-sĩ, đốc-học phủ Phụng-thiên, Thích-an-hầu, tiến-sĩ khoa Kỷ-hợi (1779) đời Lê, trước làm nhập-thị thiêm-sai tri công-phiên, Lập-trai-phủ Phạm (Qui-Thích) nhuận chính.

Kẻ đề tựa là Đỗ Linh-Thiện, cũng người làng Mọc, đậu tiến-sĩ khoa thi cuối của triều Lê, khi mới mười tám tuổi. Bấy giờ 34 tuổi. Tuy năm là niên-hiệu Gia-long thứ hai, nhưng cố-ý đã không đề như vậy, để tỏ lòng trung với Lê. Tuy đã phải chịu chức đốc-học ở Thăng-long, nhưng Phạm Qui-Thích cũng vào nhóm *tư Lê* như Lê Huy-Dao và Đỗ Linh-Thiện. Bản viết cũ tôi đã được đọc vẫn kiêng các tên thường húy đời Lê.

Bình-phẩm văn thơ cậu mình, theo ý muốn cậu mình đang ốm nặng, Đỗ Linh-Thiện đã quá lời khen. Theo ý tôi thì văn nôm cũng như văn chữ phần lớn trong *Lữ trung ngâm* không lấy gì hào-nháng lắm. Nhưng tập ngâm ấy quí vì trước hết nó là một chứng trực-tiếp của một người đang cuộc, mà chứng bằng văn nôm. Sau lại, tuy các hịch, các dụ đánh Nguyễn Hữu-Chỉnh hay là đánh Tây-sơn, không có hiệu quả gì, nhưng nó chứng sự sĩ-phu ở Bắc vẫn trung-thành với vua chúa cũ. Riêng về Trịnh Bồng thì các kí-tải đều không biết đến hành-động cuối cùng. Trái lại Huy-Dao đã cho biết một cách chính-xác khoảng đời ấy đến khi mất.

Nhưng tiếc rằng về phần lịch-sử thì kể chuyện rất sơ-sài, không những không cho chi-tiết gì, mà cho đến những sự-kiện chủ-yếu cũng

http://hoangsa.org

thường chỉ dùng lời văn trau giồi ám chỉ mà thôi. Tuy vậy trong lời chú, thỉnh-thoảng có ghi một vài thời-điểm quan-trọng giúp ta so-sánh với các kí-tải khác để xác-định về thứ-tự thời-gian. Ví-dụ ngày Quang-trung mất. Ở hai nơi Huy-Dao đã dẫn rằng: *năm Nhâm-tí* (1792) *tháng mạnh-thu* (bảy) *Nguyễn Huệ mất*, khác với hai chính-sử *Đại-nam liệt truyện* của ta và *Đại Thanh thật lục* của Trung-quốc, cả hai sách đều chép vào tháng chín như nhiều sách khác. Thế mà sự thật chắc chắn là Quang-trung mất ngày 29 tháng bảy, đúng tháng bảy như sách *Đại-nam thật lục* chép và phù hợp với lời thư của các giáo-sĩ Pháp Guérard và Labousse gửi về Paris. Trong bài *Ngày giờ Quang-trung mất* (báo *Dư-luận* số 28, Hà-nội 1946 hoặc sách *La sơn phu tử* trang 156), sau khi chứng-minh sự lầm ngày quốc-tế Quang-trung, tôi đã đoán rằng triều-đình cố giấu hung-tín trong hai tháng để tâu dối với vua Thanh. Thuyết ấy được nhận đúng nhờ lời thư của giáo-sĩ Longer gửi cho Blandin ngày mồng 10 tháng 2 năm 1793: *cái chết của tiếm-vương Quang-trung được giữ bí-mật gần hai tháng trời...* (xem lời dịch của Đặng Phương-Nghi, *Sử-địa* số 13, 1969, trang 152).

Trong khi so-sánh các kỉ-tải của ta, tôi cũng đã dùng những chứng được thấy trong các thư giáo-sĩ. Còn về kí-tải của ta thì tôi nay ở xa nguồn, chưa thể bổ-túc những điều đã lượm được trước đây hai mươi năm. Vậy những điều sẽ trình bày chắc còn tu-bổ hoặc cải-thiện hơn.

Trở lại phần Hán-văn trong *Lữ trung ngâm*, các thơ trao đổi với các «vị tiên» mà trong lữ-thứ Huy-Dao hay cầu, nó chiếm gần hết tập. Trái với phần liên-quan đến sử, trong đoạn nầy Huy-Dao lại chép rõ đêm nào cầu lên những tiên nào, nào *Lí tiên* (Lí Thái-Bạch), nào *Lã tiên* (Lã Động-Tân), nào *Hàn tiên* (Hàn Tương), nào *Hải-thượng đạo ông* (?) cho đến *Phủ Huyền* chính là con trai mình, từng đã theo cha tị-ẩn, bị chết năm ba mươi tuổi; từng hầu chuyện với tiên và được tặng hiệu Phủ Huyền! Trong khi tiên giáng, hoặc tiên ban thơ, ông họa; hoặc ông xin thơ tả cảnh tả tình thay ông. Lại xin thơ về thời-sự. Ta phải nhận rằng các thơ của «tiên» hoặc của ông, lời nhẹ nhàng hay hơn thơ ông khi còn theo chúa. Ông không nói rõ cách ông cầu tiên, cho nên không biết ai cầm «bút» cành đào, hoặc con cơ đề viết hộ «tiên». Con trai ông chăng? Bạn văn ông chăng? Dẫu sao, những thơ nầy không vì dính đến sợ huyền-ảo, hay hoang-đường, mà không giá-trị về văn và về tâm-lí chính-trị. Các nho-sĩ điển-hình như Đỗ Linh-Thiện và Phạm Quí-Thích, cũng hơi ngờ nhưng không nỡ bác. Cho nên trong tựa đã khéo đưa chuyện *Thiên vấn* trong *Sở-từ* của Khúc Nguyên ra mà bình-luận ẩm-ờ.

http://hoangsa.org

Về thân-thế Huy-Dao, theo *Lữ trung ngâm* mà đoán thì khi Nguyễn Hữu-Chỉnh tới Thăng-long lần thứ hai (tháng chạp năm Bính-ngọ, đầu 1787) ông theo chúa Yến-đô chạy về Quế-ổ, huyện Quế-dương, xứ Kinh-bắc. Thảo hịch đánh Chỉnh ở đó. Sau khi doanh-đồn Quế-ổ bị vỡ (tháng giêng năm Đinh-mùi 1787), ông theo chúa chạy đi Hàm-giang ở Hải-dương, *Đinh Tích-Nhưỡng* đưa ra đóng ở Đồ-sơn. Ông vẫn giữ chức nội thị làm việc từ-hàn. Tháng hai lại cùng chúa trốn Nhưỡng đi Bác-trạch, huyện Chân-định (nay Trực-định) gần cửa Lân và cửa Ba-lát. Cuối tháng ba, thủy-quân Đinh Tích-Nhưỡng bị đánh vỡ ở đó. Chúa được rước về Đông-hồ thuộc huyện Đông-quan (gần Thái-bình). *Bùi Khuông*, con nhà thế-gia vùng ấy tổ-chức dân-quân giữ vững trận thế trong bốn tháng mới tan. Chúa chạy ra Yên-quảng rồi trá hình để ẩn lánh tại các chùa vùng Lạng-sơn. Chắc rằng Huy-Dao không chạy theo chúa nữa và có lẽ ẩn lánh ở vùng Đông-quan. Nhưng cũng có thể rằng ông không tới Đông-hồ với chúa và đã chạy theo Đinh Tích-Nhưỡng, bởi vì trong *Lữ trung ngâm* không hề nói động đến việc Đông-hồ, và sau đó một năm ông lại giúp từ-hàn cho Nhưỡng.

Trước đó, vào đầu tháng chạp năm Đinh-mùi (đầu năm 1788) Vũ Văn-Nhậm ra Thăng-long đánh Chỉnh. Vua Chiêu-thống cùng Chỉnh chạy lên Mục-sơn thuộc Kinh-bắc. Chỉnh bị bắt rồi bị giết, vua chạy trốn. Huy-Dao được thư của Bùi Bật-Trực, khâm-sai tán-lí đạo Sơn-nam có lẽ bảo giúp việc cần-vương. Ông thảo bài hịch *dụ bốn phương cần vương đánh Tây* gửi nhờ Bật-Trực chuyển lên vua. Vua ban cho ông huy-hiệu *tiến triều*. Tuy vậy, hình như ông không hề gặp Chiêu-thống trong khoảng nầy.

Cuối năm sau, Mậu-thân, khi quân Thanh đã đóng ở Thăng-long (đầu 1789) ông làm hộ Đinh Tích-Nhưỡng bức thư gửi cho tướng Thanh xin cấp bằng cho giữ Sơn-nam để chặn ở Vị-hoàng. Rồi Chiêu-thống nhận sắc phong (22 tháng chạp) lo chuyện lập triều-đình, thi ân oán. Yến-đô vương từ khi ẩn vùng Lạng-sơn bị lộ, được các phiên-thần ủng hộ, nhưng bị dân chúng chống đuổi, đã chạy về xuôi và cuối cùng lánh ở vùng huyện Kim-bảng, phía nam Thăng-long. Chúa về chầu, được tha thứ nhưng giáng xuống tước Huệ-địch công, nghĩa là mất chức quyền chúa. Không rõ bây giờ Huy-Dao có về không. Chỉ biết rằng, sau ngày tết năm sau, Kỉ-dậu (1789). quân Thanh bị diệt, Chiêu-thống chạy lên Bắc, Trịnh Bồng chạy về Tây. Dực-vũ công Lê Duy-Chỉ, em Chiêu-thống, chạy về Tuyên-quang. Rồi thấy Quang-trung được

http://hoangsa.org

vua Thanh sắc phong, cả hai cánh, Bồng và Duy-Chỉ, tự lo chống Tay-sơn ở Bắc. Còn Huy-Dao thì trở lại lánh nạn gần bề vùng Thái-bình, tại làng *Thụ-triền* thuộc huyện Thanh-lan (nay đổi Thanh-quan). Sau khi bắt liên-lạc với Trịnh Bồng, lại được gọi về Sơn-tây giúp việc từ-hàn như trước.

Tháng tư năm sau, Canh-tuất (1790), Huy-Dao thảo bức thư lấy lời Bồng gửi cho Duy-Chỉ ở Bảo-lạc (ở biên-thùy Hà-giang ngày nay) đề-nghị « *phàm cơ-nghi đánh dẹp cùng nhau hiệp-đồng thương nghị* ». Bấy giờ Bồng lại tự coi mình là chúa, ban cho ông chức *nhập thị*. Duy-Chỉ trả lời chấp thuận ; lấy danh-nghĩa nhà Lễ mưu phục quốc. Huy-Dao thảo các văn tế Trời Đất, tế Bách thần, tế các vua trước và tế các chúa trước.

Vào tháng mười một, ông thay lời Hoàng-đệ Duy-Chỉ viết các hịch bằng văn nôm : dụ các người trung nghĩa (ở Bắc), dụ phiên-thần các xứ, dụ hai xứ Thanh Nghệ. Bấy giờ sự kháng địch coi chừng có tổ-chức. Ông theo lệnh truyền mật chỉ cho các người cần-vương chung quanh Kinh đô. Ông ghi rõ rằng :

« *Về văn-ban, quan tham-tụng cũ Tứ-xuyên hầu* (*Phan Duy-Phiên hoặc Trọng-Phiên, quê Đông-ngạc cạnh hồ Tây*) *được nhận hai mươi hốt bạc ; các quan đốc-đồng Nguyễn Duy-Khiêm, Lê Công-Thạc, Lê Đăng-Cử đều nhận được mật-chiếu. Về vũ-ban, Quản-vũ hầu* [1] *ở đạo Bắc, Can-vũ hầu ở đạo Đông, Vạn-vũ hầu* (*con Hoàng Phùng-Cơ*) *ở đạo Tây đều nhận được mật-chỉ. Diễm-trung hầu, Hoa-đình hầu, Vĩnh-trung hầu thì được vi-thần* (*tiếng nói khiêm trỏ mình, nghĩa là tôi mọn*) *trực-tiếp trao mật-chỉ làm nội ứng* (*ở Thăng-long*).

Từ tháng mười năm ấy (Canh-tuất 1790). Trịnh Bồng náu ở huyện *An-sơn*, phía tây Thăng-long để lo sự đánh úp thành nầy. Nhưng sau khi giao quyền cho Huy-Dao và các bầy tôi khác tổ-chức, lại đi vùng thượng-du, rồi đầu năm sau (Tân-dậu 1791, chừng tháng giêng) mất tại

1. Nên để ý đến cach mệnh danh các quan võ đời cuối Lê đầu Nguyễn. Thường đều ban tước vì vào thời loạn thì ai chẳng có chút « quân-công ». Phần lớn tiếng đứng đầu đặc-hiệu tước là tên húy của người mang tước và vào trường hợp ấy thì chữ thứ hai thường là Vũ, Trung,.. hay một tĩnh-tự khác tượng trưng đức tính tốt. Ngoài ra thì lấy tên một núi, sông, bể, hồ gần quê quán người mang tước mà đặt danh hiệu cho tước, như Bằng-lĩnh hầu cho Nguyễn Hữu-Chỉnh, Hồng-lĩnh hầu cho Nguyễn Khản, Tứ-xuyên hầu cho Phan Duy-Phiên.

http://hoangsa.org

Cao-lũng. Tin ấy vừa đưa về thì cuộc âm-mưu tập-kích Thăng-long bị lộ vì Tín-vũ hầu làm việc không kín. Nhiều đồ-đảng bị hại.

Thất vọng đủ mọi đàng, Huy-Dao lại đưa vợ con trốn đi vùng Thái-Bình, bắt đầu ngụ tại làng *Thùy-dương* thuộc huyện Thụy-anh. Ông làm lễ chịu tang chúa ở đó. Bài văn tế bằng Hán-văn và bài văn tế khi hết tang nay còn. Rồi cũng trong năm Tân-hợi ấy (1791), *Lê Duy-Chỉ* bị Hoàng Văn-Đồng phản nên bị quân Tây-sơn bắt giết ở Tuyên-quang. Con đầu Trịnh Bồng ngầm mưu báo-phục sau khi cha mất, cũng bị tên phản-bội tố-giác bèn mất. Huy-Dao có làm những bài văn, bằng Hán-văn ; nay còn.

Ở Thùy-dương huyện Thụy-anh, hình như ông cũng sợ lộ, nên mùa đông năm ấy, lại chạy sang ở xã *Sơn-đường* cùng huyện. Cả hai làng ấy đều tọa-lạc trên ven bể. Ngoài khơi có nhóm đảo Hòn Đậu, phương bắc có núi Tháp-sơn (Đồ-sơn) và núi Cửu-long. Cảnh-trí rất đẹp, vì cảnh, vì tình, trong khoảng nầy ông rất nhiều thi-tứ. Cho nên đã cầu tiên luôn luôn đề đề vịnh với tiên trong suốt mấy năm. Với óc chính-trị của ông, ông không khỏi phỏng-vấn các tiên về chính-trị ! Đêm mồng 9 tháng sáu năm sau, Nhâm-tí (1792), *Lã tiên* (Lã Động-Tân) giáng, họa các thơ mà năm hôm trước tiên *Hải-thượng đạo-ông* đã ban và ông đã họa. Trong thơ của Lã tiên lần nầy có hai vế :

Nhật quang khả tẩy trung thần cổ
Triêu lộ nan thu bão chúa kim

(ánh mặt trời có thể rửa giận của kẻ trung-thần khi trước ; móc buổi sáng khó thâu ? (bão-chúa ngày nay).

Vế dưới nghĩa gì ? Đối với Huy-Dao thì sau khi Quang-trung mất, câu thơ ấy là một câu sấm. Sự Quang-trung mất là biến-cố độc nhất làm cho ông sung-sướng trong khoảng nầy. Ông có đề lại bài thơ thất-ngôn bằng Hán-văn *Mừng kẻ thù là Quang-trung Nguyễn Huệ chết*, với lời dẫn rằng :

Năm Nhâm-tí (1792) tháng mạnh-thu (bảy), Nguyễn Huệ chết. Bấy giờ tôi ở trọ tại làng Sơn-đường huyện Thụy-anh. Thình lình nghe ngụy khâm-truyền cho dân sở-tại đề tang và cấm ca xướng. Tôi thình lình múa nhảy mà làm thơ mừng.

Thơ ấy, tôi sẽ dẫn sau. Có sự lạ là hình như triều-đình không giấu tang đối với dân trong nước, mà chỉ giấu người Thanh. Thế thì sao mà giáo-sĩ Pháp Longer lại biết chuyện giấu.

http://hoangsa.org

Cũng trong mùa thu ấy, Huy-Dao lại trở về xã Thùy-dương. Đầu năm sau Quí-sửu (1793), sau khi làm lễ trừ-phục (hết tang) Yến-đô vương, ông mời con thứ hai chúa về đó mà nuôi, đổi họ tên rồi cùng đi học với các trẻ con khác. Đến mùa xuân năm sau, Giáp-dần (1794), con chúa cũng mất. Ông làm lễ táng ở làng ngụ-cư đọc văn tế. nay còn. Các dòng Vua Lê, chúa Trịnh đến bấy giờ là hết. Có lẽ còn con chúa Đoan Trịnh Tông, nhưng không biết ra sao.

Bấy giờ, thị-trung Ngô Thì-Nhậm đi sứ cáo tang Quang-trung đã về, và hình như không được trọng dụng như đời vua trước, chỉ chuyên về việc tổng-tài, nghĩa là soạn sử. Thì-Nhậm theo gương Trần Văn-Kỉ dỗ mình hồi trước, viết thư mời các danh-sĩ còn ở ẩn, như Trần Danh-án, Vũ Trinh. Năm Ất-mão (1795), có hàn-lâm người Tào-xá họ Lê, trước đậu giải-nguyên, vâng ý Thì-Nhậm ướm tình Huy-Dao. Thấy chỗ ẩn đã lộ, ông bèn đem cả gia-đình chạy xuống phía nam, ngụ ở xã *Kiên-lao* huyện Giao-thủy.

Vận rủi vẫn kéo dài. Đêm 26 tháng hai năm sau (Bính-thìn 1796), con trai ông, đã ba mươi tuổi, từng chạy theo ông, không bệnh mà mất. Ông đau xót vô-cùng. Theo lời ông chép lại, con ông rất thông minh, học rộng, nhớ nhiều; văn-chương rất thanh kì. Thường hầu thơ với các tiên và đã được ban cho hiệu Huyền-phủ, nghĩa là có tiên-cốt. Ông nhắc lại rằng đêm 27 tháng năm năm Nhâm-tí (1792), nghĩa là bốn năm trước khi mất, con ông đã hỏi tiên về tiền-trình mình. Tiên đã trả lời bằng một bài thơ, trong có hai vế: *Nhãn tiền sự nghiệp tu vô vấn, Thân hậu công danh tổng thị không;* nghĩa rất rõ: sự nghiệp trước mắt nên đừng hỏi, công danh sau này hoàn toàn không. Thầy trả lời như vậy, ai mà chẳng sửng-sốt. Lại hỏi thêm thì tiên cho thêm hai vế, dịch như sau: *Ông hỏi tiền-trình thôi hãy hưỡm, Khiến người xa ngóng chuyến thành không.* Đối với cha con ông rất tin về việc cầu tiên và về tiền-định, như hầu hết người đương-thời, thì những câu đoán vận-mệnh kia đã làm buồn-bã lo âu năm nầy sang năm khác trong bốn năm liền. Ông táng con ở Kiên-lao và đề hai câu đối, nay còn. Câu thứ hai đề:

Nhược bằng tiên bá tử nhi thi, mang mang Nhược-thủy Bồng-sơn, thử nhật tiêu dao nghi hữu cảnh. Chỉ trướng trần-gian di ngã thích, tịch tịch tha hương khách địa, đương niên tư vọng hận vô đài.

Nghĩa: Nếu theo Tiên bác tặng thơ con, mịt-mờ. Nhược-thủy Bồng-sơn, nay đã tiêu-dao chừng sẵn cảnh. Chỉ khổ trần-gian ta chịu

http://hoangsa.org

xót, thui thủi tha-hương khách địa, hằng năm ngóng tưởng giận không bờ.

Khi hết tang con, ông bốc mộ con đem về làng Nhân-mục táng (có lẽ năm Kỉ-mùi 1799). Nhưng lại bị viên tả thị-lang bộ hình, Liên-hương hầu tiến-cử để dạy con viên điện-tiền đại-tư-khấu (có lẽ là Vũ Văn-Dụng, xem *Đại nam liệt truyện* sơ-tập, quyển 30, chuyện Nguyễn Quang-Toản). Bấy giờ, nhân ở làng, tiện-đường chạy đi Sơn-tây, trốn ở thôn *Bạch-hạc* (Việt-trì). Ở vùng nầy, xem chừng được yên-ổn, vả lại gần những bạn văn. Phong-cảnh cổ-tích có nhiều nơi đáng đề vịnh. Tập *Lữ trung ngâm* còn để một số thơ đề hai cổ-miếu, thơ tặng tiến-sĩ *Đỗ Lĩnh-Thiện* (người sau đề tựa tập nầy), họa thơ tiến-sĩ *Nguyễn Thì Bạn*, thơ lưỡng giải-nguyên *Phan Huy Dung*.

Hai năm sau, vợ ông bị bệnh « hàn thấp », xem chừng nên nặng. Đêm mồng 2 tháng 3 năm Tân-dậu (1801), ông lập đàn cầu tiên xin bài thuốc. Theo lời kể lại, sau khi tiên giáng, ông hỏi hiệu thì tiên viết hai chữ *Lê Huyền* và đề mấy câu thơ ý nói hôm nầy mới về hầu mẹ để tỏ tâm trường. Như vậy ông yên-trí con mình đã thành tiên. Tiên lại cho bài thuốc (còn chép lại) và ngỏ ý bệnh khó chữa. Từ đó ông lại cầu tiên luôn, hoặc để nói chuyện với con, hoặc xin thơ của Lí tiên, hoặc hỏi bệnh-tình vợ.

Nhưng cũng không vì vậy mà ông không nghĩ đến chính-trị. Vả bấy giờ quân của thượng-công Nguyễn Phúc-Chủng (Gia-long) đã kéo ra chiếm Qui-nhơn và lấn lần ra vùng Quảng-ngãi. Trong đêm rằm tháng ba, ông hỏi Lí tiên rằng *hiện nay Nguyễn công có thể đem đại quân tới không?* « Tiên » trả lời ẩm-ơ bằng bốn chữ : *thử diệt nhất hội* (bây giờ cũng là một cơ-hội) và cho một bài thơ, kết bằng : *Đan tâm khả ái kiên như phát, Phản lão hoàn đồng diệc nhất cơ* (Lòng son khá mến bền như tóc, Đổi già ra trẻ cũng là nhịp) Ông không từ chối, trong thơ ông họa lại đã kết bằng câu : *Hoàng đồng tha nhật phù thanh-dụ, Bang hữu toàn bằng tạo hóa cơ* (Trẻ lại ngày nào như đã bảo, Toàn nhờ máy tạo hóa giúp cho).

Tháng tư, bệnh-tình vợ khá bớt, thể sắc trở lại như cũ. Về việc nước, thì các biến-cố rất quan-trọng giồn-giập tới. Tháng năm (Tân-dậu 1801) Nguyễn công thu-phục Phú-xuân. Quang-Toản chạy ra Thăng-long, đổi niên-hiệu Cảnh-thịnh ra Bảo-hưng, mở một triều-đình mới ở cung-điện vua Lê. Không thấy ông ghi lại tình ý đối với sự ấy. Có lẽ ông bắt đầu mừng, nhưng khi không thấy quân Nguyễn công đuổi theo, ông đã

http://hoangsa.org

hoang-mang. Rồi đến tháng mười, vợ ông thốt nhiên thở dài vài tiếng mà mất. Ông còn để lại một câu đối và một bài trường-thiên khóc vợ khá lâm-li. Nhưng lời kết tỏ vẻ ông rất phấn-khởi vì thời-cuộc, khác hẳn hồi con mất.

Tháng mười một lại hỏi tiên về quốc-sự, rồi cùng quan bình-chương cũ người Kim-lũ (chắc là Nguyễn Huy-Túc trước đã đưa gia-quyến Chiêu-thống tự Cao-bằng chạy sang Trung-quốc) mưu khởi chống Tây-sơn. Nhưng ốm, ông làm bài khấn cầu Trời phù-hộ; nay còn. Quang Toản đưa quân vào Quảng-bình, bị thua to. Ông bèn tự mình bịa ra lời của Nguyễn công làm bài hịch *Dụ Bắc-thành trung nghĩa hào kiệt* gửi cho các người quen mọi nơi, tỏ ý đang đem quân ra Bắc diệt giặc phù Lê, và bảo những người trung-nghĩa với Lê cất quân đánh giặc. Bài hịch giả-mạo nầy làm bằng nôm. Nay còn.

Đó là hành-động chính-trị cuối cùng của ông. Năm sau, mồng hai tháng năm năm Nhâm-tuất (1802), Nguyễn công lên ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân, sai sứ sang Thanh cầu phong, rồi đưa quân ra đánh Bảo-hưng. Bấy giờ ông mới tỉnh mộng phục hưng nhà Lê. Tháng chín năm ấy, lại được tin Chiêu-thống đã mất ở Yên-kinh. Ông nhà nho đành làm lễ tang-phục ngảnh về bắc mà khóc và đọc một bài văn tế. Ấy ngày 29 tháng chín. Bài văn tế viết bằng Hán-văn, nay còn.

Xong rồi, ông lại lìa Bạch-hạc, đi đến huyện Phù-khang (Phù-ninh ở phía tây Việt-trì), trọ ở xã *Hạ-hoàng*, thôn *Vĩnh-xá*. Ở trong đình làng trên núi, để giữ tang. Rồi lo bề ở lại lâu dài, mở trường dạy học để tránh khỏi phụng-sự triều mới. Nhưng vì bệnh, nên năm sau Quí-hợi (1803), ông phải về Bắc-thành dưỡng bệnh. Ông gặp lại những văn-hữu hoặc đồng-chí cũ. Ông mới đưa tập *Lữ trung ngâm* cho tiến-sĩ Đỗ Linh-Thiện xem. Như ta đã biết, ông nầy đề tựa vào tháng mười một, thì cũng tháng ấy Lê Huy-Dao mất. Không biết ông thọ bao nhiêu. Nhưng biết rằng năm 1796 con trai ông đã ba mươi tuổi. Vậy con sinh năm 1767. Ông cưới vợ trước đó một năm. Từ đó mà suy thì ông sinh vào khoảng hai mươi năm trước đây, nghĩa là vào khoảng năm 1747, và ông thọ chừng 55 tuổi.

* * *

http://hoangsa.org

LỮ TRUNG NGÂM

Cố Lê vi-thần Tiến-triều Nhập-thị Dao-trì bá
Lê Huy-Dao soạn

(ng. ch. Ông người huyện Thanh-trì, làng Nhân-mục. Nguyên tên là Lê Huy-Vĩ)

1. (ĐỀ TỪ)

1 Mạch ca thâm hữu cảm
Thử phú tối kham liên
Dĩ hĩ lăng vi cốc
4 ai tai hải biến điền

(dịch :)

Ca Mạch ngâm rất thảm
Thơ Thử ngẫm càng đau
Ôi thôi ! Cồn hóa vực
xót nhĩ ! Biển thành dâu

Thích nghĩa

1. *Mạch-ca :* bài ca của Cơ-tử đi-thần nhà Thương làm khi qua kinh-đô cũ nhà Thương chỉ thấy lúa mạch mọc trên nền thành cũ mà buồn.
2. *Thử phú :* thơ của một đại-phu nhà Chu làm khi đi qua cung miếu nhà Chu hồi thịnh, mà chỉ thấy lúa kê mọc kê rậm-rì.

2. TỪ NGUYỄN HUỆ ĐUỔI TRỊNH KHẢI ĐẾN NGUYỄN HỮU-CHỈNH ĐUỔI TRỊNH BỒNG

5 Lê hoàng từ có Nam-thiên
Dấu vương nền đế dõi truyền vân nhưng
Trải sáng-nghiệp trung-hưng sau trước
Kể năm đà được ngoại ba trăm
Đương cơn chim nhạn êm đầm
10 Bỗng duềnh Đông-hải tăm kình rắp go
Dòm quốc-đô vừa khi binh-biến
Chiếc cánh bằng khéo quyến lông hồng
Từng-bừng lửa hồ tứ-tung
Đã miền Ô Lí lại vùng Hoàng-châu

(Xem tiếp trang 187)

http://hoangsa.org

CÔNG-CHÚA NGỌC-HÂN BẮC-CUNG HOÀNG-HẬU TRIỀU QUANG-TRUNG

▽ NHẤT-THANH

Công-chúa Ngọc-Hân là con gái thứ 9[1] của vua Lê Hiển Tông (1740-1786) và bà hoàng-hậu Chiêu-nghi[2] húy Nguyễn-thị-Huyền làng Phù-ninh (tục gọi làng Nành) tổng Hạ-dương, huyện Đông-ngàn (trước 1946 là phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh).

Truyền rằng Bà người kiều diễm, phong-tư khác thường cho nên đời bấy giờ gọi bà là Chúa Tiên, bà thông minh, từ nhỏ được tập rèn kinh sử, lại giỏi thơ văn quốc-âm, Bà được vua cha thương yêu rất mực.

CÔNG-CHÚA NGỌC-HÂN VÀ VUA QUANG-TRUNG

Từ năm giáp-ngọ (1774) Thuận-hóa thuộc về bờ cõi đất vua Lê chúa Trịnh. Năm bính-ngọ (1786) cuối mùa xuân phiên-trấn Thuận-hóa là Tạo quận-công Phạm-ngô-Cầu sai Dương-lĩnh bá Nguyễn-phú-Như vào đất Tây-sơn thương nghị việc biên giới hai bên. Vì quen biết Nguyễn-hữu-Chỉnh, Phú-Như nói hết tệ trạng Đàng-ngoài và cho biết có thể đánh chiếm Thuận-hóa rồi đánh thẳng ra Bắc-hà. Chỉnh bèn tâu bày với vua Thái-Đức (Nguyễn-Nhạc xưng đế năm mậu-tuất 1778, đặt niên-hiệu là Thái-Đức) cách thức đánh thẳng vào Phú-xuân, lấy đất Thuận-hóa Nguyễn-văn-Bình (tên trước là Nguyễn-Huệ) lãnh ấn

---

1. Ngọc-Hân công-chúa dật-sự (phần chữ Hán trong Nam-Phong số 103 năm 1926) chép : bà là con gái thứ 9 của vua Lê Hiển-Tông. Quốc văn đời Tây-sơn Hoàng thúc Trâm chép : bà là con gái thứ 21 của vua Lê Hiển-Tông (không ghi xuất xứ).

2. Thi văn bình chú Ngô tất-Tố, Mai-Lĩnh Hà-nội 1952, chép : Đời vua Hiển-Tông nhà Lê bà được phong làm chức Chiêu-nghi (không ghi xuất xứ).

Có bản chép : vì con gái bà là Ngọc-Hân được vua Quang-Trung phong *Bắc-cung hoàng-hậu*, mà bà được phong *Chiêu-nghi hoàng-hậu*.

http://hoangsa.org

nguyên-súy đem quân thủy bộ ra đánh thắng dễ dàng, sau được vua Thái-Đức phong cho làm Bắc-bình vương.

Từ Phú-xuân quân Tây-sơn tiến thẳng ra Bắc với danh-nghĩa phù Lê diệt Trịnh. Đánh đến Vị-hoàng (tỉnh Nam-định ngày nay) nguyên-súy Nguyễn-văn-Bình làm tờ tâu nói rõ ý tôn phù, sai người lẻn lên kinh thành dâng vua Lê.

Ngày kinh đô bị hạ Nguyễn-văn-Bình đem quân vào thành, sai trấn giữ cung điện, ai nấy ngỡ là «giặc» đến bức nhà vua, bảo nhau nâng Hoàng-thượng dậy (vua đang nằm bịnh) dìu ngài ra phía vườn sau để trốn. Chợt thấy một viên tì-tướng quỳ dâng tờ tâu thỉnh an vua và xin ngày khác sẽ vào triều yết.

Sáng sớm hôm sau, nguyên-súy Tây-sơn Nguyễn-văn-Bình cùng với Nguyễn-hữu-Chỉnh vào cung Vạn-thọ. Vua nằm trong chăn sai vén màn lên, cho mời vào. Nguyên-súy sụp lạy năm lạy ba vái, vua sai hoàng-tử ra nâng dậy và mời ngồi trên một chiếc sập cạnh sập ngự. Vua truyền pha trà bưng ra thết.

Nguyên-súy nói ra diệt Trịnh và cầu chúc vua khỏe mạnh cai trị thiên-hạ. Hoàng-thượng ngỏ lời cảm tạ, và phàn nàn vì thanh-bạch không có vật gì đáng biếu tặng.

Vài hôm sau, nguyên-súy chọn ngày vào làm lễ long-trọng triều yết vua. Ngày 7 tháng 7 (năm bính-ngọ 1786) thiết đại triều ở điện Kính-thiên đông đủ các quan. Nguyên-súy vào làm lễ, dâng tờ tâu nói về công diệt Trịnh và dâng sổ sách dân, quân. Hôm sau vua sai đem chiếu sách đến dinh phong chức *Nguyên-súy Phù-chính dực Vũ Uy quốc công.*[1]

Sau đó, nguyên-súy bảo riêng với Chỉnh: «Ta đem quân ra đây chỉ đánh một trận dẹp yên được cả. Một hòn đất một tên dân của nước Nam đều là của ta, ta muốn xưng đế xưng vương gì mà chẳng được, nhưng ta muốn xử trọng hậu với nhà Lê đó thôi, chứ cái chức nguyên-súy quốc-công với ta có hơn gì. Hay là nước Nam muốn lấy những danh-từ hão ấy mà lung lạc ta? Ta không nhận thì sợ Hoàng-thượng bảo ta kiêu căng. Nhận mà không nói lại sợ người nước chê ta là man mọi».

Chỉnh biết ý Bình bất mãn liền đặt ra chuyện vua đã phàn nàn vì nghèo không có vật gì đáng tặng, bản ý chỉ muốn ràng buộc tình thân

1. Đại-nam chính biên liệt truyện sơ tập chép: *Nguyên-súy phù-chính dực vận Uy quốc công.*

http://hoangsa.org

hai họ để hai « nước » đời đời là thông-gia ; ngài biết mình đã tuổi già, cũng mong muốn được ông khuông phù. Nhưng vì chưa biết ý ông cho nên chưa dám nói rõ.

Chỉnh thấy Bình bằng lòng bèn vào tâu vua. Vua còn mấy vị công-chúa chưa gả chồng, liền cho gọi tất cả ra. Vua đã bảo trước cho Chỉnh biết Ngọc-Hân công-chúa, năm ấy 16 tuổi, là hơn cả, Chỉnh cũng nhận thấy như vậy, và nói chắc việc thế nào cũng xong.

Sau khi được vua hạ chỉ gả Ngọc-Hân công-chúa, Uy quốc-công chọn ngày mồng mười tháng ấy làm lễ thành hôn, dâng sính lễ vàng bạc gấm đoạn [1], giàn bày cờ quạt gươm giáo, sai viên hình-bộ thượng thư tiến lễ cùng tờ tâu vào điện Vạn-thọ. Vua sai hoàng-tử tiếp nhận lễ vật, và truyền chỉ các vị hoàng-thân, hoàng-phi, công-chúa và các quan văn võ sửa soạn xe ngựa võng lọng, ngày hôm sau đưa dâu.

Sáng sớm hôm sau, suốt từ cửa điện đến cửa phủ quân lính sắp hàng đứng hai bên đường với binh trượng cờ xí nghiêm chỉnh. Dân chúng trẻ già trai gái đi xem đông như nêm cối, ai nấy đều cho là việc ít có xưa nay.

Nguyên-súy Uy quốc-công ngồi kiệu rồng vàng ra cửa phủ đón xe công chúa vào. Một tiệc lớn được bày thết các hoàng-thân, hoàng-phi và các quan đi đưa dâu. Yến tiệc xong Nguyên-súy sai đem ra hai trăm lạng bạc làm lễ tặng nhà gái, và tiễn đưa khách ra khỏi cửa phủ mới trở vào.

Các quan trở về hội ở công-đường bộ Lễ, mọi người đều khen nhà vua kén được rể quý, nước Nam ta từ nay có « nước » dâu gia.

Hôm vào làm lễ yết ở nhà thái-miếu, lúc ra về công chúa và Bình cùng gióng kiệu đi về phủ, nét mặt hân hoan ; nhiều người thấy yên lòng, hết thấp thỏm e ngại cho công chúa.

Bình có ý kiêu, đã có lần hỏi Công-chúa : Con trai con gái nhà vua đã mấy ai sung sướng như chúa ? Công-chúa đáp : Nhà vua ít lộc, con

---

1. Về sính-lễ mỗi chỗ chép nhiều ít khác nhau :

Hoàng Lê nhất thống chí : 200 lạng vàng, 2.000 lạng bạc, hai chục tấm đoạn.

Tri-Tân số 14 ngày 12-9-1941 : 200 lạng vàng và 20 cây vóc (không ghi xuất xứ).

Giáo-Dục phổ-thông số 50 ngày 15-11-1959 : 10 thoi vàng, 1.000 thoi bạc, 100.000 quan tiền (không ghi xuất xứ).

http://hoangsa.org

trai con gái đều bần bạch. Riêng tôi may mắn lấy được ông lớn khác nào hạt mưa rơi vào nơi đài các [1].

Ngày 17 (vẫn tháng 7 năm bính-ngọ) sáu ngày sau lễ cưới, vua Hiền-Tông băng. Nguyên-súy phò-mã dự phần chủ tang-lễ và lập tự-tôn kế vị là Mẫn-đế.

Một tháng sau, công-chúa theo chồng về Thuận-hóa, cùng với vua Thái-đức đã từ Qui-nhơn lật đật ra Thăng-Long nghe ngóng tình hình.

Năm mậu-thân (1788) trước khi ra Bắc đánh quân nhà Thanh (đã mượn tiếng sang cứu nhà Lê, chiếm giữ thành Thăng-Long) Bắc-bình vương lên ngôi hoàng-đế đặt niên hiệu là Quang-Trung. Sau khi đại thắng trở về Phú-xuân, Vua Quang-Trung lo chỉnh đốn mọi việc, lập Ngọc-Hân làm *Bắc-cung hoàng-hậu*, lập con đích là Quang-Toản làm thái-tử [1].

Ngô-tất-Tố trong Thi văn bình chú Mai-Lĩnh Hà-nội 1952, viết: Bà được phong làm *Hữu-cung hoàng-hậu* (không ghi xuất xứ).

Nhật-Nham trong Tri Tân số 35 ngày 18-2-1942 viết: Vua Quang-Trung sách lập Ngọc-Hân Công-chúa làm *Hữu-cung Như-Ý hoàng-hậu* (cũng không ghi xuất xứ), và chú giải nơi dưới bài văn tế Ngọc-Hân tế vua Quang-Trung về hai chữ «Cung-Hữu» như vậy, Nhật-Nham đã ghép lẫn danh-hiệu hoàng-hậu của Bà lúc còn sống với miếu-hiệu của Bà lúc đã chết, lại lầm lộn Nhu-ý với Như-ý.

Có lẽ người ta đã căn cứ vào hai chữ «cung-hữu» dưới đây trong bài văn tế mà cho rằng Bà là Hữu-cung hoàng-hậu:

«Cung-hữu rạng màu địch phất, tình ái ân muôn đội nhà vàng».

Công-chúa cùng với vua Quang-Trung ở Phú-xuân, sinh được hai con, một gái, một trai. Có thuyết cho rằng bà không có con (sẽ đề cặp ở dưới).

---

1. Lược thuật theo An-Nam nhất thống chí Học-Tấn và Trung-Phủ.

2. Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập chép: «...lập Lê thị Ngọc-Hân vi Bắc-cung hoàng-hậu, đích-tử Quang Toản vi thái-tử».

Trong việc sách phong này không thấy nói đến mẹ đẻ vua Cảnh-Thịnh (Quang Toản); nhưng ta thấy trong Ngọc-Hân công-chúa đột sự (Nam Phong tạp-chí số 103 năm 1926 phần chữ Hán) có chép: Vua Cảnh-Thịnh là con của Tả hoàng-hậu (Bà hậu này họ Phạm?) Và cũng không thấy nói đến bà họ Bùi, em ruột Bùi đắc Tuyên, chính sử chép là Thái-hậu triều Cảnh-Thịnh.

http://hoangsa.org

Hương lửa đang nồng, được bảy năm, thì vua Quang-Trung băng, Bà lấy vua Quang-Trung năm 16 tuổi, góa năm 23 tuổi.

NGỌC-HÂN CÔNG-CHÚA KHÔNG TÁI GIÁ.

Bulletin des Amis du Vieux Huế số 4 năm 1941 có đăng bài Les Caprices du Génie des mariages ou l'extraordinaire destinée de la princesse Ngọc-Hân (Ông Tơ Bà Nguyệt đa đoan, hay là duyên-số li-kì của Ngọc Hân Công-chúa) của Việt-Thường kể lại cuộc gặp gỡ giữa Gia-Long và Ngọc-Hân với lời can gián vô hiệu quả của Lê văn Duyệt Không dẫn chứng do sử-liệu nào, và câu chuyện viết như có nhuốm màu tiểu-thuyết.

Thực-lục chính biên đệ nhất kỉ và Liệt truyện tiền biên sơ tập có chép việc quân của Nguyễn-Ánh đánh lấy kinh-đô Phú-xuân, Quang-Toản bỏ thành chạy ra Bắc, và sau biết thế không chống nổi, cùng *em* là Quang-Thùy, Quang-Duy, Quang-Thiệu, với tư-mã Nguyễn-văn-Dụng Nguyễn văn Tứ, đô-đốc Tú vượt sông Nhĩ-hà chạy về hướng bắc, sau đều bị bắt, trừ Quang-Thùy tự thắt cổ chết. Trong việc này sử không hề nói đến bà Ngọc-Hân và hai con bà.

Bách-Khoa số 101 ngày 15-3-1961 đăng bài «Phải chăng vua Gia-Long và vua Quang-Trung là hai anh em bạn rể» của Bửu-Kế viết: «Câu chuyện vua Gia-Long kết duyên với Ngọc-Hân công-chúa ở Huế vẫn có dư luận đó...»

Sở dĩ có dư luận như vậy vì theo bài của Việt-Thường đã nói ở trên thì trong số đền đài tản mác đó đây nơi cố-đô Huế có nhà thờ của hai ông hoàng Quảng-oai quận-công và Thường-Tín quận-công, đều là con vua Gia-long. Trong Liệt truyện có chép tiểu-sử hai ông hoàng này vắn tắt như sau: «Quảng-Oai công, con thứ mười của Thế-Tổ, mẹ là bà Đức-phi họ Lê, năm Gia-long thứ 15 được phong Quảng-Oai công». Ông Bửu-Kế đã tra cứu Ngọc-điệp, Hoàng-tử, Hoàng-nữ phổ trong Tôn-nhân phủ, thấy có chép về hai ông Quảng-Oai và Thường-Tín như sau: Mẹ họ Lê tên húy là Bình, người làng Lam-sơn, huyện Thoại-nguyên tỉnh Thanh-hóa, con út của vua Lê Hiển-Tông, Bà sinh giờ qúy-hợi, ngày 12, tháng chạp mùa đông năm giáp-thìn (1784), năm tân-dậu (1801) vào chầu hầu, chẳng bao lâu được phong lên Tả-cung tần. Ngày 12 tháng 9 mùa thu năm Gia-Long thứ 9 (1810) mất, tặng Đức-phi, thụy Cung-Thận, tẫm mộ tại làng Trúc-Lâm, nhà thờ tại Kim-long xã, sau dời qua làng Phú-Xuân. Sinh hai con trai, hai con gái, hoàng trưởng-tử là ngài

http://hoangsa.org

Quảng-Oai húy quân, hoàng nhị-tử là ngài Thương-Tín, húy Cự, hoàng trưởng-nữ là An-nghĩa công-chúa huý Ngọc-Ngôn, hoàng nhị-nữ là Mi-Khê công-chúa húy Ngọc-Quế (bà này sau lấy con nuôi của Lê văn Duyệt.) Ông Bửu Kế kết luận: « Có lẽ người ta đã lầm bà Lê-thị-Bình với Ngọc-Hân Công-chúa, vì hai bà đều con vua Lê-Hiển-Tông cả. »

Phải chăng cũng do lời đồn như đã nói trên mà Ngô-tất-Tố đã viết trong Thi văn bình chú: « Trong đời Gia-Long ở làng Phù-ninh cũng có một người được làm cung phi, vẫn gọi là bà chúa Nành. Vì thế người ta tưởng là bà Ngọc-Hân sau có lấy vua Gia-Long. Sự thực thì bà không biết mặt vua ấy bao giờ. »

Ngọc-Hân công-chúa dật sự (Nam-Phong số 103 đã dẫn trên) chép: « ... Dòng dõi nhà Tây-sơn không còn sót một ai. Công-chúa Ngọc-Hân vì là con của vua Lê được khỏi nạn, năm ấy đã 32 tuổi mà tư-sắc vẫn đẹp chưa hề suy-giảm. Vua Thế-Tổ bồn triều (Gia-Long) để yên bà ở một dịch-đình (nhà ở bên cạnh cung điện) cho người hầu hạ. Bầy tôi có người cho rằng công-chúa là của thừa Tây-sơn, can gián vua. Vua bảo: Đất đai nhân dân ngày nay không một thứ gì là không phải của thừa Tây-sơn, thì sao? Sau vua Gia-Long cho công-chúa về quê quán của mẹ thuộc tỉnh Bắc-ninh, cho đến lúc bà mất ». [1]

Vậy thì rất có thể đã có lúc vua Gia-Long muốn lấy công-chúa Ngọc-Hân, nhưng nghĩ lại rồi thôi; hoặc vì lời can gián của một đại-thần, hoặc vì e sợ lòng người (đại đa số trí-thức Bắc-hà) còn quy-phụ nhà Lê mà « phải » kiêng nể không dám giết không dám lấy, lại để cho bà về quê mẹ. [2]

---

1. Phần chữ Hán trong bài Ngọc-Hân công-chúa dật sự: « ... Tây-sơn chủng tộc toại vô kiết di. Công-chúa dĩ Lê-đế chi mĩ đắc miễn tư nạn, thì niên dĩ đạt tam thập nhị tuế, nhiên tư sắc chi mĩ vị thường thiều giảm.

Bản triều Thế-tổ hoàng-đế hựu trí chi dịch-đình, sử cung thị phụng. Quần-thần hoặc dĩ vi chúa nãi Tây-sơn chi dư vật nhi gián chi. Đế viết: Kim chi thổ địa nhân dân vô nhất như phi Tây-sơn dư vật, tắc tương nại chi hà?

Hậu hứa Bắc quy, tùng mẫu-thị hương quán, trú ư Bắc-ninh, nhi chung yên. »

2. Ta nên nhớ rằng vào năm Gia-Long nguyên niên (1802), Lê Duy Hoán, dòng dõi nhà Lê được phong tước công (Diên Tự Công) cho thế-tập tước vị để vâng giữ việc thờ cúng ở miếu nhà Lê, cấp cho tự dân 1010 người, tự điền 10 000 mẫu », để lấy lòng dân chúng

Đến đời vua Minh Mệnh vẫn còn e ngại lòng dân, còn « phải » cấp người và ruộng thờ phụng, tuy ít hơn thời Gia-Long. Mãi đến đời Thiệu-Trị mới dám « thẳng tay ».

http://hoangsa.org

Còn một lẽ nữa dễ hiểu hơn: Về phần công-chúa Ngọc-Hân, khó có thể bà chịu khuất mình, dù là với vua Gia-Long; bà không phải là người tầm thường, lại có học nhiều, cái học đặc trọng tam-cương ngũ-thường, không dễ gì bà cam chịu làm điều trái cương-thường. Bà lại có hai con với vua Quang-Trung (thuyết này sẽ bàn cãi ở trương sau), nếu bà bị bắt với hai con hay bị bắt một mình đi nữa, hẳn bà thương sót con, và không thể nào làm ngơ về số mệnh của con trong khi vua Gia-Long chẳng bao giờ chịu để cho dòng máu Nguyễn Tây-sơn còn nối dõi, vậy thì giết con và lấy mẹ, một người mẹ như bà Ngọc-Hân, là việc không ổn, chắc hẳn không xong; bị cưỡng bức bà sẽ tuẫn tiết. Nếu quả có bắt được bà, muốn mà không sao được, ấy là chưa kể nỗi e sợ dân Bắc-hà, thì đành «tha làm phúc».

Đến đây ta có thể đoán ra bà Ngọc-Hân có bị bắt ngay tại Phú-xuân hay bị bắt đem về đấy, do đó có dư luận truyền lại vua Gia-Long đã lấy bà; sự thực thì vua Gia-Long có lấy một bà công-chúa con vua Lê Hiển-Tông, em cùng cha khác mẹ với bà Ngọc-Hân.

Để kết luận, ta có thể tin chắc Ngọc-Hân công-chúa không tái giá với vua Gia-Long, Thuyết này sẽ được chứng minh thêm ở chương sau: Bà chết ở quê mẹ, táng ở đấy, là làng Phù-ninh, tỉnh Bắc-ninh.

BÀ NGỌC-HÂN MẤT NĂM NÀO

Đĩnh-Tập quốc-sử di biên[1] chép:

«*Giáp-tí, năm thứ ba* (*tức là năm Gia-Long thứ ba, 1804*).

. . . . . .

---

1. Đĩnh-Tập quốc-sử di biên là quyển sử biên niên bằng chữ Hán chép việc từ năm nhâm-tuất (Gia Long năm đầu 1802) đến năm mậu-thân (Tự-đức năm thứ hai 1848) do Dưỡng-Hạo-Hiên biên soạn.

Sách viết tay chưa in, có bản phóng vi-ảnh chữ Hán số SA-10 và bản dịch tiếng Việt kèm liền tiếng Pháp (đều viết tay) ở Viện Khảo-Cổ Sai-gon. Dưới nhan-đề sách ở tờ đầu bản dịch có ghi: Viết xong khoảng năm 1850, và không ghi tên người dịch. Câu chép ở đầu Chương như trên là trích ở bản dịch ra. Nguyên văn ở bản chữ Hán Tập Thượng như sau:

Giáp tí tam niên

. . . . . .

Ngũ nguyệt nhị thập nhất nhật

. . . . . .

Cố Lê công-chúa Ngọc-Hân tổ.

Cảnh-Hưng bính-ngọ niên, dĩ Ngọc-Hân giả Nguyễn-Huệ, cập nguỵ Tây-sơn tồn cư mẫu quán Phù-ninh. Chí thị tốt. Kì hàng-thần hiện nhiệm Đông-ngạn khất hành táng lễ; tòng chi. Phù-ninh dân vị lập từ đường.

(Xem ảnh bản chữ Hán trang 24)

http://hoangsa.org

Tháng 5 ngày 21. . . . . .

. . . . . .

« Bà Công-chúa nhà Lê tên là Ngọc-Hân chết.

« Đời Vua Cảnh-hưng nhà Lê năm bính-ngọ (1786) đem gả bà Ngọc-« Hân cho Nguyễn-Huệ nhà Tây-sơn ; đến khi Tây-sơn mất nước bà Ngọc-« Hân ra chốn ở làng mẹ là làng Phù-ninh, bà ấy mất, có quan nhà Tây-sơn « khi ấy đương làm quan ở huyện Đông-ngàn mới xin phép vua làm lễ chôn, « vua cho. Sau dân ở huyện Phù-ninh cũng lập nhà thờ để thờ bà ấy ».

Liền trên là ba dòng chữ chép một việc khác, đầu câu viết: ngũ nguyệt nhị thập nhất nhật (tháng 5 ngày 21); liền dưới là chép việc sang tháng 6 (xem ảnh bản chữ Hán).

Như vậy theo lối biên niên trong việc chép sử thì bà Ngọc-Hân mất ngày 21 tháng 5 hoặc sau đó ít ngày.

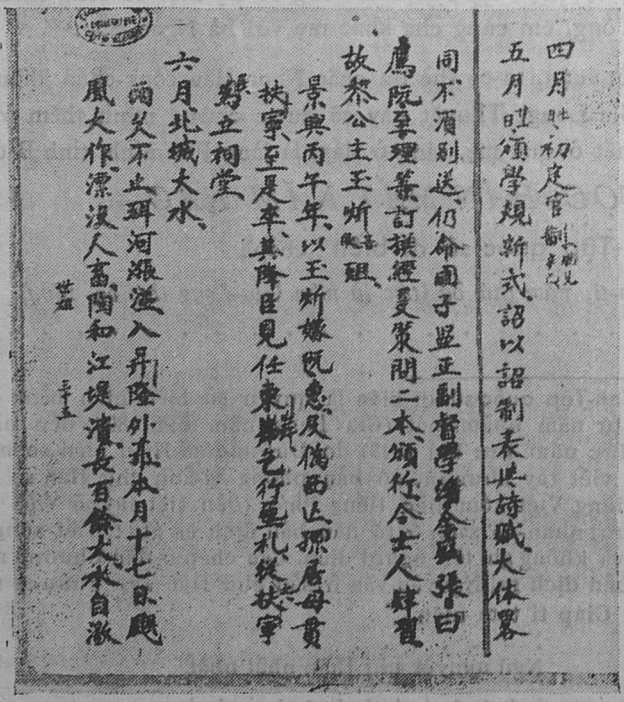

Cũng Đỉnh-tập quốc-sử di biên (bản dịch) chép:

« Có người làng Phù-ninh, tên là tổng Phụng, cậy quyền thế là người « làng họ bà Công-chúa, tranh kiện với dân, việc đến tai vua. Vua giận lắm,

http://hoangsa.org

truyền bắt tội tên tổng Phụng, và ngày 28 tháng 4 năm quý-mão (năm « Thiệu-trị thứ ba 1843) sức đào mả bà Ngọc-Hân công-chúa đổ xuống sông, « và bán ruộng bán nhà thờ bà ấy. »

Sách và tập-san xuất bản gần đây viết khác nhau về chung cục của bà Ngọc-Hân, không dẫn chứng tài liệu lịch-sử, như :

Thi văn bình chú của Ngô-tất-Tố viết: Khi nhà Tây-sơn mất nước, bà và các con đổi tên họ lẩn vào ở ẩn ở một làng trong tỉnh Quảng-nam. Nhưng không bao lâu có kẻ phát giác, bà phải uống thuốc độc tự tử, hai con đều phải thắt cổ chết.

Triều Tây-sơn của Phan-trần-Chúc cũng viết : Ẩn lánh ở Quảng-nam rồi bị bắt, xử « tam ban triều điển ».

Quốc văn đời Tây-sơn của Hoàng-thúc-Trâm viết : Thuyết khác lại cho rằng sau khi nhà Tây-sơn mất, bà cùng hai con, một trai một gái, phải giả dạng làm vợ một người lái buôn, trốn tránh vào một miền quê ở tỉnh Quảng-ngãi (?) được ít lâu tung tích bại lộ, bà và hai con cùng bị triều Nguyễn gia hình bằng « tam ban triều điển » [1], nhưng ông đã bác thuyết này.

Trung-Bắc chủ nhật số 53 : Sở-Bảo viết có về làng Phù-ninh, được mấy vị cố lão kể cho nghe về thân thế bà Ngọc-Hân. Theo lời ông thì sau khi nhà Tây-sơn mất, Ngọc-Hân công-chúa đem hai con về ẩn trốn một nơi tỉnh Quảng-nam, con trai đổi tên là Trần-văn-Đức, con gái đổi tên là Trần-thị Ngọc-Bảo, chẳng bao lâu tung tích lại bại lộ, cả ba mẹ con bị bắt và xử « Tam ban triều điển ». Năm ấy bà 30 tuổi, con gái 13, con trai 10. Sau bà Chiêu-Nghi (mẹ đẻ bà Ngọc-Hân) cho người đi lấy đi hài con cháu về chôn ở làng Phù-ninh và lập đền thờ. Vài năm sau vì có việc ghen ghét tố giác, triều-đình bắt tội mấy kì hào đã công-nhiên cho xây lăng và đền thờ « ngụy-hậu », sai phá hủy đền, đào xương đổ xuống sông.

Vẫn theo lời Sở-Bảo, họ Nguyễn ở làng Phù-ninh cũng có một thiếu-nữ đẹp tên là Nguyễn-thị Ngọc-Bình được chầu vua Cảnh-Thịnh. Được vài năm nhà Tây-sơn mất, bà Ngọc-Bình trốn đi tu rồi bị bắt đưa về tiến chầu vua Gia-Long.

---

1. Tam ban triều điển : Cho chọn cách chết hoặc uống thuốc độc, hoặc thắt cổ, hoặc tự sát bằng gươm dao.

http://hoangsa.org

Nếu quả là lời hoàn toàn của cố-lão làng Phù-ninh mà Sở-Bảo chỉ thuật lại, thì ta cũng không khỏi thắc mắc về việc còn nhớ rành rẽ họ tên đã được thay đổi của hai con Bà, sau hơn 130 năm đã qua. Tuổi của bà và của hai con cũng được nhớ rõ ràng, nhưng đối chiếu với năm sinh của Bà (1770) thì thấy sai lệch ít năm; về việc phá đền đào xương có lẽ không phải vài năm sau, vì là việc vua Gia-Long vẫn e dè — nếu không muốn nói e sợ — chưa dám làm. Ta nhớ rằng **Đỉnh-Tập quốc-sử di-biên** chép việc ấy rõ ngày, tháng, năm, xảy ra đời Thiệu-trị nghĩa là hơn 40 năm sau khi Gia-Long xưng đế, vào lúc ngai vàng họ Nguyễn-phúc đã có cơ vững chắc, Vua Thiệu-Trị không còn thấy «phải» kiêng nể con cháu nhà Lê và dân Bắc-hà.

* * *

Trong **Quốc văn đời Tây-sơn** Hoàng thúc Trâm căn cứ vào năm bài văn tế do Dụ-am Phan-huy-Ích (1750-1822) soạn thảo, mà ông đã tìm ra và chưa được ấn hành: một bài cho Vua Cảnh-thịnh, một bài cho các con gái vua Quang-Trung, một bài cho Phù-ninh từ-cung là mẹ bà Ngọc-Hân, một bài cho cựu hoàng-tông là những người trong tông thất nhà Lê và một bài cho các bà con họ ngoại bên Phù-ninh, để đọc trong những tuần tế điện bà Ngọc-Hân, Ông đã căn cứ vào năm bài văn tế này mà cho rằng Bà mất năm Kỉ-mùi (1799) ba năm trước khi nhà Nguyễn Tây-sơn mất ngôi. Ông viện dẫn sách-văn truy tôn miếu hiệu *Nhu-Ý Trang Thận Trinh-Nhất Vũ-hoàng hậu* có câu «Tố thập tứ niên vi việp đồng thư»... (cuốn sách rực rỡ viết bằng cây bút quản đỏ chép công đức bà trong mười bốn năm...) để suy luận đó là sách phong bà Ngọc-Hân vì từ năm bính-ngọ bà kết duyên với vua Quang-Trung đến năm Kỉ-mùi bà mất là 14 năm nếu tính năm không tính tháng.

Vẫn theo ông, nếu bảo rằng những chứng cớ trên còn chưa đủ vì vua Quang-Trung có hai bà hậu, e có thể lẫn với bà hậu họ Phạm sinh ra vua Cảnh-Thịnh, thì còn có sách-văn khác gia tôn miếu hiệu cho hoàng-tỉ (mẹ đẻ vua Cảnh-Thịnh) là *Nhân cung Đoan Tĩnh Trinh-Thục Nhu-Thuần Vũ hoàng chính hậu*; tiếc rằng ông không nói đến niên-hiệu sách phong này và cũng không chú dẫn xuất-xứ.

Sử chép[1]: Thái-sư Bùi-đắc-Tuyên là anh ruột bà Thái-hậu (triều Cảnh-Thịnh), thì hẳn phải còn có bà hậu họ Bùi nữa là ít ra ba bà, nếu

1. Việt-nam sử lược Trần-trọng-Kim: «Bùi-đắc-Tuyên là anh ruột bà Thái-hậu.» — Cách mạng Tây-sơn, Văn-Tân, Hà-nội 1958: Bùi-đắc-Tuyên là anh em cùng cha khác mẹ với mẹ của vua Cảnh-Thịnh.

http://hoangsa.org

bà họ Phạm không phải là cùng mẹ khác cha với thái-sư như ông Thiết-mai đã viết mà không dẫn chứng (*Văn-hóa nguyệt-san* số 64 tháng 9-1961). Theo thư-từ trao đổi giữa mấy giáo-sĩ ngoại quốc (sẽ viện dẫn ở dưới) thì vào khoảng tháng 3-1791 có một bà hậu Tây-sơn mất. Nếu dựa vào sách-văn nói 14 năm là sách-phong bà Ngọc-Hân thì không chắc, vì bất cứ bà hậu nào từ lúc lấy vua hay từ lúc vua lên ngôi hay từ lúc được phong hoàng-hậu đến khi vua băng hay đến khi bà mất, nếu tính ra được 14 năm đều hợp cả.

Chắc nội dung sách-văn không nói rõ là phong cho bà Ngọc-Hân cho nên Hoàng-thúc-Trâm phải viện dẫn câu « Tố thập tứ niên... » và viện dẫn một sách-văn khác cho là phong bà chính hậu, thì chung quy cũng vẫn là nghi-vấn.

Mặt khác, một giả-thuyết cần được đặt ra: Các cụ nho xưa phần vì ưa chuộng văn-chương phần vì cảm cảnh, thường làm văn tự-sự chơi, làm đối liên, làm văn tế, than vãn người hay việc đã qua, như bài ca Chính-khí Hà-thành thất thủ, bài văn tế Nguyễn-duy-Hàn, câu đối điếu Hoàng-Diệu điếu Phan-chu-Trinh... hoặc chê trách hoặc ca tụng tùy trường-hợp, không phải để phúng để đọc ở nhà đám. Rất có thể Phan-huy-Ích cũng như nhiều nho-sĩ khác dần dà về sau đã làm thơ làm đối liên làm văn tế để tưởng niệm, nhưng vì không công bố ta không được biết hết. Năm bài văn-tế của Phan-huy-Ích có tính cách « danh sơn sự nghiệp »[1] đúng theo nghĩa nguyên-thủy. Phan-huy-Ích cũng như Ngô-thì-Nhiệm, vì đã giúp dặp vua Quang-Trung nhiều, bị đình-thần triều Gia-Long kết tội căng nọc đánh ở trước văn-miếu Hà-nội, rồi được tha về. Từ đó ông dạy học, sống đời thanh-bạch của một cựu-thần nhà Tây-sơn, có cảm khái làm những bài văn tế kia tưởng không lấy gì làm lạ. Nhưng có lẽ ông đã phải thận trọng e dè « thắng tả niên-hiệu » như các cụ thường nói (ghi ngày tháng năm ngược về trước) để phòng khi có vỡ truyện thì còn bút-tích đấy chứng tỏ làm đã lâu rồi (dù là làm để sẵn đấy) lúc còn nhà Tây-sơn, chứ không phải là vẫn cay đắng trong lòng và vẫn còn luyến tiếc mà làm văn tế lúc Gia-Long đã lên ngôi rồi. Bài thứ nhất, theo Hoàng-thúc-Trâm, đầu đề là « Kỉ-mùi đông, nghĩ Ngự điện Vũ hoàng-hậu tang, quốc âm văn » (mùa đông năm Kỉ-mùi (1799) nghĩ đỡ nhà vua bài văn quốc-âm để tế điện Vũ hoàng-hậu). Mấy tiếng

1. Danh-sơn sự nghiệp: Đời xưa viết sách không công bố được, phải đem cất giấu ở nơi danh-sơn để mong đời sau biết đến. Thông thường gọi sự-nghiệp trước-tác là danh-sơn sự-nghiệp.

http://hoangsa.org

«nghĩ đỡ nhà vua» cũng làm ta suy nghĩ, nếu quả thực làm năm Kỉ-mùi thì có lẽ phải viết «Kính cẩn vâng mệnh vua, làm».

Trong năm bài văn tế không có bài nào làm riêng cho con đẻ của bà Ngọc-Hân, mà có bài làm cho những người trong tông-thất nhà Lê và cả cho bà con họ ngoại ở làng Phù-ninh. Lại còn bài làm cho bà Chiêu-Nghi, mẹ khóc con bằng văn tế đem ra đọc lúc tế điện là việc xưa nay chưa từng có trong phong-tục về tang-lễ của ta (cha mẹ không đi đưa đám con là ý rằng không đi chôn con, cha mẹ không làm văn tế tế con vì là nghịch cảnh, trái đạo thường). Đó lại là điểm khiến ta nghi ngờ thêm không phải là những bài văn tế để tế điện ngay sau khi bà mất.

Một điểm nữa cũng khiến ta nghi ngợi băn khoăn: Phan-huy-Ích theo Bắc-bình vương ngay từ buổi đầu (1786), năm sau một bà hoàng-hậu của vua Quang-Trung mất, tang-lễ vô cùng linh-đình trang trọng[1] mà sao không thấy có văn tế của ông làm cho thái-tử, cho vua hay ít nữa cho bất cứ ai trong họ ngoài triều. Nếu về sau ông làm một lúc năm bài văn tế để tế điện bà Ngọc-Hân thì hành động có vẻ bên trọng bên khinh. Ít nhất về bề ngoài, đối với bà hoàng-hậu mất năm 1791, dù là bà họ Phạm sinh ra thái-tử Quang-Toản hay là bà họ Bùi em ruột Thái-sư Bùi-đắc-Tuyên, Phan-huy-Ích đã không làm gì thì về sau đối với công-chúa nhà Lê ông cũng phải dè dặt không dám ngang nhiên tỏ ra quá thiên-lệch, nhất tâm tưởng vọng.

Quốc-văn đời Tây-sơn có đoạn: «... Trong Dụ-am văn tập và Dụ am ngâm lục, ngoài những thơ văn chữ Hán, Huy-Ích còn ít tác-phẩm bằng quốc-văn: độ ngót chục bài văn tế nôm và hơn chục bài thơ nôm, ấy là không kể những bài quốc-văn như đã dẫn» (tức là mấy bài văn tế kể trên), điều này chứng tỏ ông thích quốc-văn, thích làm văn tế, và vì hoài niệm cố Lê rất có thể ông đã «làm chơi» cả năm bài.

Tìm hiểu chung-cục của Bắc-cung hoàng-hậu thì phải nói đến con Bà.

1. Sử Địa số 13 năm 1969: Thư của ông Sérard từ đất Bố chính gởi ông Lefondal ngày 17-7-1791, nói chánh-hậu của Tiếm-Vương (vua Quang Trung) mất vào khoảng tháng 3, tang lễ cử hành vô cùng linh đình trang trọng. Và thư ông Girard từ Macao gởi ông Boiret ngày 25-11-1792 nói ngày 7-3-1791 ông được giới thiệu với Tiếm-Vương (Vua Quang-Trung) để chữa thuốc cho người vợ mà ông coi như vợ lớn bị bệnh trầm trọng. Ngày 29-3 năm ấy bà từ trần, ngày 25-6 chôn cất.

Về hai chữ «vợ lớn» dịch giả Đặng-phương-Nghi chú thích ở dưới bài dịch: Tả-cung hoàng-hậu họ Phạm, sinh ra Quang-Toản, với dấu (?).

http://hoangsa.org

Đại Nam liệt-truyện tiền biên sơ tập cũng như Thực-lục chính biên đệ nhất kỉ không hề chép Ngọc-Hân Công-chúa có con với vua Quang-Trung. Nếu vua Gia-Long đã ngầm sai giết riêng con bà vì những lí-do đã nói ở chương trên, thì sử-quan triều Nguyễn chẳng bao giờ đả động đến con bà, là lẽ tất nhiên. Tuy nhiên, những truyện bà và hai con chạy trốn, cũng như Triều Tây-sơn của Phạn-trần-Chúc chép rõ cả tên hai con bà và Trụng Bắc chủ nhật bài của Sở-Bảo thuật lại rõ tên họ đã thay đổi của hai con bà; thêm vào đấy văn tế Bà tế vua Quang-Trung, Ai tư văn Bà khóc vua Quang-Trung, văn tế Phan-huy-Ích làm cho Cảnh-Thịnh, cho các công chúa, đều có nói đến con Bà, thì không lẽ đều là truyện hoàn toàn bịa đặt.

Văn tế Bà tế vua Quang-Trung có câu:

Liều trâm thoa mong theo chốn chân dụ, da tóc trăm thân nào có tiếc,

Ôm cưỡng bảo luống ngập ngừng đi thề, sữa măng đôi chút lại thêm thương.

Bài Ai-tư văn có những câu:

Còn trứng nước thương vì đôi chút,
Chữ tình thương chưa thoát được đi.

. . . . . .

Nửa cung gãy phím cầm lành
Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ.

Bài văn tế Phan-huy-Ích soạn cho vua Cảnh-Thịnh có câu:

Hồ Đình ngậm ngùi cung nọ, sắp nắp chìm châu nát ngọc đã từng nguyền,

Cung Khôn bận bịu gối nao, ếp vì (?) vua quế quến lan nên hãy gượng.

Bài văn tế của các Công-chúa con vua Quang-Trung có câu:

Dầu gót ngọc vui miền tịnh độ, nỡ nào quên hai chồi lan quế còn thơ,

Dầu xiêm nghê vắng cảnh thanh đô, nỡ nào lảng một bóng tang du hầu xế.

La Geste française en Indochine của Georges Taboulet quyển I có bài Le châtiment des derniers Tây-sơn do một giáo-sĩ viết kể lại việc hành-hình vua Cảnh-Thịnh, bà Bùi-thị-Xuân, quan thiếu-phó Trần-

http://hoangsa.org

quang-Diệu, ở Huế tháng 8 năm 1802, không thấy nói đến Bắc-cung hoàng-hậu và hai con Bà.

Đại Nam liệt truyện sơ tập có chép việc « quật phá mộ phần của Nhạc và Huệ, nghiền bỏ hài cốt, giam sọ và ngục thất, triệt hạ ấp Tây-sơn, đổi tên ra ấp An-Tây. Năm Minh-mệnh thứ 12 lại bắt được con của Nhạc là Văn-Đức và Văn-Lương, cháu là Văn-Đầu (con của Văn-Đức) đều bị tội chém ngang lưng. Từ đó dòng họ Tay-sơn không còn người nào », nhưng vẫn không thấy nói đến Bắc-cung hoàng-hậu và hai con Bà, chắc cũng vẫn vì lẽ quốc-sử quán triều Nguyễn vẫn « phải » cố tình, giấu giếm bỏ qua.

Để kết luận, như vậy ta có thể nhận ra và tin rằng Bắc-cung hoàng-hậu có hai con với vua Quang-Trung, và bà có bị bắt với hai con hoặc ở Huế hoặc ở nơi khác. Vua Gia-Long đã sai giết hai con bà cách kín đáo, và đã cho Bà về ở quê mẹ; năm giáp-tí (1804) Bà mất có lẽ vì đau thương biết rằng con mình đã bị giết, hoặc giả Bà đã lặng lẽ tự tận. Năm quý-mão (1843) Vua Thiệu-Trị đã sai quật mồ Bà ở làng Phù-ninh, cho đổ xương xuống sông. **Đỉnh tập quốc sử di biên** chép việc này cũng không nói đến mộ phần của hai con Bà, điều này chứng tỏ con bà bị giết ở nơi khác không được chôn cùng với mẹ ở Phù-ninh, cho nên không thấy nói bị quật mồ.

Kiến giải trên đây (Bắc-cung hoàng-hậu có hai con. Bà mất năm 1804) không phải là một ức-thuyết mà là căn cứ vào sử-liệu đã có từ lâu đời, một có giá-trị có thể coi là tuyệt-đối với lối biên niên (**Đỉnh tập quốc-sử di biên**), và một có tính cách dã-sử (**Ngọc-Hân Công-chúa dật sự**).

Dù sao ta vẫn có quyền trông đợi ở các nhà sử-học tìm kiếm ra thêm tài liệu, hoặc biện minh cho ra sự thực đến nay vẫn còn có thể bàn cãi.

NHẤT-THANH

SÁCH BÁO THAM KHẢO

Đại-Nam chính biên sơ tập
Đại-Nam liệt truyện tiền biên
Thực lục chính biên đệ nhất kỉ

http://hoangsa.org

An-Nam nhất thống chí, Học-Tốn và Trưng-Phủ.
Đỉnh tập quốc sử di biên, Dưỡng Hạo Hiên
Việt-Nam sử lược, Trần-Trọng-Kim
Quốc văn đời Tây-sơn, Sơn-Tùng Hoàng-thúc-Trâm
Thi văn bình chú, Ngô-tất-Tố
Triều Tây-sơn, Phan Trần-Chúc
Cách mạng Tây-sơn, Văn Tân
Nam-Phong số 103 năm 1926.
Tri-Tân số 13, 14, 15, tháng 9-1941
số 20, 21 tháng 10-1941
số 35, tháng 2-1942
Bách Khoa số 101 tháng 3-1961
Giáo-Dục phổ-thông số 50 tháng 11-1959
Văn-Hóa Nguyệt-san số 64 tháng 9-1961
65 tháng 10-1961
Sử Địa số 13 năm 1969
La Geste française en Indochine Tome I, Georges Taboulet
Bulletin des Amis du Vieux Huế số 4 năm 1941.

CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI
(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du DONNAI)
COGIDO
CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 799.680.000$00
Văn-Phòng Hành-Chánh : 2 B, Nguyễn-Huy-Tự — DADAO
ĐT : 41.049 — 92.466
Nhà máy An-Hảo — Biên-Hòa
Văn-Phòng Thương-Mại : 63-65, Đại-lộ Hàm-Nghi, SAIGON
Điện thoại : 25.659 — 20.481 — 24 849
▽
CHUYÊN SẢN-XUẤT CÁC LOẠI
Giấy viết Bìa mềm
Giấy in Bìa xám
Giấy RONÉO Bìa rơm
Giấy gói Bìa DUPLEX
Giấy BRISTOL Bìa TRIPLEX
NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

http://hoangsa.org

THUỐC BÁC-SỸ TÍN VÌ SAO RA ĐỜI?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bịnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc thâu thập cái hay của người đặng nâng-cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhãn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình văn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

lại còn có tham-vọng :

1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...

2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.

3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

http://hoangsa.org

CUỘC KHỞI DẤY VÀ CHIẾN TRANH CỦA TÂY-SƠN *

▽ PHÙ LANG TRƯƠNG-BÁ-PHÁT *dịch* [1]

Lời người dịch : *Các bạn cùng chúng tôi thấy một Quang Trung lúc dẹp Xiêm dưới Nam, chinh Thanh trên Bắc.*

Gương đáng thán phục và đáng noi theo nhứt là lúc này. Nhưng với tinh thần sử học, chúng ta phải tìm hiểu cả mặt trái. Tài liệu của các giáo-sĩ, thân chúa Nguyễn đối thủ của Tây-Sơn sẽ giúp ta một phần nào tìm hiểu về mặt trái dù một cách chủ quan. Chúng tôi xin dịch và chú thích để cống hiến bạn đọc nguyên bản bằng Pháp ngữ trong Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, *1940.*

Sơ lược.

— Cuộc cách-mạng ở Quảng-Nam-quốc.

— Bắc-Hà xâm chiếm Trào-đình Huế.

— Huệ-Vương từ ngôi để cho cháu là Dương lên thay thế, cả hai đều bị ám-sát.

— Hoàng-tôn Nguyễn-Ánh, cháu [2] của Huệ-Vương, lên ngôi trị-vì nước.

---

* Nguyên-văn chữ Tây-Ban-Nha giáo-sĩ *Lorenzo Pérez*, nữ-học-giả *Marguerite Villa*, giáo-sư trường Trung-học Chasseloup-Laubat [nay là trường Lê-Quý-Đôn] dịch ra Pháp-văn Bài nầy rút trong mười lăm bài « Người Tây-Ban-Nha trong Đại-quốc An-nam », [Les Espagnols dans l'Empire d'Annam] xuất-bản ở Madrid từ năm 1922 tới 1933, dưới nhan-đề Văn-khố Tây-Ban-Nha — Mỹ-châu [Archivo ibéro-américano] tháng Juillet — Septembre 1932, số 107 (bài thứ mười bốn).

1. Dịch từ Pháp-văn ra Việt-ngữ và chú-thích thêm.

2. Trên đây *Lorenzo Pérez* để là cháu nội [petit-fils], vậy *Pérez* đã lầm. Hoàng-phụ của vua Gia-Long danh là *Nguyen-Phước-Côn* (a), có chỗ gọi là *Nguyễn-Phước-Luân* (b), sách khác lại kêu là đức *Hưng-Tổ Hiếu-Khương Hoàng-Đế mà thôi* (c).

(a) Việt-Nam Khảo-Cổ tập-san số 4, tr. 56.

(b) Tuần-lý Huỳnh-Khắc-Dụng, Hát bội, Saigon, 1970. tr. 20.

(c) Liên-đình Tôn-Thất-Hân, Tiên-Nguyên toát yếu phổ, tr. 61.

http://hoangsa.org

— Những giáo-sĩ Franciscains phải ngậm đắng nuốt cay đối với Tây-Sơn.

— Sau, Nguyễn-Ánh làm sở-hữu-chủ lại quốc-gia và lên ngôi Hoàng-đế Quảng-Nam-quốc và Bắc-Hà.

CUỘC CÁCH-MẠNG Ở QUẢNG-NAM-QUỐC

Võ-Vương thăng-hà năm 1767 [1]. Huệ-Vương lên ngôi cửu-ngũ. Huệ-Vương lầm-lỗi cách nào đến đỗi làm mích bụng phần đông những người thuộc-hạ. Ba anh em có danh-xưng là *Nguyễn-Văn-Nhạc*, *Nguyễn-Văn-Lữ* và *Nguyễn-Văn-Huệ*, gốc gác ở Tây-Sơn quyết-định chụp lấy cơ hội ấy mà cử đồ đại-sự.

Lối nửa tháng tư năm 1773 [2], anh cả Nguyễn-Văn-Nhạc, một người mưu mẹo và sáng suốt, xài phá hết di-sản của tổ-phụ. Nhạc phải chịu nhục mình làm nghề hạ tiện.

Hắn ta ít khi làm việc như vậy, nên xoay qua nói chuyện khởi dấy với hai em và bạn bè. Các người nầy đồng lòng hưởng ứng theo đề lật đổ đế-vương [3] chánh-thức của họ. Nhạc cố gắng hội hiệp hai mươi ba hoặc hai mươi bốn người đầu trộm đuôi cướp. Vì những hành-tung hung-ác của họ nên họ đã trốn trong rừng sâu. Lúc này, Nhạc và các người ấy mới xuất đầu lộ diện. Chạy từ làng nầy qua xóm nọ, Nhạc nói với dân-chúng rằng: Nhạc và đồng-bọn không phải là những người có thành tích bất hảo, mà là những đấng của trời sai xuống; bọn của Nhạc muốn đem ánh sáng công-lý soi tới chúng-dân và giải thoát khỏi gông cùm của Vua, các quan và các cố-vấn. Bọn chúng tuyên-truyền tình bình-đẳng ở mọi địa-hạt. Trung-thành với thuyết tân-xã-hội chủ-nghĩa, bọn Nhạc tước đoạt tài-sản của các quan-liêu, người giàu có và đem chia cho dân cùng-đinh khố rách. Bị đè nặng dưới cống-thuế của bọn Nhạc, những thôn xóm phải mau mau tuyên-thệ trung-thành với người tự-nhận là giải-thoát cho các thôn-xóm ấy. Trong tỉnh Chàm [4], những kẻ khởi-loạn đồng hòa với người Trung quốc, hứa sẽ bổ-nhậm một ông quan Trung-Hoa làm vua Quảng-Nam-quốc một khi những người nầy đã giúp giải-thoát dân-chúng khỏi xiềng xích của Nhà Vua. Nhờ sự hiệp-tác của người Trung-Hoa và sự hưởng-ứng của quần

---

1. Đinh-Hợi.
2. Quí-Tị.
3. Định-Vương Nguyễn-Phước-Thuần.
4. Tỉnh Quảng-Nam [lời chú-thích của nữ-học-giả].

http://hoangsa.org

chúng, dân-gian khởi đầu gọi là *ăn cướp có lòng từ thiện*. Tháng tám 1773 [1] Tây-Sơn (xưng danh như vậy vì ở trong núi hướng Tây), cưỡi ngựa và cầm kiếm, giáo, mác vào thành phố, phất cờ khởi nghĩa. Tây-Sơn vô trong thành để Vua nghỉ, chiếm đoạt giấy má, tài-liệu gặp được và đốt sạch. Tây-Sơn ban-hành một chỉ-dụ cấm-đoán đóng thuế cho Nhà Vua, phóng-thích các phạm-nhơn, Gia-tô-giáo-đồ và ngoại-đạo, và thay thế vào đó các quan và quân lính trung thành với Nhà Vua, lấy cớ là những kẻ áp-bức quần-chúng khốn khổ.

Trong bảy tháng, bọn Tây-Sơn đi khắp cả tỉnh Qui-Nhơn và Phú-Yên đánh đâu thắng đó, không gặp một trở-lực nhỏ mọn nào. Chiến-tranh lan tràn tới tỉnh Quảng-Ngãi, vị tuần-vũ muốn chống lại sức tiến-triển của Tây-Sơn ; trận đánh diễn ra với lính tráng dưới tay viên quan ấy, và năm thớt voi. Tuần-vũ thua trận và các người khởi dấy chiếm đoạt cả võ-khí lẫn năm con voi. Viên quan ấy tự bắt buộc trốn lánh, và tâu chiếu cho Nhà Vua rõ những sự việc đã xảy ra trong tỉnh mình. Khi hay sự thất-trận ở Quảng-Ngãi, Nhà Vua mới có ý-thức hơi muộn rằng không phải Tây-Sơn là bọn cướp thường, như lời của các cố-vấn tham-nhũng và phản-phúc đã khẳng-định với Nhà Vua. Hoàng-Đế quyết-định chạm trán chống Tây-Sơn với ba chiếc ghe chiến và bốn quân-đoàn Chẳng chút gì sợ sệt binh chánh-qui của Nhà Vua, Tây-Sơn Nhạc tuyển-mộ quân và tổ-chức rất châu-đáo ba đạo quân, chia ra như sau : một đạo quân Trung-quốc, một đạo-binh gồm những lâu-la, đầu-mục ở trong núi, một đạo khác gồm người Quảng-Nam-quốc hưởng-ứng theo Nhạc. Chiến-tranh xảy ra hồi tháng mười một 1773 [2]. Nhạc tấn-công một lượt hai tỉnh Qui-Nhơn và Quảng-Ngãi. Trận đánh diễn ra liên-tục trong ba ngày bất phân thắng bại, đến lúc bên Nhà Vua có một ông quan bị bắt do đạo binh Trung-quốc thực-hiện, tin ấy đưa ra, các viên quan khác đồng lánh mặt, để cho bọn khởi-loạn tự-do hành-động. Bọn của Nhạc rút trong chiến-lũy kiên-cố của các tỉnh ấy, chiếm-đoạt các võ-khí của quân Nhà Vua, đốt dinh-thự của viên tuần-vũ tỉnh Quảng-Ngãi. Thấy địa vị của mình nguy-hiểm, Nhà Vua xuống chiếu bảo phải xây đắp hải-cảng Chàm thành quân-cảng và cả trào-đình cũng biến thành pháo-lũy. Khuyến-khích do cuộc chiến-thắng mới rồi và lợi-dụng sự bất-hòa giữa các quan Nhà Vua, Nhạc quyết-định xâm-chiếm tỉnh ấy [3].

Lúc bấy giờ, có Đức Cha *Diego de Jumilla* đang ở trong tỉnh Chàm

1. Qui-Tị.
2. Qui-Tị.
3. Castuera, l.c, trang 1-10. [lời chú-thích của nữ-học-giả].

http://hoangsa.org

và tỉnh Qui-Nhơn. Đức Cha đã viết thơ cho một Cha khác danh là *Jean Salguero*, trong đó có nói về căn cội và sự khai-triển của cuộc cách-mạng, thêm vào sự buồn rầu của cá-nhơn mình.

« *Kính chào Đức Bà Maria*. Kính gởi Úy-viên yêu dấu *Jean Salguero*,
« Huynh-trưởng Thuyết-giáo trong Thiên-sứ tối thượng của hội Truyền-
« đạo ở Quảng-Nam-quốc và ở Cam-bốt.

« Tôi *chào* Lòng Từ Thiện của Cha và tôi nghiêng mình trước
« những giáo-sĩ đức-hạnh. Tôi chúc cho tất cả đặng thư thái tâm-linh và
« vật-chất. Tôi hoàn-toàn phục-tòng Cha và mau mắn tiếp nạp lịnh trên.
« Tôi xin Cha lưu-ý về sự việc như sau đây.

« Một tháng sau lúc tôi tới tỉnh Cham, ở hải-cảng Fai-Fo [1], tôi có
« viết một bức thơ nhờ thuyền-trưởng trao lại Cha. Tôi đã đi thuyền
« của y để về đến đây. Thuyền trưởng nầy là quyến-thuộc của Outhruom-
« thay [2] xứ Ben-nghe [3]. Thuyền-trưởng hồi xứ sở Natlang [4], và đem
« theo những đồ thiết-dụng của tôi kính gởi Cha. Thuyền-trưởng nói:
« tháng mười hai, y sẽ đi tỉnh Ray-gon [5]. Ước-thuyết đến với tôi rằng
« Cha đã tiếp-nhận bức thơ của tôi vậy. Tôi đã đề-cập đến khi tôi mới
« tới tỉnh nầy và tất cả những gì đã xảy ra từ tháng bảy trở lại, cũng từ
« tháng nầy sắp tới tôi đi giáo-phần tỉnh Qui-nhơn để trông nom những
« tín-đồ của chúng ta.

« Ngày bảy tháng tám, tôi đi đường bộ và đến đó không gặp trở
« ngại nào. Ngày mười bảy cũng tháng ấy tôi đến địa-phận truyền-giáo
« *Gia Huu*, ở luôn đây do lời mời của các thầy giảng-đạo, vì có cuộc
« khởi dấy nổi lên, tôi sẽ thuật lại sau cuộc loạn nầy. Tôi ở luôn đó lối
« một tháng, nghe các giáo-đồ ở chỗ đó và ở nơi khác đến xưng tội.
« Hết thảy có lối sáu trăm người.

« Thầy giảng thứ nhứt của ta không cho tôi đi *Dou-hau*. Ấy là
« thiên-mạng. Các giáo-đồ đến đó ngày ấy, khi trở về nhà gặp phải
« những kẻ nổi loạn, gồm lối sáu trăm mạng. Qua ngày sau, cả làng đều

---

1. Hội-An ngày nay, ở cùng một vĩ-tuyến với châu-thành Quảng-Nam.
2. Có lẽ là ba tiếng Ông Trùm Thầy.
3. Bến-Nghé, tên xưa của Saigon [lời chú-thích của nữ-học-giả].
4. Nha-Trang ngày nay. Nếu Natlang ở trên Bắc cảng Hội-An, Cha de Jumilla chưa gởi đồ thiết-dụng cho Cha Salguero, đồ thiết-dụng ấy là đồ khô nên để bao lâu cũng đặng.
5. Tỉnh của xứ Lục-Tỉnh, giáp-giới xứ Cam-bốt [lời chú-thính của nữ-học-giả] Bây giờ tỉnh nầy ở chỗ nào?

http://hoangsa.org

« bị tàn phá ; loạn-đảng cướp tất cả đồ đạc. Nhà thờ của chúng ta cũng « không khỏi. Chúng lấy tấm khảm trải bàn thờ và xé hình của *Đức Bà* « *Porteria*, vẽ trên bố mà mấy người truyền-giáo trước đề hình nầy lại. « Chúng lấy tượng *Đức Ki-Tô* bằng ngà, làm sứt hết một tay, và liệng « ra ngoài cát ở sau vườn nhà thờ, sau nhờ người ngoại-đạo đóng kịch « trong một gánh hát lượm đặng. Các giáo-đồ quyết định chuộc lại mười « quan, bọn ngoại-đạo đòi hai mươi quan. Hình của *Đức Bà Porteria*, « còn hai chân, Ou trun [1] đốt hết. Chúng cũng lấy màn của tôi đã hiến « dâng, chúng không đoạt các sách Thánh Luật ở Quảng-Nam-quốc vì « những cuốn ấy nặng. Tất cả những chuyện nầy đều được thầy giảng « thứ nhứt của làng Dou-hau [2] ghi chép.

« Tình thế ấy khiến hãi hùng các thầy giảng và các tín-đồ.

« Nhóm nầy muốn tôi rời khỏi chốn ấy, nhóm khác chống lại đề-« nghị ấy, và muốn cho tôi ở trong rừng con, nơi nầy có hai cái nhà của « tín-đồ. Hơn ba chục thầy giảng của các làng nhóm lại và lo liệu trong « tám ngày coi phải làm gì để lo an-toàn cho tôi. Chừng ấy chúng tôi « mới hay là bọn khởi loạn đi đến quan tuần-vũ [3] đứng đầu trong tỉnh, « cưỡng-bách người bỏ trốn. Người vừa mới mặc áo, lấy ấn-tín kẻ bọn « đó vào tới, người hoảng hốt chạy, cầm ấn-tín rồi bỏ quên lại. Chúng « đốt dinh và làm chủ cả tỉnh, không gặp một trở-lực nào, vì chúng chém « giết tất cả ai chống cự lại. Nghe được hung-tín nầy, các thầy giảng-« đạo trốn hết, trừ có ba thầy ở lại. Cha cũng đoán biết lúc nầy tình-« trạng tôi ra sao rồi. Hơn ba trăm tín-đồ đều rơi lệ, chìm đắm trong sự « buồn não tột bực. Người ta tưởng là ngày cuối cùng sẽ đến. Sau rốt « cũng đêm ấy, thầy giảng thứ nhứt danh là Ou-Thu-Cao [4], người gan « dạ và cương-quyết, cố hợp lại hai mươi thanh-niên tín-đồ và ba thầy « giảng, với ba con ngựa có sứ-mạng hộ-vệ tôi. Ba giờ sáng, chúng tôi « lên đường về phía Quảng-Ngãi. Tôi phải đi võng, những lễ-phục của « tôi đặng thanh-niên khuân đi. Đi quanh quất theo đường mòn, chúng « tôi phải leo núi cao. Ngày sau, lối năm giờ chiều, chúng tôi đến bờ « biển. Chúng tôi còn đi ba ngày nữa, chịu khát một cách không tả nổi,

---

1. Có lẽ là Ông trùm trong họ Đạo của Gia-Tô-giáo.

2. Làng nầy nay ở đâu ?

3. Tuần-vũ danh là *Nguyễn-Khắc-Tuyên*. — Liện-Đình Tôn-Thất-Hận, sách Tiên-Nguyên Loát-Yếu Phổ, tr. 70, hàng 21 và 22.

4. Có lẽ là Ông Thủ Cao, vì tiếng Cao không bỏ dấu nên không biết chắc.

http://hoangsa.org

«nhịn đói và phơi ngoài nắng vì tháng chín [1], mà lại không có nhà nào «ở trên đường đi để đụt mát chỉ thấy rừng và đất cát. Hai thanh-niên «giả làm lính, đi trên đường, đem theo những đồ trang-sức của nhà «thờ. Cuối cùng, nhờ sự chở che của Đức Thượng-đế và Đức Bà, «chúng tôi đi tới làng Chia-La [2], nơi đây có nhà thờ của dòng Tên. «Chúng tôi cảm ơn Chúa, Chúa đã cứu chúng tôi khỏi sự nguy hiểm «hiển nhiên. Vì lời nguyện của các tín-đồ trong tỉnh, tôi ở nán lại hai «ngày ở Chia-La, ở đây lại không mục-sư; Cha *Jean de Loureiro*, Đức «Bề Trên của các giáo-sĩ dòng Tên có cho hay nhiều lần sự vắng mặt ấy.

«Những tín-đồ của chúng ta rút về hết và tôi ở đó dưới sự che «chở của tín-đồ dòng Tên. Trong hơn một tháng, tôi trông nom các con «chiên trong tỉnh. Tất cả đều vô cùng kinh sợ, vì số kẻ nổi loạn càng «ngày càng đông, khi tỉnh Qui-Nhơn bị chúng chiếm đoạt và sau khi «các quan trong tỉnh đều đi lánh mặt trên tỉnh Quảng-Ngãi.

«Lúc ấy, tôi tiếp nhận được thơ của thầy giảng thứ nhứt của «chúng ta là Ou-Thu-Cao ở Qui-Nhơn, trong bức thơ thầy báo cho biết «bọn nổi dậy cũng muốn chiếm-cứ luôn tỉnh Quảng-Ngãi. Tôi tập-hợp «tất cả các thầy giảng của chúng ta để nói lên tin buồn rằng vì tình-thế «bắt buộc tôi sẽ trở về tỉnh Chàm, ở trú-sở của chúng tôi là Thiên-doa [3]. «Tôi đã biết rằng nơi đây tôi sẽ gặp huynh-trưởng giáo-sĩ *Fernand de «Olmedilla*. Chúng tôi sẽ thảo-luận với nhau về sự quyết-định cho sanh-«mạng chúng tôi và sản-vật của hội Truyền-giáo, sản-vật nầy phải chôn «giấu để khỏi bàn tay của bọn khởi dấy, khi bọn chúng lật đổ Trào-đình «và làm chủ Quốc-gia.

«Lúc nghe các lý-do của tôi viện dẫn ra, các thầy giảng lật-đật đi «lo thu xếp tất cả để tôi ra đi. Bốn ngày sửa soạn; tôi lên đường đến «tỉnh Chàm, có hai thầy giảng hộ tống tôi. Hai thầy dẫn tôi đi quanh «đi co tới một xóm đạo tên là Sang, ở cách Chia-La một ngày đường

---

1. Ngày mười bảy tháng tám Cha *Diego de Jumilla* đến Gia-Huu, ở đó lối một tháng là mười bảy tháng chín, ngày sau mười tám tháng chín Tây-Sơn khởi dấy, tám ngày của các thầy giảng để quyết-định coi Cha *Diego de Jumilla* nên ở lại hay nên đi, vậy là hai mươi sáu tháng chín, ngày hai mươi bảy tháng chín ba giờ khuya đi lánh mặt, ngày hai mươi tám tháng chín tới bờ biển, ba ngày nữa là một tháng mười Cha *Diego de Jumilla* tới Chia-La. Vậy nói tháng chín đi trên đường là đúng.

2. Chia-La nay là làng nào?

3. Hai tiếng Thiên-doa có lẽ là Thiện-đóa, hồi bấy giờ, theo bổn dịch nầy, nằm ở bên trong Đà-Nẵng có lẽ lối trung-lưu sông Hàn.

http://hoangsa.org

« đi bộ. Chúng tôi không gặp trở lực nào hết, nhưng mệt mỏi quá vì « đường khó khăn trèo qua đèo ải. Hai ngày, tôi nghe tín-đồ xưng tội. « Bỗng, tôi được tin thơ của thầy giảng ở Cham, gởi tới nói là do chiếu- « dụ Trào-đình, lính tráng đặng lịnh khám xét tất cả người đi đàng, « hỏi ở chỗ nào đến đó, và mục-đích đi đâu, cho tới các quan đi võng « và đi cáng cũng vậy vì sợ các quan ấy đem theo mình thơ của những « kẻ khởi dấy.

« Khi nghe được các tin tức, sự kinh cụ đến với các thầy giảng và « các tín-đồ. Đêm ấy, họ đi mất hết, bỏ tôi lại đấy với tất cả lễ-phục, « trừ phi ra một thầy giảng ở tỉnh Cham. Tôi chỉ nhờ sự chở che của « Thiên Mạng mà thôi. Hai thầy giảng đã theo tôi từ Chia-La đến đây, « hơi can-đảm hơn các thầy khác, đi kiếm mướn cho tôi một chiếc ghe « trong đêm ấy, nhưng không thành-tựu đặng vì quan tuần-vũ cấm các « ghe ra khơi, chỉ trừ có thuyền câu mà thôi, song phải bị kiểm-soát trước « khi ra biển và lúc về đến bờ. Tất cả đường đi đều bị gián-đoạn đối « với tôi, và tôi không biết cách nào để quyết-định. Lúc đó, có một tín- « đồ xưng tội đến gặp tôi. Tín-đồ nầy bị kết-án phải cắt cỏ cho voi ăn, « vì anh không khứng chịu chà dưới chơn anh ảnh của Cơ-đốc hoặc là « từ bỏ Cơ-đốc-giáo (những tín-đồ nầy đeo vòng quanh cổ một cái khoen « sắt lớn bằng ngón tay, có sợi dây sắt, một tấm thẻ cũng bằng sắt treo « lòng-thòng, trên tấm thẻ có hai tiếng *tha-dao*, nghĩa là luật khốn nạn « hay gớm ghê) [1]. Vậy một người tín-đồ ấy đến gặp tôi và nói rằng: « Xin Cha đừng lo sợ gì hết vì tôi sẽ hộ-tống Cha, cần thiết phải kiếm « con đường khác mà người ta không biết; tôi chỉ yêu-cầu Cha cho các « thầy giảng khác khuân đồ trang-sức của nhà thờ và đồ-đạc cá-nhơn của « Cha. Tôi khẩn-thiết yêu-cầu các thầy ấy nhưng họ run sợ và không « một thầy nào dám đem một món đồ nào hết.

« Trước sự khiếp đảm như thế ấy, tín-đồ kia và thầy giảng ở tỉnh « Cham quyết-định đề-nghị với các thiếu-nữ khiêng đồ vật ấy đi; tức « thời, các thiếu-nữ ấy tỏ dạ can-đảm của nam-nhơn, chịu ngay đem đồ « ấy đi đến tỉnh Cham và đi trên đường lộ. Thấy các thiếu-nữ quyết-định « như vậy, vài thanh-niên nhận chịu giúp tôi và khứng khiêng đồ vật « nặng. Tạ ơn Chúa, vì Chúa khiến cho trái tìm con người hăng-hái lên « để bảo-vệ những người trung-thành với Chúa và hào-quang của Chúa « thêm sáng ngời. *Infirma mundi elegit Deus*....

---

1. Tả-đạo nghĩa là không phải là chánh-đạo. Người ta cũng nói: tả-đạo bàng môn.

http://hoangsa.org

« Chúng tôi rời Sang đề đi vô tỉnh Cham. Người tín-đồ bị phạt ấy « và thầy giảng ở tỉnh Cham theo ủng-hộ tôi. Lối nửa ngày, chúng tôi đi « qua truông gần bờ biển ; rồi tới một chỗ cô-tịch, đi băng qua lộ Vua, « chúng tôi đi thẳng lên núi, sào-huyệt của bọn cướp phạm tội đã từng « tước-đoạt sản-vật của thiên-hạ. Khi tới núi tôi biết bọn lâu-la ấy là « cướp của giết người tôi mới than rằng : « Đề tránh khỏi câu-lưu, các « anh đem nạp tôi cho Tử Thần phải không ? ». Nhưng thầy giảng và anh « tín-đồ lặp đi lặp lại rằng : « Thưa Cha, đừng sợ chi hết ; trong giờ nầy « bọn cướp giựt đều rút sâu vô rừng không có mặt ở đây đâu ». Tôi thú « nhận người của tôi yếu đuối và khốn khổ đang run rẩy, nhưng tôi giữ « vững lòng tín-nhiệm của tôi vào sự chở che của Đức Chúa và Đức « Bà. Tôi đã nói với hai người ấy hãy chạy hãy đi gấp gấp, song vì đá, « rừng chồi và vô số những dốc của đường mòn không cho phép chúng « tôi đi mau. Trong một vài thung-lũng nhỏ, người ta thấy nhiều đám « đất có trồng trọt. Hồi trước, những đám đất ấy là tư-hữu của nông- « dân, vào lúc nầy họ phải bỏ hết vì cướp bóc và sát-nhơn hằng ngày « của những bọn lâu-la nọ. Lối ba giờ chiều, nhờ sự giúp sức của « Thượng-Đế, chúng tôi ra khỏi rừng và đến đồng ruộng tỉnh Cham. « Nỗi vui mừng của chúng tôi là thoát cảnh nguy hiểm lớn, và mặc dầu « mệt mỏi lắm, chúng tôi cũng rán đi đến chỗ kêu là *Ka-do*. Đúng ba « giờ chiều, tôi bèn đi đến nhà thầy giảng. Tôi tới giảng-đường của thầy « đề cảm tạ Chúa Thiêng Liêng, nhờ Chúa đã ban ơn cho, vì chỉ có « người đi vào núi ấy và đã biết tật hung-ác của bọn lâu-la kia mới hiểu « rõ mối nguy-hiểm nghiêm-trọng là dường nào. Nhờ Chúa đã che chở « cho chúng tôi. Tạ ơn Chúa ! Mệt nhoài, chúng tôi nằm trên chiếu trải « trên đất. Tôi mệt mỏi hơn hết, vì tôi không quen đi đường như thế « trong những địa-phương như vậy. Nhưng tôi còn sức nói với thầy « giảng và tín-đồ rằng : Thật Đức Chúa tha lỗi sự liều lĩnh của hai anh « vì hai anh đem tôi đi trên những đường như vậy ! Thú thật rằng không « thề tôi phiêu-lưu lần nữa trong rừng như thế, dẫu cho người ta hứa « sẽ đội mũ miện Nhà Vua Quảng-Nam-quốc cho tôi. Thầy giảng và anh « tín-đồ trả lời : Thưa Cha, chúng con có tín-nhiệm nơi Đức Chúa nên « mới dám đem Cha đi vào con đường đầy nguy-hiểm. Tạ ơn Trời về « thiện-cử ấy, và nhiều nghĩa-cử khác, chúng ta đều là con nợ của những « nghĩa-cử Đức Chúa Trời.

« Một lát sau, người ta dọn cơm cho chúng tôi, và, trong lúc chúng « tôi đang ăn, những thanh-niên thiếu-nữ kia đã mang đồ-đạc đến. Nhóm « nầy đi ngang qua rừng, nhóm khác đi trên đường Nhà Vua. Sự đến

http://hoangsa.org

« nơi đến chốn của chúng làm tăng gia nỗi vui mừng của chúng tôi, vì « những mối nguy-hiểm đều xa chúng tôi hết. Đi đường sông, người ta « về tới trú-sở *Thien-doa* của chúng tôi ít hơn hai đêm và hai ngày. Các « thầy giảng yêu-cầu tôi ở lại với các thầy trong vài ngày để trông nom « các tín-đồ. Tôi ưng thuận và ở lại năm ngày. Các người tín-đồ ở Sang « đến đều vui lòng ở lại đó năm ngày với tôi, trước khi tôi xuống ghe để « về Thien-doa.

« Tôi muốn bọn họ ở lại đó ủng-hộ tôi ban đêm vì ban đêm, kẻ « cướp xuống tận làng đó và các làng cận rừng, cướp bóc, giết chóc, « phóng hỏa các nhà. Bởi lẽ ấy nên các nhà đều cất trên sàn, có hàng rào « bằng cây gai và tre, có khả-năng chống lại sự tàn-phá kia. Nếu kẻ cướp « đi lọt qua hàng rào, người trong làng leo lên cây cao hết, trong tàn lá « có chòi nhỏ, từ chòi ấy bắn tên xuống đám cướp. Mới năm rồi, bọn « cướp tàn phá nhiều lần trong làng ấy, có một lần bọn chúng kéo vào « nhà của thầy giảng và, bằng lưỡi giáo, giết một người con gái của thầy. « Vì vậy nên tôi giữ các tín-đồ ấy lại để ủng-hộ tôi. Năm ngày sau, các « tín-đồ ấy thuê đặng một chiếc ghe và đem các đồ-đạc và trang-sức « xuống ghe cho tôi. Sau khi dắt chúng tôi xuống ghe, các tín-đố trên « kia trở về làng Sang ở Quảng-Ngãi, còn tôi và hai người [một thầy « giảng, một tín-đồ đeo hai tiếng tả-đạo] xuống thuyền mà dạ hơi hồi- « hộp. Quả thật, chúng tôi gặp nhiều ghe chở đầy lính tráng, nhưng « không có xảy ra chuyện xét hỏi nào.

« Khi ăn sơ lót dạ, vì đã sắp tối, chúng tôi đi gần tới sở thương- « chánh, sở nầy ở nửa chừng đường và mỗi chiếc nghe đều phải để cho « lục xét. Thầy giảng và tôi quyết định đem đồ-đạc lên bờ, khiêng theo « đường bộ và đi qua khỏi sở thương-chánh. Trước khi lên bờ, chúng tôi « đã quyết-định chỗ địa-điểm gặp gỡ, lối mười hai giờ khuya. Tám giờ « tối, chúng tôi lên bộ, đi ngang qua vài giồng cát, rồi vô trong rừng hơi « rậm, nhưng lối một giờ sau, chúng tôi lạc phương hướng và gặp lại « mặt sông. Chúng tôi phải đi đến rừng chồi gai gốc mọc đầy, song tôi « lại đi chơn trần nên tôi phải chịu cho gai đâm dưới hai bàn chân. Đau « đớn như chết một ngàn lần. Mệt lữ, thở hồn hển, chúng tôi phải hấp « tấp đi trong tối và lần theo đường quanh co, trong trí liên-tục sợ hãi « gặp gỡ người ta, vì họ cho chúng tôi là ăn trộm lạc đường, nên mới có « đồ đạc như vậy.

« Cuối cùng, ngoài hai tiếng đồng-hồ đi lạc lối, sau khi chúng tôi « băng qua rừng chồi ruộng đầy nước và bùn, chúng tôi đến bờ sông.

http://hoangsa.org

« Thầy giảng bị té hai hoặc ba lần trong bùn lầy. Chó trong làng kế cận « sủa ầm lên, và chúng tôi hoảng vía khi thấy ba người rọi đường với bó « đuốc đi lại chúng tôi, đúng lúc chúng tôi tới bờ sông. Chúng tôi lầm « tưởng là họ đến đề câu-lưu chúng tôi, mà chúng tôi cũng không có sức « lực đề chạy trốn họ. Đến gần chúng tôi, bọn họ hỏi chúng tôi đi đâu. « Thầy giảng đáp lời rằng chúng tôi đi kiếm chiếc thuyền đề đi Dong- « naï [1] và chúng tôi khuân những hành-lý đến con thuyền ấy. Trong lúc « đối-thoại giữa thầy giảng và ba người thợ câu ngoại-đạo, tôi giấu mặt « bằng kéo sụp nón của tôi xuống trán và xây lưng lại những người « ngoại-đạo, trăng đã lên rồi và tôi sợ người ngoại-đạo biết tôi. Vài lúc « sau, những người ngoại-đạo ấy đi câu hết, chúng tôi vui mừng vì thấy « đã thoát nạn.

« Nửa đêm, thuyền của chúng tôi đã đi đến. Thuyền đã đi qua sở « thương-chánh mà không bị xét hỏi, vì hồi trước người hỏa-đầu của « chúng tôi có ở trong Trào, dưới nhãn-hiệu là làm lính hầu của người « chú của Vua. Đến đó, các người lính thương-chánh không dám xuống « thuyền và còn tặng cho *cha* [2] và thuốc hút, và mời-mọc anh hỏa-đầu « dự tiệc vì tối đó ông quan sở thương-chánh đãi.

« Lật-đật chúng tôi đem đồ đạc trang-sức xuống thuyền. Chúng tôi « tạ ơn Chúa, vì bấy giờ những mối nguy-hiểm đều dang ra xa chúng tôi. « Nữa đêm ấy, chúng tôi đi đến sáng và tới mười giờ mai, chúng tôi đi « tới trú-sở Thien-doa của tôi. Nơi đây tôi gặp Huynh-Trưởng *Fernand*.

CUỘC KHỞI-NGHĨA Ở QUẢNG-NAM-QUỐC VÀ NHỮNG NGUYÊN-NHƠN CỦA NÓ.

« Năm ngoái nghĩa là năm 1773 [3], đầu tháng tư nhiều đoàn người « ở Quảng-Nam-quốc khởi sự di-chuyển với bọn cướp ở trên núi, núi « nầy làm ranh-giới giữa tỉnh Qui-Nhơn và Phú-yên. Giữa thanh-thiên « bạch-nhựt, chúng đi xuống những chợ búa, võ-khí cầm tay, nhóm « nầy cầm kiếm, nhóm khác đeo tên, nhóm khác vác súng. Chúng không « phá phách ai hết, không sát hại người, cũng không tước đoạt sản-nghiệp « của quần-chúng. Ngược lại, chúng muốn hết thảy đều có tinh-thần « bác-ái giữa người Quảng-Nam-quốc với nhau; chúng đi đến nhà của

1. Đồng-Nai. Đ Đồng-Nai là vô trong Lục-Tỉnh.
2. Cha là trà. Trà và thuốc là hai món người Việt hay làm quà biếu cho nhau.
3. Qui-Tị.

http://hoangsa.org

« những phú-ông, và nếu các phú-ông tặng vài vật nào đó thì chúng rút
« lui không phá phách chi hết, nhưng, nếu trong các ông nầy có ông nào
« chống cự lại chúng, chúng tước đoạt đồ xa-xỉ rồi đem cho kẻ khố rách
« áo ôm, chỉ chừa gạo và thực-phẩm cho chúng thôi. Luôn-luôn, tối đến,
« chúng rút lui vô núi gần đó ; ban ngày, chúng xê dịch từ làng nầy đến
« làng nọ bắt buộc dân làng phải phục-tòng hoàn-toàn chúng, và nếu có
« gặp trở-lực, chúng hăm he sẽ phóng hỏa đốt nhà và phá tan-hoang hết.
« Trong bảy tháng, chúng đi dọc đi ngang tỉnh Phú-yên và một phần
« tỉnh Qui-Nhơn, tỉnh sau nầy liên-giới với tỉnh trước.

« Những quan đều có ý-thức hết về các vụ di-chuyển ấy, nhưng
« không câu-lưu chúng ; và còn dân-gian cũng chẳng chống cự lại chúng vì
« dân-gian thấy chúng tán-trợ họ bằng tước đoạt của của người giàu và
« đem cho họ là dân nghèo. Bần-dân khởi sự cho chúng danh hiệu là kẻ
« cướp có nghĩa và từ-thiện. Những người ấy gồm lối ba trăm mỗi đoàn,
« trừ ra nhóm ở Dou-hau lên đến sáu trăm mạng. Chúng tấn-công và
« tước võ-khí của ông quan thâu thuế do Nhà Vua sai đi, lấy giấy tờ công-
« chứng đốt ở tại công-trường. Quan thâu thuế kháng-cự lại, chúng chém
« một dao trên vai bên trái, quan trốn thoát với các người lính. Những
« biến-cố ấy xảy ra hồi tháng năm và đến tai Nhà Vua nhưng Nhà Vua bỏ
« đốc Qui-Nhơn thượng chiếu lên Vua nhiều lần xin binh, nhưng không
« qua. Quan tổng-đặng chấp-thuận. Mới khởi đầu, bọn nổi-loạn đi chưn,
« rồi tới nửa tháng tám, họ lớp cưỡi ngựa, lớp đi cáng điều hoặc là võng
« như thể các quan lớn. Chẳng bao lâu, mỗi đoàn người mỗi có cờ hiệu
« bằng lụa điều, chín thước [1] bề dài. Chúng sai người tuyên-truyền khắp
« các làng rằngchúng không phải là bọn đầu trộm đuôi cướp, mà Trời và
« *Đức Thầy Cả* sai xuống đề chiến-tranh (đến bây giờ người ta không
« biết chắc Đức Thầy Cả ấy là người nào ; những dư-luận về vấn-đề nầy
« rất mâu-thuẫn với nhau).

« Chừng hai mươi ngày sau khi bọn chúng tuyên-bố là chính chúng
« gây chiến-tranh, thì sớm mai nọ, lối nửa tháng chín [2], hai đại-đội binh
« bao vây dinh của quan tuần-vũ tỉnh Qui-Nhơn và chiếm cứ luôn.
« Mau mau, quan tuần-vũ đi trốn, mặc quần áo thường, theo sau có tất
« cả quân lính, chỉ đem theo ấn-tín mà thôi. Ông ta hấp tấp đến đỗi,

1. Theo Giám-mục Taberd trong sách Dictionarum Annamitico-Latinum, 1838, thì một thước ta đo đặng 0m64968. Vậy 9 thước ta có : 0m64968 x 9 = 5m84712.

2. 1773 [Quí-Tị].

http://hoangsa.org

« ông đánh rơi mất ấn-tín. Ông ta chạy lên làng Tam-Quan [1], cách xa dinh « ông hai ngày đường đi bộ ; ông bỏ ngoài sau vợ con ông. Bọn nổi-dậy « không làm hại đến tánh-mạng các người nầy, chỉ tước đoạt kh'-giới « và của cải của ông rồi phóng hỏa đốt công-thự. Đối với quan đầu tỉnh « tỉnh Phú-Yên, bọn chúng cũng làm như thế thôi, khi chúng chiếm-cứ « tỉnh nầy.

« Bọn nổi-dậy sai bắt giam những quan nhỏ, và nhứt là những quan « hung ác đối với người dưới tay. Bọn chúng phóng-thích tất cả phạm- « nhơn và những người bị đóng gông vì phạm tạp-lỗi. Bọn chúng sai « binh đến các làng để bắt các làng phải thề trung-thành với chúng. Bọn « chúng sát-hại các chủ-thôn nào chống lại chúng và hỏa thiêu nhà của « các người ấy. Tới trong xóm hẻo lánh, bọn họ lấy giấy tờ công-chứng « và đem đốt tại chợ, cũng như những thủ-bản cũ của Nhà Vua và các « quan cưỡng-bách đánh thuế-vụ và thuế muối. Bọn họ ban-hành một « mạng-lịnh hủy bỏ các thuế khóa, trừ phi có tục xưa từ Bắc-Hà vào « là gia-đình nào có bất-động-sản phải trả một quan rưỡi mỗi năm. « Chúng dân hoan-nghinh biện-pháp ấy và thề trung-thành với họ, dưng « cho những người giải-thoát ấy vô số quà. Bọn họ bắt đóng gông cả « lính tráng lẫn các quan thôi, còn những người thuộc hạ là cùng-đinh, « không phạm-pháp gì mà trái lại đáng thương xót. Bọn họ ngăn cản « không để Nhà Vua liên-lạc với các tỉnh khác vị-trí ở giữa tỉnh Phú- « Yên và Raygon [2]. Từ các tỉnh ấy ra tới Trào-đình, người ta không « thế nào lưu-thông đặng đường bộ cũng như đường biển, ít nữa là « những thuyền phải đi ra ngoài khơi xa.

« Tuần-vũ Quảng-Ngãi thượng chiếu tâu Nhà Vua hay rõ tình-hình. « Trong lúc chờ đợi Nhà Vua quyết định, Tuần-vũ sai bộ-đội đi tiễu- « trừ với một viên quan và năm thớt tượng, hễ gặp được chúng thì « tấn-công và hủy hoại các sự khởi-nghiệp của chúng. Các bộ-đội ấy đi « tới trung-tâm-điểm tỉnh Qui-Nhơn, hai bên xáp chiến với nhau. Các « bộ-đội Nhà Vua thất-trận, quân nổi-dậy thắng thế, chiếm tất cả võ-khí « và năm thớt tượng của Nhà Vua ; viên quan của Nhà Vua chỉ-huy giục « ngựa như bay lánh mặt. Trận ấy diễn ra tháng mười [3]. Bọn nổi-dậy

1. Tam-Quan ở gần ranh hai tỉnh Bình-Định và Quảng-Ngãi ở quận Hoài-Nhơn. — Địa-đồ Trung-phần.

2. Tỉnh của xứ Lục-Tỉnh giáp-giới với xứ Cam-bốt [lời chú-thích của nữ-học-giả]. Bây giờ tỉnh ấy ở đâu ?

3. 1773 [Qui-Tị].

http://hoangsa.org

« làm chủ cả tỉnh Qui-Nhơn. Say sưa bởi chiến-công ấy, bọn họ bổ-
« nhậm các viên-chức cho hai tỉnh ấy [1] và đắp pháo-lũy cho các hải-cảng.

« Lối cuối tháng mười, Nhà Vua sai vô ba chiến-thuyền [2] với ba vị
« quan chỉ-huy và ba trung-đội lính, trên bộ, bốn viên chỉ-huy với bốn
« trung-đội. Nhà Vua xuống chiếu cho ít người vào Qui-Nhơn như vậy,
« vì người ta thuật lại, thì Nhà Vua tuyên-bố rằng : « Ai chú-ý đến làm
« gì bọn đầu trộm đuôi cướp đang nổi loạn để cướp phá các thị-trấn ? »
« Sau ngày lễ Toussaint [3], cuộc đánh nhau diễn ra ở chỗ giáp ranh hai
« tỉnh Qui-Nhơn và Quảng-Ngãi. Bọn nổi-loạn gồm hết thảy là ba quân-
« đoàn, một là những người Trung-Hoa [4], hai là bọn lâu-la chia làm hai
« cánh mặt và trái, ba ở giữa là dân Quảng-Nam-quốc nổi dậy. Cuộc
« chiến-tranh xảy ra liên-tiếp trong ba ngày ; đến chiều ngày thứ ba, cánh
« hữu do bọn Trung-Hoa chiếm giữ sát-tử người võ-quan có giá-trị
« nhứt nhì của binh Nhà Vua danh là Ou-Doi-Be [5]. Bấy giờ binh Nhà
« Vua mới chịu thất-trận và chiến-thắng về Tây-Sơn.

« Sau khi binh Nhà Vua tan rã, bọn nổi-dậy vô châu-thành Quảng-
« Ngãi. Chúng chiếm cứ thị-trấn như vào chỗ không người vì các quan
« đã bỏ thành và lên địa-phận tỉnh Cham, đề đến thẳng Fai-Fo [6].

« Đạo thủy-binh Nhà Vua lại phải đương đầu với trận bão dữ dội,
« và những thủy-binh đều chết không còn mống nào. Duy có một chiến-
« thuyền sầy khỏi, vị chỉ-huy có đạo Gia-Tô chạy trốn đặng trận bão.

« Bọn khởi-loạn chiếm lấy một số-lượng quân-khí và súng đại-bác,
« phóng-hỏa dinh tuần-vũ Quảng-Ngãi và cất lại một dinh khác.

« Sau khi nghe đặng binh Nhà Vua bại trận, Nhà Vua khởi đầu áy
« náy và Trào-đình kinh sợ. Các quan chỉ-huy nhiều quân lên đóng trên
« núi cận Trào-đình, Nhà Vua cấm-chỉ mọi sự liên-lạc bằng hải-trình và
« lục-trình giữa tỉnh Cham và Đế-đô. Nhà Vua xuống chiếu cho một
« đạo-binh đông quân-số, nhiều võ-quan chỉ-huy đạo quân ấy, và một

---

1. Tỉnh Phú-Yên và tỉnh Qui-Nhơn.

2. Trên bổn-dịch là galère, tiếng nầy là các phạm-nhơn bị án khổ-sai phải chèo thuyền nầy, ở đây tôi dịch lại là chiến-thuyền.

3. Sau một tháng mười một.

4. Những người Trung-Hoa tập-hợp dưới quyền của hai khách tên là Tập-Đình và Lý-Tài. — Trần-Trọng-Kim, Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, tr. 87.

5. Có lẽ là Ông Đội còn Bé không đích-xác là tiếng nào, vì tiếng Pháp không có dấu.

6. Hội-An ngày nay.

http://hoangsa.org

« quan được phong tước phó-vương. Người ta có thể nói rằng Nhà Vua « sai hầu hết lực-lượng của Nhà Vua vô trong tỉnh Cham. Các lực-lượng « ấy đến tỉnh nầy đầu tháng mười hai [1].

Trong Trào-đình các quan học hặc như chó với mèo ở chung. Các « quan truyền câu-lưu hai quan to giòng hoàng-tộc và sáu quan khác [2] vì « cho rằng các ông nầy chịu trách-nhiệm trong việc chiến-tranh nầy. « Một sự đại-bất-hòa bao trùm cả các quan lớn nhỏ và kết-quả là « *omne « regnum in se divissum* » [3]. Trong lúc Trào-đình lo bố-trí như vậy, bọn « khởi dấy cứ tiến-binh, mỗi ngày mỗi chiếm thêm đất mới, đắp thêm « thành-lũy, làm vững chắc các vị-trí chiến-lược. Bọn nổi-loạn làm chủ một « phần đất tỉnh Cham, cách xa đường bộ đi đến Thien-doa không tới hai « giờ đồng-hồ. Như tôi đã nói trên kia, Thien-doa là trú-sở của tôi đang « ở với Huynh-Trưởng *Fernand*.

« Chúng tôi có lo trước là che một cái chòi bằng nhánh cây ở trong « núi cận nhà thờ và chúng tôi đào đất để tiền bạc, ly bạc rồi lấp lại. « Còn những lễ-phục và những đồ vật khác thì ở trong tay các tín-đồ, « các người nầy dấu rất kỹ. Hình như ngày hai mươi mốt tháng mười « hai, ngày Thánh Thomas, là ngày của Chúa muốn chúng tôi bị bọn nổi « loạn tóm đặng. Nhưng cũng may mắn cho chúng tôi là ngày ấy đạo- « quân hùng mạnh của Nhà Vua tách rời Fai-Fo. [4] Năm ngàn người lính « tùng-chinh trong đạo-quân và một ông võ-quan gan dạ hơn hết trong « tỉnh chỉ-huy đạo ấy. Ngày hai mươi hai tháng mười hai, hai bên chạm « trán thân dưới Thiên-doa. Chiều ngày hai mươi ba, đạo quân Nhà « Vua chiếm đoạt đặng một chiến-lũy thứ nhứt. Cuộc giao-tranh diễn ra « suốt cả ngày hai mươi bốn ; một chiến-lũy thứ nhì bị quân Trào làm « chủ và bọn nổi-loạn tự cưỡng-bách thối lui. Nhưng, ở cánh trái, các « võ-quan Nhà Vua núng thế bỏ chạy với các thớt tượng. Tướng điều- « khiển ba quân phải khiến binh chống đỡ, mà chống đỡ xong. Trận chiến « xảy ra với tất cả cuồng-độ ngày hai mươi lăm ; bọn nổi loạn rút sau « pháo-lũy cuối cùng, hệ-trọng và vững chắc của họ ; bọn chúng chịu « đựng và giữ vững đặng một ngày rưỡi, cuộc tấn-công của ba đại-đội

---

1. Tôi không nói tháng chạp mà nói tháng mười hai vì là tháng dương-lịch.

2. Tôi chưa biết danh-tánh tám vị quan nầy.

3. Math. XI, 3 [lời chú-thích của nữ học-giả].
Trong bổn-dịch Pháp-văn, nữ-học-giả để như vậy, tôi cũng để nguyên.

4. Hội-An.

http://hoangsa.org

« Nhà Vua : một đại-đội thủy-quân tấn-kíchd ưới biển bằng thuyền, một « đại-đội lục-quân công-hãm mé trong núi, đại-đội thứ ba ở giữa, chỉ-huy « do vị tướng, người rất mực can-đảm, trên lộ của Nhà Vua. Chúng tôi « nghe tiếng súng nổ dòn, đến chiều hai mươi sáu. Trước khi chạng-vạng « tối, dưới thuyền bắn lên qua pháo-lũy, trúng hông viên chỉ-huy [1] có giá- « trị của bọn nổi loạn. Quân Nhà Vua không hay biết chi hết vì hàng rào « cao quá ; nhưng bước qua sáng ngày hai mươi bảy, quân Nhà Vua « mới rõ là chúng đã trốn hết, bỏ bức rào cản, bỏ luôn thi-thể của hai « người lính, và viên chỉ-huy có giá-trị nọ, viên nầy là một trong mười « tám người chỉ-huy khác trong đạo-binh nghịch. Mé bên Nhà Vua, chỉ « có một tên lính tử trận và hai tên khác bị thương ở đùi. Đạo binh « Nhà Vua hoàn toàn thắng trận.

« Bọn nổi-loạn rút trong giữa tỉnh Quảng-Ngãi. Binh Nhà Vua rượt « theo.

« Ngày lễ rửa thánh-tước của Gia-Tô-giáo, nghĩa là hai tháng hai « năm nầy [2], bọn chúng chiếm-cứ lại đặng tất cả tỉnh Quảng-Ngãi và hai « phần ba tỉnh Qui-Nhơn. Khi tôi đang cử bút viết các dòng chữ nầy, tôi « nghe rằng chúng đã thất lại một phần tỉnh Qui-Nhơn, phần nầy chúng « cướp đoạt trước kia và chúng đang ở biên-giới tỉnh Quảng-Ngãi. Người « ta nghe khẳng-định việc nầy chuyện nọ mâu-thuẫn với nhau, tôi xét « đoán là vô-ích khi đem vào bức thơ nầy, bởi vì lời đồn-đại của dân- « chúng Quảng-Nam-quốc. Có một sự chắc-chắn là chiến-tranh vẫn tiếp- « diễn, và bọn khởi-loạn nói rằng ý-chí của chúng là tiếp-tục chiến-tranh « tới chừng nào đánh ngã Nhà Vua và Trào-đình bất tài của Vua. Với « sự chấp-thuận của Thiên-tử, tất cả hoàng-thân đều tiếp tục dai dẳng « ngược-đãi tín-đồ Cơ-Đốc-giáo, mặc dầu Đại-úy ở Mã cao có hiến cho « những cống-phẩm đáng giá hai ngàn đồng « *pesos* ». Người ta khẳng-định « với tôi như vậy. Viên Đại-úy ấy yêu-cầu gì cũng được hết, trừ ra có « điều ấy không đặng thoả mãn. Giờ của Thiên-Công [3] đã điểm đối Nhà « Vua và hoàng-thân quốc-thích rồi, vì theo người ta chú-ý, bọn nổi- « loạn không chống đối thánh-giáo của chúng ta. Bằng chứng là khi gặp « một người thầy giảng ở Quảng-Ngãi, và thấy cái khoen sắt đeo theo « cổ người, bọn họ gở ra và liệng ngay xuống đất. Vì thế, nếu có đổi « thay chánh-phủ, tôn-giáo thánh của chúng ta sẽ tự-do hành-đạo.

---

1. Chưa hiểu danh-tánh của người nầy.
2. 1774.
3. Thiên-Công ở đây là Công-Lý của Trời.

http://hoangsa.org

«Năm ngoái, khi tôi đến Fai-Fo [1], Huynh-Trưởng *Ferdinand* có gởi «tất cả thơ từ của chúng tôi cho một chiếc thuyền ở Mitho, cô chủ «chiếc thuyền nầy là người thuộc Ki-Tô-giáo. Nhiều bức thơ của anh «tôi ở Âu-châu, nhiều bức khác ở Manille [2]; Huynh-Trưởng Giảng-«đạo *Velarde* cho hay những tin tức và những hung tín [3]. Tôi cũng có được «thơ của Cha *Loureiro*, Cha báo trước cho tôi biết rằng Cha tặng tôi «một thùng rượu vang. Tôi yêu-cầu Cha [4] trao lại tôi tất cả thơ từ, vì, «hồi năm rồi, tôi không thể trả lời đặng vì chẳng tiếp được tin tức chi «hết. Tôi xin dâng cho Cha rượu vang ấy, vì Cha sẽ nhọc công nhiều «quá để gởi nó lần nữa từ trú sở của Cha đến tệ-sở. Từ đó tới nay, «Ou-Doi-La [5] không thấy mặt ở đây nữa.

«Tôi cầu chúc cho Chúa bảo-vệ Cha. Thiên-doa, ngày mười lăm «tháng hai năm 1774 [6].

«Tiểu-Đệ rất khiêm tốn ký tên: Diego de Jumilla [7].

Tiếp tục lịch-sử của trận chiến-tranh giữa Nhà Vua và Nhạc cùng nội-bọn, sau khi tả-thuật sự thắng trận của Nhà Vua hồi tháng mười hai 1773, khiến Nhạc phải rút lên núi, Cha *Diego de Jumilla* cử bút viết cho Cha *Provincial*, một bức tin khác đề ngày chín tháng tám năm 1774.

«Lúc bấy giờ đạo-quân Nhà Vua chiếm lại gần hết tỉnh Qui-Nhơn, «tỉnh của bọn khởi-dấy thì loạn-quân hạ san. Ngày một tháng hai [năm «1774], lối chín giờ tối, bất thình-lình chúng xuất-hiện ra và bao vây «quân Nhà Vua. Quân nầy đóng trại đêm trên sườn dãy núi gần bên «đèo. Quân Nhà Vua phải thoát do con đường thật hẹp; tất cả đều «mạnh ai nấy chạy không trật-tự gì hết. Sợ hãi vì tiếng làm rền và la «ầm lên của bọn nổi-loạn, bốn chục thớt tượng của Nhà Vua cũng thoát

---

1. Hội-An.
2. Ma-ni.
3. Velarde Thầy Giảng-đạo, để phân-biệt với Huynh-Trưởng Joseph Velarde, trong Tu-hội Gia-Tô. Cha Plate nói về Cha Joseph Velarde ở trang 522 trong Mục-lục tiểu-sử [Catalogue biographique]. Chúng tôi không biết Cha Velarde Huynh-Trưởng Giảng-đạo nầy là ai? [lời chú-thích của nữ-học-giả].
4. Cha Jean Salguero, Cha nầy có trú sở ở Chợ-Quán.
5. Có lẽ là Ông Đội La, vì tiếng Pháp, không có dấu nên khó mà đoán ra tiếng La.
6. Năm Giáp-Ngọ.
7. Thơ của Cha Jumilla gởi cho Cha Jean Salguero, Uỷ viên trong Truyền-giáo-hội Quảng-Nam-quốc. (AP. thủ-bút, mười tờ, 205 x 150 m/m.) [lời chú-thích của nữ-học-giả].

http://hoangsa.org

« theo, đạp nhằm quân Nhà Vua nhiều hơn bọn nổi dậy. Viên tướng với « các võ-quan khác vắt giò lên cổ chạy và xa cách chỗ đóng trại đến một « ngày đường đi bộ, vì đêm ấy, các quan và lính không dừng lại. Qua « ngày sau, hai tháng hai, khi viên tướng ấy nghỉ chơn và ngồi điềm- « tâm với các quan khác trong một nhà xiêu vẹo, bỗng lối hai mươi « người Trung-Hoa trong đạo-binh của những kẻ nổi-loạn tiến vào nhà « và dùng giáo và dao đâm và chặt chết hết. Quân Nhà Vua hoàn-toàn bị « tiêu-diệt. Người ta thuật lại lính Nhà Vua bị giết hay là bị voi đạp « lên đến mười sáu trăm. Sau khi thắt một trận ấy, bọn nổi-loạn tịch- « thâu tất cả võ-khí và một số lớn voi; trong thời-gian bảy ngày, bọn « nổi dậy chiếm-cứ lại tất cả các tỉnh.

« Ngày bốn tháng ba, Nhà Vua sai võ đạo binh khác và võ-quan « khác, chỉ-huy tối cao là một vị quan to, chồng của chị Nhà Vua [1]. Viên « quan tấn-công bên địch ở biên-giới bắc tỉnh Cham, gần bên Trào-đình, « ở địa-phương Thien-doa. Nơi nầy, Sư-Huynh *Fernand* và tôi đang ở, « và hải-cảng Tourane cũng ở đấy.

« Liền trong mười một ngày, kết-quả của trận chiến-tranh chưa « quyết-định cho bên nào được bên nào thua. Nhưng cuối cùng, quân « Nhà Vua hết kháng-cự nổi, và chịu thất-trận. Hồi bấy giờ, đạo-binh « của bọn nổi-loạn lên đến hai mươi sáu ngàn người. Sau khi quân Nhà « Vua rút lui, bọn nổi dậy vô chiếm-cứ tỉnh Cham và làm chủ luôn tỉnh « ấy.

« Bọn nổi dậy đến nhà thờ của chúng tôi, chỉ có mình tôi ở đó thôi, « vài ngày trước Huynh-Trưởng *Fernand* đi lại nhà thờ Tra-Kiêu [2].

« Ngày bọn ấy tới là mười một tháng ba, trước một ngày ngày lễ « của chủ chúng tôi là Thánh Grégoire. Sau khi ưng thuận với các thầy « giảng, tôi trốn trong rừng, ở nơi núi, gần nhà thờ. Theo tôi, có một « đứa bé mười bốn tuổi, để cho tôi sai vặt. Khi tôi trốn trong bụi rậm, « đang đọc kinh của vị Thánh-Chủ chúng tôi, thì bỗng đâu tôi nghe la lớn « gần khít bên tôi: Nhằm nó, nhằm nó, nhằm nó. Đứa nhỏ đứng gần tôi

---

1. Định-Vương là con thứ mười sáu của Võ-Vương Nguyễn-Phước-Hoạc. Võ-Vương sanh tới mười tám ông hoàng, mươi hai bà chúa. Thế thì anh re của Định-Vương nhiều, song xét qua hết duy có quan *Chưởng-dinh Nguyễn-Cửu-Thống* chồng bà hoàng trưởng-nữ tên *Ngọc-Huyên*, gặp biến-cố năm Giáp-Ngọ 1774, *Thống* chết. Trên bài dịch không nói chết, nên chẳng biết phải là *Thống* chăng?. — Liên-Đình Tôn-Thất-Hân, sách Tiên Nguyên Loát-Yếu Phổ, tr. 66.

1. Trà-Kiệu (Quảng-Nam).

http://hoangsa.org

« liền chạy trốn : tôi chạy theo nó, ngang các bụi lùm, áo rách, hai tay và « mặt trầy hết và ra máu. Tôi rút trong nhà thờ ; dưới chơn bàn thờ, quỳ « gối trước mặt Đức Bà và Thánh-François, tôi bảo thằng bé đốt hai cây « đèn sáp lên và tôi đợi bọn khỏi đấy tới. Phút chốc, lối mười bảy người « tới, chúng tuốt kiếm ra khỏi vỏ. Một người ấn mạnh dao găm vô ngực « tôi và hỏi tôi tiền bạc với động-sản của tôi. Tôi nghiêng mình ba lần « trước đám người ấy, và tôi nói tôi là giáo sĩ, tôi đến quốc-gia nầy để « thuyết-giáo cho người có đức-tin nơi Chúa Jésus, nếu tôi có lầm lỗi đối « với họ những gì, xin họ vui lòng hỉ-xả cho ; còn về động-sản, tôi chỉ « những đồ cần-thiết cho việc thờ cúng thiêng-liêng và sùng-bái Đức Chúa « Trời chân thật (tôi phải làm cho bọn ấy chủ-ý rằng đồ trang-sức, ly « bạc và tranh đều để hết vào thùng, và các thầy giảng đều đem đi chôn : « duy tôi còn đây vài quần áo để làm lễ-thiêng mỗi ngày).

« Bọn nổi-loạn lục xét cùng nhà, tước đoạt những đồ nào có chút « giá-trị. Sau khi cướp lấy xong, chúng rút lui. Bọn họ cũng không « hành-động vô lễ đối với bàn thờ, và chỉ có đoạt một cây đèn, lúc « chúng tôi đang hành-lễ nêu cao lên Thánh-Hoa. Chúng lấy theo « những tấm vải trải bàn thờ, hai khăn lau thánh-tước và hai sợi dây « nịt áo lễ. Vậy chấm dứt việc gặp-gỡ tình-cờ ấy. Sau đó, nhiều quan « nổi-dậy đến viếng tôi và yêu-cầu thuốc men, tôi xin lại nhiều ân-huệ. « Riêng phần tôi, các quan ấy ưng thuận cho phép tôi thuyết-giáo công- « khai sách Phúc-Âm và cất giáo-đường. Các quan nói : nếu có người « ngoại-đạo nào kiếm chuyện làm khó hay là ức-hiếp một tín-đồ Cơ-đốc, « tôi cứ đi báo với các quan, tên ngoại-đạo ấy sẽ bị thả trôi sông để đền « bù sự liều lĩnh của nó. Không một người nào đặng làm hại nhà của « Cha hay là nhà thờ của chúng ta. Ngày lẫn đêm, mười ba người lính « phải giữ an-ninh cho chúng tôi. Đức Chúa Trời ban ân-huệ cho tôi rất « đầy đủ, tôi là người chẳng xứng đáng được ân-huệ ấy chút nào.

« Vài ngày sau, bọn nổi-dậy chiếm-cứ tất cả tỉnh, tỉnh-thành và hải- « cảng. Quân Nhà Vua đã chạy trốn bằng chiến-thuyền. Bấy giờ, quan « quan-trọng nhứt của bọn nổi-dậy sai một chiếc thuyền đi đến nhà thờ « ở Thien doa, dưới thuyền có một quan khác và lính và yêu-cầu tôi « đi đến quan quan-trọng kia. Dầu cho tôi có ghé tởm, tôi không thể « trốn lánh được. Huynh-Trưởng *Fernand* [1] đồng ý rằng trong trường-

1. Huynh-Trưởng *Fernand* đi Trà-Kiệu, rồi vài ngày sau đã về Thiên-doa, nên Huynh-Trưởng Fernand mới có mặt hồi quan đi thuyền vào rước Cha *Diego de Jumilla.*

http://hoangsa.org

« hợp hiện tại, tôi phải vâng theo ý-chí của các quan ấy, bằng ngược lại « sợ e họ không bằng lòng và kết-quả là sẽ có phường-hại tới các Cha « và các tín-đồ. Cuối cùng tôi ưng thuận đi. Tất cả các quan đều tiếp « rước tôi với cảm-tình đặc-biệt, các quan ấy thỉnh tôi ngồi gần bên các « quan và mời mọc tôi uống và ăn. Các quan ấy trình bày dài dòng « những nguyên-nhân giục cho các quan khởi dấy và mục-tiêu theo đuổi « là kiếm một Nhà Vua khác và một Chánh-phủ khác. Tôi im-lặng, giả « bộ dốt về việc ấy. Nhưng, đây lại một người lính có vô Gia-Tô-giáo « bẩm với các quan ấy rằng: Các Cha Âu-châu là những người có giá- « trị nặng lắm; các Cha biết và hiểu hơn những lời các quan đã thốt ra. « Thầy đã có ý-thức những biến-cố đã xảy trong quốc-gia nầy, vậy thì « vô bổ mà thuyết-ngôn cho các Thầy biết, chỉ ít nhứt là các quan muốn « hỏi lời khuyên của các thầy (những kẻ ngoại-đạo gọi các Cha như « vậy) [1]. Tôi trả lời là chúng tôi, các Cha, chúng tôi đến quốc-gia nầy để « thuyết-giáo cho tín-đồ Ki-Tô hiểu luật chơn chính, để sau rốt tín-đồ « được cứu khổ, nhưng chúng tôi không thể can-thiệp vào việc chánh- « trị, vì đó chẳng phải là địa-hạt của chúng tôi. Lúc bấy giờ, quan lớn « hơn hết tuyên-bố rằng: « Các Thầy cầm giữ những lời lẽ chơn chánh ». « Các quan ấy hiến cho tôi nhiều bạc, tôi từ chối hẳn, các quan yêu-cầu « tôi hãy ở gần bên các quan để làm y-sĩ cho họ, nhưng tôi đáp lời rằng « lính đã cướp hoặc là hủy hoại tất cả thuốc của tôi và tôi sẽ cho các « quan ấy hay rằng sau tôi sẽ ở chung với họ được chăng? Rồi tôi xin « cáo từ.

« Tất cả những giáo-sĩ đều thọ ân-huệ của các quan nổi dậy, nhưng, « vì là cuộc khởi loạn chống Nhà Vua trong nội-quốc, chúng tôi phải giả- « bộ lãnh-đạm tuyệt-đối trước công-chúng, tuyên-bố rằng chúng tôi không « hiểu chút gì về các vấn đề ấy, chúng tôi khuyên-nhủ các tín-đồ Công- « giáo hãy vâng lịnh của Nhà Vua. Chúng tôi nói rằng: vì lương-tâm « của các tín-đồ, các tín-đồ không nên hưởng-ứng theo sự khởi loạn ấy, « mặc dầu vài lý-do chánh-trị khiến cuộc nổi loạn dựa vào đó mà tự « biện-giải.

« Do đó chúng tôi tưởng nên in vào trí-não của các tín-đồ sự vâng « mạng-lịnh của Nhà Vua hiện thời và tránh khỏi sự hiểm-nghi có thể « về sau sẽ nguy hại cho toàn-thể Truyền-giáo-hội. Không tôi mà cũng

1. Tên lính tôn-thờ Gia-Tô-giáo nói với các quan, nhưng ở đây nói là ngoại-đạo mới gọi Thầy. Tên lính ấy cũng gọi Thầy, vậy tiếng Thầy phải độc-nhứt tiếng gọi của người ngoại-đạo chăng?

http://hoangsa.org

« không giáo-sĩ nào khác chịu chấp-nhận dấn thân vào cuộc nổi loạn ấy,
« vì chúng tôi chưa hiểu bên nào sẽ thắng trận cuối cùng.

« Suốt hai tháng [1] bọn nổi-dậy làm chủ trong tỉnh. Nhà Vua sai
« quân thêm, một người chú [2] và một người anh của Vua chỉ-huy đạo-
« binh nầy [3]. Quân Trào tấn-công gần thành [4], binh nổi-dậy bị thất-trận.
« Nhiều người Trung-Hoa bị tàn-sát; nhiều người khác dành nhau tầu
« thoát lọt xuống sông chảy ngoài bìa thành-phố. Người Quảng-Nam-
« quốc nổi dậy lại ít người mất mạng. Quân Nhà Vua chiếm thành lại
« một cách dễ-dàng, vì là bố-trí đến hai đạo quân và nhiều thuyền chiến
« ở trên sông. Bọn nổi-loạn không thể kháng-cự lại; bộ-binh của chúng
« ở rải-rác trên những họng sông và có rất ít người trong châu-thành.
« Còn về phần dân-chúng thì ngã theo phe Nhà Vua, vì bọn khởi dậy
« cưỡng đoạt cả tài-vật của họ, sau khi phá hoại, cướp bóc toàn tỉnh; vì
« thế quân Nhà Vua không nhọc công gì mà chiếm lại châu-thành và đuổi
« binh của bọn nổi loạn dễ dàng. Trước khi rời khỏi đó, binh ấy sạch
« sành sanh vét địa-phương ấy, không để lại con gà, con vịt sống nào
« cả, vậy là hết chuyện nói; bọn nổi-dậy lấy cả tám mươi hai súng đại-
« bác bằng đồng của những người Hòa-Lan và Anh-Cát-Lợi tặng cho
« Nhà Vua, để bảo-vệ tỉnh-lị đó, trong ấy có hải-cảng Đà-Nẵng; chúng
« cũng bắt tất cả bốn mươi lăm thớt tượng, vô số võ-khí, trống, cờ xí, và

---

1. Ngày mười lăm tháng ba năm 1774 bọn khởi dấy chiếm tỉnh Cham, làm chủ đặng hai tháng, tức là ngày mười lăm tháng năm.

2. Túc-tôn Hiếu-ninh Hoàng-đế *Nguyễn-Phước-Trú* sanh có ba ông hoàng, sáu bà chúa. Ba ông hoàng là : Thế-tôn Hiếu-Võ Hoàng-đế hay gọi là *Võ-vương Nguyễn-Phước-Hoạc*, ông hoàng thứ hai tên là *Du*, mất mùa hạ năm Tân-Vị [1751]. ông hoàng thứ ba tên là *Tường*, mất mùa đông năm Đinh-Sửu [1757]. Hai người chú nầy tử trước ngày xảy ra biến-cố ở Quảng-Nam. Vậy đây chắc là chú bà con xa của Vua Hiếu-Định Hoàng-Đế Nguyễn-Phước-Thuần.

3. Tôi đã xem từ trang 61 đến trang 65, sách của *Liên-Đình Tôn-Thất-Hân*, thấy có năm người nầy tạm là có thể dự trận đánh nầy, vì năm ông là võ-quan: hoàng thứ tư danh là *Hướng* làm Tiết-chế tước Thành-quận công, hoàng thứ sáu danh là *Diệt* làm Tiết-chế, hoàng thứ bảy danh là *Kính* làm Cai-đội rồi Chưởng-dinh tước Quận-công, hoàng thứ mười hai danh là *Yến* hay là *Viêm* hay la *Lỗi* làm chức Tiết-chế Chưởng-dinh, tước Quận-công, hoàng thứ mười ba tên là *Đởm* hay là *Trường* làm chức Tiết-chế Chưởng dinh tước Quận-công.

Trong mười tám ông hoàng có năm người nầy là có thể đánh trận giặc nầy, nhưng sách ấy không nói vị nào chỉ-huy trận mười lăm tháng năm 1774 hoặc có dự trận đó, thành ra độc-giả và tôi biết một cách mù mờ.

4. Quảng-Nam.

http://hoangsa.org

« vô số đồ nhu-dụng khác, mỗi quan nồi-loạn đem theo hơn mười hai « chiếc ghe lớn chở đầy ắp những đồ quí giá, các quan ấy đem đồ bảo- « vật kia về chỗ chôn nhau cắt rún của họ. Bọn nồi-loạn phóng hỏa đền « Vua ở trong thành, vô số đình-thự khác của các quan Trào, và chín cái « miếu [1] ở trung-tâm-điểm thành-phố, nơi chín cái miếu nầy người ta thờ

---

1. Các vị Vua nhà Nguyễn, trước Định-Vương *Nguyễn-Phước-Thuần* là :

một / Thái-Tổ Gia-Dủ Hoàng-đế danh là *Nguyễn-Huỳnh ;*

hai / Hy-Tôn Hiếu-Văn Hoàng-đế danh là *Nguyễn-Phước-Nguyên ;*

ba / Thần-Tôn Hiếu-Chiêu Hoàng-đế danh là *Nguyễn-Phước-Lan ;*

bốn / Thái-Tôn Hiếu-Triết Hoàng-đế danh là *Nguyễn-Phước-Tần ;*

năm / Anh-Tôn Hiếu-Nghĩa Hoàng-đế danh là *Nguyễn-Phước-Thái* hay là *Ngạn ;* Trần-Trọng-Kim gọi là *Nguyễn-Phước-Trăn.*— Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, tr. 8.

sáu / Hiển-Tôn Hiếu-Minh Hoàng-đế danh là *Nguyễn-Phước-Châu* hay là *Tùng ;*

bảy / Túc-Tôn Hiếu-Ninh Hoàng-đế danh là *Nguyễn-Phước-Thọ ;* Trần-Trọng-Kim gọi là *Nguyễn-Phúc-Trú.*— Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, tr. 9.

và tám / Thế-Tôn Hiếu-Võ Hoàng-đế danh là *Nguyễn-Phước-Hoạc* hay là *Hiển ;* tôi đã kiếm trong Đại-Nam Quấc-âm Tự-vị, Tự-Điển Đ D. Anh, Việt-Nam Tự-Điển, Tự-Vị Génibrel cũng không có tiếng hoạc nầy, có lẽ ấn-công sắp lầm chữ T ra chữ C chăng?

Các danh-sách đều của Liên-Đình Tôn-Thất-Hân, sách Tiên-Nguyên..., tr. 13, 23, 30, 34, 41, 44, 53 và 57.

Trần-Trọng-Kim gọi Nguyễn-Phước-Hoạc là *Nguyễn-Phúc-Khoát.*— Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, tr. 10.

Trên bài nói tới chín cái miếu thờ chín nhà Vua. Nếu kể Triệu-Tổ Tịnh-Hoàng-Đế *Nguyễn-Kim* thì chín miếu, nhưng không có chôn ông nầy trong Quảng-Nam-quốc mà ở tại Thanh-Hóa. Có lẽ là Hoàng-phái tính vô luôn

Một việc khá rắc rối và chọc tánh hiếu-kỳ của bạn đọc và chúng tôi không ít là trong Việt-Nam sử-lược, tr. 77 và 78, tác-giả đã nói :

« Lúc đầu, Ông Nguyễn-Hoàng mới vào trấn đất Thuận-Hóa thì đóng « dinh ở làng Ái-tử (thuộc huyện Đăng-Xương, gần tỉnh-lỵ tỉnh Quảng-Trị). « Được 13 năm sau (1570) Ông Nguyễn-Hoàng lại dời vào làng Trà-Bát ở « huyện ấy, tức là Cát-dinh. Đến năm bính-dần (1626) chúa Sãi là ông « Nguyễn-Phúc-Nguyên sắp sửa chống nhau với chúa Trịnh, mới dời dinh « vào làng Phúc-an (thuộc Quảng-điền, tỉnh Thừa-thiên bây giờ) và đổi « chỗ tư sở là phủ.

« Năm bính-tí (1636) chúa Thượng là ông Nguyễn-Phúc-Lan lại dời « phủ vào làng Kim-long (thuộc huyện Hương-trà tỉnh Thừa-thiên)

« Năm đinh-mão (1687) chúa Nghĩa là ông Nguyễn-Phúc-Trăn đem « phủ về làng Phú-xuân, tức là đất Kinh-thành bây giờ, gọi là chính dinh. « Chỗ phủ cũ để làm Thái-tôn-miếu, thờ chúa Hiền.

(*Xem tiếp trang 54*)

http://hoangsa.org

« chín Nhà Vua đã trị-vì quốc-gia Quảng-Nam từ ngày phân tách với « Bắc-Hà [1]. Bọn nổi-dậy tàn phá dữ-dội, khi thấy rằng quân Nhà Vua « đánh đuổi chúng trốn ra khỏi thành. Đạo-quân Nhà Vua phải hết một « tháng mới chiếm lại đặng toàn tỉnh, bọn nổi-dậy chỉ dang ra xa xa con « sông mà không đi thật xa; mỗi chiến-thuyền Nhà Vua chở lối năm « mươi người lính và ba khẩu đại-bác, nhiều võ-khí và súng tay.

« Hồi hai năm trước, Nhà Vua có xuống lịnh cho phép hai tàu ở « Mã-Cao đến Quảng-Nam-quốc làm thương-mại với nước nhà. Đương « lúc nầy hai tàu ấy lại đến Đà-nẵng. Khi chúng tôi hay đặng tin tức, « chúng tôi nhờ sự trung-gian của một ông quan có Gia-Tô-giáo của đạo « binh Nhà Vua nói với quan thị-trưởng, chú [2] Nhà Vua, cho phép « chúng tôi xuống cảng và gặp bọn thương-gia Mã-Cao. Sau khi chi ra « nhiều bạc và dâng nhiều tặng-phẩm Huynh-Trưởng *Fernand* và tôi « đặng lịnh-chỉ ấy; chúng tôi liền đi từ Thien-doa xuống cảng. Noi theo « thủy-lộ, chúng tôi phải đi hết một ngày rưỡi mới đến Đà-Nẵng. Khi « tới chúng tôi liền lên trên tàu. Chúng tôi ở đó bốn ngày, rồi Huynh « Trưởng *Fernand* đi lên Trào-đình, vì viên thuyền-trưởng đã lên đó. « Còn tôi thì tôi ở trên tàu, tới khi chú của Nhà Vua sai hai vị quan và « lính đi kiếm tôi.

Tôi đi về từ châu-thành Cham [3] đến Hội-An, đem theo một tặng « phẩm đáng giá lắm để dưng cho chú Nhà Vua. Ông nầy tiếp rước tôi « với một cảm-tình nồng hậu quá sức và sau khi đàm-thoại với tôi mới « hỏi tôi có nguyện-vọng gì chăng? Tôi trả lời rằng: Bẩm quan, lấy tư « cách là chú Nhà Vua, tôi yêu-cầu quan tâu lên Nhà Vua ban cho một « cái thẻ bằng loại kim [4] cho phép tôi đặng tự-do đi đó, đi đây, không

---

« Năm giap-tí (1744) Vũ-Vương mới xưng vương hiệu, đổi phủ ra « làm điện, sửa sang phép tắc, và định triều-phục.

Nay lại Cha Jumilla nói: « Chín cái miếu ở trung-tâm thành-phố « nơi chín cái miếu nầy, người ta thờ chín Nhà Vua đã trị-vì quốc-gia « Quảng-Nam từ ngày phân cách với Bắc-Hà », Trào-đình, cũng ở trong thành-phố Quảng-Nam và cũng chưa có tỉnh Thừa-thiên.

Cha Jumilla được Tây-Sơn mời ra chỗ Trào-đình ấy, thì Cha Jumilla nói sự thật.

Vậy tôi xin thỉnh-giáo với các bực thức-giả về vấn-đề nầy.

1. Từ năm Nhâm-Tí 1672 tới năm nầy là Giáp-Ngọ 1774, Bắc-Hà chia rẽ Quảng-Nam-quốc tại Linh-giang tục gọi là sông Gianh.

2. Xin coi ở số 2, trương 52.

3. Theo trên đây thì Đà-Nẵng cũng có tên là thành-phố Cham.

4. Thẻ bằng loại kim trên đó có khắc lịnh của Nhà Vua [nữ-học-giả chú-thích].

http://hoangsa.org

« người nào cản ngăn được. Tức thì ông ấy theo lời xin của tôi, tôi thoả « mãn lắm, tôi cáo từ ông miệng nói biết ơn ông quá đỗi. Khi tôi về Hội-An, « tôi liền gởi vài món tặng-vật khác, thuốc để uống và vài tế-xảo-vật « khác mà Huynh-Trưởng *Martin Palao*, [1] gởi cho tôi. Chú Nhà Vua « rất bằng lòng nên từ đó về sau quan trở nên bằng hữu với tôi ; bây « giờ, tôi muốn gì là quan cũng chấp-thuận hết. Dầu cho có việc hệ-trọng « nào, với các tặng-phẩm, người ta cũng dàn xếp đặng với người Quảng- « Nam-quốc ; về điểm nầy chính Nhà Vua cũng thế.

« Tám ngày sau, bọn nổi-dậy đột-ngột trở lại với một quân-số hùng- « hậu, và tái-tấn-công chống đạo-quân Nhà Vua. Quân nầy vừa mới làm « chủ được tỉnh Cham. Bọn nổi dậy cưỡng-bách quân Nhà Vua chạy « trốn và rút vào trong châu-thành. Nơi nầy, bọn họ vây hãm quân Nhà « Vua. Sau ba ngày đăng đẳng giao-tranh, ba ngày lễ Pentecôte [2], quân « Nhà Vua phải bỏ châu-thành. Vô số lính bị tử trận trong cuộc giao- « chiến nầy ; bọn nổi-loạn hạ sát bằng giáo một vệ-quan thứ nhì của « Nhà Vua. Nhà Vua phải lên lưng voi chạy lánh mặt, bỏ sáu chiến- « thuyền đạn-dược.

« Đứng trước một sự đảo-ngược tình-hình như vậy, tôi đi kiếm « thuê một chiếc ghe (tôi phải vấp nhiều trở-ngại lắm) và tôi lên Đà- « Nẵng. Tại đây, tôi lên tàu Mã-Cao và, năm ngày, tôi cư-ngụ tại đó. « Nhưng bọn nổi-dậy chiếm hải-cảng nầy, phóng-hỏa nhà cửa, tàn phá « hết trên đường đi của họ. Bây giờ, tôi thấy các vị quan đang đi xuống « chiến-thuyền và bảo chèo thật mau về hướng Trào-đình. Tôi cũng bắt « chước theo và nửa đêm, tôi xuống thuyền, trước một ngày, ngày lễ « Nữ-Thánh Trinité [3]. Tôi phải đến Trào-đình trước một hôm lễ Đức « Chúa Trời [4]. Nơi đây tôi gặp Huynh-Trưởng *Fernand*. Sau khi chúng « tôi thảo-luận cùng nhau coi ai phải làm gì, thì tôi ở lại Trào, Huynh-

---

1. Huynh-Trưởng, *Manlin Palao*, sanh ở Alcazar (Alicante, Tây-Ban-Nha) năm 1720 vô hàng giáo-sĩ ở tỉnh Thánh Jean Baptiste ngày 23 tháng hai 1738 ; đến Phi-Luật-Tân năm 1747, được Bề Trên chỉ-định cho đi Truyền-giáo ở Trung-quốc, giáo-sĩ làm kiểm-sát-viên và điều-dưỡng-viên trong ba mươi năm, giáo-sĩ từ trần ngày hai mươi tám tháng mười năm 1788 (Platero, trang. 477).

2. Là lễ chư Thánh Thần hiện xuống. Lễ nầy là đồng-lễ chớ không phải là định-lễ như lễ Sanh-Nhựt, lễ Các Thánh. Từ ngày lễ Thăng Thiên, cách sau mười ngày là tới lễ chư Thánh Thần hiện xuống.

3. Lễ Nữ-Thánh Trinité sau lễ chư Thánh Thần hiện xuống bảy ngày.

4. Fête-Dieu.

http://hoangsa.org

« Trưởng *Fernand* đi về tàu Mã-Cao với các thủy-thủ, trừ có vị thuyền-« trưởng ở lại Trào, các thủy-thủ nầy có bổn-phận bảo-vệ hai chiếc tàu « và nếu bọn nổi-dậy công-kích hai tàu ấy thì phải kéo neo lên mà chạy « tránh. Nhưng, Đức Chúa Trời khiến, nên không có sự gì đã xảy ra. « Chiếc ghe vừa cặp theo tàu, hai phát súng nổ lên, và nghe có tiếng hỏi « phải là người của phe Nhà Vua. Những người Bồ-Đào-Nha ở dưới « ghe đáp lời rằng họ không thuộc vào phe nào, họ đến đó để buôn bán, « và không xen lộn một mảy may nào vào trận chiến-tranh giữa hai bên. « Sau khi nói như thế, bọn nổi dậy không chú-ý đến hai chiếc tàu ấy « nữa. Các nhà thương-mại trên tàu rất buồn bã là bán không đặng hàng « của họ ; vài người trong bọn ấy ngó thấy tự bắt buộc cư-ngụ ở Quảng-« Nam-quốc đến năm tới. Còn hai tàu sẽ nhổ neo đi Mã-Cao với nhiều « ớt. Nhơn dịp đó, tôi viết cho Cha các bức thơ nầy. Những người Bồ-« Đào-Nha trên tàu nói rằng tháng hai qua sang năm họ sẽ trở lại. Cầu « Trời cho ý nguyện ấy thực-hiện đặng đúng như lời họ đã nói !

« Bọn nổi-dậy chiếm-cứ tất cả Quảng-Nam-quốc chí đến những ngọn « núi gần bên Trào-đình. Từ hồi nào đến bây giờ bọn họ không làm chủ « được Trào-đình. Chúng bao vây châu-thành cốt ý để châu-thành đói. « Kim-Thượng và các quan ngó thấy phải khởi-sự chiến-tranh lại như « hồi ngày hai mươi chín tháng bảy [1]. Người ta đồn rằng bọn nổi-loạn « trốn hết và đạo quân Nhà Vua làm chủ lại châu-thành Cham [2]. Một điều « chắc chắn hơn hết là Trào-đình phải chịu đói kém, vì Trào-đình không « sanh sản gì đặng và tất cả sản-phẩm đều ở ngoài đem vào. Một cavan [3] « gạo giá hai patacas [4] rưỡi ; một con gà, ba réaux [5] và khổ nhọc lắm mới « tìm đặng một con gà, và *sic de cœteris*.

« Bọn khởi loạn chiếm-cứ các tỉnh miền Nam, trừ ra tỉnh Ray-gon [6]

---

1. Xin coi lại đoạn « Cuộc khởi-nghĩa ở Quảng-Nam-quốc... » lối chỗ « Chừng hai mươi ngày sau sau khi bọn... tới lối nửa tháng chín » thì thấy rõ.

2. Đà-Nẵng.

3. Ở Phi-Luật-Tân, một thùng đựng gạo lối bảy mươi lăm lít [nữ-học-giả chú-thích].

4. Tiền bằng đồng giá-trị bằng sáu centimes [nữ-học-giả chú-thích].

5. Tiền nhỏ của xứ Tây-Ban-Nha giá-trị bằng một phần tư pesata [4 phật-lăng 925], vì xứ Phi-Luật-Tân hồi 1775 còn thuộc về Tây-Ban-Nha nên phải xài tiền của quốc-gia ấy.

4. Tỉnh của xứ Nam-Việt giáp-giới với quốc-gia Cam-bốt [nữ-học-giả chú-thích]. Bây giờ không biết đích-xác tỉnh ấy ở chỗ nào ?

http://hoangsa.org

« và Đồng-Nai [1]. Phó-vương và các quan trong tỉnh Đồng-Nai còn kháng-
« cự, mặc dầu nhiều cuộc công-kích có đầy tử thương bên phe Nhà Vua.
« Người ta thuật lại là đạo-binh Đồng-Nai có làm chủ trở lại bốn tỉnh
« và bọn nổi-loạn chạy trốn. Nhưng không có lấy một ghe chở lúa ra
« Trào-đình, trong khi đó, tháng sáu mỗi năm về trước, hơn ngàn chiếc
« ghe chở khẩm lúa đến đây. Chúng ta tới giữa tháng tám, mà chúng ta
« chưa thấy một chiếc ghe nào chở lúa đến. Vậy thì hơn một năm rồi
« chúng tôi không có ý-thức đến sức khỏe của Huynh-Trưởng Ủy-viên
« *Salguero*, hay là các giáo-sĩ khác dưới Nam. Chúng tôi không có phương-
« tiện để gởi tới các người ấy rượu vang lễ, bột mì và đồ vật khác. Các
« giáo-sĩ ở Mã-Cao gởi những đồ kể trên cho Truyền-giáo-hội chúng tôi.
« Tất cả các đường biển và đường bộ đều bị cản ngăn bởi bọn nổi-loạn.
« Ý muốn của Chúa đã vậy, và tất cả đều thành-tựu trong danh-dự của
« Chúa. [2]

NGƯỜI BẮC-HÀ CHIẾM CỨ TRÀO-ĐÌNH HUẾ.

Gần cuối năm 1774 [3], trước sự bất-hòa đang ngự-trị giữa Kim-Thượng và các quan, một người [4] trong các quan quan-trọng trong Trào bí-mật phản-bội lại bằng thông tin tức những biến-cố trong Trào nội cho Bắc-Hà. Người đã nói với Vua Bắc-Hà cuộc nổi loạn cách mạng của ba anh em Tây-Sơn và cũng thốt ra sự bất-bình trong dân-chúng. Người hứa sẽ giúp sức Vua Bắc-Hà trong trường-hợp Bắc-Hà muốn chiếm-cứ Quảng-Nam-quốc vô trật-tự như vậy.

Vua Bắc-Hà [5] liền nắm cơ-hội ấy. Ông xuống lịnh cho vài vị võ-quan trong đại-binh của Ông. Các vị nầy đặng Ông tín-nhiệm. Ông xuống chiếu cho một phần lớn của đạo-binh Ông, căn-dặn họ kín tiếng đừng nói ra mục-đích chơn thật là: thôn-tính quốc-gia khốn khổ kia. Những người Quảng-Nam-quốc bất cần có lòng tin cậy hoàn-toàn vào những công-văn mà lính Bắc-Hà đưa ra; người Quảng-Nam-quốc cho lính Bắc-

1. Đồng-Nai là Lục-Tỉnh, chớ không phải là tỉnh như trên kia đã nói và Lục-Tỉnh đã thành hình rồi.

2. Thơ gởi cho Cha *Provincial*. Thủ-bút của Cha *Jumilla*, bốn trương; 305 × 205 mm.

3. Năm Giáp-Ngọ.

4. Không biết người nầy tên là gì? Sách của Liên-Đình Tôn-Thất-Hân cũng không thấy đề-cập đến.

5. Lúc nầy ở ngoài Bắc-Hà Vua là *Lê-Hiển-Tôn* niên-hiệu Cảnh-Hưng, còn nắm binh quyền là chúa *Trịnh-Sâm*. Đây là Tĩnh-Đô-Vương Trịnh-Sâm chớ vua Lê-Hiển-Tôn là hư-vị.

http://hoangsa.org

Hà vào đóng đồn nơi một trong nhiều chiến-lũy của mình [1]. Tại đây, các quan Bắc-Hà, nhơn danh Vua của họ, gởi một công-điệp cho Trào-đình Quảng-Nam-quốc, khiếu-nại về một vị tướng [2] của Nhà Vua Quảng-Nam. Huê-Vương [3] tưởng rằng nếu đem vị tướng ấy giao cho binh Bắc-Hà ắt đạo-binh ấy sẽ qui-thuận theo Nhà Vua Quảng-Nam-quốc. Nhà Vua xuống chiếu trả lời với binh Bắc-Hà rằng họ cứ yên tâm đóng nơi chiến-lũy ấy và họ thế nào cũng đặng thỏa mãn. Nghe được âm-mưu đen tối, vị tướng bị hăm dọa trốn lánh vào rừng, nhưng vị tướng ấy lại lọt vào tay lính Nhà Vua, và Huệ-Vương truyền đem hắn giao cho lính Bắc-Hà [4]. Nhưng vì nguyện-vọng đặng thỏa thích, mà binh Bắc-Hà cứ nhắm hướng Trào-đình tiến tới, Nhà Vua đâm nghi hoặc. Nhà Vua tập hợp đạo-quân lại và tấn-công binh của hoàng-thân Nhiêu lối mấy tháng đầu năm 1775 [5]. Mới chạm trán lần thứ nhứt, đạo-binh của Nhà Vua chạy tán loạn với các võ quan. Huệ-Vương trải qua cơn nguy-hiểm tột mức, Nhà Vua phải chạy rút vào tỉnh Cham. Nhà Vua hấp-tấp quá đến đỗi bỏ cả vàng bạc châu báu. Người ta nói là kho ấy nhiều tiền lắm. Binh Bắc-Hà chiếm cả tiền bạc châu ngọc ấy. Bấy giờ, Nhà Vua có hai kẻ nghịch-thù thay vì một và do đó mà sự an-ninh bị hăm dọa. Huệ-Vương xuống thuyền và cả gia-đình đều vô trong xứ Đồng-Nai, nơi đây có người bằng-hữu của Nhà Vua là *Mạc-Thiên-Tứ*, tổng-binh đại-đô-đốc [6] ở tỉnh Cang-Cao [7]. Có thể ông nầy sẽ trợ giúp Nhà Vua.

1. Lũy Trấn-Ninh.— Trần-Trọng-Kim, Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, tr. 88, h. 7.

2. Tên tướng ấy là *Trương-Phước-Loan* làm chức Quốc-phó, muốn làm chi thời làm, không sợ ai cả. Người ta gọi Trương-Phước-Loan là Trương-Tần-Cối.— Liên-Đình, tr. 69 và hàng đầu tr. 70.

3. Tôi chắc tiếng Huê là Huệ, song *Huệ-Vương* và *Duệ-Tông* khác nhau. Có lẽ Cha *Diego de Jumilla* phân biệt không đặng hai tiếng *Huệ* và *Duệ* nên viết lầm như vậy. Đây sắp đi, tôi gọi là Huệ-Vương.

4. Hai quan đem giao Trương-Phước-Loan cho binh Bắc-Hà là *Tôn-Thất-Huống* và *Nguyễn-Cửu-Pháp*.— Liên-Đình Tôn-Thất-Hân, sách Tiên Nguyên Loát Yếu Phổ tr. 76, hàng áp chót và hàng chót.

5. Năm Ất-Mùi.

6. Tiên-Thái-Công Mạc-Cửu làm chức Khai-Trấn Thượng-Trụ-quốc đại-tướng-quân lúc đã mãn phần, còn Mạc-Thiên-Tích được thế-tập chức Tổng-Binh đại-đô-đốc.— Văn-Hóa Nguyệt-san số 61, th. sáu, 1961, tr. 556.

7. Hồi thuở nhỏ tôi đi học thấy có hai tiếng Cang-Cao, ra ngoài đời không nghe gọi hai tiếng ấy nữa mà gọi là Hà-tiên (a), sau đọc sách thấy gọi là Phương-Thành (a), Mang-Khảm Chân-Lạp (a), lại sách khác gọi là Thục-quốc (b), Trúc-Phiên-Thành (b), Đồng-Trụ-trấn (b). Đến nay lại nghe kêu Cang-Cao trở lại; xin quí bạn đọc lưu-ý chắc là Cang-Cao chỉ nghe các nhà giáo-sĩ gọi mà thôi.

(a) Văn-Hóa Nguyệt-san số 61, tr. 554.

(b) Đại-Nam Nhất Thống chí, Lục-Tỉnh Nam-Việt, tập hạ.

http://hoangsa.org

HUỆ-VƯƠNG TỪ NGÔI ĐỂ CHO CHÁU LÊN NGAI VÀNG. CẢ HAI ÔNG VUA ĐỀU BỊ HẠ-SÁT.

Theo lời khuyên nhủ của Nguyen-Cuu-Dat [1], Huệ-Vương từ ngôi để cho cháu là Duong [2] lên ngôi vị Vua. Thế ấy, Huệ-Vương giải hòa với phần đông với những người đối-lập chống ông và gỡ cái cớ của Tây-Sơn nằng nằng quyết một đòi hỏi người con trai của hoàng-thân Hien [3]. Nguyên-Nhac [4] gọi đạo-binh của mình là « chiến sĩ của Hang-ton » [5], cháu nội của Huệ-Vương.

Dân-gian mạng danh những lính tráng bảo-vệ Nhà Vua là *Dong son* [6]. Theo Cha *Jean de Jésus*, tên *Dong son* khởi sự xưng danh-tánh trong tỉnh Tam-lach [7]. Chúng bảo-vệ đường-hoàng Nhà Vua; nhưng mà chúng nghịch lại với chánh-sách bất tài của các quan. Những sự lầm lỗi liên-tục của các quan bắt buộc Dương phải lưu-đô vô trong tỉnh Quảng-Nam, núp bóng theo Nguyễn-Cửu-Dật, ông nầy cai quản các tỉnh miền Nam còn trung-thành với Nhà Vua.

---

1. *Nguyễn-Cửu-Dật*

Nguyễn-Cửu-Dật cháu năm đời của Cửu-Kiều, người dũng lược, có tài tướng soái. Khởi đầu làm Hữu-thiệp đội-trưởng. Năm Quí-Tị (1773), Tây-Sơn cướp lấy Quảng-Nam. Dật đem binh bản-bộ đánh úp, quân Tây-Sơn tan rã. Dật được thăng Tả-quân Đại-đô-đốc Du-quận-công. Dật làm tướng, hay đem quân số ít đánh quân số đông, trải qua trên mười trận đều thắng cả, quân địch cả sợ; ở trong đám quân sánh ông với Hàn-Kỳ và Phạm-Trọng-Yêm vậy. Năm Giáp-Ngọ (1774) quân Trịnh đến xâm nhiễu; Duệ-Tôn chạy vào Nam, Dật đem chiến-thuyền hộ-tùng, gặp gió úp thuyền chết. — Đại-Nam Nhất Thống chí, Thừa-Thiên-phủ, t. trung. tr. 33 và 34.

2. *Dương* hay *Nguyễn-Phước-Dương.*

Dương hiệu là Hoàng-Tôn, con ruột của ông hoàng thứ chín là *Hiệu*, ông nầy là con của *Hiếu-Võ Hoàng đế*. Dương được làm Đông-Cung, năm Ất-Mùi 1775 lên ngôi được phong là Tân-Chánh-Vương — Liêu-Đình Tôn-Thất-Hân. tr. 63.

3. Hiện là lầm, phải là Hiệu.

4. Nguyễn-Nhạc.

5. Hoàng-Tôn.

6. Đông-Sơn.

7. Định-Tường.

Năm Kỷ-Mùi 1679, tướng nhà Minh là *Dương-Ngạn-Địch* vưng lịnh Vua Hiếu-Minh Hoàng-Đế *Nguyễn-Phước-Châu* vô Mỹ-Tho và lập ra chín trường biệt-nạp: Qui-an, Qui-hóa, Cảnh-dương, Yên-mụ, Quản-tác, Hoàng-tích, *Tam-lạch*, Bả-canh và Tân-thạnh.— Đ.N.N.T.C. tỉnh Định-Tường, tr. 99.

Sao lại không gọi Mỹ-Tho hoặc Định-Tường mà lại là Tam-lạch? Chuyện khó hiểu.

http://hoangsa.org

Năm 1776 [1], một ngày nào đó, Nhà Vua từ ngôi là Huệ-Vương đi với người em [2] đến nhà của Cha *Diégo de Jumilla*, Huệ-Vương và em đang bị giặc rượt nột lắm. Thấy thế nguy-hiểm tột mức, Cha *Diégo de Jumilla* đem giấu hai ông dưới giường nằm của Cha. Các nghịch-thù của hai ông không thế nào kiếm hai ông trong phòng ngủ của Cha. Muốn thưởng cái công ấy và nhiều cái ơn khác, Huệ-Vương ban cho Cha *Jumilla* tước quan đệ-nhứt hạng của quốc-gia.

Lúc bấy giờ, Huệ-Vương đang tại xứ Bến-Nghé, tỉnh Tam-lạch. Ông ở trong một cái nhà không có chút gì gọi là lộng lẫy. Người ta phải lấy cây ván nhà thờ của các giáo-sĩ thuộc dòng Franciscains mà cất một cái nhà có đủ tiện-nghi. Nhà thờ nầy các giáo-sĩ Franciscains kiến-trúc tại châu-thành. Khi chờ đợi người ta cất nhà mới, Huệ-Vương sống trong cái nhà lá. Tháng sáu năm 1776 [3], Huệ-Vương về dinh-thự mới với các quan Trào-đình. Tháng nầy, bọn Tây-Sơn chạy trốn hết để cho Đông-Sơn làm chủ đất-đai. Võ-khí của Đông-Sơn không đủ cho chiến-sĩ sử-dụng, vì bọn Tây-Sơn lấy hết khí-giới trong tỉnh thành, nhưng Đông-Sơn rất tin cậy võ-khí của mình, sản-phẩm của sự phát-minh của Đông-Sơn. Theo lời thuật của Cha *Jean de Jésus*, khí-giới ấy làm bằng một loại cây cầm tay có gai [4], có rất nhiều trong rừng, chúng chặt cây ấy, để nguyên gai, cong cong như vô số lưỡi câu, và một cây sào dài, trên đầu có gắn lên lối chừng ba hoặc bốn *liu* [5] dầu hắc có lá bao bọc chung quanh, làm như cây đèn sáp, khi muốn sử-dụng võ-khí ấy trong trận chiến, bọn Đông-Sơn đốt dầu ấy, dầu chảy ra; bọn Đông-Sơn cầm nơi đầu không dầu và quơ bên mặt rồi bên trái, cũng như dụng-cụ rải nước thánh, những người nào nhận nước thánh ấy thì về chầu ông vãi, hay ít nữa cũng phỏng nhiều. Bọn Đông-Sơn lại dùng dây mây có gai mà vụt qua bên địch quân, bọn nầy không thể cựa quậy được và bị túm ngay như cá mắc phải nhiều lưỡi câu, tập-quán của bọn Tây-Sơn là chiến-đấu khỏa-thân nên không quần áo nào bảo-vệ chúng chống gai chông [6].

---

1. Bính-Thân.
2. Ông Hoàng thứ mười bảy tên là Xuân:— Liên-Đình, tr. 64.
3. Bính-Thân.
4. Mây chà giăng.
5. Một liu (livre) non nửa kí-lô bây giờ.
6. Huynh-Trưởng *Jean de Jésus*.— Thơ gởi cho Cha Provincial, đề tháng năm năm 1777 (Đinh-Dậu). Thủ-bút không đủ: bốn tờ 320 × 225 mm; tờ thứ nhì và tờ thứ tư thiếu [lời chú-thích của nữ-học-giả].

http://hoangsa.org

Cuộc sử-dụng thứ lợi-khí ấy cấm từ hồi nào đến bấy giờ; chỉ có bọn cướp là dùng đến nó. Nhưng vì nhờ có nó mà bọn Tây-Sơn bị đánh đuổi đi, nên từ đó sắp đi, nó được liệt vào hàng khí-giới. Nhà Vua và tất cả dân-gian đều kinh sợ loại ấy.

Một khoảng thời-gian mù mờ nối tiếp sau đó. Huệ-Vương và cháu của ông là Dương làm sở-hữu-chủ trở lại những tỉnh đã mất, nhờ có đại-tướng Tong-Phu-Hop [1] và nhờ có tổng-binh ở Cang-Cao là Mạc-Thiên-Tứ giúp sức. Còn về phần Tây- Sơn, dưới sự bảo-vệ của Houng-Ngu-Phu [2] đại-tướng Bắc-Hà, Nguyễn-Văn-Nhạc đánh bật các ông ấy từ vị-trí ra và chạy trốn. Một trong nhiều trận chạm trán như vậy, bọn Tây-Sơn câu-lưu đặng hoàng-thân Dương [3]. Muốn cho được dân-chúng mến yêu, Nhạc đối-đãi với hoàng-thân Dương rất mực ôn-tồn. Nhạc dưng một trong nhiều đứa con gái của Nhạc cho Dương để hầu-hạ Dương và Nhạc khuyên Dương nên tuyên-bố làm vua Quảng-Nam-quốc. Nhạc bảo người gieo rắc trong khắp tỉnh rằng sở dĩ Nhạc gây giặc là muốn cho chánh-phủ bất tài phải bị tiêu-diệt, rằng Nhạc không muốn lên ngai vàng, mà chỉ có ý-nguyện là đem về cho dân-gian một Nhà Vua có đức-vọng kiếm trong hoàng-gia. Hoàng-thân Dương không muốn kết-duyên cùng nàng con gái của Nhạc; nhưng, hoàng-thân Dương là con người cẩn-thận và muốn tránh mọi sự phiền toái trong tương-lai, hoàng-thân ở cùng một nhà với nàng trong sáu tháng, nhưng chẳng ăn chung và cũng không nằm chung với nàng. Sau rốt một đêm nọ [4], hoàng-thân để trên giường nằm của hoàng-thân một cái hình nộm, lẻn đi trốn vào trong núi You-voi [5] trong tỉnh Tam-lạch. Trong một

1. Tống-Phước-Hiệp. Chết năm Bính-Thân 1776, nay có đền thờ tại châu-thành Vĩnh-Long. — Đào-Văn-Hội, sách Danh nhân nước nhà, bài của Lê-Thọ-Xuân, tr. 6.

2. Hoàng-Ngũ-Phúc.

3. Hoàng-thân Dương bị câu-lưu có lẽ là ở Câu-Đê tỉnh Quảng-Nam.

4. Hoàng-thân Dương lẻn trốn đêm mồng tám tháng tư năm Bính-Thân [1776].—Ngày tháng âm-lịch chép theo Aubaret, Histoire et... tr. 199.

5. Tỉnh Tam-lạch chẳng có núi, và ở Nam Việt-Nam núi gọi là You-voi thì thật là không. Có ba cái gò gọi là Tam-phụ (kêu theo sách vở), tục thường gọi là ba giồng:

một/ Gò Yến [nghe người ta kêu giồng Cái Én];

hai/ Gò Kỳ-lân;

ba/ Gò Qua-qua. [Không biết hai gò sau kêu bằng giồng gì?] Ba giồng nầy là nơi tụ-nghĩa của *Đông-Sơn Đỗ-Thanh-Nhơn*.— Đại-Nam Nhất Thống chí, Lục-Tỉnh Nam-Việt, quyển hạ, tỉnh Định-Tường, tr. 106. Chắc là Cha *Jean de Jésus* muốn nói đến Ba Giồng ở Định-Tường.

Thơ của Cha *Jean de Jésus* thâu ngắn không-gian lại, thay vì nói cho đủ từ ngoài Trung vô trong Đồng-Nai phải đi ghe trong một thời-gian bao nhiêu ngày mới tới.

http://hoangsa.org

bức thơ của Cha *Jean de Jésus* gởi cho Cha *Provincial* [1] có thuật như thế nầy:

« Nhạc chọn Nhà Vua mới, cháu kêu Nhà Vua cũ bằng hoàng-thúc, « nhưng Nhà Vua mới đã đi lánh mặt trong tỉnh Tam-lạch, trên núi « You-voi. Bọn lính tráng ở tỉnh ấy tập-hợp lại, và dân-chúng kêu là « *Đông-Sơn* [2] để đối chọi với Tây-Sơn. Đông-Sơn đang lo bảo-vệ Nhà « Vua. Trước khi nầy, Cựu-Vương và Tân-Vương ở trên tỉnh Saigon [3] « tại Trào-đình Bến-Nghé [4], nhưng lúc đó trên Bắc bọn Tây-Sơn, ở dưới « Nam bọn *Đông-Sơn* đồng một lòng tấn-công bọn *Sangleyes* [5], Tân- « Vương tự cưỡng-bách phải chạy trốn trong núi You-voi và đạo-binh « *Đông-Sơn* bảo-vệ Tân-Vương. Bọn *Sangleyes* hạ-sát bất cứ ai rơi vào tay chúng. Thế ấy, bọn Tây-Sơn làm chủ-nhơn-ông Trào-đình Bến-Nghé...

« Tới ngày nay, chúng tôi đau khổ dữ lắm về các sự biến-động ở « trong tỉnh nầy do cuộc nổi loạn dấy lên. Lần lượt chúng tôi phải chịu « như:

« Thứ nhứt, bọn Tây-Sơn. Chắc hẳn Cha có nghe nói chuyện lại « những thành-tích [bất hảo], và tất cả những gì chúng đã hành-động « năm ngoái;

« Thứ nhì, bọn *Đông-Sơn*, bọn nầy chống lại và đánh đuổi bọn « Tây-Sơn;

---

1. Thơ của Huynh-Trưởng *Jean de Jésus* gởi Cha *Provincial*, đề ngày hai mươi mốt tháng sáu 1777. Thơ viết tay, hai tờ giấy cỡ 320 × 225 mm. [lời chú-thích của nữ-học-giả].

2. Tiếng gọi Đông-Sơn tự giải-nghĩa là gốc gác ở hướng Đông, trong lúc ấy Tây-Sơn ở núi mé Tây. [lời chú-thích của nữ-học-giả].

3. Hồi năm Đinh-Dậu 1777, Saigon tức là Sài-Côn ở Chợ-Lớn [đường Triệu-Quang-Phục bây giờ, hồi Pháp chiếm, Pháp kêu là rue de Canton, người Việt gọi là Quảng-Tống-Cái] còn gọi Chợ-Lớn là Tân-Kiểng [nay còn đình Tân-Kiểng] trong sách gọi là Tân-Cảnh-thị. — Đ.N.N.T.C., Lục-Tỉnh Nam-Việt, tập thượng, tr. 74

Hẳn là tỉnh Saigon bao gồm cả chợ Saigon xưa, Chợ-Lớn xưa và tới Bến-Nghé xưa, nhưng hồi nầy đã có Lục-Tỉnh rồi, tỉnh Saigon đâu có trong danh-sách Lục-Tỉnh,

4. Hồi Bính-Thân 1776 Trào-đình Bến-Nghé ở chỗ « Ban Chỉ-huy « Thương-cảng bây giờ, chỗ nầy là một điểm của đồn, và nơi trú-sở của « các phái-viên Hoàng-gia vào ở đó, cũng ở chỗ nầy Duệ-Tông, Mục- « Vương [Đông-cung Dương sau truy-tặng tên nầy. — Liên-Đình, tr. 74] và « Gia-Long vào trú đóng ». — Pétrus Ký, Souvenirs historiques... tr. 21.

5. Hòa-Ngãi. Cha Jean de Jésus dịch hai tiếng *Hòa-Ngãi* bằng một tiếng *Sangleyes*, thật xa có đến vạn dặm.

http://hoangsa.org

« Thứ ba, đạo binh *Sangleyes*, từ các tỉnh trên xuống tới đây và « chúng hành-động tàn-ác bằng Tây-Sơn và *Đông-Sơn* nhập lại ;

« Thứ tư, chiến-tranh, bọn những thằng khốn kiếp ấy tự dấn thân « vào, nhưng mới vào trận đầu bọn *Đông-Sơn* đã thua ngay ;

« Thứ năm, bọn Cam-bốt, bọn nầy chiếm-cứ tất cả các tabangas [1], « người Quảng-Nam-quốc làm sở-hữu-chủ từ giang-cảng Bassac [2] tới « Trào-đình của Nhà Vua, nghĩa là, nếu thuận con nước, xuôi chiều gió « thổi thì phải một hải-trình sáu ngày ;

« Thứ sáu, một đại-tướng người Quảng-Nam-quốc tấn-công bọn « Cam-bốt, trước kia chúng cưỡng-đoạt đất-đai và ghe thuyền của Nhà « Vua Quảng-Nam-quốc, nay chúng thối lui và phải hoàn lại ;

« Thứ bảy, bọn *Sangleyes* xâm-lăng lần thứ nhì ; một trong những « đội-quân của chúng từ Trào-đình thẳng xuống tỉnh Tam-lạch ; chúng « nó chủ-trương rằng sẽ bắt hết bọn ăn cướp *Đông-Sơn* và tảo-thanh « quốc-gia thoát khỏi đồ súc-sanh ấy, trong đó thì lũ ấy còn dã-man « hơn hết thảy bọn đầu trộm đuôi cướp, vô-nhơn-đạo hơn tất cả ; nhưng, « không có người nào dám chống ngăn lũ ấy đừng cho chúng thi-hành « những điều ác-hại ; sau khi bọn hắn đánh *Đông-Sơn* phải chạy trốn, « chúng trở về Trào-đình Bến-Nghé ;

« Thứ tám, cuộc tái-hồi của Tây-Sơn ; năm ngoái sau khi bị *Đông-* « *Sơn* càn quét, Tây-Sơn hứa sẽ trở lại, năm nay, Tây-Sơn giữ lời hứa « ấy, và có lực-lượng quân-số thật hùng-hậu, một đạo thủy-quân, một « đạo lục-quân đồng tiến vô Bến-Nghé ;

« Thứ chín, Tây-Sơn bị trục-xuất và hồi hoàn lần thứ ba [3] cũng « trong năm nầy. Trong trận tấn-công lần thứ ba nầy, Tây-Sơn tiêu- « diệt hết *Đông-Sơn* và chiếm-cứ tất cả quốc-gia Quảng-Nam. Nhà Vua « phải bô-bá xuống Can-thu [4]. Hiện giờ Nhà Vua cũng như tôi ngày nay, « nghĩa là đau bịnh, nằm trên chiếc ghe nhỏ, những nỗi hiểm-nguy bao « bọc chung quanh Ngài. Nhà vua đi kiếm chiếc tàu ở Mã-Cao ấy, song « theo người ta nói tàu ấy đỡ neo tách bến rồi. Còn tôi thì tôi không « muốn thối chí ngã lòng. Để trấn tỉnh tinh-thần, tôi vẫn giữ hi-vọng

1. Sở Thương-Chánh [lời chú-thích của nữ-học-giả].
2. Trấn-Di ở thân dưới Trấn-giang [Cần-thơ].
3. Từ tháng một đến cuối tháng sáu, Tây-Sơn vô ra đến hai lần, lần đầu tiên thuộc về năm Bính-Thân 1776 tính theo d.l. thì ba lần.
4. Cần-Thơ.

http://hoangsa.org

« kiếm gặp chiếc tàu ấy và nếu tìm đặng tôi sẽ gởi cho Cha một bức thơ.
« Chiếu theo ngày nầy, ngày hai mươi mốt tháng sáu, Tân-Vương đang
« lánh mặt ở trong tỉnh Tam-lạch [1], chỉ có một nắm lính theo bảo-vệ
« Ngài mà thôi ».

Năm 1777, quốc-gia chia ra làm bốn phần, mỗi phần đều vưng theo lịnh của một Chánh-phủ độc-lập. Địa-phương ngoài Trào-đình [2] bị Bắc-Việt cai-trị; những tỉnh Qui-Nhơn và Quảng-Ngãi là nơi địa-bàn của Tây-Sơn; Sài gòn thì Trung-Hoa làm sở-hữu-chủ; những tỉnh Đồng-Nai và Tam-lạch thì *Đông-Sơn* trông nom dưới mạng-lịnh của Nhà Vua [3]. Bốn Chánh-phủ đều độc-lập với nhau, mạnh ai cai trị địa-phương nầy.

Tây-Sơn ở Qui-Nhơn câu-lưu lần thứ nhì ông hoàng Dương và bắt đặng Huệ-Vương. Theo những người nầy thì Tây-Sơn hạ-sát cả hai trong tháng mười hai 1777, theo người khác thì năm 1778. Huệ-Vương bị xử trảm ở tại công-trường ở Saigon [4].

---

1. Hồi năm Đinh-Dậu 1777, về phía Tây tỉnh Tam-lạch (Định-Tường) tới Cần-Thơ.

2. Từ Linh-giang sắp vô tới biên-giới phía Nam tỉnh Quang-Nam.

3. Như vầy thì nhơn-dân khó sống và nhơn-dân phải có ý thức sanh-tồn lắm mới sống đặng, không dám qua biên-giới vì lọt ra qua ranh gặp vua khác biết có đối-đãi với mình bằng hồi mình còn ở bên đây chăng? Do đó mà vấn đề lưu thông tắt nghẽn.

4. May bon, tr. 189. *Caluera* có đề-cập đến vấn-đề thì quân nầy ở trang hai mươi hai. [nữ-học-giả chú-thích].

Đông-cung Dương bị Tây-Sơn câu-lưu ở Ba Vác, thuộc cù-lao Minh (a), ở tỉnh Kiến-Hòa (tỉnh Bến-Tre hồi thời trước), mé tay mặt sông Hàm-Luông. Có sách gọi là Ba Việt (b)

Trong trận nầy có *Tống-Phước-Hòa*, nhưng *Hòa* chống không nổi Tây-Sơn, nên bị chết (b)

Đông-cung Dương bị áp-giải về đất Saigon và bị xử tử ở chùa Kim-Chương (c) chưa biết là ngày nào, nhưng về tháng có lẽ cuối tháng chín

(Xem tiếp trang 65)

(a) Bến-Tre gồm hai cù-lao, một bên gọi cù-lao Minh vì các tổng đều khởi sự bằng những tiếng Minh, bên khác thì cù-lao Bảo vì các tổng đều khởi sự bằng tiếng Bảo.

(b) Đại-Nam Nhất Thống chí, Lục-Tỉnh Nam-Việt, t. hạ, tr. 23.

(c) Ngày nay Kim-Chương-tự không còn. Hồi năm Đinh-Dậu 1777, chùa ấy ở bên cạnh thành của Ủy-Hội Quốc-Te giám-sát cuộc đình-chiến ở Việt-Nam bây giờ, nghĩa là kêu theo hồi Pháp là thành Ô-Ma [trong địa-đồ đại-tướng Trần-Văn-Học có biên vị-trí của chùa ấy]. Hiện nay chỗ nầy là một phòng thí-nghiệm dược-học tư. — Coi Pétrus Ký, trong sách Excursions et Reconnaissance, Souvenirs historiques... tr. 29.

http://hoangsa.org

HOÀNG-THÂN NGUYỄN-ÁNH, CHÁU NỘI CỦA HUỆ-VƯƠNG LÃNH TRÁCH-NHIỆM LẬP CHÁNH-PHỦ QUỐC-GIA.

Người lên nối tiếp Huệ-Vương là cháu nội [1] của Huệ-Vương, trước danh là *Chung*, rồi kế đó là *Phúc-Ánh*, sau cùng là *Gia-Tôn* hoặc là *Gia-Long*. Khi quân Bắc-Hà chiếm-cứ Trào-đình Huế, Phúc-Ánh đặng mười lăm tuổi. Phúc-Ánh đi theo Huệ-Vương trong tỉnh Kung-nan [2] rồi sau Phúc-Ánh theo Đông-cung Dương trong lúc cưỡng-bách bôn-bá [3]. Hoàng-thân Ánh lên ngôi năm 1778 [4]. Nhiều lần chống Tây-Sơn, hoàng-thân Ánh thắng trận. Do-Thanh-Nhon [5] và nhiều tướng-lãnh khác yêu-cầu Ngài xưng là đại-nguơn-soái và điều-khiển binh-lực trong nước. Phúc-Ánh khước từ. Vậy Đỗ-Thanh-Nhơn cũng còn làm nguơn-soái trong quân-lực quốc-gia; Nhơn đánh bại Tây-Sơn, xây đắp lũy cho Saigon [6], cho đóng thêm chiến-thuyền và xuống lịnh cho Lê-Văn-Kuang [7] đem binh chinh-phục Binh-Thuận [8], tuy rằng vị tướng nầy chống lại việc yêu-cầu hoàng-thân Ánh lên ngôi vua [9]. Hoàng-thân Ánh mới sai

---

đầu tháng mười năm Đinh-Dậu 1777, vì Đông-cung Dương bị hại trước Duệ-Tôn.

Thái-Thượng-Vương tức Cựu-Vương theo bản dịch trên, bôn tẩu về Kỳ-giang [có lẽ là sông Cái Bé hoặc sông Cái Lớn ngày nay ở tỉnh Kiên-giang], Tây-Sơn đến tập-kích và cầu-lưu đặng ông và áp-giải về Gia-Định, cũng bị Tây-Sơn xử tử ở Kim-Chương tự (a).

1. Xem lại trương 1, cước-chú danh số 3.
2. Có lẽ là trong Nam. Tôi tưởng lại không có hai tiếng nào khác nữa để chỉ một tỉnh không có trong bản-đồ Việt-Nam.
3. Nguyễn-Phước-Ánh không có theo Đông-cung Dương.
4. Mậu-Tuất.
5. Đỗ-Thanh-Nhơn.
6. Nếu là Saigon bây giờ thì kêu bằng Bến-Nghé mới đúng.
7. Lê-Văn-Quân
8. Bình-Thuận.
9. Việc chống lại hoàng-thân Ánh lên ngôi vua chưa hiểu tại nguyên-nhân nào. Ông hoàng thứ chín của vua Hiếu-Võ Hoàng-đế là ông Hiệu, ông nầy làm thế-tử và có một người con trai là Dương đã thọ hại. Hiếu-Định Hoàng-đế thì có độc-nhứt một người con gái tên là Ngọc-Thục. Thế thì còn hoàng-thân nào nữa mà Lê-Văn-Quân chống lại việc lên ngôi của Nguyễn-Ánh để cho hoàng-thân kia lên ngôi vua.

(a) Ngày 18 tháng chín mỗi năm, trên bàn thờ thứ tư, bên tay mặt của Thái-Miếu, lễ kỷ-niệm ngày chết của Hiếu-Định Hoàng-Đế (31-10-1753 — 18-10-1777). — B.A.V. Huế, 1916, trang 435, h. 14, 15, 16.

http://hoangsa.org

một trăm năm chục người qua Xiêm để ký-kết văn-kiện thân-hữu và xin viện-trợ quân-lực để kết-thúc chiến-tranh. Nhưng sự ấy không thành-công, vì một trăm năm chục phái-viên bị ám-sát trên quốc-gia Cam-bốt và nhơn-dân Xiêm thí-quân của họ là PHRA-TAK [1]. Ngày bảy tháng bảy năm 1782 [2], Cha *Castuera* có viết một bức thơ cho Cha *Provincial* như vầy:

« Con số các sứ-thần là một trăm năm mươi người đi qua Xiêm để « yêu-cầu viện-trợ, số nầy bị ám-sát trọn vẹn trên xứ Cam-bốt. Chuyện « nầy khiến người ta không nên lấy làm ngạc-nhiên, khi người ta nghĩ « rằng nhơn-dân ấy thí-quân và các hoàng-thân của họ. Theo lời người « ta thuật lại cho chúng tôi nghe thì gần viện cứu-tế [3] của chúng tôi, bọn « Tây-Sơn giết gần bốn ngàn người Huê-Kiều, vì một vị quan Huê-Kiều « của Nhà Vua đã sát tử một đại-tướng tài nhứt trong quân-đội của Tây-« Sơn [4]. Kết-cuộc lại, vì chiến-tranh nầy, tất cả các xóm đạo của chúng « ta đều bị phá hủy. Tuy rằng vua Xiêm là một người Trung-Hoa lai « cũng bị bề tôi của Vua thí Vua » [5].

Thấy mình thắng Tây-Sơn luôn, hoàng-thân Ánh chủ-trương tổ-chức lại xứ Đồng-Nai vì xứ nầy đã tùy-thuộc hoàng-thân rồi. Hoàng-

---

1. Việt-Nam sử-lược kể lại như vầy:

« Ngay lúc ấy ở bên nước Tiêm có giặc nổi lên, vua nước ấy bị « người Phan-nha-văn-sản đuổi đi cướp mất ngôi. Chất Tri [tướng mà « vua Trịnh-Quốc-Anh sai đi đánh giặc Chân-Lạp] về đến Vọng-Các, sai « người đi tìm quốc-vương là Trịnh-Quốc-Anh đem giết đi và bắt giết cả « Phan-nha-văn-sản rồi tự-lập làm vua, xưng là Phật-Vương... ».— Trần-Trọng-Kim, Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, tr. 93.

Vậy *Phra-Tak* nói trên bài dịch là *Trịnh-Quốc-Anh* vậy.

2. Nhâm-Dần. Ngày nầy nhằm hai hai mươi bảy tháng năm năm Nhâm-Dần.

3. Chợ-Quán.

4. Sách dịch của Aubaret nói như vầy:

« ... Khi nghe tin tướng *Ngạn* đã tử trận, tướng Tây-Sơn *Nguyễn « Văn Nhạc* như người bị chặt cả hai tay.

« Giận dữ vì quân-sĩ Trung-Hoa trong đạo-binh Hòa-Ngãi làm *Ngạn* « phải mạng vong, *Nhạc* đuổi theo chúng, vây đánh khiến chúng rơi đầu hết.

« Không phân-biệt binh-sĩ Trung-Hoa và bọn thương-mại, *Nhạc* hạ-« sát trong dịp ấy hơn mười ngàn người. Từ Bến-Nghé [Saigon hiện nay] « đến Saigon [Chợ-Lớn hiện nay] đất đầy nghẹt xác chết, người ta quăng « thây xuống sông [sông Cầu Ông Lãnh] thành thử sông phải ngưng chảy; « không người nào dám ăn cá trong một thời-gian ít nhứt ba tháng.— Aubaret, Histoire... tr. 195-196.

5. Maybon, tr. 197. Cũng nên xem lại Archives ibéro-américaines, T. XXX, tr. 215 [lời chú-thích của nữ-học-giả].

http://hoangsa.org

thân chia làm ba khu hành-chánh : Tran-bien [1] (Biên-hoa), Phien-Man [2] (Gia-đinh và Dinh-Thuong) [3] và Lon-ho [4] (Binh-long [5] và An-giang) [6].

Đến năm 1780 [7], người ta yêu-cầu hoàng-thân Ánh xưng Vương. Ban đầu hoàng-thân từ-chối sau cùng phải nhận lãnh. Vương lên ngôi báu và tưởng-thưởng rất xứng đáng những người có công lao hạn mã với Vương. Vương cũng công-nhận rằng trong các vị đại-tướng có một mình Đỗ-Thanh-Nhơn là người phụng-sự đắc-lực nhà Vua. Phí hết sức lực để đáp ơn tri-ngộ, Nhơn trùng-tu hạm-đội của Vương, như nào là đóng thêm chiến-thuyền và huấn-luyện thủy-quân, và Nhơn cũng không bỏ phế lục-quân. Người ta nói Nhơn gắng sức dựng lên một đạo-binh ba chục ngàn người và tám chục chiến-thuyền có trang-bị đủ dụng-cụ, khí-giới. Dầu cho công to bao nhiêu, Thanh-Nhơn cũng bị Vương Ánh xuống lịnh xử tử hình. Cái chết của Thanh-Nhơn có kết-quả là làm cho Tây-Sơn vui mừng và làm cho *Đông-Sơn* phẫn uất vì nghe như vậy, Đông-Sơn nổi loạn. Nhà vua mới mất hết thanh-danh. Người Bồ-Đào-Nha ở Mã-Cao có đề cho Nhà Vua ba chiếc tàu thương-mại nhỏ, với mục-đích là tiêu-diệt bọn Tây-Sơn và kẻ nghịch-thù khác. Những người nầy làm quốc-gia chìm đắm trong sự vô-trật-tự và nghèo khổ. Sau khi bất hòa giữa ba chiếc tàu và một người Pháp danh gọi là Manuel [8], vì người nầy dành quyền chỉ-huy ba chiếc tàu ấy ; ra khơi đề tấn-công thuyền của địch-quân, hai chiếc nhắm Mã-Cao đi thẳng, chở trên đó nào là trọng-pháo, nào là thủy-thủ-đoàn và lính tráng của Nhà Vua mới. Chỉ còn lại một chiếc tàu với viên thuyền-trưởng và các sĩ-quan Bồ-Đào-Nha, dưới quyền chỉ-huy của người Pháp. Tức thời có tiếng đồn trong các tỉnh mà Tây-Sơn cai-trị rằng những người *Olanes* [9], nghĩa là người Âu-châu, giúp đỡ Nhà Vua bằng chiến-thuyền. Hạm-đội của Nhà Vua cập bến của Tây-Sơn chiếm giữ ; khi thấy người Pháp chỉ-huy chiếc tàu, khi nghe nói rằng Oung-ca [10] (nghĩa là Thầy Trợ-Tế

1. Trấn-biên.
2. Phiên-Man. Có lẽ là hai tiếng Phiên-An chăng ?
3. Định-Tường.
4. Long-Hồ.
5. Bình-Long. Chắc tỉnh Vĩnh-Long.
6. Maybon, tr. 195 [lời chú-thích của nữ-học-giả].
7. Canh-Tị.
8. Mạn-Hoè. Tên nầy do người Việt âm ra.
9. Hoa-lan. Hồi năm Canh-Tị 1780 về trước, người Việt thấy người da trắng thì gọi là Hoa-lan.
10. Ông Cả. Nữ-học-giả chú-thích là L'Evêque d'Adran [Cha Cả].

http://hoangsa.org

Truyền Đạo) đóng chiếc tàu ấy với sự quỉ quái lắm là tàu ấy lặn và chạy dưới nước đặng, Tây-Sơn kinh hãi đến đỗi trốn mất một cách khiếp nhược, bỏ đó cho Nhà Vua làm sở-hữu-chủ trở lại ba tỉnh nguyên-vẹn. Mới khởi chiến-tranh mà may mắn như vậy, Nhà Vua cử-hành một lễ long-trọng tại Bến-Nghé. Nhưng sự chống đối giữa viên thuyền-trưởng Bồ-Đào-Nha và quân-sự Pháp lại có kết-quả vô cùng thảm-khốc.

Người Pháp âm-mưu ám-hại viên thuyền-trưởng Bồ-Đào-Nha và cả thủy-thủ-đoàn. Muốn có hiệu-năng, người Pháp tưởng-tượng ra một cuộc âm-mưu. Người Pháp thiết một tiệc và mời viên thuyền-trưởng và viên võ-quan che chở cho thuyền-trưởng đến dự; khi cho họ uống rượu say, người Pháp nói với thuyền-trưởng Bồ-Đào-Nha rằng đại-nguơn-soái xuống lịnh đòi thuyền-trưởng đến hầu. Mặc dầu là say khướt, thuyền-trưởng cũng vưng theo lịnh. Khi tới trước mặt đại-nguơn-soái, viên thuyền-trưởng ngồi nặng-nề xuống, ngoẻo đầu trên một cái ghế và ngủ ngon. Theo lời chỉ-dẫn của người Pháp, một trong nhiều kẻ nghịch của thuyền-trưởng ra tay cắt cổ viên thuyền-trưởng. Người Pháp có cho những kẻ thuộc-hạ hay rồi và khi những người Bồ-Đào-Nha kia đi nghỉ, người Pháp ra lịnh cho lính Nhà Vua cắt cổ hết. Như thế, lính Nhà Vua hạ-sát hai mươi bảy người Bồ-Đào-Nha, chỉ có vài người thủy-thủ trốn thoát đặng bằng cách nhảy đùng xuống nước và lội vào bãi cát.

Trên tàu, có mặt Đức Cha Antoine, thuộc dòng Franciscain Bồ-Đào-Nha ở tỉnh Thánh-Thomas của Ấn-Độ [1]. Người Pháp phát-biểu ý-muốn chủ-trương hành-quyết Đức Cha Antoine bằng cột Đức Cha vào đuôi con ngựa [và quất chạy]; nếu người Pháp chưa làm vậy, chỉ vì lời van xin của Giám-mục d'Adran. Nhơn cuộc nổi dậy là dịp tốt để thực-hành cuộc âm-mưu đen tối của người, Mạn-Hoè ra lịnh bộ-hạ ám-sát Cha Antoine. Lính Nhà Vua từ chối thi-hành vì lòng cung kính đối với những giáo-sĩ Gia-Tô. Nhưng, vì giục mãi, chúng làm Đức Cha Antoine

1. Đức Cha Antoine đã đến giang-cảng Chợ Quán năm 1780 [Canh-Tí]. Đức Cha Jumilla xin với Cha Antoine ở lại với Cha Jumilla tới khi nào Tỉnh Thánh-Grégoire sai một Cha khác đến sở Truyền-giáo. Đầu tiên Giám-mục d'Adran ưng chịu, nhưng rồi sau lại mống lòng trục-xuất Cha Antoine khỏi xứ của Nhà Vua; Cha Jumilla chống lại ý muốn ấy, và đến giới-thiệu với Nhà Vua, như thể có an-ninh nhiều cho Cha Antoine. Nhà Vua khen rằng cuối cùng Cha Jumilla có người bạn. Xem những của thơ của Cha Jumilla gởi cho Cha Provincial ngày 25 và 30 tháng bảy 1780 [nữ-học-giả chú-thích].

http://hoangsa.org

bị thương tích, Cha Antoine quì gối xin nhiêu-dung với người Pháp, người Pháp giả bộ thương xót ; nhưng, dưới một ám-hiệu, bọn lính xúm lại kết-liễu cuộc đời của Đức Cha. Khi trả thù rồi, người Pháp biểu các người lính Nhà Vua ký tên vào một văn-kiện chứng thật viên thủy-thủ-trưởng Bồ-Đào-Nha tuyên-bố sẽ hạ-sát tất cả lính Nhà Vua, vì thế chúng lính Nhà Vua ra tay hành-quyết trước bọn Bồ-Đào-Nha để tự-vệ.

Lúc nghe đặng lính tráng mình thực-hành những sự tàn-bạo đối với người Bồ-Đào-Nha mà nhứt là đối với những người đã cứu-viện mình, Nhà Vua rất hối tiếc. Ý-nguyện là đem ra ánh sáng. Nhà Vua tin cậy nơi Tòa án của Cha *Diégo de Jumilla* [1] ; nhưng Cha *Diégo de Jumilla* thấy chơn tay bị trói khi ngó bồn chiếu-lịnh ấy [2].

Ngày mười ba tháng một năm 1782 [3], hai Đức Cha *Fernand de Olmedilla* và *Emmanuel de Casuera* tới Quảng-Nam-quốc [4]. Một ít lâu sau khi hai Cha tới Cho-Quan [5], bộ-đội Tây-Sơn vào trong châu-thành nầy. Nhà Vua tấn-kích Tây-Sơn, song Nhà Vua thất-trận, mất tất cả hạm-đội khá quan-trọng. Cha Ginestar [6] đã cử-bút viết như thế nầy :

« Nhà Vua chờ đợi bọn giặc với hơn bốn trăm chiến-thuyền, bảy « chục chiếc ghe Huê-Kiều [7] và chiếc tàu của viên thuyền-trưởng Bồ- « Đào-Nha, chiếc tàu nầy lính nhà Vua đã đánh cắp của viên thuyền- « trưởng và thủy-thủ-đoàn, như tôi đã biên trong những thơ trước. Đầu « tiên địch-quân chạm trán Nhà Vua đang cầm đầu chiến-thuyền, nhưng « viên đại-tướng chỉ-huy rời bỏ Nhà Vua giữa trận giao-tranh [8] với đại- « đa-số thuyền. Cưỡng-bách thối lui, Nhà Vua lên nguồn sông [9] bằng « chiếc tàu Bồ-Đào-Nha tới nửa đường giữa giang-cảng và châu-thành.

---

1. và 2. Cha Diégo de Jumilla là người Bồ-Đào-Nha, nếu Nhà Vua giao cho Cha chiếu lịnh lập Tòa Án chẳng khác nào giục Cha đi đến chỗ chết, vì người Pháp sẽ cho ám-sát Cha.

3. Ngày ba mươi tháng mười một năm Tân-Sửu.

4. Tiếng Cochinchine dùng ở đây không ổn, vì tiếng ấy chỉ Quảng-Nam-quốc, dùng Basse-Cochinchine mới được vì hai tiếng ấy chỉ xứ Đồng-Nai hay là Lục-Tỉnh.

5. Chợ Quán.

6. Ginestar, thơ gởi cho Cha Provincial đề năm 1784 [Giáp-Thìn], ở Sadec, Cam-bốt. Thủ-bút, tám tờ giấy 305 × 200 mm.

7. Dịch hai tiếng embarcations chinoises, không biết đích thật là ghe loại nào ?

8. Tôi chưa hiểu viên đại-tướng nầy danh-tánh là gì ?

9. Sông Bến Nghé cũng có tên khác Bình-giang, Đức-giang, [đến trước thành Gia-Định] sông Đạm-Thủy, sông Đồng-Chài, sông Tân-Bình, trên nguồn lại gọi là sông Ban-bót, bây giờ gọi là sông Saigon.

http://hoangsa.org

« Địch-quân đuổi theo và mưu-toan cặp theo tàu Bồ-Đào-Nha đến hai « lần, nhưng vì người Pháp liệng nhiều lựu-đạn khiến địch-quân tan « nát ; không nao núng Tây-Sơn xung-phong leo lên thuyền một lần thứ « ba dữ dội hơn ; bấy giờ, người Pháp bị các chiến-hữu của anh ấy bỏ « rơi, anh ấy không may mắn như đồng đội của anh là nhào xuống nước ; « người Pháp phải trả những lỗi lầm trước đây ở thế-giới khác. Nhờ sự « liều lĩnh kia, địch-quân thắng-trận, song hao tổn nhiều nhơn-mạng » [1].

Nhà Vua phải trốn trên một chiếc thuyền. Cha Castuera thuật như thế nầy :

« Chúng tôi đặng thông-báo trước rằng Hoàng-Thái-Hậu tản bộ và « tới cứu-tế-viện của chúng tôi ở Chợ-Quán, Ngài lột đôi giày ra ; Hoàng- « Thái-Hậu kiếm nơi ẩn-náu cho bổn-thân Ngài và cho hoàng-tử đi theo « Ngài. Hoàng-Thái Hậu hi-vọng chúng tôi sẽ bảo-vệ cho Ngài, như Huynh « Trưởng đã liễu-đạo (Cha Jumilla) đã che chở cho Nhà Vua hồi trận chiến- « tranh mới rồi ; nhưng, Ngài không gặp chúng tôi, vì nhơn dịp Nhà Vua « cho chúng tôi phép, chúng tôi, Cha *Olmedilla* và tôi, đi thăm các xóm « đạo. Tôi phải ở lại một trong nhiều xóm đó để học Việt-ngữ. Khi chúng « tôi nghe đặng việc biến-cố không may đã xảy ra cho Nhà Vua, chúng tôi « phải trốn lên quốc-gia Cam-bốt. Vài ngày sau khi chúng tôi đến, Hoàng- « Thái-Hậu, Hoàng-đệ, Hoàng-hậu, Hoàng-tử hai hay ba tuổi và một số « nào đó người trong Hoàng-tộc [2]. Tất cả các người ấy nghèo đến đỗi « ăn cơm với muối suốt lúc hành-trình. Nhà Vua mất gần hết sản-nghiệp, « võ-khí, dinh-thự, quốc-gia và kho-tàng bảo-vật... Một ít lâu sau, Tây- « Sơn tới quốc-gia Cam-bốt, làm chủ-nhơn-ông quốc-gia nầy và đem về « dân Quảng-Nam-quốc đang trốn lánh. Tây-Sơn hiệp với người Cam-bốt « cùng quyết-định chung là câu-lưu cho kỳ được Nhà Vua ; trước đó vài « ngày, bọn Cam-bốt thệ nguyện chiến-đấu đến hơi thở cuối cùng với Tây- « Sơn. Chúng tôi nghe đặng tin rằng Nhà Vua đã thắng trận và hoàn toàn « đánh bọn Tây-Sơn mạnh giáp chẳng còn. Đặng tin tức như vậy, chúng « tôi lại về xứ Lục-Tỉnh, nhưng vừa mới về đến xóm đạo thứ nhứt, chúng « tôi lại hối hả quay trở lại Cam-bốt. Quả vậy, lúc bấy giờ, Nhà Vua lại

---

1. Castuera, thư đề ngày bảy tháng bảy 1782 [hai mươi tháng năm năm Giáp-Thìn]. Chính tay cha Castuera [không biết Cha Castuera với Cha Casuera phải là một người chăng ?] viết, hai tờ giấy khổ 290 × 208 mm.

2. Văn-Hóa Nguyệt-san số 61, tháng sáu năm 1961, bài Nguyễn-Văn-Học hay Trần-Văn-Học của Nghiêm-Thẩm có thuật lại cuộc chạy loạn nầy trong năm hàng rất sơ lược.

http://hoangsa.org

«bị thảm bại hoàn toàn và lánh mặt ra biển. Như vậy, trong thời-gian «năm mươi ngày, chúng tôi phải chạy trốn hai lần, trong tình-trạng «hết sức nguy hiểm, vì đường xa quá, mà cướp bóc suốt đường đi».

TÂY-SƠN ĐÀY-ẢI HAI CHA GINESTAR VÀ CASTUERA CHA FERNAND DE OLMEDILLA LIỄU-ĐẠO.

Sợ lọt vào tay bọn giặc loạn, hai Cha *Ginestar* và *Castuera* hiệp nhau lại và quyết-định tìm nơi ẩn-náu trong quốc-gia Cam-bốt Ở gần Saigon, trên đường đi Cam-bốt, hai Cha gặp *Fernand de Olmedilla* và mời mọc Cha đi theo, nhưng Cha xin cáo lỗi, nói rằng Cha sẽ lẫn trong đám dân-chúng Cơ-đốc-giáo-đồ.

Cha *Ginestar*[1] thuật lại rằng:

«Trong lúc di-chuyển ấy, chúng tôi gặp Thầy Tư-tế Truyền-đạo[2]. «Thầy thiết tha yêu-cầu hai tôi đi đến xóm đạo Bồ-Đào-Nha trên đất «Cam-bốt, mục-đích là để tránh khỏi sự xấu xa đối với các con chiên, «vì sợ họ đã biết có điềm vô trật-tự hoặc là có sự bất-hòa cùng nhau[3]. «Thầy rất niềm nở rước hai tôi, và chứng tỏ một cảm-tình đặc-biệt «trong lúc hai tôi còn trọ nơi nhà Thầy, nghĩa là từ gần mãn tháng tư «tới ngày một tháng mười một, hai tôi hồi lại xứ Lục-Tỉnh ngày ấy. «Tây-Sơn đã rút đi.

«Trong tháng năm[4], thấy Nhà Vua trở về xứ đặng, hai tôi cũng «thử về một xóm đạo. Lúc Nhà Vua tấn-công bên địch ở chung quanh «Trào-đình, trong chín ngày ấy, hai tôi thực-hành đặng chức-vụ của hai «tôi. Trong khoảng thời-gian chín ngày ấy, nhờ trung-gian của một thầy «giảng-đạo, hai tôi gởi lời khẩn khoản đến Huynh-Trưởng *Fernand* «xin Huynh-Trưởng hãy tháp tùng theo chúng tôi khi nào bắt buộc «chúng tôi trốn thoát khỏi chỗ nầy. Chín ngày sau, quả có cuộc lẫn trốn. Nhưng Huynh-Trưởng không chịu nghe theo lời hai tôi; Huynh-Trưởng «phải trả giá đắt sự ngoan-cố ấy.

«Trước khi nói chuyện về sự liễu-kết đáng tội-nghiệp của Huynh-

1. Ginestar, thơ đề năm 1784 [Giáp-Thìn].
2. Đức Thầy Bá-Đa-Lộc [Evêque d'Adran].
3. Bất-hòa về vụ người Pháp Mạn-Hoè âm-mưu giết viên thuyền-trưởng Bồ-Đào-Nha và hầu hết thủy-thủ-đoàn.
4. Năm 1782 [Nhâm-Dần].

http://hoangsa.org

« Trưởng, Vua Tây-Sơn cho phép Huynh-Trưởng truyền-giáo ở Qui-« Nhơn. Chuyện nầy có ấn-tín đường hoàng. Huynh-Trưởng cho rằng « với bao nhiêu chữ khắc trên miếng kim-loại, Huynh-Trưởng sẽ tránh « khỏi sự âm-mưu đen tối của các quan nhỏ. Sự lầm tưởng như thế rất « nguy hại cho tánh mạng Huynh-Trưởng. Một ngày kia, Huynh-Trưởng « đi xin yến-kiến Vua Tây-Sơn, đến trước dinh-thự và xuất-trình ra « miếng kim-loại cho vệ-binh. Bọn vệ-binh lấy miếng ấy đem vào dinh « cho Vua Tây-Sơn coi và Vua Tây-Sơn giận dữ phán rằng : « Đây là Cha « phản-bội, Cha đã hứa đem cho ta một số đồng, Cha đã đi về xứ, nhưng « Cha đem lại cho Ong Chung (Vua Tây-Sơn gọi như vậy để chỉ Nhà « Vua thật) đồng và dụng-cụ chiến-tranh để tàn phá quốc-gia của Trẫm. « Hãy đóng gông Cha lập-tức ». Liền khi đó, lính thực-hành mạng-lịnh trên.

« Từ ngày mười bốn tháng sáu đến ngày hai mươi tháng bảy, Cha « phải chịu hình phạt đau đớn ấy. Người ta đồn rằng lính Bắc-Hà hăm « dọa chiếm-cứ đế-đô [1] nên ngày hai mươi tháng bảy Tây-Sơn truyền « lịnh rút về. Tháng năm, Tây-Sơn đến xứ Cam-bốt, liền khi đó, xứ Cam-« bốt chịu qui phục Tây-Sơn, Tây-Sơn đi lùng kiếm Huê-Kiều đang « dưới Lục-Tỉnh trốn lánh lên Cam-bốt, và bắt được thì giết ngay khỏi « cần nghe biện-luận chi hết, vì Huê-Kiều theo phe Nhà Vua. Tây-Sơn « dọm muốn gây sự với các Cha *Olanes* [2], nhưng Tây-Sơn phải rút lui, « nhờ phước Trời. Nếu Tây-Sơn còn ở lại Cam-bốt mười ngày hay mười « hai ngày, có lẽ thật, chúng tôi không thoát khỏi Tử-thần ô-nhục đang « hăm dọa chúng tôi.

« Trước khi về Qui-Nhơn, Vua Tây-Sơn xuống lịnh cho lính tráng « phải giải Cha Joalan [3] về Qui-Nhơn trên một chiếc ghe bầu (loại ghe « chài biển), nước vào theo hai hông ghe. Trời vần vũ quá nên chưa « cho ghe của Cha tách bến. Được ở lại để cai-trị các tỉnh ấy [4], hai quan [5] « Tây-Sơn đã nghe rõ đầu đuôi xảy ra rồi. Ngày hai mươi hai tháng « bảy, lối trời nhá nhem tối, hai vị quan ấy nhóm lại để quyết-định; « hai vị quan đồng ý rằng các Cha sử-dụng một quyền-năng ta lớn lắm, « vậy thì phải xử tử Cha ở dưới ghe bầu. Khi vệ-binh đến, hai vị quan

1. Thành Trà-bàn ở Bình-Định.

2. Hoa-Lan

3. Là Cha *Fernand de Olmedilla* « Thầy Joalan » nghĩa là người Âu-Châu [lời chú-thích của nữ-học-giả]. Thầy Joalan tức là Thầy Hoa-Lan.

4. Lục-Tỉnh.

5. Trong hai quan nầy có một người tên là *Đỗ-Nhàn-Trập*. — Trần-Trọng-Kim, Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, tr. 93, hàng áp chót.

http://hoangsa.org

« ấy bảo y lịnh thực-hành quyết-định của họ. Qua ngày sau, còn sáng « tinh sương, một người lính rất quen mặt với tín-đồ Cơ-đốc cho hay « thi-thể của Cha bị bỏ ngoài đồng, thi-thể nầy bị chó ăn. Các tín-đồ « đi tìm và gặp thân mình không đầu, vài bước xa hơn các tín-đồ thấy « thủ-cấp. Các tín-đồ cũng gặp thi-hài của người theo phục-vụ Cha bị « giáo đâm nhiều vết, vai còn bầm tím vì bọn đao-phủ hành-hạ để biểu « thú-nhận những vật quí-giá và trang-trí-phẩm thiêng-liêng ở chốn nào. « Song, dầu bị đánh đập, người phục-thị Cha cũng không hở môi cho « biết. Các tín-đồ trịnh-trọng đem thi-thể hai người về nhà thờ Chợ-« Quán và chôn cất. Các tín-đồ sa lệ rất nhiều [1].

« Bọn không tín-ngưỡng ấy cũng cấm thi-hành tất cả tôn-giáo, trừ « phi có *Lễ*, nghĩa là thờ Trời, tôn-giáo nầy dạy làm điều phải, và tôn-« trọng đối với linh-hồn tổ-tiên.

« Hôm ngày mười chín tháng ba, chúng tôi được tin rằng Tân-« Vương đánh bại lực-lượng võ-trang của Cựu-Vương, Ông nầy đặng « hai mươi lăm tuổi [2].

« Huynh-Trưởng giảng-đạo *Emmanuel* và tôi không có chiếc ghe nào « hết. Chỉ có Đức Giám-mục [3] có một chiếc của Nhà Vua tặng mà thôi. « Vậy, chúng tôi phải nhận chịu đi chung một ghe với Đức Giám-mục, « đồng thời với một Cha người Pháp. Chúng tôi ra khơi và trạo-phu « chèo đến hai ngày tròn [5] trước khi tới một bán-đảo, vị-trí của bán-« đảo ấy ở Hà-tiên [4], trên hải-lộ đi Xiêm, nơi xứ nầy chúng tôi có một

---

1. Về vụ hạ-sát Cha *Olmedilla*, xem bức thơ của Giám-mục Bá-Đa-Lộc đã viết Băn-cóc [đế-đô quốc-gia Thái-Lan], ngày năm tháng mười hai năm 1783 (Launay: Lịch-sử của Truyền-giáo-hội ở Quảng-Nam-quốc) [Histoire de la mission de Cochinchine], tài-liệu lịch-sử, T. III, tr. 76-77 [lời chú-thích của nữ-học-giả]

2. Tân-Vương là Tây-Sơn Nguyễn-Nhạc; Cựu-Vương là Nguyễn-Ánh. Mặc dầu Nguyễn-Ánh tuổi mới hai mươi lăm, nhưng Nguyễn-Ánh lên ngôi Vua lâu hơn Tây-Sơn [lời chú-thích của nữ-học-giả].

Tây-Sơn Nguyễn-Văn-Nhạc lên ngôi vua năm Mậu-Tuất 1778, Nguyễn-Phước-Ánh lên ngôi Vua năm Canh-Tí 1780. Vậy thì Tây-Sơn là Cựu-Vương và Ánh là Tân-Vương mới phải. Trên bổn-dịch gọi trái lại, có lẽ là vì dòng dõi làm Vua lâu đời rồi mới tới Vua Ánh, nên Cha Ginestar mới gọi như vậy.

3. Giám-mục Bá-Đa-Lộc [Evêque d'Adran].

4. Có lẽ trú-sở của Giám-mục Bá-Đa-Lộc ở Mạc-Bắc (Trà-Vinh).

5. Ở Hà-tiên có bán-đảo Mũi-Nai và bán-đảo [?] ở giữa bãi Hòn Heo và bãi Ớt. Vậy chưa biết là bán-đảo nào? .— Địa-đồ Hành-chánh Nam-phần, tỉ-lệ $\frac{1}{200.000}$.

http://hoangsa.org

« xóm đạo. Từ đầu tháng ba, tới nay, tôi bị chứng sốt rét cách nhựt « hoành hành trong thân mình tôi, khiến tôi không thể hành-đạo trong « quốc-gia ấy, song có ba Cha khác, một Cha người Tây-Ban-Nha, một « Cha người Pháp, người thứ ba là người Việt-Nam tân tín-đồ, họ hành- « lễ trong năm ngày liên-tục ở xóm đạo ấy. Có tin báo trước rằng Nhà « Vua sẽ đến nhưng Tây-Sơn đuổi theo bén gót Nhà Vua, chúng tôi lại « cưỡng-bách xuống ghe và biểu trạo-phu chèo đi ẩn-náu trên một hòn « đảo. Bấy giờ, chúng tôi mới sống với mãnh-thú, giữa những nguy- « hiểm tột mức, giữa những ngơm ngớp lo âu chẳng những giặc loạn « mà còn vô số những kẻ đầu trộm đuôi cướp ở chốn nầy.

« Ít lâu sau khi chúng tôi tới đảo [1] ấy, Nhà Vua cũng đến trú-ẩn nơi « đó vì Nhà Vua hành-trình một hải-lộ với chúng tôi. Hoàng-Đế Bệ-Hạ « ở trên Bắc của đảo và chúng tôi ở phía Tây. Đích thân Nhà Vua đến « viếng Thầy Trợ-Tế Truyền-Đạo [2]. Nhà Vua đã tín-nhiệm nơi Thầy. « Chúng tôi không thế nào noi theo hải-trình đến Xiêm được, đến nỗi « tháng bảy nghịch-quân có thể đến chỗ mà hồi tháng tư chúng tôi đã « tới. Mặc dầu đến ba quốc-tịch sai biệt nhau, chúng tôi đã sống với « nhau hòa-mục hết sức, nhưng khi nghe rằng nghịch-quân sắp đến gần, « Huynh-Trưởng Truyền-giáo *Emmanuel* và tôi quyết-định quá hải đi « Manille, trên một chiếc ghe bầu. Nhà Vua sai ghe nầy đi qua Manille « yêu-cầu cứu-viện, và trợ cấp thực-phẩm vì lính tráng gần chết đói. Chở « trên ghe bầu nầy là *calaim* [3] để bán hay là đổi với gạo [4].

« Chúng tôi rời bỏ chỗ ở của chúng tôi và đi đến nơi ngụ của Nhà « Vua vì nơi nầy có để chiếc ghe ấy. Lối đúng ngọ, thủy-trình được nửa « đường, chúng tôi dừng lại, để chờ gió thuận, nhưng chúng tôi cũng chẳng

---

1. Ấy là đảo Phú-Quốc [lời chú-thích của nữ-học-giả].
2. Giám-mục d'Adran.
3. [?]
4. Trong một bức thơ đề ngày mười bốn tháng bảy 1784 [Giáp-Thìn]. Cha *Castuera* có viết như sau đây cho Cha Provincial: « Khi tôi tới đảo ít lâu, đích thân Nhà Vua đến giáp mặt Đức Giám-mục yêu-cầu vui lòng trợ giúp Nhà Vua làm sở-hữu-chủ lại quốc-gia của Nhà Vua hình như mất gần hết. Đức Giám-mục hỏi chúng tôi có tưởng là Manille có thể cho vài sự viện-trợ nào. Chúng tôi trả lời rằng không, vì Manille không có khí-giới để cứu-viện. Tuy vậy, theo lời khẩn-khoản của Nhà Vua, Đức Giám-mục quyết định biểu một trong hai người chúng tôi đến Manille, với một viên sứ-thần, thay mặt Nhà Vua để yêu-cầu viện-trợ, hay là xin phép trước cho Nhà Vua đến đó ẩn-náu, tới chừng Nhà Vua Tây-Ban-Nha rõ đặng sự có mặt của Nhà Vua [Quảng-Nam-quốc] ở trên đất-đai của Nhà Vua Tây-Ban-Nha [lời chú-thích của nữ-học-giả].

http://hoangsa.org

« dám xa bờ vì ghe chúng tôi nhỏ. Liền khi đó, nhiều thuyền xuất-hiện,
« những thuyền nầy của quan [1] đã nói ở trên kia ; một gián-điệp nghịch
« đi trên một chiếc thuyền. Những trạo-phu của chúng tôi sợ hãi, nhảy
« đùng xuống nước, còn chúng tôi đi dồn sau lái ghe. Khi mới vừa chợt
« thấy hai tôi, nghịch-quân nhảy lại hai tôi ; trong chớp mắt, bọn chúng
« cột hai tôi lại và lột áo chúng tôi ; rồi, một số lính nào đó chèo ghe của
« hai tôi chỉ mũi về hướng Hà-tiên, trước khi đó Tân-Vương đã tấn-
« công một vị quan [2] thì nay vị ấy có mặt ở Hà-tiên và dự-bị hiệp lại
« với Nhà Vua thiệt thọ [3].

« Hơn nửa đêm, bọn lính áp-giải hai tôi đến Hà-tiên. Bọn trạo-phu
« cho các vị quan hay trước, các vị nầy chờ đợi hai tôi mà trong lòng áy-
« náy. Khi hai tôi đến trước mặt các quan, người quan nhỏ đã câu-lưu hai
« tôi, tố-cáo rằng : « Tôi mới vừa bắt đặng hai Huynh nầy, hai người là
« kẻ thù chẳng đội chung trời với chúng ta ; hai Huynh đang sống với
« *Oung-chung* [4] và đang hành-trình hướng về Xiêm hầu có yêu-cầu viện-trợ
« quân-sự chống chúng ta. Hai Huynh đi với nhiều lính tráng có võ-trang,
« khi chúng tôi tới bọn lính quăng xuống biển và trốn mất. Trong những
« rương của hai Huynh nầy, tôi có gặp nhiều cây cờ giặc. Tôi ước ao cho
« đuốc công-lý của các quan soi vào.

« Khi tố-cáo mới vừa xong, tôi xin phép các quan cho tôi biện-
« minh. Các quan y lời. Bấy giờ, tôi mới khẳng-định rằng các lời
« tố-giác ấy đều là lời vu-cáo. Tôi xin với quan tố-cáo hãy nói cho rõ
« những khí-giới nào trong tay những người mà ông ấy cho là lính. Sự
« thật thì trong số đó có ba người theo phục-vụ hai tôi, một lão hỏa-đầu
« và bảy trạo-phu đi chèo cho Thầy Trợ-Tế Truyền Đạo. Đến như nhiều
« cờ là hai tôi dùng cờ ấy để trang-trí bàn thờ của Chúa khi chúng tôi
« hành-lễ Thánh-Giáo. Chúa chúng tôi là ông Tòa phán-quyết những ai
« thiện ai ác, Thầy trên trời và dưới đất, Đứng Tạo-hóa và Ân-nhơn
« chúng tôi, và, trong vài lời, tôi đọc lên Thập-Giáo-điều.

« Hình như vị quan có nghe nói đến Thánh-Giáo của chúng tôi do
« một trong nhiều người bà con tín-đồ Cơ-đốc, vị quan ấy lắng tai nghe
« chăm chỉ lời thuyết-minh của tôi. Ông biểu chúng tôi xê lại gần ông.

---

1. Một trong hai người quan của Tây-Sơn để lại cai-trị Lục-Tỉnh.
2. Chưa biết là ai ?
3. Nguyễn-Phước-Ánh.
4. Ở đây là Giám-mục Bá-Đa-Lộc. Trang sau bạn đọc sẽ thấy Oung-Chung dùng để chỉ Nhà Vua.

http://hoangsa.org

« và ông hỏi chúng tôi về Nhà Vua và võ-khí của Nhà Vua. Tôi đáp lời « rằng tôi không thể cho ông ấy biết tin tức xác-thực của Nhà Vua, vì « hồi Nhà Vua đi qua trên đảo, tôi chỉ thoáng thấy mà thôi. Tôi thêm « rằng người ta bàn tán về việc Nhà Vua tới đảo, mà hễ Nhà Vua có mặt « ở đó, thì chắc chắn là cưỡng-bách *Oung-Chung* [1] rút đi. Tức thì vị quan « nói: « Chúng tôi biết rằng *Oung-Chung* [2] đang chờ đợi chúng tôi để giao- « tranh chống chúng tôi một phen nữa, và nếu bại-trận, sẽ trốn lánh « đến chỗ chỉ-định trước do *Thầy Cả* [3] quyết-đoán, rồi từ nơi nầy Thầy « Cả sẽ dìu đi Âu-châu để yêu-cầu Nhà Vua bên Âu giúp binh-lực và võ- « khí ». Tôi cố-gắng cải-chánh sự lầm lẫn của vị quan, nhưng không xong. « Các vị quan ấy nói rằng Thiên-Mạng đã định cho Tây-Sơn cai-trị quốc- « gia nầy, thì dầu có ức-thuyết nào cũng cho là thực-tại hết.

« Rồi tới phiên vị quan thứ nhì phát-biểu luận-lý nầy: « Các Cha « đều ở chung quanh *Thầy Cả*; lúc các Cha noi theo hải-lộ đi Xiêm thì bị « chúng tôi câu-lưu. Vậy thì các Cha đều vưng lời *Thầy Cả* đi Xiêm để « yêu-cầu quân viện-trợ ».

« Tôi toan bác bỏ luận-lý ấy. Vị quan cầm đầu không chú-ý đến luận- « điệu của vị quan thứ nhì, mới biểu tôi im lặng. Khi nghe nói đến *Thầy* « *Cả*, đối-tượng của sự hờn giận của vị quan ấy, ông có ý-kiến là đề- « nghị không thành-thật là đem chúng tôi về Lục-Tỉnh, cho chúng tôi « sống chung với các tín-đồ Gia-Tô với điều-kiện là chúng tôi phải « xuống « đất » [4] và yêu-cầu *Thầy Cả* về với vị quan ấy, vì nguyện-vọng nhiệt- « liệt của ông là có Thầy Cả chung quanh mình ông. Tôi đáp lời là tôi « sẽ sẵn lòng vưng lời vị quan ấy, song tôi cho vị quan ấy biết trước « rằng nếu tin tức ấy bay tới tai Thầy, chắc Thầy sẽ lánh mặt ngay, vì « Thầy không rõ Ngài có cảm-tình đậm đà đối với các Cha Âu-châu như « vậy.

« Khi cuộc đàm-thoại nầy vừa xong, vị quan ấy bảo lính dắt chúng « tôi trở về thuyền chúng tôi. Lính tráng đã đoạt chiếc thuyền nầy của « chúng tôi rồi. Vị quan ấy căn dặn chúng nên thận-trọng với *Duc Chua*

---

1. Ở đây Giám-mục Bá-Đa-Lộc.
2. Oung-Chung ở đây chỉ Nhà Vua Nguyễn-Phước-Ánh.
3. Thầy Trợ-Tế Truyền-Đạo, nghĩa là Giám-mục d'Adran [lời chú-thích của nữ-học-giả].
4. Dịch từ-ngữ « descendre à terre », nhưng Hà-tiên là đất liền, còn chỗ của Giám-mục Bá-Đa-Lộc là ở hòn đảo Phú-Quốc, lẽ thì phải để ở trên kia là « descendre dans l'île ».

http://hoangsa.org

« *Jésu* [1] và sách Âu-châu, vì, một ngày kia, vị quan ấy chắc sẽ tiếp nhận « luật của các Cha.

« Có lẽ, không phải vô ích mà cho Cha chú-ý rằng vị quan ấy là « một người vang danh trong dân-chúng, và hảo tâm của ông đối với các « Cha và đối với tín-đồ Cơ-đốc-giáo làm cho chúng tôi coi ông như vị « quan bảo-vệ chúng tôi. Nhờ có ông ấy mà chúng tôi tiếp-tục thi-hành « phận-sự của chúng tôi, và lần thứ nhì chúng tôi thoát khỏi lưỡi phẫng « ghê gớm của Tử Thần. Tôi sẽ tường thuật lại đây thế nào viên quan « thứ nhì đã dành để cảnh chết cho hai tôi. Bạo dạn vì ông quan thứ « nhứt che chở cho các tín-đồ Gia-tô-giáo, các người nầy dám nhóm họp « lại để hành-lễ, tuy vậy cũng ngơm ngớp lo sợ cho cơn bão tố khác. « Chúng tôi phải khích-lệ họ liên-tục cho họ để lòng tin cậy vào nơi sự « khoan dung vô bờ vô bến của đấng thiêng-liêng.

« Sáng sớm ngày sau, những vệ-binh tìm đặng các bức thơ của Đức « Thầy Trợ-Tế Truyền-giáo. Con dấu in trên thơ khiến cho chúng tưởng « rằng đó là các bức thơ ủy-nhiệm chúng tôi làm sứ-thần ở bên cạnh « Vua Xiêm; những kẻ đã câu-lưu chúng tôi đồng nói như vậy, vì đã « nóng giận khi chúng tôi đã bẻ gãy những luận-điệu của chúng trước « mặt vị quan cầm đầu chúng. Chúng tôi chú-ý đến vài cử-động của các « quan, khiến chúng tôi tưởng là giờ chót của chúng tôi sắp điểm. Song, « nhờ ơn Trời, chúng tôi đã lầm. Lối xế trưa, chúng tôi đau lòng mà « thấy những ảnh Thánh và những đồ thiêng-liêng đều bị chúng phỉ « phạm. Chúng tôi năn nỉ các người ấy nên tuân lịnh của viên quan « đầu-não của họ, nhưng lời cầu xin của hai tôi làm cho họ thêm tức « giận. Chúng đem đi một phần sách và ảnh của các Thánh; về sau « những tín-đồ Gia-tô-giáo chuộc lại vài bức ảnh ấy. Từ tháng bảy tới « ngày Vigile de la Nativité [2] hai tôi không thể nào hành-lễ đặng.

« Sự phát-giác ra những bức thơ của Đức Thầy Trợ-Tế Truyền « giáo khiến cho hồi hộp hết năm hay sáu ngày, trong lúc nầy chúng tôi « bị giữ trên ghe chúng tôi. Thấy chúng tôi nằm ở sau lái ghe, vị quan « đầu-não bảo đem chúng tôi sang qua chiếc chiến-thuyền của ông. Lúc « chúng tôi đến trước mặt, ông nói: « Những bức thơ đem theo là những « bằng tu-sĩ của Thầy Cả trao cho hai Cha. Hai Cha đi Manille [3]; có

1. Đức Chúa Jésus.
2. Hai tháng tám ngày hay là bảy mươi ngày.
3. Ma-ni.

http://hoangsa.org

« người tín-đồ Cơ-đốc vừa ở Xiêm về nói với bổn-quan rằng một « chiếc tàu từ Mã-Cao mới đến đây ».

« Rồi vị quan ấy yêu-cầu tôi cho một dược-phẩm để trị cho bịnh- « nhơn ; tôi cáo lỗi với ông rằng tôi ít biết tiếng Việt nên tôi không thể « hỏi thăm bịnh-nhơn đặng, và thêm vào sự ấy, tôi không có kinh-nghiệm « về dược-liệu của Huê-Kiều bán ở quốc-gia nầy. Vị quan ấy hỏi tôi lần « lượt về Mã-Cao, Ma-ni và Âu-châu. Trong những câu trả lời của tôi, « tôi cố gắng làm cho khuây khỏa những nỗi lo âu do các tàu Âu-châu « tạo ra. Sau cùng, quan ấy ra lịnh cho đem chúng tôi về ghe chúng tôi. « Hai tôi phải chịu nắng cháy và mưa lạnh trên chiếc ghe ấy vì không « có mui ghe để đụt mưa, nắng. Hai tôi có hai chiếc chiếu nhỏ, hai cái « chén và một cái soon, cái soon nầy giúp ích chúng tôi không nhỏ ; một « người lính con chiên tặng chúng tôi cái soon đó. Một người lính ngoại- « đạo cho hai tôi chút đỉnh gạo, nhờ đó mà hai tôi duy-trì đặng sự sống « đến mười một hoặc mười hai ngày. Khi lịnh trên cho phép, chúng tôi « nấu cơm và xin muối để ăn của những đứa ở với thuyền-trưởng. Có « những ngày hai tôi phải nấu cơm lúc trời nhá nhem tối. Chúng tôi « đau khổ muôn vàn mà khó thở nhứt là chịu đựng sự lăng-nhục của « đám người vô-liêm-sỉ là lã bọn tôi tớ ; và như thế từ tháng bảy tới « đầu tháng chín [1].

« Như lời của viên quan đầu-não khẳng-định trước, khi chiến- « thuyền tới đảo tức khắc Nhà Vua nghinh-chiến. Tây-Sơn bắt đặng vài « người bên phe Nhà Vua, còn Nhà Vua thoát khỏi. Viên quan lớn hết « trở về Hà-tiên, rồi, noi đường bộ, ông đi về hướng Cam-bốt. Ông ấy « hạ lịnh cho chúng tôi theo ông bằng đường biển. Hai tôi đi tới xứ « Cam-bốt ngày lễ Thăng Thiên của Đức Thánh Mẫu [2]. Trong lúc hải- « trình nếu Đấng Thượng-đế thiêng-liêng không xui khiến cho hai tôi « gặp vài chiếc ghe của tín-đồ Gia-tô thì hai tôi phải chết đói. Chúng tôi « phải ăn xin gạo đến ba lần như vậy, mỗi lần một ít. Những tín-đồ « Cơ-đốc thuộc dòng quốc-gia Bồ-Đào-Nha đã hay hai tôi sắp đến. Dưới « mắt của phần nhiều, họ cố gắng làm trò như không phải là tín-đồ Cơ- « đốc. Có một gia-quyến tín-đồ Cơ-đốc đến đó để chuộc chúng tôi, dẫu « cho cả sản-nghiệp tiêu hết họ cũng vui lòng cho ý-nguyện từ-thiện ấy.

---

1. Bị giam cầm là đầu tháng bảy đặng trả tự-do là ngày tám tháng chín, trong khoảng thời-gian nầy hai Cha phải lên Cam-bốt, về Lục-Tỉnh v. v... bạn đọc hãy chú-ý các sự việc nầy.

2. Ngày mười lăm tháng tám 1784 [Giáp-Thìn].

http://hoangsa.org

« Nhưng chuộc hai tôi không thể đặng, vì quan lớn kia đã hồi về Lục-« Tỉnh và còn lại quan giám-thị hai tôi là quan nhỏ cấp hơn.

« Trong khi đó, những tín-đồ Cơ-đốc van xin với ông và ông cũng « thấy là bịnh-trạng của tôi nặng nên ông cho phép tôi về nghỉ ngơi tại « xóm đạo ở đó, sau khi ông nhận nhiều tặng-vật.

« Trong cuộc lễ Thăng Thiên của Đức Thánh Mẫu một ngày, nghĩa « là mười bốn tháng tám, hai tôi khởi sự đi, hy-vọng sẽ tìm được một « an-ủi nào giữa những tín-đồ Cơ-đốc, nhưng sự an nghĩ ấy ngắn ngủi « không tới ba ngày. Chiều ngày thứ ba, một ông quan dẫn theo hai tên « lính đến hạ lịnh cho hai tôi phải về chiếc ghe chúng tôi. Chúng tôi đặng « khuây khỏa nỗi lòng khi thấy các con chiên đón tiếp niềm-nở, cho chúng « tôi những y-phục để mặc, vì hồi hai tôi bị câu-lưu tới đây, quần áo « chúng tôi rách nát đến đỗi hai tôi không quần áo để mặc đoan-trang. Với « tặng-vật khác cho vị quan kia, các tín-đồ đặng phép đổi ghe cho hai tôi. « Thay vì xuống ghe cũ để về Lục-Tỉnh, hai tôi qua một chiếc tam-bản do « trạo-phu Cam-bốt chèo và các trạo-phụ ấy cho hai tôi thực-phẩm đủ « dùng ; tuy cơn rét càng tăng của tôi không cho tôi ăn nhiều, nhưng tôi « có cái mui để che mưa đụt nắng thế cũng đỡ.

« Khi tới Lục-Tỉnh, những tín-đồ Cơ-đốc rặp lên la lớn rằng chắc « chắn là hai tôi sẽ qui Thiên-đàng ; vì hai tôi sẽ gặp mặt một người em [1] « của Tân-Vương, ông khát máu người cho đến đỗi dân ở xứ nầy nghe « kêu đến tên ông thì dân ghê tởm. Hai tôi bị đưa đến trước mặt một « vị quan. Đức Chúa Trời khiến vị quan nầy có lòng nhơn-ái và khiến « cho người em của Tân-Vương chuẩn bị về Qui-Nhơn.

« Tức thời các thầy giảng đạo [2] đến chào vị quan ấy và bảo-đảm cho « hai tôi để đem về nhà của các thầy vì « hai Cha bịnh đến nguy-hiểm « tới tánh-mạng. »

« Coi đơn rồi, vị quan ấy đáp lời một cách nhu-mì như Đức Gia-« Tô : « Bổn-quan biết hai Cha đau bịnh và nhu-cầu khẩn-cấp của hai Cha « là được linh-dược để uống ; vậy thì các Thầy hãy đem cho hai Cha « dược-phẩm ấy, và chờ đợi cho Vương đi xạ chốn nầy. Chừng ấy, « bổn-quan sẽ kiếm thế cứu-chữa các Cha ». Sau lịnh ấy, hai tôi, phải « ở trên ghe chúng tôi, hy-vọng rằng vị Vương ấy không hay biết hai tôi

1. Đông-Định-Vương *Nguyễn-Lữ*.
2 Các Thầy giảng đạo là người Việt-Nam.

http://hoangsa.org

« đã có mặt. Đầu tháng chín nhờ sự săn-sóc của các Thầy giảng đạo,
« hai tôi hài lòng sống giữa các Thầy. Vị quan ấy đạt lịnh mời tất cả
« các Thầy ở các xóm đạo. Các Thầy vưng lời ngay. Vị quan ấy mới
« nói với các Thầy mấy lời nầy: « Hai Cha đặng sống giữa các Thầy là
« bổn-quan muốn ban cho các Thầy một đặc-huệ. Đổi lại, bổn-quan không
« đòi nơi các Thầy chút nào bạc hoặc tiền, chỉ duy xin hỏi các Thầy có
« phương cách nào làm cho hòa-bình trở lại xứ nầy. Các Thầy cũng
« biết là tại ai làm xáo trộn trật-tự, nếu có vài người nào ở trong làng
« các Thầy mà làm loạn, các Thầy hãy cho bổn-quan hay ». Các Thầy
« giảng đạo hứa sẽ vưng lời vị quan ấy, vì Ông là Phó-Vương [1] và Chủ-
« tịch Hội-đồng, tức nhiên Ông ở lại trong xứ.

« Đoạn rồi, tất cả các xóm đạo phải đóng thuế đến bảy trăm cột tiền
« điếu. Ngoài ra các xóm đạo còn phải dưng lên sáp ong và hiến-vật
« khác, thành thử tất cả tiền và đồ vật đến một ngàn cột tiều điếu, hay là
« một trăm năm chục pesos. Ông cho hai tôi một giấy phép lưu-cư giữa
« tín-đồ Cơ-đốc ở Chợ-Quán. Các Thầy giảng-đạo yêu-cầu vị quan ấy
« cho phép hai tôi luân-chuyển để viếng các xóm đạo [2], nhưng ông không
« khứng chịu. Ông nói rằng: « Bổn-quan không muốn cho hai Cha đi xa
« khỏi bổn-quan », và ông nói tiếp thêm: « Trong trường-hợp một vị quan
« khác tố-giác hai Cha lần nữa, bổn-chức sẽ có mặt liền tại chỗ để can-
« thiệp và để biện-minh cho hai Cha ». Ông rất có lý. Sự khôn ngoan
« của các lời nói xuất-hiện trong vụ sau nầy.

« Hai tôi ở với tín-đồ Cơ-đốc không được tới hai tháng. Một buổi
« sáng sớm, trước ngày lễ Các Thánh một ngày [3], nhà của hai tôi bị bao
« vây. Một tốp lính ào vào nhà và la lớn « bắt chúng nó, đem hành-
« quyết », rồi chúng lính nhảy lại hai tôi lớp cầm gươm, lớp cầm giáo y
« hịch như hai tôi là sát-nhơn. Chúng nắm tóc hai tôi, kéo xền ra khỏi
« nhà, và liệng hai tôi trên đất, cột chặt lại và dậm trên mình hai tôi, còn
« vị quan nhỏ chỉ-huy chúng la to: « Cắt cổ lập tức ». Chúng nó đối với
« chủ nhà và một trong gia-nhơn của hai tôi cũng y như vậy. Tôi xét
« đoán ra là một cuộc ngược-đãi mới chống Thánh-Luật của chúng ta.

---

1. Vị quan nầy là Thái-bảo *Phạm-Văn-Tham*, vì ở trên bài đề là Phó-Vương [vice-roi] nên từ đây sắp tới sau tôi cũng gọi là Phó-Vương. — Về tên xin coi ở Trần-Trọng-Kim, Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, tr. 130.

2. Khắp xứ Lục-Tỉnh.

3. Ngày ba mươi mốt tháng mười năm 1784 tức là ngày mười tám tháng chín năm Giáp-Thìn.

http://hoangsa.org

« Lúc chúng cột vừa theo ý của chúng, chúng nắm hai mối dây và « bắt buộc chúng tôi phải đứng dậy để chúng dẫn đi. Nói chuyện với « người chỉ-huy của chúng đếm hết là hai mươi hai, Thầy giảng-đạo bị « bắt, van xin với chỉ-huy-trưởng rằng xin thương tình mà nới tay cho « tôi vì từ lâu rồi tôi rất bịnh. Ông ta đáp lời của người không có tâm-tư « gì hết: « Người Âu-châu khốn nạn ấy à, nếu y chết trước khi đến pháp- « trường thì là y còn tốt số lắm ». Nói rồi ông ta hạ lịnh bảo lính dẫn bốn « người tôi chạy mau. Mới vừa ra khỏi nhà, tôi đã kiệt sức, và tôi có « cảm-giác ngả xỉu. Hai tên đao-phủ kéo tôi đi, và tên khác ngoài sau xô « tới, té chỗ nầy và lại đứng lên chỗ kia, chúng kéo tôi đi từ Chợ-Quán « ra Bến-Nghé, trong khi thiên-hạ đứng theo đường dòm. Đường đi từ « Chợ-Quán đến Bến-Nghé bằng từ Ma-ni đến làng Thánh-Mẫu Santa « Ana Sapa. Chúng tôi bị dẫn đến trước mặt viên Cố-vấn thứ nhì, viên « nầy đã hạ lịnh cho bắt chúng tôi, người dữ dằn lắm, lòng từ-thiện của « người tương đương với lòng nhơn-ái của vì Vương của họ. Các tín-đồ « Cơ-đốc cầu cứu với Phó-Vương, Ông nầy đáp lời khẩn xin rằng: « Tiếng ồn-ào của quần-chúng tố-giác hai Cha; bổn-chức sẽ lấy bằng- « chứng cần-thiết để cho đuốc Công-lý rọi vào vụ nầy ». Trong lúc chờ « đợi, chúng tôi bị giam cầm trong lao của viên Cố-vấn thứ nhì. Chủng « tôi bị đóng gông, và đồng thời các Thầy giảng ở các xóm đạo cũng bị « giam giữ.

« Khi hỏi một trong những đứa đi bắt chúng tôi, hình như tên nầy « là đầu dây mối nhợ của sự tố-giác, dường như tôi hiểu là sự tố-cáo « các Thầy truyền-giáo với những điều vu cho chúng tôi đều như nhau. « Tôi đã hỏi tại sao có sự tố-giác ấy, tên nầy trả lời: Tôi ở bên lương « và tôi muốn kết tóc với cháu gái của Phó truyền-giáo, nhưng tôi không « phải là bên giáo, nên Phó truyền-giáo không khứng gả cho tôi, và nói « với tôi phải học tôn-giáo các Cha, phải vô trong tôn-giáo các Cha, rồi « chừng đó Phó truyền-giáo mới ưng cho chúng tôi hiệp mặt cùng nhau. « Tôi học thuộc lòng những giáo-điều và những kinh cầu-nguyện xong, « nhưng dầu vậy, chú của nàng chống đối tôi, không chịu nhìn nhận tôi « là cháu rể, tôi thì tôi đã coi nàng ấy là vợ tôi rồi. Từ ấy, sự oán ghét « nảy mầm trong tim tôi đối với các Thầy giảng trong xóm đạo ấy »[1].

« Với những lời nói ấy, tôi suy-diễn ra là tên ấy đã phải bí-mật bị « vị quan thứ nhì xúi-giục. Quan nầy khuyến-dụ tên ấy cáo-lưu chúng

1. Tức là Chợ-Quán.

http://hoangsa.org

« tôi, vì làm như thế, các tín-đồ Cơ-đốc-giáo sẽ hùn hiệp lại một số tiền « để chuộc chúng tôi ra.

« Chiều ngày ấy, một Thầy giảng bị câu-lưu, Thầy là người đã thâu « tiền để thù-lao Phó-Vương. Bị cường-lực và hăm dọa Thầy, cưỡng- « bách Thầy phải khai tên các người đã góp tiền. Rồi người ta đi bắt « các Thầy giảng. Muốn có bằng-chứng sự phản-bội của xóm đạo đối với « Tân-Vương, người ta vu-cáo rằng các Thầy giảng-đạo giữ võ-khí, và « các Thầy chuẩn-bị tất cả để thông tin cho Cựu-Vương hay, mục-đích « là Vương có trở về. Sau hai mươi ngày, người ta lại đòi chúng tôi đến « để nghe lời chúng tôi điều-trần. Phó-Vương mích bụng vì viên đệ-nhị « Cố-vấn đối-đãi với hai tôi thiếu sự tôn-trọng là câu-lưu hai tôi mà « không cho Phó-Vương hay trước sự tố-cáo hai tôi (Phó-Vương đã « quyết-định hai tôi vô trong đền của Ông như người trong gia-quyến « Ông), bèn không cho đệ-nhị Cố-vấn quyền xử đoán việc ấy và ủy-nhiệm « cho một ông lão hiền-nhơn. Ông lão cho mời tôi ứng-hầu, và tôi lặp lại « những lời khai đối với Phó-Vương. Xong rồi, tôi có cảm-tưởng là vụ « kiện của tôi sắp tới hồi kết-thúc. Nhưng ông lão cũng nghe các Thầy « truyền-giáo. Với những câu trả lời láo khoét và trái ngược với lời tôi đã « khai, các Thầy lại làm rối rắm thêm, đến nỗi tôi phải e sợ cho một án « tử-hình. Vài người trong các Thầy xác nhận rằng Đức Thầy Trợ-Tế « Truyền Đạo [1] cư ngụ trong nhà chúng tôi ở Chợ-Quán, sự thật đã « không có như vậy bao giờ. Có nhiều Thầy khác thú nhận rằng Đức « Thầy Trợ-Tế Truyền Đạo có mặt ở Bến-Nghé, nhưng nghe nói lại vậy « thôi, chớ không hề đi tới tận nhà của Thầy Trợ-Tế Truyền Đạo, dẫu « biết các Thầy truyền-giáo khai đó, nhà ở không xa lắm nơi lưu-cư « của Thầy Trợ-Tế Truyền Đạo. Những điều-tra-viên mới trả lời: « Tại « sao các Thầy là Thầy truyền-giáo tại Bến-Nghé, mà lại không biết nhà « ở của Cha Bề Trên [2]? Nếu các Thầy chủ-trương không biết nhà ấy, « chúng tôi sẽ đánh các Thầy bằng hèo ».

« Sự kinh-khủng xâm-chiếm cả tinh-thần các Thầy đến đỗi các Thầy « không phải nói cái chuyện vô-ý-thức ấy mà thôi, mà còn phát-biểu nhiều « điều đê-tiện nữa, khiến tôi bị kêu nhiều lần để làm nhơn-chứng. Ngày « thứ ba mươi mốt [3] của bốn người tôi vào lao, Phó-Vương bảo thiết « một tiệc. Những tín-đồ Cơ-đốc còn ở ngoài tự-do mới đi tập-thể cảm

1. Đức Giám-mục Bá-Đa-Lộc.
2. Đức Giám-mục Bá-Đa-Lộc.
3. Tức là ngày một tháng mười hai năm 1784.

http://hoangsa.org

« tạ vị phó-Vương. Nhơn dịp ấy, các tín-đồ xin ông cho phép chúng tôi « xuất-lao và về với tín-đồ chung quanh đó, vì chúng tôi bịnh nặng. « Vị Phó-Vương nói rằng: « Không, ba ngày sau bổn-chức sẽ nhóm Hội- « Đồng lại để xét xử vụ án nầy. Bổn-chức biết rằng các sự cáo-giác các « Cha đều là láo khoét và lừa bịp. Bổn-chức sẽ bảo hành-quyết kẻ cáo « gian, và đối với những kẻ nghịch-thù của các giáo-dân, bổn-chức sẽ « làm im hơi lặng tiếng ». Và vị Phó-Vương nhớ lời hứa.

« Ngày bốn tháng mười hai, người ta dắt chúng tôi ra hầu tòa. Vị « Phó-Vương bảo lột gông chúng tôi và nói với tôi vì tôi thạo tiếng Việt « hơn Huynh-Trưởng *Emmanuel*: « Vậy chớ Cha có hành-động gì phạm- « pháp đến nỗi bọn lính câu-lưu hai Cha? » Tôi trả lời câu ấy: « Người « ta tố-giác tôi về việc không đâu, vì tất cả thứ chi đối với tôi, Ngài đã « phán-xét khi còn ở Hà-tiên rồi ». Vị Phó-Vương la lớn: « Tôi đã biết « việc ấy, Cha hãy đến đây và ngồi xuống gần tôi ».

« Rồi, day qua bên các tín-đồ Cơ-đốc, vị ấy nói rằng: « Các em dự « bị một chiếc ghe cho các Cha; các Cha sẽ đi lên Cam-bốt với bổn-chức « để săn sóc sức khỏe và sẽ nghỉ ngơi giữa các Huynh-Trưởng Bồ-Đào- « Nha, vì lời yêu-cầu của Cha ».

« Viên đệ-nhị Cố-vấn muốn gỡ mặt mày, mới cáo-giác rằng quan « dưới tay của ông câu-lưu hai Cha. Hãi hùng khi nghĩ đến cảnh cưỡng- « đoạt, áp-bức và vô-liêm đối với tín-đồ Cơ-đốc, viên quan dưới tay vị « đệ-nhị Cố-vấn trả lời rằng người chỉ thừa-hành lịnh trên.

« Rất đông dân-chúng tụ-hội lại. Vì lẽ ấy nên sự tàn-ác hết lộ mặt « ra và điều vô tội của chúng tôi đặng nhìn nhận. Thêm vào đó, Phó- « Vương hạ lịnh cho sự phán-quyết trở thành công-khai. Bản-án như « thế nầy: « Khi đã nghe bị-can hai Thầy « *Gia* » [1] và « An », người Tây- « Âu, Tòa Án không có mối bất-bình đối với hai Thầy, và đối với tôn- « giáo của hai Thầy; hai Thầy thuyết-giáo được; bởi lý lẽ ấy Tòa Án tha « bổng hai Thầy và Tòa Án xuống lịnh cho ai muốn vào tôn-giáo của hai « Thầy thì tùy theo sở-vọng mà vào ».

« Trong tháng mười hai, hai tôi lên Cam-bốt với bộ-đội của Phó- « Vương. Làm sở-hữu-chủ của vương-quốc ấy, vị Phó-Vương phải lo « trừ bỏ một tên xuần-hớn Mã-lai [2]. Năm trước, điều-khiển một đạo-

1. Có lẽ Cha *Castuera* âm lại tiếng Việt là *Gia* còn Cha *Ginestar* là *An*?

2. Không biết người Mã-lai nầy tên là gì?

http://hoangsa.org

« binh, tên nầy khởi dấy chống Quốc-vương Cam-bốt. Vộ khả-năng để « chống cự lại, tên Mã-lai chạy trốn qua Xiêm-quốc, và trú ngụ nơi « vương-quốc ấy, đến chừng nào quét sạch được trong nước những chư- « hầu nổi dậy *chống* tên Mã-lai kia [1]. Những tín-đồ Cơ-đốc yêu-cầu tha « thiết với vị quan đừng giết ai hết, vị quan y lời vì đúng với ý-nguyện « của Ông. Nhưng khi biết là Xiêm-quốc cử binh chống cự lại, ông liền « yêu-cầu Xiêm hãy chém đầu tên Mã-lai ấy đi và xin hãy ký-kết một « hiệp-ước đồng-minh với Tây-Sơn để cho Xiêm-quốc đặng yên ổn. Viên « quan ấy bị lừa về lối cử binh của đạo quân Xiêm; nhưng vì hồ-nghi « có việc mờ-ám, ông mới sai gián-điệp lưu-hành cả vương-quốc Cam- « bốt. Nhờ có gián-điệp cho biết, viên quan ấy mới hay là đạo-quân Xiêm « đi ngang qua xứ Lào và thẳng đến Qui-Nhơn. Bởi nguyên-nhơn ấy, « viên quan tuyên-bố tình-trạng chiến-tranh chống Xiêm. Những người « đại-diện cho vương-quốc Xiêm đáp lời rằng họ có sứ-mạng giam cầm « những nghịch-thù của Xiêm-quốc, xứ Lục-Tỉnh bảo-vệ những người « ấy, nên Xiêm phải đòi những người ấy lại. Nếu yêu-sách thỏa-mãn, « hòa-bình sẽ lập được lại ngay, bằng trái lại, Xiêm-quốc chưa phải là « nước thối lùi trước chiến-tranh. Phát giận vì sự xấc láo như thế, vị « vương [2] khởi sự tấn-công; viên quan đã câu-lưu hai tôi lần thứ nhì « làm chức phó-soái. Nhưng, hai vị quan ấy chưa hiểu cách khôn khéo « chiến-lược của Xiêm-quân. Hai vị ấy tấn-công Xiêm bằng một đạo-binh « vô-trật-tự, thay vì có thứ lớp, đến đỗi trong phút chốc, hai vị bị quân « Xiêm bao vây. Vị phó-soái, người đã cưỡng-đoạt tiền trong xóm đạo, « và người lính có dõng-lực đều thiệt mạng với nhiều người khác. Trận « chiến ngưng và tiếp diễn nhiều lần; Xiêm-quân thi-hành những cuộc « tàn-sát, vị quan rất giận về việc ấy, nhưng Xiêm-quốc quyết-định đem « về Xiêm những kẻ tù-binh trên quốc-gia Cam-bốt, Trung-Hoa, Mã-lai « và vài người Cam-bốt, trong số ấy có vài người Bồ-Đào-Nha trốn lánh « không kịp thời.

« Vì các lý lẽ trên mà hiện giờ tôi phải hành-lễ trong tỉnh Sa-đéc [3],

---

1. Bổn dịch viết như vay: « Incapable de résister, ce Malais s'enfuit « au Siam, où il est encore réfugié, jusqu'à ce que le royaume soit dé- barrassé des vassaux soulevés *contre* lui ». Tiếng *contre* là *chống* cho bạn đọc và tôi hiểu một nghĩa ngược lại với ý-nghĩa của câu đó. Theo thế phải dùng tiếng *avec* là *với* mới thuận nghĩa.

2. Vị Phó-Vương mới phải.

3. Hồi năm Ất-Tỵ 1785 đã có Lục-Tỉnh rồi. Thế thì vì đâu lại có tỉnh Sa-đéc? Tôi chắc là tỉnh nầy đặt ra vì nhu-cầu của lý-do.

http://hoangsa.org

« vì tỉnh nầy đã được chỉ-định dưới quyền của bốn quốc-gia [1]. Tôi thấy « tôi không hữu ích cho lắm. Huynh-Trưởng Emmanuel cũng sốt sắng « chăm lo hành-lễ tới lúc nào hay lúc ấy. Vì đông tín-đồ ở các xóm đạo « đến đó xưng tội. Tôi rất tiếc vì sức khỏe của tôi không cho phép tôi « hoạt-động trong trường-hợp hiện hữu. Tôi đã kiếm nhiều loại dược- « phẩm, nhưng tôi không đỡ đặng chút nào vì chứng bế-tắc tụy-tạng. « Chứng ấy càng khó trị, khi tôi càng trải qua nhiều mệt nhọc. Tôi dự-bị « sắt đề đốt thịt. Nếu bịnh bế-tắc tụy-tạng không lui trước lửa đề đốt « thịt tôi, tôi sẽ chết mất và hết phụng-sự trong Truyền-giáo-hội.

« Bây giờ, ngó thấy rõ Xiêm-quốc giúp đỡ quân-sự cho Cựu-Vương « ở Quảng-Nam-quốc. Sự lo âu của chúng tôi đến đây cũng vợi bớt, vì « chúng tôi nom chiến-thuật của Xiêm-quân đáng cho chúng ta hy-vọng. « Cầu xin Chúa Trời ban cho hòa-bình đề cho các xóm đạo thống khổ « của chúng ta đặng yên ổn. Những tín-đồ Cơ-đốc phải gánh cái ách « không chịu nổi, phải trốn chui trốn nhủi và phiêu-bạt khắp xứ đề tránh « những vô số lịnh và những lịnh ấy nặng nề lắm ; mỗi ngày, chúng tín- « đồ phải thay đổi địa-phương và tỉnh hạt. Vì lẽ ấy cộng với nhiều lý- « do khác nói trên kia, tôi không thể nào gởi đến cho Cha một sổ đầy « đủ của các tín-đồ Cơ-đốc. Sau cùng các Đức Cha *Ginestar* và *Castuera* « gạt được bọn nổi-loạn [2]. Lối cuối năm 1786 [3] hay là đầu năm 1787 [4], « hai Cha trốn thoát qua Mã-Cao. Tại đây, hai Cha trú-cư tới đầu năm « 1789 [5]. Trong một bức thơ đề ngày mười một tháng sáu năm 1789 [6], Cha « *Castuera* thuật với Cha Provincial rằng Cha đi Quảng-Nam-quốc tháng « ba cũng năm nầy [7]. Trong một bức thơ đề ngày mười một tháng bảy [8], « Cha nói hai Cha tách bến Mã-Cao và tới cảng Tourane [9] mau lẹ ; rồi « nghỉ ngơi các hải-cảng khác, các Cha tìm đảo Poulo-Condore [10], vì có « lẽ nơi đây các người Pháp phải được công-hàm Nhà Vua [11]. Các người « Pháp nầy là bạn đồng đi một lượt với hai Cha. Từ đảo Côn-sơn, hai

1. Có lẽ Xiêm-quốc, Cam-bốt, Lục-Tỉnh và quốc-gia Bồ-Đào-Nha?
2. Tây-Sơn.
3. Bính-Ngọ.
4. Đinh-Mùi.
5. Kỷ-Dậu.
6. Mười tám tháng năm năm Kỷ-Dậu.
7. 1789 [Kỷ-Dậu].
8. 1789 [Kỷ-Dậu].
9. Đà-Nẵng ngày nay.
10. Côn-Nôn thời Pháp, Côn-Sơn thời nay.
11. Nguyễn-Phước-Ánh.

http://hoangsa.org

« Cha về Lục-Tỉnh. Lúc bây giờ, Nhà Vua đang tấn-công một vị Phó-« Vương của địch-thù » [1].

NGUYỄN-ÁNH LÀM SỞ-HỮU-CHỦ QUỐC-GIA VÀ TUYÊN-BỐ HOÀNG-ĐẾ QUẢNG-NAM-QUỐC VÀ BẮC-HÀ.

Trong bức thơ trước, Cha *Ginestar* đã thuật lại sự thất-trận của Nguyễn-Ánh. Sau khi ấy, Nguyễn-Ánh và gia-quyến rút lui trên đảo Phú-Quốc (Hon Phou-Kouk) [2], nơi đây Nguyễn-Ánh có hội-đàm với Đức Thầy Trợ-Tế Truyền-giáo và hai Cha franciscains Ginestar và Castuera. Tây-Sơn đuổi theo Vương, Vương trú-ẩn ở nhiều đảo trong vịnh Xiêm. Vương chạy qua đế-đô Bangkok, nơi đây, năm 1786, Vương dự-phần hoạt-động rất gắt chống trả bọn xâm-chiếm Miến-điện [3]. Vua Xiêm ghi ơn Vương lắm, và hứa sẽ giúp quân-binh để thâu-phục quốc-gia của Vương. Trước khi chấp-thuận việc viện-binh, Nguyễn-Ánh hiệp Hội-đồng tướng-lãnh lại. Tướng Nguyen-Van-Tanh [4] chống lại việc mượn binh Xiêm-quốc, Nguyễn-Ánh hoàn về đảo Phú-Quốc với bộ-đội của Vương. Vương mới sai quân xây đắp thành lũy để tránh những sự bất-ngờ quân-sự. Từ đó, đi ngang qua đất Chiampa [5], Vương vào Saigon, nơi đây người ta để dành cho Vương một cuộc tiếp rước long-trọng; thừa dịp ba anh em Tây-Sơn đang thù ghét lẫn nhau, Vương thâu phục lại đặng một phần lớn quốc-gia của Vương *trước khi quân Pháp giúp đỡ Vương.*

---

1 Nguyên-văn thì vầy: ..., alors que le Roi était en train de combattre *un* Vice-Roi *de* ses ennemis.

Tôi cho rằng tối nghĩa, phải để lại « *le* Vice-roi *avec* ses ennemis ».

2. Hòn Phú-Quốc.

3. Trong Văn-Hóa Nguyệt-san số 62, tháng bảy, năm 1961, tr. 716/30, gọi nước Miến-Điện là *Hoa-Đỗ*.

4. Nguyễn-Văn-Tánh.

Người huyện Phước-Chánh, có công ở Vọng-Các, làm quan trải từ Cai-đội-cơ chuyển qua Kiến-vũ-chi trưởng chi, Tiên Phong-đinh liệt tướng, Bình-Thuận Trấn thủ, thăng Chưởng-tiền phong đinh. Năm Gia-Long nguyên-niên (1802) thăng Chưởng-đinh, lãnh Diên-Khánh-thành án-trấn, mất tại quan sở.— Đại-Nam Nhất Thống chí, Lục-Tỉnh Nam Việt, tập thượng. tr. 41, về tỉnh Biên-Hòa. Có lẽ ông nầy. Còn nhiều người danh là Tánh song khác họ.

5. Tôi tìm kiếm chưa ra đất Chiampa trên đây là ở chỗ nào. Từ đảo Phú-Quốc, đi thuyền thời phải vòng mũi Cà-Mau rồi vô cửa Tranh đế, hoặc là cửa Bassac mới vô sông Hậu.

Vậy có đất nào mà gọi đất Chiampa?

http://hoangsa.org

Cha *Castuera* [1] có viết một cái thơ lời lẽ như vầy:

«Trong lúc tôi đến đây, khi khởi đầu năm nay, Nhà Vua đã làm «sở-hữu-chủ tất cả khu trong đó gồm cả đại Truyền-giáo-hội của chúng «ta, và một phần tỉnh khác làm giáo-khu cho các Cha người Pháp. Nhà «Vua phải đánh nhau với vị Phó-Vương có uy-lực hơn hết trong những «vị Phó-Vương. Sau khi chiến-tranh ch ng Phó-Vương ấy trên bộ dưới «biển hơn sáu tháng, Nhà Vua đặng lợi-điểm là Phó-Vương không đặng «viện-binh của Tây-Sơn, vì ba anh em Tây-Sơn đang chia rẽ nhau hồi «bấy giờ; người em út đang ra chiến-trận chống quân Trung-Hoa [2], tại «Vua Bắc phần yêu-cầu binh Trung-Hoa tiếp-trợ. Vì thế Nguyễn-Ánh «bao vây được Phó-Vương trên khô dưới biển; bị bủa vây, và gần «chết khát, Phó-Vương đầu hàng gông đóng trên cổ. Nhà Vua thấy sự «thế như vậy, bảo gỡ gông cho Phó-Vương, các quan và tha cho tất cả «vì lòng cao-thượng và tinh-thần có giá-trị của Nhà Vua. Nhà Vua «chiếm-cứ tất cả tàu và thuyền, và số võ-khí quan-trọng. Nhà Vua lại «truyền đem Phó-Vương và các quan về Dinh và phong quan-chức cho «Phó-Vương. Dân chúng oán ghét Phó-Vương vì hắn thi-hành việc ác «đối với dân-chúng trong các tỉnh ấy; nhiều người bị hắn xuống lịnh «hạ-sát. Ít ngày sau, vì có bằng cớ rằng Phó-Vương đã thông đồng với «Tây-Sơn, Nhà Vua xuống lịnh chém đầu Phó-Vương. Đầu nầy bị bêu «trên một đại-công-trường trong ba ngày.

«Lúc Nhà Vua thắng trận trở về, hai người giáo-sĩ Pháp và tôi đi «yết-kiến Nhà Vua. Nhà Vua rất vui lòng gặp lại chúng tôi, mà nhứt là «tôi đã quen biết Nhà Vua từ lâu rồi [3]. Khi chợt ngó thấy tôi, Nhà Vua «gọi tôi bằng tiếng Âu-Tây và tiếng Việt; Nhà Vua hỏi tôi ở xóm đạo «nào?

«Nhơn dịp giữa [4] năm mới, tập-quán của họ là phải hành-lễ, tôi

---

1. Thơ gởi cho Cha Provincial, đề Chợ-Quán, ngày mười một tháng sáu năm 1789 [mười tám tháng năm năm kỷ-Dậu], thơ viết tay năm trương 293 × 200mm.

2 Quân nhà Thanh do tổng-đốc Lưỡng-Quảng Tôn-Sĩ-Nghị chỉ-huy.

3. Ngay mười ba tháng 01 năm 1782 [ba mươi tháng mười một Nhâm-Dần] đến năm 1789 là tám năm.

4. Hồi năm Kỷ-Dậu 1789, tôi chắc là người Việt ăn Tết Nguyên-đán bảy ngày, từ ngày mồng một đến ngày mồng bảy. Vậy có thể Cha đi yết-kiến Nhà Vua ngày mồng ba hoặc là mồng bốn, nhưng ở đây tôi nom chắc là Cha đi yết-k ến giữa trưa ngày mồng một Có thể còn sót trên bài dịch «au milieu de la *journée* de l'année nouvelle». Ở đây ngày đi viếng quan-hệ tới ngày xử tử Phó-Vương.

http://hoangsa.org

« mới một mình tôi đi chúc thọ Nhà Vua. Nhà Vua rất tốt bụng hơn lần « thứ nhứt, mời tôi ngồi, danh-dự nầy không có được đối với các cố- « vấn của Nhà Vua. Ngài hỏi thăm tin tức của Huynh-Trưởng *Samtrayo*. « Ngài muốn biết nhờ cách nào chúng tôi thoát khỏi tay của Tây-Sơn, « tôi có quen biết với Phó-Vương của Tây-Sơn chăng, người ấy đang « có mặt ở đây, và vài ngày sau cuộc yết-kiến của tôi, Ngài đã ra lịnh « chém đầu Phó-Vương Tây-Sơn [1]. Sau cùng, Nhà Vua hỏi tôi câu nầy: « Và bây giờ đây, Cha sợ bọn Tây-Sơn nữa chăng ? » Tôi đáp lời tất cả « các câu hỏi, và, cuối cùng tôi trả lời rằng tôi không sợ Tây-Sơn vì Tây- « Sơn ở rất xa, Nhà Vua vui tươi lung lắm. Chúa Trời không muốn « cho Nhà Vua hỏi tôi câu nào về y-học, nên Ngài không hỏi. Sau khi « chiến-thắng tên đốn-mạt Phó-Vương kia, Nhà Vua trở thành oai cường « hơn lúc nào hết. Bây giờ, Nhà Vua có sáu người Pháp ở chung quanh « Ngài, một người đào ngũ của chiếc thuyền buồm, thuyền nầy tới đảo « Côn-Nôn để tìm Nhà Vua, các người khác từ Mã-Cao đến với phương- « tiện của họ. Cả sáu người Pháp làm huấn-luyện-viên cho lính của Nhà « Vua.

« Làm Hoàng-đế người lãnh-tụ Tây-Sơn [2] gầy ốm lắm, vì mệt nhọc « quá sức do chiến-tranh chống với người em út. Hai anh em tranh giành « chiến-lợi-phẩm lấy đặng ở Bắc-Hà. Đầy năm, noi theo ý-muốn của đấng « Tối Cao, Nhà Vua chiếm lại đặng tỉnh màu mỡ là Dong-Nai [3]. Từ « ngày ấy, Nguyễn-Nhạc ở trong thành-lũy cách đây lối năm chục dặm [4], « không dám nhúc nhích chút nào hết. Người Tây-Sơn em út bận chiến- « tranh chống Trung-Hoa, như thế Nhà Vua vô đặng trong tỉnh nầy [5] « sản-xuất lúa gạo mạnh nhứt trong vương-quốc. Tất cả các tỉnh khác « đều đói. Trong tháng nầy [6], Nhà Vua chờ đợi hạm-đội của người Pháp, « để chấm dứt loài yêu-quái đang làm khổ cho dân-gian trong xứ. Năm « rồi, các người Pháp đến không đặng, duyên do tại có mối bất-hợp nầy « nằm giữa họ. Nhà Vua ngóng trông họ ở đảo Côn-Nôn với vài viên « quan. Tôi muốn nói rằng Nhà Vua có để lại đảo ấy một số tàu nào đó

1. Có thể Phó-Vương bị trảm quyết lối mồng ba, mồng bốn, mồng năm Tết năm Kỷ-Dậu.
2. Nguyễn Văn-Nhạc.
3. Đồng-Nai và Đồng-Nai là Lục-Tỉnh.
4. Hồi xưa một dặm bên Âu-Tây hay thay đổi, không có chi làm chuẩn-thẳng
5. Tỉnh Đồng-Nai, nhưng Đồng-Nai phân làm Lục-Tỉnh.
6. Tháng sáu năm 1789.

http://hoangsa.org

« của Ngài để chực đón các người Pháp, Nhà Vua ở tại tỉnh nầy [1]. Nhưng « nếu có việc ngẫu-nhiên, các người Pháp không đến, trên bộ dưới biển « cũng không dễ gì Tây-Sơn chiến-thắng Nhà Vua, duyên cớ là tại mối « bất-hòa tồn tại giữa hai anh em độc-ác Tây-Sơn và chiến-tranh mà một « trong hai người em chống quân Trung-Hoa ở tại Bắc-Hà ».

Đức Thầy Trợ-Tế Truyền-Đạo và đông-cung Canh [2] đi Pháp-quốc năm 1785 [3]. Đến Ba-Lê năm 1787 [4], sau khi thương-lượng với Pháp-đình tất cả các điều chúng tôi có ghi chép trong tự-ngôn của tác-phẩm hiện tại [5], Đức Thầy Trợ-Tế Truyền-Đạo và đông-cung Cảnh hồi về Lục-Tỉnh trong vòng tháng bảy năm 1789 [6]. Viên thống-đốc Pondichéry cầm lại những bộ-đội do Vua Pháp-quốc gởi qua và chỉ cho phép sang Lục-Tỉnh có một chiếc tàu chiến và hai chiếc thương-truyền, hai mươi sĩ-quan và năm trăm người lính. Những người nầy huấn-luyện đạo-quân quốc-gia để xung-phong lần cuối cùng chống bọn nổi-loạn [7].

Trong một bức thơ đề ở Chợ-Quán ngày bốn tháng ba năm 1790, gởi cho Cha Provincial, Đức Cha *Jean de Jésus Maria* [8] viết rằng:

« Nhà Vua ở tại Đồng-Nai, đang chuẩn-bị chiến-tranh chống Tây-« Sơn. Rất hùng cường, Nhà Vua đem theo lối chừng mươi tàu Bồ-« Đào-Nha và một tàu Pháp, tất cả đều là thương-thuyền, song có đủ « võ-khí chiến-tranh với quân-nhu cần-thiết. Nhà Vua làm sở-hữu-chủ « đất đai đại-tỉnh Đồng-Nai và hy-vọng sẽ tái-chiếm những tỉnh khác [9], « chỉ có một mình bạo-quân kia chống lại ý-kiến đầu hàng, còn quần-« thần thì không. Vì bạo-chúa ỷ-lại vào thành lũy làm sức mạnh, nên « chúng tôi nghĩ rằng Nhà Vua thế nào cũng thắng trận.

« Thật vậy, tháng tám năm 1792 [10], các bộ-đội Nhà Vua sẵn sàng

---

1. Tỉnh Đồng-Nai.
2. Đông-cung Cảnh.
3. Ất-Tị.
4. Đinh-Mùi.
5. Văn-khố Tây-Ban-Nha-Mỹ-Châu [Archives Ibéro-américaines], T. XVIII, page 298 [chú-thích của nữ-học-giả].
6. Kỷ-Dậu. Xem trong Maybon, tr. 225 và 283 [chú-thích của nữ-học-giả].
7. Tây-Sơn.
8. Huynh-Trưởng Jean de Jésus Maria, thơ gởi cho Cha Provincial, đề ngày bốn tháng ba năm 1790 [chú-thích của nữ-học-giả].
9. Ngoài miền Nam Trung-Việt.
10. Nhâm-Tí.

http://hoangsa.org

« tác-chiến. « Cha *Ginestar* viết [1] rằng: « Tây-Sơn không ngờ Nhà Vua « tới Bình-Định hồi bấy giờ, vì theo nguyên-tắc thuyền muốn trong « Nam ra đến đó phải đợi gió mùa thổi từ Nam lên Bắc. Tuy nhiên, « Nhà Vua ngó thấy gió mùa còn thuận-tiện cho Ngài thật-hiện ý-muốn « của Ngài, nên Ngài xuất-hiện trước cảng của Tây-Sơn, nơi đây Tây- « Sơn gom lại nào là tam-bản, nào là thuyền-chiến và những tàu khác. « Tàu buồm thứ nhứt của Nhà Vua là « chiếc tàu vỏ bằng đồng » (vật chưa « từng thấy ở Quảng-Nam-quốc) vô trong cảng dưới quyền chỉ-huy của « Ông *Dayot*, Ông nầy trước kia ở Ma-ní. Lầm tưởng là một chiếc thương- « thuyền, bọn giám-thủ cảng cõi thuyền ra để khám xét, nhưng ngó « thấy đoàn chiến-thuyền của Nhà Vua theo sau, liền muốn cấm ngăn « chiếc tàu buồm vô cảng. Bọn giám-thủ tác-xạ ra năm hay sáu phát đại- « bác đặc, chiếc tàu buồm kéo cờ giặc lên và bắn trả tất cả súng ở be « tàu; rồi chiếc tàu day qua bên kia để be tàu bên kia bắn lên. Song le « Tây-Sơn liên-tiếp sử-dụng đại-bác, nhưng, hồi chiếc tàu vỏ đồng mới « day qua để bắn, quân bảo-vệ hải-cảng đều bỏ chỗ chạy trốn và trong « hai ngày ở lại hải cảng, Nhà Vua xuống lịnh cho hỏa-thiêu tất cả tàu bè. « Nhà Vua không ý-muốn đem tất cả tàu thuyền về làm chiến-lợi-phẩm.

« Nhà vua hoàn về Đồng-Nai lấy tư-cách người chiến-thắng, với « thâu-thập được tin mừng rằng hai anh em Tây-Sơn đánh nhau vào « năm 1790 và đến năm 1792, mối bất-hòa ấy tồn-tại luôn luôn giữa hai « anh em. Nhà Vua lãnh-hội viễn-ảnh chiến-thắng sẽ thuận-lợi cho Ngài. « Lúc hồi về xong, Nhà Vua dự-bị tất cả lực-lượng lục-quân và thủy- « binh để đi chiến-trận năm 1793 [2]. Trước khi ra đánh giặc, Ngài chỉ- « định lập hoàng-tử làm đông-cung, hoàng-tử đã đi theo sang Pháp với « Đức Giám-mục, và vì tuổi còn thơ ngây nên Ngài cho Giám-mục làm « sư-phó. Một quyết-định như thế có hậu-quả là Nhà Vua khen tặng « Thánh-Giáo của chúng ta và tán tụng tánh tình trung-thực của Đức « Giám-mục. Tất cả người đều lấy làm thán-phục Ngài. Cũng trong lúc ấy, « Nhà Vua bắt được tin rằng kẻ oai cường và đáng kinh hãi của ba anh « em Tây-Sơn, là Tây-So (sic) đã tị trần [3]. Vài người nào đó khẳng-định

1. Ginestar, thơ gởi cho Cha Provincial để Mã-cao, ngày hai mươi tháng mười năm 1799 [hai mươi hai tháng chín năm Kỷ-Mùi].
Thơ viết tay, hai tờ cỡ 325 × 225mm.
2. Quí-Sửu.
3. Theo lời của Maybon (tr. 313), ngày tạ thế là mười ba tháng mười một năm 1792 [hai mươi chín tháng chín năm Nhâm-Tí.]—Lời chú-thích của nữ-học-giả. Người từ trần là Nguyễn-Huệ.

http://hoangsa.org

« rằng hắn bị đầu độc và hắn để ngôi lại cho một người con mới lên
« mười hai tuổi đầu.

« Nhà Vua với chúng tôi đều tin cậy đầy đủ nơi mình. Nhà Vua
« có xác-tín là không phải phí sức nhiều để đem lại hòa-bình trong xứ.
« Quả thật, lúc Ngài đề binh ra Qui-Nhơn thì lục-quân tái chiếm dễ dàng
« bốn tỉnh ở giữa rồi tới Qui-nhơn, mà không gặp sức kháng-cự nào hết.
« Qui-Nhơn là trào-chánh của Vua Tây-Sơn lớn tuổi, nhưng không đặng
« hùng cường cho mấy, và cũng trước cửa thành Qui-Nhơn bạo-quân
« lầm tưởng là sẽ đánh bại quân Nhà Vua. Tín-nhiệm hoàn-toàn nơi lực-
« lượng của tượng-quân, Tây-Sơn nghinh-chiến, bị thất trận và mất một
« số lớn quân-sĩ của Tây-Sơn; có lớp người bị bắt làm tù binh, có lớp
« khác đầu-hàng Nhà Vua. Với phần còn lại, Tây-Sơn rút vào thành và
« đóng các cửa lại. Nhà Vua xua binh tấn tới, vây thành. Tây-Sơn ở
« trong đó ba tháng. Cuối khoảng thời-gian ấy, nhận thấy Nhà Vua không
« làm gì để phá cửa thành, những người Pháp mới đề-nghị với Nhà Vua
« rằng người Pháp sẽ phá cửa thành nội trong mười ngày. Nhà vua đáp
« lời là điều ấy không cần-thiết, vì ở trong thành có người của Nhà Vua,
« họ sẽ mở cửa ra giao thành cho Nhà Vua, cả những người ẩn-náu
« trong thành. Nhưng, đến thời-gian ấy, Nhà Vua và thuộc-hạ đều bị
« dối gạt hết. Quân-sĩ Nhà Vua đã để từng chỗ nhiều thang leo, không
« chừng những người trong thành đã có ý-muốn như vậy, nhưng dấu
« hiệu của họ chờ đợi người trong thành đưa ra, chẳng hề đến với họ.
« Duy có tới họ, là hiệu-lịnh Nhà Vua ra để rút quân mà thôi. Binh bị
« vây hãm ở trong vị-trí của chúng đặng ít ngày sau đó, người ta thấy
« đạo-binh cứu-viện tới. Đạo-binh nầy đến là Tây-Sơn yêu-cầu vua Bắc-
« phần, cháu của Tây-Sơn, viện-trợ cho. Nhà Vua [1] phải lui quân về
« Đồng-Nai. Viện-binh làm chủ tình-hình ở đó. Với tư-cách là đồng-minh,
« viện-binh ấy vô thành và đóng binh trong đó, đoạn mới câu-lưu Tây-
« Sơn để giao về công-lý của người cháu. Viện-binh ấy nói rằng: người
« cháu muốn trả thù cho cha vì bác đã chiến-tranh chống cha của người
« cháu. Vả lại việc ấy không cần thiết cho lắm, vì chẳng bao lâu, Tây-Sơn
« qui tiên-cảnh vì buồn rầu, hay vì bị đánh thuốc độc [2].

---

1. Nguyễn-Phước-Ánh.

2. Maybon, trang 317, phụ-chú 2d [lời chú-thích của nữ-học-giả]. Thuyết Trần-Trọng-Kim nói vầy: « Bọn Phạm-Công-Hưng giải được « vây rồi, kéo quân vào thành Qui-Nhơn, chiếm giữ lấy thành trì và tịch « biên cả các kho tàng.

(Xem tiếp trang 92)

http://hoangsa.org

« Khi rút lui, Nhà Vua để lại nhiều đồn binh trong bốn tỉnh mới tái-« chiếm, và trong châu-thành ở tỉnh láng-giềng [1], Ngài cũng truyền cho « một đạo-binh đóng đồn ở đó. Để chăm sóc thành nầy, Nhà Vua hạ « lịnh cho Đông-cung ra đó trấn-thủ và Đức Giám-mục phải đi kèm « theo, sau lời yêu-cầu của Nhà Vua, duyên-cớ do tôi giải-bày trong tài-« liệu bí-mật [2] đính theo bức thơ này. Muốn tránh thoát sự dài dòng lạt « lẽo trong bức thơ, tôi xin Cha hãy xem những tài-liệu ấy.

« Tôi tùy theo Sự Phước Thiện của Cha, Đức Chúa Trời che chở « cho Cha, người đàn em quyến luyến Cha và phục-tòng Cha »:

Ký tên : Fr. Santiago Ginestar

*
* *

Sau hai sự từ trần của hai anh em *Nguyễn-Nhạc* và *Nguyễn-Văn-Huệ*, những đạo-binh dấy loạn yếu lắm. Bởi lẽ ấy, sau khi tổ-chức các bộ-đội quân mình lại cho có qui-củ, *Nguyễn-Ánh* quyết-định sẽ đánh một trận quyết-liệt vào năm 1798 [3]. Khởi-điểm là đánh Qui-Nhơn, vì vùng nầy có xây đắp pháo-lũy nhiều, Nhà Vua tàn-phá các lũy. Chiến-thắng nầy dẫn đến chiến-thắng khác, Nhà Vua trục-xuất tất cả kẻ nổi loạn. Ngài tái-chiếm lại tất cả Quảng-Nam-quốc vào năm 1802 [4]. Rồi, lợi-

« Ông Nguyễn-Nhạc thấy vậy tức giận đến nỗi *thổ-huyết ra mà chết*. « Ông làm vua được 16 năm ».— Trần-Trọng-Kim, Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, tr. 137, hàng 9 tới 13.

Trong quyển « Quốc-Văn đời Tây-Sơn » tác-giả nói như sau : « Quân « Cựu-Nguyễn [quân Nguyễn-Ánh] cởi vây, rút lui ; bọn Hưng vào thành « Qui-Nhơn, Nhạc sai đem một mâm vàng, một mâm bạc để khao quân. « Hưng bèn tịch biên kho đụn, thu lấy giáp binh, chiếm cứ thành ấy, « Nhạc uất-ức, hộc máu mà chết ».— Sơn-Tùng Hoàng-Thúc-Trâm, sách Quốc-Văn đời Tây-Sơn, tr. 43.

Đoạn trên đây chép theo truyện « Nguyễn-Văn-Nhạc trong Đại-Nam Chính-Biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30, tờ 15b-16a.

Hai thuyết trên đây như một, không ai nói rõ duyên-cớ chính-yếu trong vụ chết của Nhạc.

Trên bài dịch có nói rõ duyên cớ ấy. Chúng ta nên tin nơi thuyết của Cha Ginestar là hơn, vì Cha là người hồi thời bấy giờ và là người theo dõi thời-cuộc.

1. Châu-thành nầy là *Diên-Khánh* ở cùng một vĩ-tuyến với Nha-Trang.

2. Chúng tôi chưa biết đặng những bức thơ do Cha Ginestar đề-cập tới [lời chú-thích của nữ-học-giả].

3. Mậu-Ngọ.

4. Nhâm-Tuất.

http://hoangsa.org

dụng sự bất-bình đang bao trùm trên xứ Bắc-Hà, Nhà Vua làm sở-hữu-chủ luôn quốc-gia ấy chỉ cần có ba tháng, Ngài tới Bắc-phần. Ngài vô Hà-nội ngày hai mươi hai tháng bảy cũng năm ấy [1] với tư-thế của người chiến-thắng. Dân-chúng hân hoan chào đón Nhà Vua. Cha *Gispert* có nói rằng: dân Bắc-Hà coi người Quảng-Nam-quốc như những kẻ đã «giải-thoát họ khỏi bọn Tây-Sơn».

Hồi bấy giờ, *Nguyễn-Ánh* lên ngôi Hoàng-Đế dưới niên-hiệu là Gia-Long. Ân-huệ thứ nhứt do Ngài ban xuống là cho phép dân-chúng được tự-do tín-ngưỡng Gia-tô-giáo, lúc nầy Gia-tô-giáo, bành-trướng mà không có ngoại-lệ cỏn con nào hết.

P. Lorenzo Pérez [2].

NGƯỜI TÂY-BAN-NHA TRONG ĐẠI-QUỐC ANNAM.

Bảng kê sơ-lược loạt thơ-văn do Cha Lorenzo Pérez viết ra.

Văn-khố Tây-Ban-Nha-Mỹ-châu, 1922-1933.

một/ Thơ-văn I, T. XVIII, 1922, số 54: Lịch-sử chánh-trị của Đại-quốc Annam — Dư-địa xứ Quảng-Nam — Các nhà truyền-giáo Tây-Ban-Nha trong xứ Quảng-Nam.

hai/ Thơ-văn II, T. XIX, 1923, số 55: Du-giáo bên Quảng-Nam của hai Cha Fr. Jérôme của Siêu-Thánh Tam-Vị nhứt thể [3] và Fr. Joseph của Đức Bà Hoài-Thai trinh-khiết [4] — Những công-tác truyền-giáo đầu tiên tới cuối tháng mười hai 1723, tới tháng nầy hành-giáo Gia-Tô bị cấm-chỉ do dụ của quốc-vương xuống.

ba/ Thơ-văn III, 1925, số 72: Sự biến-loạn phát sanh ra do giáo-sĩ Pháp Charles de Flori trong những hội truyền-giáo ở Quảng-Nam-quốc — Phó-trợ-tế truyền-giáo Huynh-trưởng của Siêu-Thánh Tam-Vị nhứt-thể [5] trục-xuất giáo-sĩ Pháp ra khỏi hội Truyền-giáo — Lời phán-quyết của viên Tòa xử án đối với giáo-sĩ Pháp ấy do vị Đại-diện truyền-đạo của Truyền-giáo-hội phương Đông phái đến.

bốn/ Thơ-văn thứ IV, 1925, số 77: Sự ngược-đãi tín-đồ Gia-Tô-

1. Ngày thứ năm hai mươi ba tháng sáu năm Nhâm-Tuất.
2. Văn-Khố Tây-Ban-Nha — Mỹ-quốc, thơ-văn thứ mười bốn, tháng bảy — tháng chín 1932, số 107, tr. 312-365.
3. Nguyên-văn bổn-dịch: Très Sainte-Trinité.
4. Nguyên-văn bổn-dịch: Notre-Dame de la Conception.
5. Nguyên-văn bổn-dịch: Très Sainte-Trinité.

http://hoangsa.org

giáo ở Quảng-Nam-quốc từ 1723 [1] tới 1726 [2] — Chúa Minh [3] thăng-hà — Với một sự ngạc-nhiên, vị nối nghiệp ký đạo dụ đày các giáo-sĩ, nhưng đạo dụ không thiệt-hành, vì tân-chánh-sách của Tân-vương.

năm/ Thơ-văn thứ V, 1926, số 78: Vị Vua bảo-vệ Gia-Tô-giáo — Các giáo-sĩ Thiêng-liêng Tu-hội của Cồ-xúy Chủng-viện Ba-Lê [4] và những giáo-sĩ Tu-hội Gia-Tô [5] trong sự liên-lạc với dòng Franciscains Tây-Ban-Nha — Kết-quả gặt hái được do dòng Franciscains Tây-Ban-Nha trong hết thời-kỳ tại ngôi của *Võ-Miêng-Vương* [6].

sáu/ Thơ-văn thứ VI, T. XXVII, 1927, số 79: Nguồn gốc sự ngược-đãi của các giáo-sĩ người Pháp gieo rắc cho các giáo-sĩ thuộc dòng Franciscains Tây-Ban-Nha — Lời lẽ thanh-minh để thoái-thác trách-nhiệm của các giáo-sĩ người Pháp đề yêu-cầu với Tu-hội Cồ-xúy một vị Khách-viếng Truyền-giáo — Vị Khách-viếng Truyền-giáo đến Mã-cao — Đến Quảng-Nam-quốc của vị Khách-viếng ấy và những biện-pháp thứ nhứt đối với các giáo-sĩ của tu-hội Cồ-xúy — Vị Khách ấy tuyên-bố chống các giáo-sĩ Pháp — Vị Khách ấy viếng các giáo-đường của Trào-đình — Sự bài-bác của hội-viên Tu-hội [7] và các giáo-sĩ dòng Franciscains đối với bài phỉ-báng của P. Jean de la Court — Sự hòa-mục giữa các hội-viên Tu-hội và vị Khách-viếng Truyền-giáo — Vị Khách quyết-định tiêu-diệt hội Truyền-giáo Thiên-Sứ Tối-Cao [8] — Những đạo dụ thứ nhứt chống các giáo-sĩ thuộc dòng Franciscains — Lời kêu gọi của Cha Uỷ-viên của giáo-sĩ thuộc dòng Franciscains chống các đạo dụ ấy.

bảy / Thơ-văn thứ VII, số 80: Khách-viếng Truyền-đạo ấy ra lịnh phóng-trục các giáo-sĩ thuộc dòng Franciscains ở Saigon và trên Cam-

---

1. Quí-Mẹo.
2. Bính-Ngọ.
3. Tộ-Quận-công hiệu Thiên-Túng đạo-nhơn tên là *Nguyễn-Phước-Châu* lại tên là *Tùng*. Khi thăng-hà tôn-thụy là *Tộ-Minh-Vương*.— Liên-Đình Tôn-Thất-Hân, sách Tiên-Nguyên Loát-Yếu Phổ, tr. 44, 46.
4. Nguyên-văn bổn-dịch như sau: Sacrée Congrégation de la Propagande du Séminaire de Paris.
5. Nguyên-văn bổn-dịch như sau: Compagnie de Jésus.
6. Nguyễn-Phước-Châu.
7. Chưa biết là Tu-hội gì, vì như ở trang trước Tu hội Gia-Tộ thì thuộc về Pháp, ở đây Tu-hội nầy thuộc về dòng Franciscains Bồ-Đào-Nha.
8. Nguyên-văn bổn-dịch: Mission Séraphique.

http://hoangsa.org

bốt — Các giáo-sĩ Pháp biểu-dương danh-dự cho giáo-sĩ Charles de Flori — Cha Pierre Fabre thay thế cho Khách-viếng vừa liễu-đạo — Tu-hội tán-thành lịnh-chỉ của Ông *Halicarmaose*—Tái-duyệt vụ kiện-tụng ở Giáo-hội La-Mã—Phương-sách của các giáo-sĩ người Pháp đối với giáo-sĩ thuộc dòng Franciscains, sau khi cuộc thăm viếng của viên Đại-diện Truyền-giáo — Thực-thi Chiếu-thư Đức Giáo-Hoàng *Quantopere* thuận-tiện cho các giáo-sĩ thuộc dòng Franciscains.

tám/ Thơ-văn thứ VIII, số 81: Chúa ở Quảng-Nam-quốc là *Vo-Chua* [1] băng — Thái-tử tên là *Vo* lên nối nghiệp; Thái-tử bảo-vệ cuộc thương-mại của người ngoại-quốc — Phương-sách của Ngài đối xử với tín-đồ Gia-Tô-giáo trong những năm đầu của trào-đại — Tình-hình của hội Truyền-giáo tới năm 1750 [2], năm nầy Vo-Vuong [3] hạ dụ câu-lưu vài đày đọa tất cả các giáo-sĩ.

chín/ Thơ-văn thứ IX, số 82: Cuộc ngược-đãi và lưu-đày các giáo-sĩ năm 1750.

mười/ Thơ-văn thứ X, số 83: Gia-Tô giáo-đồ bị ngược-đãi ở các tỉnh.

mười một/ Thơ-văn thứ XI, 1928, số 86: Phục-hưng của những Truyền-giáo-hội ở Quảng-Nam-quốc — Ủy-viên Fr. François de St. Barnard sai hai Cha François *Hermosa* de Saint-Bonaventure và Pierre *Galiana*, tới Lục-Tỉnh [4] đi ngang qua xứ Cam-bốt. Toàn-quyền Mã-Cao có phái Cha Hermosa làm sứ-thần trong một sự việc với quốc-vương Cam-bốt, rồi sẽ đi đến Xiêm, Cha Hermosa làm y theo lời dặn dò, xong rồi

---

1. Võ-Chúa. Ngài tên là *Nguyễn-Phước-Thọ*, lúc nối ngôi Vua cha, Ngài được tấn tôn chức Thái-phó, tước Đỉnh-Quận-Công, hiệu Vân-Toàu đạo-nhơn. Ngày sinh ra năm Bính-Tý 1696, băng năm Mậu-Ngọ 1738, tôn thụy là Đảnh-Ninh-Vương. sau tôn là Hiếu-Ninh-Vương.

Thái-tử là *Nguyễn-Phước-Hoạc* húy là *Hiếu* lên ngôi. Ngài sanh ra năm Giáp-Ngọ 1714, băng năm Ất-Dậu 1765, tôn thụy là Hiếu-Võ-Vương.— Liên-Đình Tôn-Thất-Hân, sách Tiên-Nguyên... tr. 53, 54 và 57, 59.

Ngài Nguyễn-Phước-Hoạc gọi là *Võ* thì được, còn thân-phụ Ngài mà gọi là *Võ-Chúa* thì tôi chưa hiểu tại sao?

2. Canh-Ngọ.

3. Võ-Vương. Tên là Nguyễn-Phước-Hoạc, sách khác gọi là Nguyễn-Phúc-Khoát.

4. Như tôi đã nói ở một trang trước rằng: hồi xưa tiếng Cochinchine dịch là Quảng-Nam-quốc, Basse-Cochichine dịch là Lục-Tỉnh.

Ở trên bổn-dịch không phân-biệt đặng đâu là Cochinchine đâu là Basse-Cochinchine. Vì vậy nên ở trên bản-dịch để là Cochinchine mà chính thật là Lục-Tỉnh.

http://hoangsa.org

khi đến Xiêm liền bị giam-giữ ở đó — Trên đường đi đến Lục-Tỉnh, Cha Galiana bị ám-sát — Cha Joseph de la Conception phục-hưng hội Truyền-giáo cũ ở Can-Cao; sự tiến-triển của hội Truyền-giáo ấy tới năm 1763 [1].

mười hai/ Thơ-văn XII, 1928, số 89: Gia-Tô-giáo bị ngược-đãi — Phục hưng của các hội Truyền-giáo — Người ngược-đãi Gia-Tô giáo-đồ là *Võ-Vương* thăng-hà — Thái-tử *Huệ-Vương* lên nối nghiệp — Tình-trạng của hội Truyền-giáo Thiên-Sứ Tối-Cao năm 1766 [2] — Gia-Tô-giáo bị ngược-đãi thêm nữa vào năm 1767 [3] — Cha *Jumilla* quản-trị — Sự diệt-trừ các xóm đạo ở Can-Cao và sự quản-trị của Cha Jean *Salguere* tới năm 1747 [4].

mười ba/ Thơ-văn XIII, 1032, số 106: Sự giao-dịch giữa những giáo-sĩ bên Chủng-viện Ba-Lê và những giáo-sĩ thuộc dòng Franciscains.

mười bốn / Thơ-văn XIV, 1932, số 107 (thơ-văn dịch ra trên đây).

mười lăm / Thơ-văn XV, 1933, số 109-110: Những giáo-sĩ ở Lục-Tỉnh khan hiếm — Những đạo dụ của Nhà Vua thuận lợi cho Gia-Tô-giáo — Tình-trạng của hội Truyền-giáo Thiên-Sứ Tối-Cao trong lúc có những đạo-dụ thuận-lợi — Những nhà tu-hành Gia-Tô-giáo liễu-đạo trong hội Truyền-giáo trong khi có đạo dụ thuận-lợi — Kết-luận.

P. Lorenzo Pérez viết bằng tiếng Bồ-Đào-Nha.
Marguerite Villa dịch từ tiếng Bồ-Đào-Nha qua tiếng Pháp.
Phù-lang Trương-Bá-Phát dịch từ Pháp-ngữ sang Việt-ngữ.
Khởi sự dịch: ngày thứ sáu 18/9/1970.
Dịch xong: ngày thứ bảy 5/12/1970.

***

1. Qui-Mùi.
2. Bính-Tuất.
3. Đinh-Hợi.
4. Giáp-Ngọ.

http://hoangsa.org

NHỮNG SÁCH VÀ TẠP-CHÍ DÙNG ĐỂ KÊ-CỨU :

— LORENZO PÉREZ *dịch qua Pháp-văn do Marguerite Villa — La révolte et la guerre des Tây-Sơn, Bull. de la S.E.I., Saigon, 1940.*

— VIỆT-NAM KHẢO-CỔ TẬP-SAN *số 4, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, Saigon, 1960.*

— TUẦN-LÝ HUỲNH-KHẮC-DỤNG, *Hát-bội, Nam-Chi Tùng-thơ-Kim-Lai Ấn-quán, 1970.*

— LIÊN-ĐÌNH TÔN-THẤT-HÂN, *Tiên-Nguyên Loát Yếu Phổ, Imprimerie Tiếng Dân, Huế, 1935.*

— GIÁM-MỤC TABERD, *Dictionarum Annamitico-Latinum, 1838.*

— *Việt-Nam sử-lược, quyển hạ, in lần thứ hai, Imprimerie Vĩnh và Thành, Hanoi, 1928.*

— VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN *số 61, tháng Sáu, 1961, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản.*

— TU-TRAI NGUYỄN-TẠO *dịch-giả, Đại-Nam Nhất Thống Chí. Lục-Tỉnh Nam-Việt, tập hạ, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản.*

— TU-TRAI NGUYỄN-TẠO, *Đại-Nam Nhất Thống chí, Thừa-Thiên phủ, tập trung, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản 1961.*

— TU-TRAI NGUYỄN-TẠO, *Đại-Nam Nhất Thống chí, Lục-Tỉnh Nam, Việt, tập thượng, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, 1959.*

— ĐÀO VĂN-HỘI, *Danh Nhân Nước Nhà, bài của Lê-Thọ-Xuân, in lần thứ hai, nhà in Maurice, Saigon, 1948.*

— GABRIEL AUBARET, *Histoire et Description de la Basse-Cochinchine, Paris, Imprimerie Impériale, 1863.*

— PÉTRUS TRƯƠNG-VĨNH-KÝ, *Tạp-chí Excurtions et Reconnaissance, bài Souvenirs histotiques sur Saigon et ses ehvirons. Saigon, Imp. Coloniale, 1885.*

— BULLETIN DES AMIS DU VIEUX-HUẾ, *1916.*

— SƠN-TÙNG HOÀNG-THÚC-TRÂM, *Quốc-Văn đời Tây-Sơn, Nhà sách Vĩnh-Bảo xuất-bản, Saigon, 1950.*

— BẢN-ĐỒ TRUNG-NGUYÊN TRUNG-PHẦN, *Tổng Nha Điền-Địa ấn-loát, số 2002, ngày 31/5/1966, tỷ-lệ xích* $\frac{1}{10.000.000}$.

— BẢN-ĐỒ CAMBODGE-LAOS-VIỆT-NAM, *Croquis physique et routier, tái ấn-loát 1954, sở Địa-Dư Quốc-gia Dalat, tỷ-lệ xích* $\frac{1}{1.000.000}$.

http://hoangsa.org

VIỆC MẤT ĐẤT SÁU CHÂU HƯNG HÓA

▽ NGUYỄN TOẠI

Trong bài « Cuộc giao thiệp giữa Quang Trung với Càn Long — vụ 16 châu và xây đền thờ Sầm Nghi Đống » đăng trong *Sử Địa* số 13, ông Lý Văn Hùng có viết về việc giao thiệp giữa vua Quang Trung và vua Càn Long để đòi lại 16 châu vùng Hưng Hóa.

Cứ tác giả thì các châu này, có ý quy thuận Trung quốc, nhân nhà Hậu Lê suy yếu. Vua Quang Trung, sau khi thắng quân Thanh, có đòi lại các châu ấy — 16 châu — thì được vua Thanh quy hoàn. Việc quy hoàn này, tác giả dẫn chứng bằng câu nói của Lê Quýnh, còn chép trong tập Bắc hành lược kỉ của Quýnh: « Sở dĩ nhà Thanh chịu đem cả dư đồ 16 đạo trao cho Nguyễn Huệ, có phải là việc bất đắc dĩ mà quyền nghi nhất thời không? »

Thật ra thì vua Càn Long không trả đất nào cho vua Quang Trung cả, như sau đây sẽ trình bày. Trước khi kể lại việc mất và đòi đất thuộc Hưng Hóa, tưởng có mấy điểm trong bài nói trên cần phải bàn lại đã.

Trước hết, tác giả muốn coi phân hạt gọi là đạo cũng giống như phân hạt gọi là châu.

Thật ra thì triều Lê lúc đầu chia nước ra làm nhiều đạo, như đã chép ở trong *Dư địa chí* của Ức trai (Nguyễn Trãi). Qua triều Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ bảy (1466) vẫn chia nước làm mười hai đạo, năm Quang Thuận thứ 10.(1469) khi định « thiên hạ bản đồ » lại gọi là 12 thừa tuyên, năm Hồng Đức thứ 21 (1490) lại gọi là xứ, rồi trong năm Hồng Thuận (1510-1516) (vua Tương Dực) lại gọi là trấn. Tuy vậy trong triều Hậu Lê, trong các giấy tờ của nhà nước, danh hiệu trấn và xứ vẫn cùng được dùng lẫn cho nhau. Đạo hay thừa tuyên hay xứ hay trấn lại chia làm phủ. Phủ chia làm huyện và châu. Huyện là phân hạt miền trung thổ, châu là phân hạt miền thượng du. Thế thì châu và đạo khác nhau chứ không như nhau được.

Về điểm Lê Quýnh có viết: « *nhà Thanh đem cả dư đồ 16 đạo trao*

http://hoangsa.org

cho Nguyễn Huệ". Câu này tưởng phải hiểu là Lê Quýnh muốn nói là nhà Thanh đem tất cả đất nước Nam trao cho Nguyễn Huệ, vì đã phong Huệ làm Quốc Vương, chứ không có ý nói là nhà Thanh đã trả cho Nguyễn Huệ số 16 châu đã chiếm mất. Cho là Lê Quýnh có viết 16 đạo, ta không hiểu tại sao Lê Quýnh lại gọi toàn quốc là dư đồ 16 đạo. Phải chăng Lê Quýnh cũng không nhớ rõ là nước nhà chia làm mấy đạo? Trong triều Lê, khi muốn nói đến cả nước, người ta thường nói là 12 đạo hay 12 thừa tuyên. Trong thư Nguyễn Huệ gửi La Sơn phu tử ngày 18 tháng chạp năm Thái Đức thứ chín, Huệ viết: « ... *phi đặc bản quốc chi hạnh, diệc thập nhị thừa tuyên chi đại hạnh giã*» (không những riêng nước tôi may mắn mà 12 thừa tuyên — ý nói Bắc hà — cũng được rất may).

Duy có Trung quốc, có lẽ không biết rõ việc phân hạt của nước Nam nên có lúc nói đến mười một đạo. Trong chiếu của vua Càn Long phong Vương cho vua Chiêu Thống, có câu « Phi thập hữu nhất đạo chi đề phong, nguyên phi lợi kỳ thổ địa... » (mở mười một đạo đất phong cho chư hầu, nguyên không phải muốn lợi gì về thổ địa). Các con số vừa nói, thật ra không có ý liệt kê chính xác các phân hạt cai trị, chẳng qua chỉ là một cách viết cho đẹp lời văn mà thôi.

Ngoài ra, ông Lý Văn Hùng có nại ra một việc có ghi trong sử nhưng không có liên quan gì đến việc mất đất ở Hưng Hóa cả. Lý quân có chép: « Vào cuối Hậu Lê, năm 28 Cảnh Hưng chia đàng ngoài làm 7 trấn, 4 phủ, 25 châu mà chẳng có tên trấn Hưng Hóa với các châu đó ". Thật ra thì trong năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767) không có việc chia đàng ngoài ra làm bảy trấn, chỉ có việc chúa Trịnh Sâm thấy dân đã điêu hao, quan nhiều làm nhiễu dân, nên bãi bớt bốn phủ, hai mươi chín châu huyện, giao các đất ấy cho các phủ huyện gần, tùy tiện kiêm lý, để bớt một số quan phủ, huyện, việc tỉnh giảm này chỉ liên quan đến các đất Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, bảy xứ mà thôi, không liên quan gì đến xứ Hưng Hóa cả. (Xem Khâm định Việt sử thông giám cương mục quyển 43 trang 11 và kế tiếp).

Trở về việc đòi đất Hưng Hóa, xin đưa ra một vài tài liệu về các đất đã bị mất ngay trong Ức trai *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, khi chép về Hưng Hóa, ta đã thấy ghi: Phủ *Tây An có mười châu: Lai châu 11 động, Luân châu 10 động. Quỳnh nhai 5 động, Chiêu Tấn 12 động, Tung*

http://hoangsa.org

lăng (chép lầm là Cao lăng) 4 động, Khiêm châu 3 động, Tuy Phụ 3 động, Hoàng nham 4 động, Hợp Phì 4 động, Lễ Tuyền 4 động.

Trong *Dư địa chí* có phụ chép: *Thanh (chép lầm là Tĩnh) đô vương sai sứ sang nhà Minh cầu phong, nhà Minh liền phong cho làm Phó quốc vương. Tới khi nhà Minh bị quân Thanh đánh thua, rút về hạt Long Châu, liền sai sứ sang đòi các châu Hưng Hóa của ta, vương bèn xin nộp thuế lệ mười châu, trả một nửa cho Trung quốc (trong sổ thường xuyên của Hưng Hóa, hàng năm nộp cho Trung quốc mỗi châu hai hốt vàng và một hốt bạc) nhân thể nhà Minh đặt tên châu đó gọi là Kiến thủy huyện. Sau đó, khi nhà Minh thua hẳn thì nhà Thanh lại giữ lấy, cho đến nay vẫn chưa thu phục được. Hai nước thông hiếu với nhau hàng 300 năm mà để một bên vinh một bên nhục, hỏi đáng hay chăng?*» Lời phụ lục này không biết do ai viết ra, và không rõ sự thật ra thế nào, vì trong sử ta không chép việc Trịnh vương chịu nộp nửa số tiền thuế cho nhà Minh. Duy tài liệu này cho ta thấy một lời phàn nàn về việc mất đất lần đầu, có lẽ đã xảy ra vào khoảng đầu nhà Thanh, vì ta biết vua Vĩnh Lịch nhà Minh có phong Trịnh Tráng làm Phó quốc vương, đó là năm Vĩnh Lịch thứ ba, nhà Thanh là năm Thuận Trị thứ tám, triều Lê là năm Khánh đức thứ ba (1651) đời Thần Tôn. Xin thêm ở đây là huyện Kiến thủy, thuộc phủ Lâm An tỉnh Vân Nam bên Trung quốc, triều Nguyên đã có tên Kiến thủy châu rồi.

Đến khi có Hồng Đức bản đồ vào triều Thánh Tông, ta thấy có phủ An Tây (chứ không phải Tây An như trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, không biết *Dư địa chí* chép lầm tên hay đã có sự thay đổi vào thời nào không rõ) gồm mười châu mỗi châu gồm một số động. Mười châu này danh hiệu đúng như trong *Dư địa chí*, chỉ có số động là có hơi khác. Bộ Cương mục sau khi liệt kê tên mười châu ở lời «chú», có chép ở trong lời «án» rằng: trong năm Cảnh Hưng các châu: Tung lăng, Lễ Tuyền, Hoàng Nham Hợp Phì, Tụy Phụ Khiêm châu, bị mất vào tỉnh Vân Nam (Cương mục quyển 21 trang 31).

Cũng như lời «án» này đã chép, không phải các châu ấy — sáu châu — đã mất vào đất Trung quốc từ cuối triều Minh, đầu triều Thanh mà mãi đến hơn một trăm năm sau mới mất.

Bộ *Cương mục* chép vào năm Cảnh Hưng 29 (1768): *Tháng giêng mùa xuân, khiến hoạn quan Nguyễn Đình Huấn làm Thống lĩnh các đạo Thanh Hoa, Sơn Tây, Hưng Hóa, đi đánh Thanh châu. Hoàng Văn Chất, trấn giữ đông Mãnh Thiên, thừa đất hiểm trở mà cướp bóc, chiếm đất mười*

http://hoangsa.org

châu. Triều đình chán việc dùng binh, bỏ qua không hỏi, Chất bèn cướp bóc đất Hưng Hóa, rồi lại vào cướp ở Thanh Hoa. Quan quân chia đường vào đánh, chưa đánh được. Khi đó, Lưu Thủ trấn Sơn Tây là Hoàng Phùng Cơ, xin cùng với binh các đạo vào hội tiễu. Trịnh Sâm thuận cho. Bèn cho Trấn thủ Hải Dương là Phạm Ngô Cầu làm hiệp thống lĩnh, Phan lê Phiên làm Tán lý, Nguyễn Xuân Huyên làm Hiệp đồng, cùng với Chánh Thống lĩnh là Nguyễn Đình Huấn họp các đạo quân vào đánh. Lời « chú » đoạn sử này ghi : « *Thanh châu, tên xưa là mường Thanh, nay là châu Ninh Biên thuộc Hưng Hóa* (bút giả chú : nay là Điện biên phủ) *mười châu là : Chiêu Tấn, Quỳnh nhai, Lai châu, Ninh biên, bốn châu ,thuộc Hưng Hóa, Quảng lăng, Hoàng nham hai châu thuộc Vân Nam. Còn Hợp Phì, Lễ Tuyền, Tuy Phụ Khiêm châu bốn châu, không khảo được* ».

Cứ đoạn sử này, thì cho đến năm Cảnh Hưng thứ 29 (1768) mười châu của Phủ An Tây còn thuộc nước ta và bị Hoàng Công Chất chiếm mất.

Ta biết rằng Hoàng Công Chất (còn có tên là Hoàng Công Thư) cùng nổi giặc với bọn Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển từ khoảng năm 1740, đánh phá hạt Khoái Châu, Xuân Trường ở Sơn Nam chạy vào Thanh Hoa, rồi ra Hưng Hóa. Năm 1761, Chất chạy lên chiếm động Mãnh Thiên, năm 1768, Nguyễn đình Huấn đi đánh nhưng không dám vào đến đó, mãi tháng giêng năm 1769 Cảnh Hưng 30, khi Đoàn Nguyễn Thục làm Thống lĩnh thay Huấn mới phá được động Mãnh Thiên. Lúc ấy chất đã chết, con là Hoàng Công Toản bỏ chạy sang Vân Nam.

Việc đánh vùng phủ An Tây đã xong, động Mãnh Thiên, căn cứ của cha con Công Chất, Công Toản đã bị phá, nhưng còn các đất khác thì sao ? Cứ *Phương đình dư địa chí* của Nguyễn Văn Siêu khi chép về phủ An Tây thì Hoàng Công Toản chạy vào Vân Nam,xin hàng Trung quốc, mấy châu Tung Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Tuyền, Tuy Phụ và Khiêm Châu cũng theo hàng nhà Thanh, đặt làm sáu Mãnh, gọi chung là lục Mãnh động (chữ Mãnh có lẽ do chữ mường của thổ dân mà ra).

Quyển Kiến Văn tiểu lục của Lê Quý Đôn cũng chép về tình trạng các châu này, sau khi đã mất vào đất Thanh. Lê Quý Đôn viết vào năm 1777 rằng : « *châu Tuy Phụ, tiếng thổ là mường Tề, châu Hoàng Nham tiếng thổ là mường Tôn, châu Tung Lăng tiếng thổ gọi là Phù Phang, châu Khiêm tiếng thổ gọi là mường Tinh, châu Lễ Tuyền tiếng thổ gọi là mường Bầm, châu Hợp Phì tiếng thổ gọi là mường Mi, các châu này bị chiếm vào đất Tàu không biết tự đời nào, năm nào, mà áo quần và tiếng nói*

http://hoangsa.org

đều lẫn lộn ta tàu. Năm Tân mão (1771) các quan ở ty Trấn thủ là Hoàng đình Thể, Nguyễn Trọng Hoàng dâng sớ nói đã ủy quyền cho Quỳnh Vũ (tên người) và sai đi đưa riêng những lời hiểu thị cho thổ dân rõ và báo cho bên Tàu biết thì những thổ quan là Đèo Chính Ban ở châu Tuy Phụ. Đèo Chính Quang ở châu Hoàng Nham, Nông Văn Tang ở châu Tung Lăng đều tình nguyện xin lại được thuộc về bổn trấn như cũ để nộp thuế má, sưu dịch. Phụng chỉ ban khen và ban cho thuế ba châu để làm ngụ lộc».

Xem thế thì vào khoảng năm 1771, nước ta mới thu phục được có ba châu, còn ba châu không đòi được. Hơn nữa, cũng trong Kiến Văn tiểu lục thì hai châu : Lai Châu và Chiêu Tấn, vẫn thuộc đất ta, dân ở đó lại phải đóng thuế cho cả hai nước, mỗi năm dân phải đóng cho huyện Kiến Thủy tỉnh Vân Nam, Châu Lai đóng 6 dật 6 lạng bạc, châu Chiêu Tấn đóng tám dật tám lạng bạc. Việc mất đất sáu châu xảy ra sau cuộc chiếm cứ của Hoàng Công Thư vào khoảng năm 1768, vậy có điều lạ là khi viết Kiến Văn tiểu lục vào hơn mười năm sau, năm 1777 vị Hộ bộ thị lang, hành Đô ngự sử, Quốc tử giám Tế tửu, Quốc sử Tổng Tài Lê Quý Đôn lại không biết các đất ấy đã mất vào thời nào, năm nào.

Lại phải cho là thật lạ nếu ta xin lời chép ở trong Phương đình dư địa chí rằng năm Cảnh Hưng 35 (1774) Đoàn nguyễn Thục, người đã đi đánh Hoàng công Thư, khi sang cống Trung quốc, đã đưa thư tâu bày, nhưng vua nhà Thanh bỏ không hỏi tới. Việc đòi đất lần này, ắt cả triều đình phải biết, không riêng gì Lê Quý Đôn vậy mà không thấy Quý Đôn nhắc đến.

Mãi đến năm Cảnh Hưng 42 (1781) triều đình mới lại lo đi đòi đất. *Cương mục* chép rằng: *mùa đông tháng mười một, thổ nhân nước Thanh chiếm đất sáu châu thuộc An Tây.* Lời «mục» ghi: *mười châu đất An Tây thuộc Hưng Hóa, tiếp giáp với Vân Nam. Từ khi tên Công Chất trộm giữ Thanh châu, các thổ ty, sợ sự bạo ngược, hoặc xin phụ vào đất Bắc. Thổ nhân nước Thanh lại hay vượt sang chiếm cứ. Hai châu Quảng lăng, Khiêm châu bèn bị huyện Kiến thủy, phủ Khai hóa chiếm cứ, nhiều phen tư văn đòi hỏi, chưa có trả lời. Khi ấy, Trấn thủ Hưng Hóa lại báo cáo rằng bốn châu Hoàng Nham. Tuy Phụ, Hợp Phì, Lễ Tuyền, đều bị huyện Kiến thủy chiếm, làm nhà, thu thuế. Trịnh Sâm họp triều thần, viết thư gửi sang Vân Quý (Tổng đốc Vân Quý nước Thanh) để biện chính. Rồi sau Sâm bị bệnh mất, việc cũng thôi. Từ đó đất của sáu châu, hết đời nhà Lê cũng không thu phục được».* (*Cương mục* quyển 45 trang 23).

http://hoangsa.org

Đến đây, ta thấy mấy châu thu phục được vào khoảng 1771, lại mất vào nhà Thanh.

Trải những năm cuối triều Cảnh Hưng, đầu triều Quang Trung, trong nước nhiều việc, nào đổi ngôi vua, nào chiến tranh, các triều đình dĩ nhiên không xét đến việc nơi biên viễn làm gì. Mãi đến năm Quang Trung thứ tư (1791), triều đình Bắc hà mới lại gửi biểu sang vua Thanh, nhờ Tổng đốc Lưỡng Quảng chuyển đạt, đề đòi các đất trước đây đã bị mất vào nội địa Trung quốc. (Lần đòi đất này, ta còn đòi cả ba động Ngưu dương, Hồ điệp Phồ viên, thuộc Tuyên Quang nữa. Việc mất và đòi ba động này, dây dưa từ triều Lê đến nay mà vẫn không xong, bút giả đề đến dịp khác xin lại bàn đến). Tờ biểu của vua Quang Trung viết rằng (dịch): «... *Ở đất Hưng Hóa và Tuyên Quang, biên giới trước kia, tiền nhiệm Vân Quý Tổng đốc Ngạc Nhĩ Thái, đã vâng Chỉ, dựng bia, từ sông Đồ chú trở về phía tây đến nước Sa lý, thì các châu Tung Lăng, Lễ tuyền, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì, Lai châu, Khiêm châu, bảy châu, đều thuộc vào đất Hưng Hóa của bản quốc.*

Đến năm Canh thân (1740) nhà Lê trước, Hoàng Công Thư, cha của nghịch thần Hoàng Công Toản dấy binh, giữ đất đến ba mươi năm. Nhà Lê cầu thả, không lo liệu xong. Dân bảy châu ấy, vì địa thế xa, bản quốc không khống chế được, bèn phụ vào nội địa. Từ đó trở đi ở duyên biên của nội địa, các quan buộc dân ở nơi biên giới đổi cách mặc áo quần đeo thẻ, chịu thuế. Thần từ ngày vâng mệnh mở nước, còn lo về chỗ ở, còn bận về việc nội trị, chưa kịp biện lý đến sự tình ủy khúc ngoài biên. Nay trấn mục bản quốc báo cáo rằng, thổ dân bảy châu ấy trải qua thời gian đã lâu, chịu nội địa đánh thuế, nên khi bản quốc đòi thuế, thì nhất thiết chống lại, ngăn trở. Đầu đuôi nguyên do là tại họ Lê trước không biết kính giữ lấy đất được phong cho, nên mới đến thế...» Lần đòi đất này vô hiệu. Tổng đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An bác bỏ. Về điểm này, chính ông Sở Cuồng, trong bài «Tây Sơn sử luận» đăng trong phần Hán văn tạp chí *Nam Phong* số 93 tháng ba năm 1925 cũng đã viết: *Tích thiên bất tộ ngã quốc, sử Đế sáng nghiệp vị bản, trung đạo băng tổ, tự thị chi hậu, vô nhân cảm phục hướng Thanh đình sách hoàn, toại sử lục châu tam động chi dân, vĩnh trầm hạo kiếp* (tiếc rằng Trời không giúp nước ta, để đến nỗi Vua (Quang Trung) sáng nghiệp chưa được nửa chừng, nửa đường mất đi, từ đó về sau, không ai dám lại đi đòi ở Thanh đình, thành thử dân sáu châu ba động, vĩnh viễn chìm đắm vào tai họa). Ông Sở Cuồng nói đến sáu châu, thật ra, cứ bài biểu nói trên, vua Quang Trung đòi bảy châu,

http://hoangsa.org

gồm cả châu Lai, châu này, cứ Lê Quý Đôn ghi chép, vào cuối triều Lê, đóng thuế cho cả hai nước.

Công việc biên cương lại bằng đi trong mười năm nữa. Cứ Phương đình Dư địa chí, vào Gia Long năm đầu, châu trưởng châu Lai và châu Văn bàn là Đèo chính Ngọc, Đèo Quốc Oai xin với quan Trấn cấp bằng cho để đi chiêu dụ các động, các mường và các dân những châu Tung lăng, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì trước kia trốn hàng Trung quốc. Tham hiệp trấn Hưng Hóa là Võ Xuân Cẩn, tiện nghi cho phép. Bấy giờ động trưởng các động mường Tề, mường Phù, mường Phang, mường Tôn, mường Y (thuộc Lai châu) mường Ôm (thuộc châu Hoàng Nham) Binh chiêm (thuộc châu Tuy Phụ) kéo nhau theo về. Vân Quý Tổng đốc đưa thư sang trách rằng: Lục mãnh, gồm mãnh Lại, mãnh Thích, mãnh Đinh, mãnh Thoa, mãnh Bạng, mãnh Lộng, đều thuộc huyện Kiến thủy, khoảng năm Khang Hi đã liệt vào bản đồ, hơn trăm năm nay yên ổn vô sự nay Trấn mục Hưng Hóa dụ dỗ về hàng, thực là quái lạ, nên sức cho cương lại không được gây việc như thế. Gia Long thứ 5, các quan Bắc thành dâng thơ ấy về kinh. Vua Gia Long truyền tra xét rõ địa giới tỉnh Hưng Hóa và sự tích lục mãnh, tâu lên Vua xem Bắc thành Tổng Trấn Nguyễn văn Thành bèn hỏi các châu trưởng Đèo Quốc Giốc ở châu Chiêu Tấn, Đèo chính ngọc ở châu Lai, Đèo chính kim ở châu Luân, Đèo chính Kiều ở châu Quỳnh nhai, đều nói là các động thuộc Hoàng Nham, Hợp Phì, Tuy Phụ, Tung Lăng, Lễ Tuyền, Khiêm Châu, ở giáp Trung quốc từ trước không biết luân hãm từ đời nào. Nay xét mãnh Thoa là mường Thu của châu Chiêu Tấn, mãnh Lại là mường Thích của châu Lai. Hai mường này là đất biên viễn hẻo lánh, ở lẫn với dân huyện Kiến thủy nước Thanh. Vả lại hai động Phong thu, Bình lộ thuộc châu Chiêu Tấn, động Hoài Lai thuộc châu Lai, bị biên lại nước Thanh bắt hiếp thu mỗi năm 220 lạng bạc, nay nhà Thanh lại đem hai mãnh kể vào đất của họ thì đất hai châu Chiêu Tấn, Lai châu không còn là bao. Tổng trấn Nguyễn văn Thành xét hình thế sông núi, vẽ bản đồ dâng lên và tâu rằng: một giải thượng du Hưng Hóa, địa thế tiếp liền với các phủ Lâm An, Khai Hóa tỉnh Vân Nam..... Khoảng niên hiệu Bảo Thái triều Lê, vua Thanh sai Tổng đốc Vân Quý Ngạc nhĩ Thái hội đồng dựng bia, lấy sông Đồ Chú thuộc nước ta làm địa giới. Từ sông Đồ Chú trở về phía Tây, gồm bảy châu: Tung Lăng, Lễ Tuyền, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì, Khiêm châu, Lai châu đều thuộc về Hưng Hóa. Khoảng niên hiệu Vĩnh Hựu triều Lê,

http://hoangsa.org

nghịch dân Hoàng Công Thư đem quân chiếm giữ gần ba mươi năm, nhà Lê bỏ không hỏi đến, dân bảy châu dần dà phụ vào Trung quốc, các biên lại cai trị bắt cải trang, đóng thuế. Từ nhà Lê đến nhà Tây Sơn thường muốn tâu bày, đều không được. Như thế thì trong mười châu thuộc phủ An Tây, sáu châu mất vào nhà Thanh, đến nay đã lâu rồi. Nay châu Chiêu Tấn và châu Lai vốn là đất thuộc Hưng Hóa, mà người Thanh lại đem dân các mường động của hai châu, biên lẫn vào các mãnh của họ, chẳng qua là biên lại của họ tham đất, muốn chiếm cứ, mà Tổng đốc Vân Quý nhất vị nghe theo, xem thư đưa lại, đều là mờ mịt không có bằng cứ, nay xin phúc thư biện bạch cho rõ về bờ cõi hai châu, yêu cầu sai quan đến cùng họp nhau khám xét, để xem ý họ, sau sẽ nói đến bờ cõi sáu châu, thì Tổng đốc Vân Nam sẽ sợ ta gây việc ngoài biên giới tất phải lo liệu, mà dân hai châu từ đây cũng khỏi đóng thuế hai lần.

Nguyễn Văn Thành tâu bày về sự trạng bảy châu cũng đã rõ và cũng đặt cả kế hoạch để mong thu phục và ít nhất là bảo toàn hai châu Lai và Chiêu Tấn. Nhưng sớ dâng vào, Vua cho vào lúc mới khai sáng, chưa có thì giờ tính việc nơi xa, bỏ qua không trả lời Trung quốc. Từ đó sáu châu Hưng Hóa mất hẳn. Phủ An Tây chỉ còn có bốn châu Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Luân châu và Lai châu thôi.

Riêng châu Chiêu Tấn việc đến đấy chưa phải đã xong. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) tháng sáu, Đèo doãn An Châu Chiêu Tấn kêu với quan nước Thanh thế nào mà quan nước Thanh đem 600 quân đến đòi động Phong thu, vua sai Trấn thủ Hưng Hóa Võ Văn Tín mang quân và voi lên châu Chiêu Tấn, đưa thư cho quan quân Trung quốc, bảo họ là bờ cõi đã rõ, không nên nghe tên Đèo doãn An mà sinh sự ở biên giới. Sau đó hai bên triệt binh. Sau Võ Văn Tín dụ bắt được Đèo doãn An, giải về Kinh, làm tội chém. Lại đến năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) tháng chín, bốn trại Man lãng, Tân na, Cống diêm đường, Hắc ba y, thuộc động Phong thu, trước đó bị họ Đèo chiếm làm của riêng, đem cố cho người nước Thanh mà lấy tiền, đến khi đó việc nước phát giác ra. Vua sai quan tỉnh Hưng Hóa khám xét rõ rồi cho làm sổ sách, các động trưởng Đèo quốc Ngoan, Đèo doãn Long bị tội phát binh.

Năm Thiệu Trị nguyên niên, đặt ra phủ Điện biên, gồm các châu Ninh biên, Tuân Giáo, châu Lai, châu Quỳnh Nhai và châu Luân, thành ra phủ An Tây chỉ còn có một châu Chiêu Tấn mà thôi. Châu này trong

http://hoangsa.org

thời Pháp thuộc, được cải thành đại lý Phong tho, sáp nhập vào tỉnh Lao Kaï (chữ hán là Lão nhai, đọc theo lối người nước Tàu).

Đến đây, theo các tài liệu nêu trên, không thể viết như ông Lý Văn Hùng rằng *Dù sao Quang Trung lấy lại 16 châu đã thu hoạch một thành tích khả quan lắm rồi.* Và ta có thể kết luận rằng vua Quang Trung cũng như các vua triều Lê và triều Nguyễn đều đã không thu hồi được sáu châu vùng bắc Hưng Hóa.

NGUYỄN TOẠI

ĐÓN ĐỌC

THUẬT TRỊ NƯỚC TẠI LIÊN SÔ

do ĐẶNG TÂM dịch từ cuốn HOW RUSSIA IS RULED của M. FAINSOD.

Tả cả những phương pháp để củng cố uy-quyền của Staline, của Khrushchev, tất cả những cuộc đại thanh trừng, thanh toán, tất cả những bí mật của Đại-Hội Đảng thứ 20, đều được đề cập.

Đây là cuốn sách về Cộng Sản rất quý giá, sau cuốn CHIẾN LƯỢC C. S. TẠI Á-CHÂU do cùng một người dịch.

Sách dầy 500 trang, giá nhất định 200$00.

XIN HỎI MUA TẠI CÁC TIỆM SÁCH

http://hoangsa.org

THÁI-ĐỘ «KẺ SĨ» TRIỀU QUANG-TRUNG

▽ NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

Triều-đại Quang-Trung trong lịch-sử Việt-Nam rất ngắn ngủi, vỏn-vẹn có hơn mười năm.

Đầu cha lấy làm chân con
Mười bốn năm tròn hết kiếp thì thôi!
(sấm Trạng-Trình)

Nhưng trong thời-gian ngắn-ngủi ấy mà chính sử đã coi như giao-thời giữa hai chính-thống Lê Nguyễn, biết bao sự-nghiệp hiển-hách đã diễn ra cho dân-tộc. Nguyễn-Huệ bên góc trời Đông như Nã-Phá-Luân bên góc trời Tây, đã đảo lộn tất cả tiêu-chuẩn giá-trị quốc-gia xã-hội: dẹp Nguyễn, dẹp Trịnh, dẹp Lê, đánh đuổi quân Tầu, quân Tiêm, san bằng ranh giới phân chia Nam Bắc ngót hai trăm năm, thống-nhất dân-tộc, đem người áo vải lên địa-vị tối cao quốc-gia Trung-Hoa phải công nhận là Vua Việt-Nam «Annam Quốc-Vương».

Áo vải cờ đào
Giúp dân dựng nước biết bao công trình.
(Ngọc-Hân Công-Chúa)

Trong cái đại cuộc tình-thế đảo lộn ấy, thử hỏi giới Nho-Sĩ Việt-Nam bấy giờ đã có thái-độ như thế nào để gọi được là «kẻ sĩ» với giá-trị chính nghĩa của nó?

Trong bày trước đây nhan-đề «Trận Đống-Đa với chính-nghĩa quốc-gia» chúng tôi đã nói đến thái-độ khảng-khái của Nho-Sĩ Trần-Công-Xán. Nay thử tìm hiểu thái-độ chung của giới trí-thức Việt-Nam bấy giờ khác giới trí-thức ngày nay đã đành, nhưng xem nó có đánh dấu trong lịch-sử tư-tưởng Việt-Nam từ Lê đến Nguyễn bằng một tiến-bộ nào không.

Như chúng ta đều biết nhà Lê (1428) sau khi quân Minh đào-thải triệt-để sản-phẩm văn-hóa Lý Trần để thay thế bằng Nho-học «Tính Lý Đại Toàn» của Chu-Hy đời Tống, thì Nho-học được đề-cao lên địa-

http://hoangsa.org

vị độc-tôn của cái học chính-thống với tinh-thần «tịch ngoại đạo» của Tống-Nho, nghĩa là trở nên ý-thức-hệ bế-quan của giới trí-thức lãnh-đạo quốc gia. Kết-quả của cái lò hun-đúc nhân-tài, đào-tạo sĩ-khí ấy như thế nào, thì nhà bác-học túc Nho Lê-Quí-Đôn cho ta thấy đại-khái như sau:

«*Hồi quốc-sơ, sau thời nhiễu-nhương bọn nhà Nho thưa thớt. Những người làm đến chức Thị, Tụng như các ông Thiên-Tích, Bùi-Cầm-Hồ đã rực-rỡ khí-phách anh-hào, lại sẵn nếp can-đảm dám nói. Những người mến thú lâm-tuyền như Lý-Tử-Cấu, Nguyễn-Thì-Trung đều một niềm giữ tiết-tháo trong sạch, không chút mơ-tưởng giàu sang. Đấy là một thời.*

«*Trong khoảng đời Hồng-Đức (1470-1497) mở rộng đường khoa-mục thành long-trọng để kén nhân-tài. Học trò bèn đua nhau thiên về mặt văn hay, chỉ cốt thêu chạm lời phú, câu thơ cho đẹp, hầu mong lấy bản cao chức trọng cho sang, còn phần khí-tiết khảng-khái thì đã cảm thấy tan-tác hủ suy. Nhưng vì đường sủng vinh rộng mở thì cách khoa lệ cũng nghiêm, ai điểm-tĩnh thì tự-nhiên được cất nhắc, kẻ chạy-chọt cầu-cạnh thì bị cách phạt. Bởi vậy người làm quan bấy giờ ít thói bon-chen, mà thiên-hạ còn biết quí danh-nghĩa. Đấy lại là một thời nữa.*

«*Từ đời Đoan-Khánh (1505) trở về sau, lối thanh nghị suy kém quá, thói luồn cúi ngày thịnh dần. Kẻ quyền-vị ít có người giữ được lẽ liêm-khiết nhún-nhường, nơi triều-đình ít thấy lời dám căn-ngăn kích-thiết. Gặp chuyện khó thì chịu hèn để khỏi bận bịu, thấy cơ nguy thì bán nước để cầu an. Cả đến bậc gọi là danh Nho cũng yên lòng nhận lấy cái vinh sủng bất-nghĩa, mà vẫn còn thi ca đi lại, khoe hay khoe đẹp với nhau. Phong-thái sĩ-phu thật hỏng nát không bao giờ bằng thời này. Sự tệ hại của cuộc biến-chuyển này không thể nói xiết được. Tìm trong khoảng trên dưới một trăm năm quốc-sử này, lấy những bậc đáng gọi là cao-sĩ thì chỉ có được vài người như các ông Lý-Tử-Cấu, thật đáng ngán cho những bậc phong tiết này ít thấy quá vậy».*

(Kiến-Văn Tiểu-Lục)

Lời thẩm-định trên đây có vẻ khắt-khe nhưng đúng sự thật, bởi vì một khi Nho-học tính-lý của Tống-Nho có khuynh-hướng bế-quan đã trở nên chính-thống độc-tôn của nhà nước thì nó tự giới-hạn vào xã-hội thực-tiễn mà đoạn-tuyệt với căn-bản tâm-linh thực-nghiệm của Thiền-học thời Lý Trần, cho nên càng đi xa với truyền-thống Tam-Giáo thời Lý Trần thì Nho-học cũng mất hết sinh-lực sáng-tạo giá-trị đạo-đức bắt nguồn và lấy cứu-cánh ở Thiên-tước, tức là ở thực-tại siêu-nhiên vũ-

http://hoangsa.org

trụ, chứ không phải chỉ hạn-chế vào công-lợi, vào nhân-tước mà thôi. Giới-hạn vào nhân-tước, lấy công-lợi làm tiêu-chuẩn giá-trị cho hành-vi nhân-sinh, tự-nhiên người ta hết tín-ngưỡng vào tâm-linh siêu-nhiên, vào giá-trị thiêng-liêng của con người. Bởi thế mà Nho-học căn-bản là một hệ-thống luân-lý chính-trị được độc-tôn ở thời Lê, đáng lẽ phải làm cho sĩ-khí một ngày một tiến, lại đưa đến tình-cảnh suy-nhược, hèn nhát mất cả nhân-cách cao-sĩ như Lê-Quí-Đôn đã phải ngán cho khí-tiết của kẻ-sĩ thời ông. Và Hà-Sách-Hiền cũng chua-chát với câu thơ Vịnh Liệt-Phụ-Đoàn:

Khả lân nhị bách dư niên quốc
Thiên lý dân di nhất phụ nhân.

Nghĩa là: Đáng thương cho một nước đã hơn hai trăm năm, tức triều nhà Lê. Mà đến lúc sắp đổ chỉ còn có một người đàn-bà giữ được lẽ trời và đạo người mà thôi.

Thương thay nước cũ hai trăm lẻ
Giữ vững cương thường một phụ nhân.

Và Công-Chỉnh luận về sĩ-khí của thời-đại cũng có bốn câu thơ cực tả như sau:

Lửa hồng từ dậy máy thành đô
Đòi chốn lầm than thủa được thua!
Xanh biếc cảnh xen ngươi ẩn dật,
Bạc đen đường vẫn khách bôn xu!
(trong *Quốc-văn đời Tây-Sơn* của Hoàng-Thúc-Trâm)

Vậy thời bấy giờ khi Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Nhạc lãnh-đạo quần-chúng Tây-Sơn nổi dậy ở Nam-Hà, thì ngoài Bắc-Hà dưới chế-độ Vua Lê, Chúa Trịnh đã có hai khuynh-hướng tư-trào chi-phối giới trí-thức là khuynh-hướng Tàng và Hành, ẩn-dật hay theo thời-thế. Trong khuynh-hướng theo thời mà hành-động thì cũng chia ra có phe phù Lê diệt Trịnh, hay là phe a-dua thế mạnh để cầu lợi, cầu vinh. Cho đến khi Lê-Chiêu-Thống cầu viện quân Tầu vào chiếm đóng đất nước như quân Tôn-Sĩ-Nghị, thì nhà Lê vẫn còn dư hưởng của «Bình Ngô đại cáo» cho nên Vua Lê vẫn tượng-trưng cho chính-nghĩa, khiến anh em Nguyễn-Huệ kéo quân ra Bắc-Hà vẫn còn mượn danh-nghĩa phù Lê. Đến khi Nguyễn-Huệ với trận Đống-Đa cả phá quân Thanh, bấy giờ mưu-đồ lấy thiên-hạ của ông mới đặt cho giới kẻ-sĩ vấn-đề thắc-mắc về thái-độ phải lựa chọn.

http://hoangsa.org

Ai Công Hầu, ai Khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai?
(Đặng-Trần-Thường)

Thế Chiến-quốc, thế Xuân-thu, gặp thời thế, thế thời phải thế.
(Ngô-Thì-Nhậm)

Rồi cả hai đều chết bất-đắc kỳ-tử, người theo Tây-Sơn, người theo Nguyễn-Chúa.

Người «Tụng Tây-Hồ» hết lời ca-tụng Nguyễn-Huệ coi như cứu chúa, trận mưa xuống đồng khô, nhất là sau trận Đống-Đa, đấy là phú của Nguyễn-Huy-Lượng phát-biểu:

«Tới Mậu-Thân (1788) từ rõ vẻ tường vân, sông núi khắp nhờ công đãng địch.

«Qua Canh-Tuất (1790) lại tươi cơn thời vũ, cỏ cây đều gọi đức triêm nhu.» Người «Chiến Tụng Tây-Hồ», cố-chấp vào chính-nghĩa trung-quân thiền-cận, đẽo câu văn cho xướng miệng, thỏa chí điên cuồng bất-đắc-chí, như Phạm-Thái thóa-mạ hành-vi của Tây-Sơn:

«Quỉ dạ-xoa quấy bụt xuống chi đây, người bách nghệ đến đâu đều «khổ-não. Thần hạn-bạt nát ai ra đấy tá, kẻ tam nông mong chẳng được tô nhu!» Rồi chê bọn ra phù-tá Quang-Trung chỉ là bọn lợi-dụng thời-cơ nhất-thời chớp nhoáng:

«Lớp tang-thương rơi-rụng tựa hoa tàn, ngẫm thiên tạo cũng vui thay «cảnh thú. Cuộc Nam Bắc được chăng đường chớp giật, nghĩ thời cơ «thêm ngán nỗi khuông phù!»

Nhưng cái thái-độ kẻ-sĩ của Phạm-Thái chống chủ-nghĩa thời cơ bấy giờ đề mong ủng-hộ cho một chính-nghĩa phù Lê mộng-tưởng cũng chỉ đưa tác-giả «Chiến Tụng Tây-Hồ» đến chủ-nghĩa cá-nhân tuyệt-vọng chán đời với câu văn đẹp, chén rượu li bì:

Một tập thơ dầy ngâm sang-sảng.
Vài chai rượu kếch ních tì-tì.
Chết về tiên bụt cho xong kiếp,
Đủ cả trần gian sống mãi chi?
(Tự trào)

Trong Nam-Hà bấy giờ, tình-thế có lẽ rõ-ràng giản-dị hơn, giới Nho-sĩ chỉ biết công ơn Chúa Nguyễn, suốt tám đời từ Gia-Dụ đến Hiếu-Võ đã khai-thác nên cơ-đồ Nam-tiến vững-vàng, nhất-thời triều-chính bị lũng-đoạn để cho Tây-Sơn nổi lên, Chúa Hiếu-Định phải bỏ chạy vào Nam, mà Cao-Hoàng phải bôn-ba mưu-toan phục-quốc. Vậy

http://hoangsa.org

Nho-Sĩ đất Thuận-Hóa chỉ có thái-độ «loạn bang bất cư», «nguy bang bất nhập» như Khổng-Tử đã dậy, mà kéo nhau đi ở ẩn. Đấy là xử-sĩ Hoàng-Quang với Võ-Trường-Toản đã đại-biểu cho thái-độ kẻ-sĩ, lạc-quan chờ thời.

Tớ nay, sĩ ở Đông-tân, ngụ miền Nam-bạn.
Than rằng đã lánh gian-truân, rủi lại gặp kỳ phản hoán.
Số là thấy «thiên hạ hoại loạn dĩ cực», lửa hừng thảm lại thêm sầu.
Chửa gặp kỳ «Thánh-nhân cơ hội khả vi», mưa rượu đạm mầu cứu hạn.
Nói khôn cùng muôn việc thủa xưa, thương phải vài lời tự thán.
Song le truyện cũ đã tra, chép lại sách xưa để án.
Lời rằng: «Đại hàn chi hậu tất hữu dương xuân,
Đại loạn chi hậu tất hữu trí trị!»

Vậy có đoán rằng:

Khỉ bồng con ngồi khóc,
Gà vỡ tổ liền bay;
Chó vẫy đuôi mừng chủ,
Lợn ăn no ngủ ngày.

(Hoài-Nam ca khúc)

Ở đây thấy rõ kẻ-sĩ Nam-Hà vẫn lạc-quan, không những tin-tưởng vào cái định-luật Dịch-biến Tuần-hoàn, đi rồi tất lại, mà còn vì vẫn tín-ngưỡng vào Tiên-Tổ Miếu-Đường như lời văn-tế sau đây của ông:

Kính mặt đức Tiên-Vương
Non Lam trỗ ngọc, nước Việt tuôn vàng.
Thân cùng Trịnh trong điều mạch nước,
Tôn họ Lê trên chánh ngôi vương.
Thệ đều dạ ái ưu, Hồ Việt tưởng một nhà lạc tiệc.
Tự vì ai hân khích, Lưu Hạng nên trăm trận chiến trường.
Hai chốn Bắc Nam mới cứ, sáu năm Thanh Nghệ lại sang.
Thương sinh dân gối tuyết nằm sương, ngoài mới triệu về chư tướng.
Thủ Bố-Chánh ngăn thành đắp lũy, trong bèn an trị bốn phương.
Tám đời Thánh dõi truyền đức giáo.
Hai trăm năm sửa trị triều cương.
Nại từ ấu-tự lên ngôi, giường Thang rồi đã đành vua Giáp.

http://hoangsa.org

Thêm lại quyền thần phụ-chánh, tộ Nguyễn suy căm giận họ Trương.
Ngoài dã một sâu lê thứ, trong thêm cá thịt họ hàng.
Ong bèn dậy Tây-Sơn, thế đã khiến ba phân chân vạc.
Hùm lại gầm ải Bắc, lòng bỗng tàn sắc miếu khói hương.
Thế cheo leo Nguyễn tự nửa tơ, linh biết chăng ôi liệt Thánh?
Rầy sui khiến Hạ-đồ một mối, kẻo còn hồ với Thiếu-Khang.
Ngõ một thủa lại vầy cơ-hội, đặng muôn năm cho sáng Miếu-đường!
(Nay cáo)
(Hoài-Nam ca-khúc)

Cái tín-ngưỡng Tổ-Tiên ấy đã dẫn đến Nho-học tâm-linh khai-phóng đất Gia-Định mà Võ-Trường-Toản là đại-biểu. «Học sách Đại-Học đến quên hết sách không còn một chữ nào nữa hết» thì mới đạt được cái đạo Đại-Học, như ông đã tuyên-bố và dậy cho đệ-tử:

«Sách Đại-Học một ngàn bầy trăm chữ, tan ra vô số việc, thu lại «chỉ hai trăm chữ, lại thu nữa chỉ một chữ; lại thu hẳn lại, một chữ «cũng không.»
(Văn bia Võ-Trường-Toản của Phan-Thanh-Giản)

Bởi thế nên họ Võ đã đạt cái lý: «trong biến đổi tìm đến chỗ không biến đổi» như tiên-sinh đã tuyên-bố:

«Cho hay dời đổi ấy là thường, mới biết thảo ngay là nghĩa cả!»
(Hoài-Cổ phú)

Xem thế có thể biết đại-khái thái-độ nhân-sĩ Nam-Hà thời ấy rất rõ-rệt, không khó-khăn phức-tạp với chính-nghĩa như nhân-sĩ Bắc-Hà, nào Vua Lê mời quân Tầu vào, nào Nguyễn-Huệ đánh đuổi quân Thanh, nào Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn, thật là rối-ren khó sử. Trong cái «thế Chiến-quốc, thế Xuân-thu» ấy, chúng ta đã thấy Nhc-sĩ Trần-Công-Xán tuẫn-tiết để phù Lê, Lý-Trần-Quán tự chôn sống vì hối-hận vô-tình phản Chúa (Trịnh-Tông). Nay thử ôn lại thái-độ của một bậc Nho-sĩ danh tiếng như La-Sơn Phu-Tử Nguyễn-Thiệp, để thấy cái triết-lý sống chết tồn vong, nên và không nên (être ou ne pas être) của tiền-nhân Việt-Nam khó thực-hiện là nhường nào.

La-Sơn, tên húy là Nguyễn-Thiếp, người làng Nguyệt-Tạo huyện La-Sơn, lúc trẻ thi Hương đỗ Thủ-Khoa làm Tri-Huyện Thanh-Giang. Khoảng giữa đời Cảnh-Hưng từ quan về ở ẩn tại thành Lục-Niên núi

http://hoangsa.org

Thiên-Nhẫn, chuyên nghiên-cứu Lý-học, người đương thời gọi là La-Sơn tiên-sinh. «Thơ của ông tao-nhã thanh-thoát, lý-thú thung-dung, thực là lời nói của người có đức, các tao-nhân ngâm-khách không thể sánh được.» (Theo Văn-tịch-chí — Phan-Huy-Chú).

Nho-học của La-Sơn tiên-sinh căn-cứ vào Tính-Lý của Chu-Hy, nhưng lại ngả về tâm-linh thực-hiện mà bài-bác phản-đối khuynh-hướng bè phái đảng tranh đương thời, bởi thế mà ông sớm cáo bệnh về ở ẩn, như ta thấy biểu-lộ ở bài thơ «Độc Tính-Lý Tứ-Thư Đại Toàn» sau đây:

Thử lý tòng lai cụ thử thân,
Ngô Nho ưu học bất ưu bần;
Nghĩa tồn, đỉnh hoạch như vô vật,
Đạo khuất, lâm tuyền dã khả nhân;
Toản lý; cơ quan thiên cổ bệnh
Dục nghi, phong vị tứ thời xuân;
Khu khu trở đạt hà tu kế,
Quân tử thành danh chỉ tại nhân.

(Thi Cảo)

Tạm dịch: Lý ấy đủ trong mỗi cá nhân,
Nhà Nho lo học chẳng lo bần;
Nghĩa còn, hình phạt là đồ bỏ,
Đạo mất, tìm vui với núi non.
Biển lận xưa nay đời tranh chấp,
Riêng ta tắm suối bốn mùa xuân.
Loay hoay cùng đạt lo chi nữa,
Quân tử nên người một đạo-nhân.

Đấy là thái-độ của nhà Nho quân-tử. Nhưng muốn làm một nhà Nho quân-tử với đạo Nhân, đâu phải là dễ-dàng, gặp thời loạn mà đi ẩn là được. Nho-sĩ Nguyễn-Thiếp đang sống dưới chế-độ phong-kiến quân-chủ chuyên-chế, mặc dầu là thời loạn, được làm vua thua làm giặc, nhưng đeo vai thân-sĩ lại muốn làm một quân-tử Nho, không phải tiểu-nhân Nho, lại càng phải trung-thành với tôn-chỉ «chính danh định phận. Ngôn thuận danh chính». Đấy là cả một vấn-đề khó xử cho Nguyễn-Thiếp lúc bấy giờ. Lấy thành Lục-Niên, nơi Lê-Thái-Tổ khởi-nghĩa làm nơi ẩn-dật, chắc hẳn tiên-sinh đã có ngụ-ý lấy nhà Lê làm tiêu-biểu cho chính-nghĩa dân-tộc, như Lê-Thúc-Thông đã viết:

http://hoangsa.org

Sách Địa-Dư có câu :

Lục niên cung kiếm anh hùng sự
Bán chẩm yên hà dật khách tình.

Nghĩa là :

(Sáu năm, tục thành này gọi là Lục-Niên, việc cung kiếm là việc của người Anh Hùng Lê-Lợi
Nửa gối khói mây là tình-cảnh của nhà ẩn-dật.)

« Lấy thành Lục-Niên với Nguyễn-xử-sĩ mà đối nhau, thời biết thành « Lục-Niên Nguyễn-xử-sĩ hai sự-tích ấy đều là tiêu-biểu cho cõi Hồng-Lam, « xin người thượng-lưu xã-hội, người hạ-lưu xã-hội trông lên thành Lục- « Niên nên có lòng tư-tưởng giang-sơn, trông lên miếu Nguyễn-xử-sĩ nên có « lòng phù-trì danh-giáo. »

(Nam sử liệt truyện khảo cứu. Nam-Phong số 102)

Như thế thì Nho-sĩ Nguyễn-Thiếp đã phải đối phó với các thế-lực đương thời như thế nào để giữ cái gọi là Chính-nghĩa Dân-Tộc thời bấy giờ, nào là Vua Lê, Chúa Trịnh, nào là Quang-Trung Nguyễn-Huệ, nào là Vua Gia-Long.

Vào năm 1780 Chúa Tĩnh-Vương Trịnh-Sâm có ý thay thế Vua Lê, mời Tiên-Sinh Nguyễn-Thiếp ra kinh để dùng. Rồi thấy Tiên-sinh lại về núi, tỏ rằng không muốn hợp-tác với thế-lực bất-chính. Về thái-độ này, Hoàng-xuân-Hãn trong tác-phẩm La-Sơn Phu-Tử — Minh-Tân xuất-bản có cho biết :

« Đọc thơ các người ở Thăng-Long tặng Cụ thì biết rằng Chúa muốn « trọng-dụng Cụ, nhưng Cụ từ.

Thơ của Bùi-Bất-Trực :

Bốn bề ngẫng trong Thiên-Nhận đỉnh
Chín trùng trọng vọng Lục-Niên quan.

Nhưng đối với Nguyễn-Huệ tự lúc Nguyên-Súy đến lúc làm Vua Quang-Trung ba phen cho thư đưa lễ vật đến mời, cử-chỉ thực nhún-nhường kính-hiền mộ-sĩ, mà Nguyễn-Thiếp cũng không ra, can-đảm từ chối. Cho đến khi Nguyễn-Huệ đến tận Nghệ-An, mới ra hội-kiến, Tiên-sinh mới chịu ra, nhưng trong lời đối-đáp vẫn một mực giữ được chính-nghĩa. Sách gia-phả chép rằng :

Huệ tới châu ta, dừng ở núi Nghĩa-Liệt, dương uy-vũ ra oai ép Cụ phải ra mắt Huệ.

http://hoangsa.org

Cụ tới Huệ trách rằng:

— Đã lâu nghe đại-danh. Ba lần cho tới mời, Tiên-sinh không thèm ra.

Tiên-sinh cho quả-nhân là thằng giặc nhỏ, không đủ làm kẻ anh-hùng trong thiên hạ chăng?

Cụ trả lời:

— Hơn hai trăm năm nay, quyền về tay họ Trịnh hung-bạo. Vương mới đưa quân ra một lần mà dứt được lập lại nhà Lê. Với danh-nghĩa chính thì anh-hùng ai lại chẳng theo? Nếu giả tiếng nhân-nghĩa, nói dối tôn Vua để lấy tiếng thì lại hóa ra một kẻ gian hùng.

Huệ bèn đổi sắc mặt, ngồi dịch ra mà tiếp đãi rất trọng. Cụ ngồi nói truyện hồi lâu mới về.

(Theo sách của Hoàng-xuân Hãn đã dẫn trên)

Đấy là thái-độ của Nho-sĩ dám nói vậy.

Khi đem quân ra đánh quân Thanh, Nguyễn-Huệ lại gặp Nguyễn-Thiếp ở Nghệ-An hỏi về sách-lược. Tiên-sinh nói:

«Người Thanh ở xa tới mệt nhọc, không biết tình-hình khó dễ thế nào, «thế nên chiến thủ ra sao. Vả nó có bụng khinh địch. Nếu đánh gấp thì không «ngoài mười ngày sẽ phá tan. Nếu trì-hoãn một phút thì khó lòng mà được «nó.

«Huệ mừng lắm trả lời:

«— Ông nói chính hợp ý tôi.»

(Theo Hoàng-Lê Nhất-Thống-Chí)

Đến đây theo con mắt của Nguyễn-Thiếp, Vua Lê đã mất chính-nghĩa vì cầu-viện quân nhà Thanh dầy xéo lên đất nước đặng bảo-vệ ngôi-vị của mình. Bởi thế mà Nho-sĩ quân-tử Nguyễn-Thiếp không ngần-ngại ra giúp chính-nghĩa của Nguyễn-Huệ để đánh đuổi kẻ xâm lăng ngoại-lai vậy. Và để chứng-minh cái chính-nghĩa vì dân-tộc của Tiên-sinh, Quang-Trung tuy trả lại tước-lộc của vua nhưng vẫn thẳng thắn giúp vua bằng những lời khuyên vương-đạo: «Nào vua nên một lòng tu đức, ấy là gốc của vạn sự, nào là dân thường không nhớ chỉ mến kẻ có đức-nhân, lòng người qui về là bởi mệnh trời; nào là phép học «ngọc không chuốt không thành đồ, người không học không biết đạo»... Người ta tranh đua học-tập từ-chương, cầu công-lợi mà quên

http://hoangsa.org

mất đạo-đức chính-trị tam-cương ngũ-thường. Chúa tầm thường, tôi nịnh hót, quốc-phá gia-vong. »

Như thế đủ tỏ Nguyễn-Thiếp chưa hẳn nhận Quang-Trung là chính-nghĩa, vì mặc dầu phương-ngôn Việt có câu « được làm vua thua làm giặc » cũng như chủ-nghĩa duy-vật ngày nay tin rằng võ-lực là mẹ lịch-sử, nhưng đối với nhà Nho Việt xưa nay cũng như đối với tinh-thần văn-hóa Đông-phương, một võ-công không đủ lập nên chính-nghĩa. Cũng may Nguyễn-Huệ, vua Quang-Trung là người biết phục-thiện, cho nên Nguyễn-Thiếp đã nhận chức Viện-Trưởng Sùng-Chính-Viện để thực-hiện chương-trình cải-cách giáo-dục đương thời.

Nhưng Nguyễn-Huệ sớm băng-hà, Nguyễn-Thiếp lại một phen đem tính-mạng để thử-thách với chính-nghĩa trong một thời-cục rối-ren, đại-thần giết nhau, quân dân nghi hoặc. Nhiều tướng giỏi bỏ Lê-Chất hàng Chúa Nguyễn, Lê-Văn-Thành tướng Tây-Sơn ở Qui-Nhơn cũng hàng. Kẻ-sĩ Nguyễn-Thiếp trả lại chức Viện-Trưởng Sùng-Chính để về núi. Nhưng vua nối ngôi Quang-Trung là Quang-Toản ép vào Phú-Xuân để vấn-kế. Lúc này nhà vua nhỏ tuổi, triều-thần đối với Tiên-sinh ngoài mặt dùng lễ mà bề trong thì uy-hiếp bằng võ-lực, cho nên mới thấy có sách chép :

« *Con Huệ là Trát lại sai Trấn-quan đưa lễ và một ngàn lính lên núi « ép đón.* ».

(Dã sử nhật ký — theo sách La-Sơn Phu-Tử của Hoàng-xuân-Hãn)

« *Nhưng trước mặt nhà Vua Quang-Toản, được hỏi về quốc-sự, Tiên-« sinh cũng thẳng-thắn dám nói sự thật :*

« *— Không thể làm được.*

« *Lại hỏi : Cụ có dạy gì không ?*

« *Đáp : — Dạy ai theo.*

« *Quang-Toản nói : — Tôi giao ấn kiếm, ai dám không theo.*

« *Cụ hỏi : — Nếu quân-vương không nghe thì sao ?* »

Thế rồi Chúa Nguyễn-Ánh đánh vào Phú-Xuân năm 1801, Quang-Toản và tướng-tá bỏ chạy ra Bắc. Nguyễn-Thiếp đang bị giữ ở Phú-Xuân, vẫn giữ một thái-độ điềm-nhiên của kẻ-sĩ « Phú-quí bất năng dâm, uy-vũ bất năng khuất » nghĩa là ; giầu sang không làm cho siêu lòng thèm muốn, sức mạnh võ lực không có thể làm khuất-phục (Mạnh-Tử).

http://hoangsa.org

Chúa Nguyễn-Ánh vào Phú-Xuân rồi, « Tiên-sinh ngồi đứng như thường, cư-xử thản-nhiên. Lính vệ-sĩ của Chúa Nguyễn về báo có người hình-trạng như thế. Vua Thế-Tổ bèn triệu Cụ tới, tiếp-đãi rất có lễ, hỏi :

— *Ngụy Tây-Sơn mời Tiên-sinh làm thầy, vậy Tiên-sinh dậy nó ra sao ?*

— *Cụ trả lời : Có tám điều trong sách Đại-Học, có chín đường trong sách Trung-Dung, người giỏi thì làm được, người không giỏi thì không làm được.*

Vua cho câu nói ấy hay, trọng đãi Cụ như khách, Cụ ở lại mười ngày, bèn xin về ».

(Theo sách La-Sơn Phu-Tử đã dẫn)

Những sự-kiện trên đây có thật hay không, khó mà biết. Duy còn tờ chỉ mà ông Hoàng-Xuân-Hãn đã dịch như sau :

« *Chỉ cho La-Sơn dật-sĩ Nguyễn Thiếp :*

« *Nghe nói khanh tuổi cao đức thịnh, xứng với lòng người ta trông mong.*
« *Trước bị Ngụy-triều ép gọi đến, giữ ở lại kinh lâu ngày. Nay, sau lúc đại*
« *binh tiến tới Phú-Xuân, khanh tới cửa quân giãi-bày thành-thật và xin trở*
« *về nhà.*

« *Ta nghĩ rằng kẻ hiền nên kính-trọng, kẻ giả nên để yên. Sai... hầu đưa*
« *quân lính tiễn về đến đầu giới-hạn Hoành sơn.*

« *Sau lúc về núi, Khanh nên chăm việc rèn đúc kẻ hậu-tiến để giúp đời*
« *thịnh, để không phụ ý Trẫm rất tôn hiền.* »

Theo đấy thì Nguyễn-Thiếp trải qua mấy triều trái-nghịch tương-tranh, nào thế Chiến-quốc, nào thế Xuân-thu, vẫn giữ được trọn-vẹn thái-độ của bậc hiền-sĩ, quả là một nhà Nho có thật đức vậy. Sống vào thời hỗn-loạn, thế-lực lên xuống bất-thường chớp-nhoáng, kẻ phù Lê cũng bị Quang-Trung giết như Nguyễn-Hữu-Chỉnh, kẻ phù Quang-Trung lại bị Nguyễn Gia-Long giết, như Ngô-Thời-Nhậm, thậm-chí kẻ phù nhà Nguyễn lại bị nhà Nguyễn giết, như Đặng-Trần-Thường, thế mà chỉ có Nguyễn-Thiếp giữ được toàn-vẹn cả tính-mạng lẫn thanh-danh. Đấy thật là một tấm gương Chính-nghĩa Việt-Nam cận-đại. Chẳng biết ngày nay người ta hiểu thế nào là Chính-nghĩa, và người ta đã sống theo Chính-nghĩa như thế nào ?

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

http://hoangsa.org

KẺ SĨ ĐỜI LÊ MẠT?
(GIAI ĐOẠN TÂY SƠN ĐÁNH BẮC HÀ)

▽ PHẠM-VĂN-SƠN

Nếu chúng ta lưu tâm đến những diễn tiến của lịch sử nước nhà vào giữa đời Hậu Lê không khỏi nhận thấy xã hội Việt Nam trên thượng tầng kiến trúc đã bắt đầu có sự suy đồi đồ nát kể từ thượng bán thế kỷ XVI.

Người đã tiên tri về sự tàn vong của nhà Hậu Lê ngay từ thời vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497) là trạng nguyên Lương thế Vinh khi vua Lê Thánh-Tôn một hôm vui chuyện với đám quần thần đã tỏ ra đắc chí có nhiều Hoàng tử kế nghiệp và giữ việc khói hương. Họ Lương đã nói một cách bộc trực, không ngại làm mất hứng của đấng chí tôn: «*Nhiều con là nhiều giặc*».

Dưới chế độ phong kiến, ông vua có thể chấp nhận được một câu nói ấy của một bề tôi thì chế độ đó không phải là độc tôn độc đoán như người ta thường nghĩ. Có lẽ nhờ cái tinh thần quảng đại và hữu-ái giữa vua tôi cao rộng như vậy nên đời Hồng Đức đã được tô điểm bằng nhiều vết son trên lịch sử và cái Tao Đàn của vua Lê Thánh-Tôn và Nhị thập bát tú mới phát xuất được nhiều áng thi văn kiệt tác.

Nhưng chỉ vào khoảng (10) mười năm sau thì hoàng-gia nhà Hậu Lê bắt đầu đổ đốn với các ông vua tàn ác vô đạo như Uy-mục-đế, Tương-Dực-đế và bất tài bất lực là vua Chiêu Tôn. Hai ông vua trên đã nhúng tay vào máu của bà Thái-hoàng, Thái-hậu, của anh em rồi triều đình cũng như hoàng gia đã nảy sinh ra trò kết bè kết đảng khiến từng lớp ãnh đạo chia rẽ, đố kỵ cùng cực, thì việc Mạc-đăng-Dung nhảy lên sân khấu lật đổ cái ngai vàng của con cháu vua Thái Tổ, đó là một hiện tượng không thể tránh được một khi chánh tình đã suy bại quá mức như vậy.

Ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước Đông phương, nho-sĩ là tầng lớp lãnh đạo. Họ không thể chối bỏ vai trò cũng như trách nhiệm của họ khi trên thang xã hội họ đã được xếp đặt vào hàng đầu.

Xét thi-văn vào thuở đó ta thấy nhiều dấu vết về sự suy-đồi, sự phân hóa và cuộc khủng-hoảng đạo lý đẳng-cấp Nho-sĩ phải chịu trách

http://hoangsa.org

nhiệm do họ là những kẻ cầm trịch, họ điều khiển guồng máy quốc gia. Những bài phú, bài thơ của các danh Nho thời bấy giờ chê bai, châm biếm hay phiền trách nhân tâm thế tục thuở đó không ít. Xin tạm đan cử một vài bài làm thí-dụ.

Nhân tình thế thái.

Thế gian biến cải vũng nên đồi ;
Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi.
Còn bạc, còn tiền, còn đệ-tử ;
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân thực ;
Ai nấy nào ưa kẻ đãi bôi.
Ở thế mới hay người bạc ác :
Giàu thì tìm đến khó tìm lui.

(Bạch vân quốc-ngữ thi)

... Được thì thân thích chen chân đến.
Thất thế hương hi ngảnh mặt đi.

... Thanh tao của có, thanh tao mấy,
Náo nức tay không náo nức gì ?...

Cuối đời Cảnh-hưng tức là cuối thế kỷ XVIII trong *Ngôn ẩn thi tập* của Nguyễn hữu Chỉnh có bài nhan đề là « *Than thân* » cũng ghi chép những cái xấu xa của thời đại :

Tóc chen hai thứ chưa danh chi,
Thân hỡi là thân ! thì hỡi thì !
Chửa trả chửa đền ân đệ tử,
Thêm buồn thêm tủi chí nam nhi.
Kẻ yêu nên ít bề cao thấp,
Người ghét càng nhiều tiếng thị phi.
Tay bé khôn bưng vừa miệng thế.
Giải lòng ngay thảo cậy thiên tri.

(mặc dầu có người cho Nguyễn hữu Chỉnh là một tay gian hùng thời loạn, nhưng bài « *Than thân* » này hàm xúc sự thành thực và phản chiếu được hình ảnh nhơ nhớp của thời bấy giờ).

Sau nầy chúng ta lại thấy một bài thơ chúng tôi chỉ kiếm được 2 câu chứng minh sự phá sản của luân lý đạo đức của xã hội Việt Nam từ thế kỷ XVI qua thế kỷ XVII, không rõ tác giả là ai.

http://hoangsa.org

Than ôi nước cũ ba trăm năm lẻ,
Giữ vững cương thường một phụ nhân.

Hai câu nầy bàn về chuyện bà Phan thị Thuấn đã trầm mình trên sông Thúy Ái để giữ vẹn chữ chung tình với người chồng, một chiến sĩ xấu số triều Lê mạt.

Sử chép: Nguyễn Huệ sau khi đánh chiếm xong Thuận Hóa liền xua quân ra thẳng Bắc hà, thế quân mạnh như vỡ bờ. Quân Tây Sơn thừa thắng ở Sơn Nam xong thì nuốt giải trường giang (Nhị hà) tiến lên bến Nam Dư để đánh bất thần vào quân của Đoan Nam Vương Trịnh Khải (ông chúa cuối cùng của phong kiến TRỊNH). Tại bến Thúy Ái quân Trịnh còn neo thuyền lên bãi chơi, không có phòng bị gì hết nên khi quân Tây Sơn ập tới, quân Trịnh chạy tán loạn, hồn vía lên mây sau những loạt súng Cự thuần của quân Nam hà bắn vào như tưới.

Một kẻ can đảm không bỏ cuộc. Ngô cảnh Hoàn, quân tiền phong của Trịnh cương quyết đứng lại chống địch rồi bị tử trận trên dòng sông. Ái thiếp của viên tướng bạc mệnh nầy là bà Phan sau khi chồng chết vẫn tự nhiên không mặc đồ tang phục, không lộ vẻ đau buồn. Nhưng khi quân Tây Sơn rút hết về Thuận Hóa bà mới mặc đồ tang chế, làm chay cho chồng bên sông Thúy Ái, khóc suốt đêm rồi bơi thuyền ra giữa dòng và lao mình xuống đó.

Bấy giờ người ta mới hiểu rằng người thiếu phụ đã rất khôn ngoan: nếu khi còn quân Tây-Sơn trên đất Bắc, nàng để lộ hình tích có thể bị bắt và bị giết hoặc nàng có thể bị tố-cáo nên phải đợi quân Tây-Sơn rút lui đã vì nàng còn muốn làm chay cho linh hồn chồng được siêu thoát nàng mới yên tâm và sau đó nàng tự vẫn theo chồng cho trọn nghĩa chồng vợ. Người đời sau khen rằng dưới đời Hậu Lê nước ta ba trăm năm sau suy tàn tai hại về đạo-đức chỉ có bà Phan-thị-Thuấn giữ vững được hai chữ cương thường.

Chúng ta nghĩ thế nào về lời khen nầy?

Nói cho phải thiếu phụ họ Phan chung tình như vậy, nghĩa-khí như vậy được khen là đúng lắm và nếu tầng lớp Nho-sĩ lãnh đạo thời Cảnh Hưng (1740-1786) có bị chê cũng chẳng oan, tuy nhiên nên công bằng mà nói rằng thời đó cũng còn vài kẻ sĩ giữ vững được cái đạo trung-quân ái quốc theo tinh thần của Nho-giáo hay đạo lý Đông Phương. Nói cách khác nếu xì-vả một cách tuyệt đối tất cả những người

http://hoangsa.org

tri thức đời bấy giờ không khỏi là một sự độc-đoán hay quá đáng. Chúng tôi muốn nói trường hợp Lý-trần-Quán và Trần-công-Sán.

A.— *TRƯỜNG HỢP LÝ-TRẦN-QUÁN:*

Họ Lý là người làng Vân canh, huyện Từ liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính tuất. Con người ấy tính nết rất giản dị và chân thành, thờ cha mẹ rất có hiếu. Khi cha mẹ chết, ông ở nhà mồ luôn ba năm, miệng không đụng vào một miếng đồ ăn mặn, vì thế thân thể gầy mòn, chỉ còn da bọc xương, ông thường nói: «Ta sống đến nay chẵn 40 tuổi chưa làm được việc gì đáng kể ngoài 3 năm cư-tang ta thấy gần với đạo làm người...». Ngày 14 tháng 5 năm Bính ngọ (1786) hiệu Cảnh Hưng quân Tây-Sơn ra đánh Bắc hà, đi đến đâu cũng dễ dàng mặc dầu các danh tướng Bắc hà như Trịnh tự Quyền, Bùi thế Dậu, Đinh-tích-Nhưỡng mang quân thủy bộ rất đầy đủ ra ngăn cản từ Sơn Nam lên đến kinh thành. Trận đại bại cuối cùng của chúa Trịnh Khải diễn ra tại bến Tây Luông tuy sự chống giặc rất tích cực. Rút cục Trịnh Khải phải cùng ít binh tướng chạy về hướng Tây, đến huyện Yên-Lãng (tỉnh Phúc Yên ngày nay) thì bị tên Noãn người làng An Điềm lừa gạt và lúc này Chúa đã bị hầu hết kẻ tay chân bỏ rơi.

Noãn là con Nguyễn Thưởng vốn là gia thần của họ Trịnh nghe tin chúa qua địa-phận của mình bèn ra đón nói đã mộ được 500 quân đang chờ ở phía Bắc ngạn (sông nhánh của Nhị Hà chảy qua Phúc Yên). Chúa nghe hắn sang đò nhưng khi đến bờ không thấy một tên quân nào hết, chúa sinh nghi liền hỏi:

— Lính tráng đâu?

Noãn đáp:

— Lính hiện đóng trong làng, xin chúa đổi quần áo thường rồi đi thẳng về phía trước mặt, làng tôi cách đây không xa.

Chúa có ý hối đã đi theo Noãn, lại hỏi:

— Ở quanh vùng này có ông Tiến sĩ nào không?

Noãn thưa:

— Ở đây chẳng có ai là Tiến sĩ, chỉ có một viên Thiêm-sai là Lý-trần-Quán trước kia được lệnh đi chiêu dụ nhân dân, còn đóng tạm ở làng Hạ-lôi.

Rồi Noãn được Chúa sai đi tìm Lý trần Quán. Noãn được gặp Lý

http://hoangsa.org

trần Quán, lại thêm một vai trò khác xuất hiện, đó là Tuần Trang (một tên Tuần huyện, học trò của Quán) Quán bảo Trang :

— Có quan Tham tụng là Kế-liệt-hầu tránh loạn qua đây. Thầy muốn nhờ anh hộ-tống ra khỏi địa phận. Trang cúi đầu vâng lệnh. Nhưng khi Quán gặp Chúa hai bên đều lúng túng ngay trong lúc chào hỏi nhau vì đều không muốn cho bọn Tuần Trang biết Kế-liệt-hầu là Chúa. Họ đã kém sự tự nhiên. Rồi Quán từ biệt Chúa về nhà riêng thì Đoan-Nam-Vương đi theo bọn Noãn, Trang. Bọn gian manh áp giải Chúa về Thăng-long nộp cho Tây-Sơn mong lãnh thưởng.

Nghe có biến Lý-trần-Quán vội chạy đi tìm Trang và Chúa, Quán sụp lạy nói :

— Chúa đến nỗi nầy là lỗi ở tôi.

Chúa đáp :

— Miễn ông không có bụng như vậy, có lẽ tại ta không may.

Quán quay lại trách bọn Noãn, Tráng :

— Chúa là Chúa của thiên hạ, ta là Thầy chúng bay, sao chúng bay nỡ thế ?

Trang cãi :

— Quan lớn không cho tôi biết Chúa, nay Chúa đề lộ tông tích rồi, nếu nay mai quân Nam biết tôi có còn toàn mạng không ? Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu Chúa không bằng yêu mình, xin quan lớn rộng xét cho !

Rồi Trang hối thúc thủ hạ dìu Chúa tiến về kinh thành trong khi Quán dẫm chân kêu trời :

— Thế là tôi giết Chúa rồi, có khổ thân tôi không, trời đất có thấu lòng tôi không !

Bọn Tuần Trang đi đến nửa đường thì vào một hàng nước nghỉ chân. Chúa Khải nhân lúc bất ngờ vớ được con dao của nhà hàng đưa lên đâm vào cổ, nhưng mũi dao đâm không được sâu Chúa không chết được ngay. Chúa thò ngón tay móc thêm và kéo ra cho rộng, nhưng Trang giữ lại một lát Chúa vật vã đòi uống nước, uống được vài ngụm thì chết, Trang vẫn cho người mang xác Chúa về Thăng Long, lấy thưởng. Tây Sơn liền bầy thi hài Chúa ở ngoài cửa Tuyên Đức cho mọi người thấy sau đó lấy lễ vua chúa khâm liệm cho kẻ bạc mệnh và đem chôn. Còn Trang được phong làm Tráng-nghĩa-hầu, gia chức Trấn thủ Sơn Tây. Hôm ấy là ngày 27 tháng 6 năm Bính ngọ.

http://hoangsa.org

Lúc Chúa đi rồi, Quán quay về nhà trọ đau khổ vô cùng. Ông nói với chủ trọ :

— Tôi nhờ ông mua dùm cỗ áo quan và mười thước vải trắng. Ta muốn chết, ông nên giúp ta. Bề tôi làm lụy cho Chúa thì sống sao đành. Sống thì lấy gì chứng tỏ được với quỷ thần, trời đất.

Chủ trọ hết sức khuyên giải, Quán vẫn không nghe. Ông nói :

— Nếu chẳng giúp, ta sẽ có cách, ông không thể ngăn được ta đâu, vậy yêu ta thì cứ chiều ta thì hơn.

Qua hai ngày hôm sau, Quán càng như hóa điên, chủ trọ biết lòng trung của ông không ai lay chuyển được đành phải đi sắm sửa các thứ theo ông dặn bảo.

Quán sai đào lỗ làm cái huyệt, hạ quan tài xuống, xé vải làm hai mảnh, một giải xuống lót lưng, một phủ lên mặt. Ông mặc áo đại trào, đội mũ, đi hia tề chỉnh ngảnh về hướng Nam lễ vọng hai lễ rồi bỏ mũ, chít khăn trắng và thắt lưng trắng sau đó nằm vào quan tài. Nắp áo quan vừa đậy, Quán còn hét ra :

— Quên một điều, xin giúp thêm cho !

Chủ trọ mở nắp áo quan. Quán đọc :

« *TAM NIÊN CHI HIẾU DĨ HOÀN* »

« *THẬP PHẦN CHI TRUNG VỊ TẬN* » [1]

và nhờ chuyển đôi câu đối này cho con cháu viết lại và dán tại nhà thờ. Quán tiếp :

— Đa tạ chủ nhân, xin từ biệt ông từ đây. Chủ trọ và gia nhân đều xụp xuống lễ rồi đậy nắp áo quan và lấp đất. Hôm ấy là ngày 29 tháng 6 sau khi Chúa Trịnh chết được hai bữa.

B.— *TRƯỜNG HỢP TRẦN CÔNG SÁN.*

Tháng 3 năm Đinh mùi (1787) nhiều biến-cố đã xảy ra tại Bắc hà và Nam hà : ngoài Bắc có cuộc nội-tranh giữa đảng Trịnh-Bồng và Trịnh-Lệ để tái lập phủ Liêu, uy quyền tuyệt đối của phong kiến cũ. Chiêu Thống cũng như các tiền bối lại bị lấn áp do đó có việc mời Nguyễn hữu Chỉnh ra Bắc.

---

1. Ba năm đạo hiếu đã tròn.
Mười phần chữ Trung chưa được một.

http://hoangsa.org

Chỉnh dẹp được các đảng Trịnh nhưng ông ta đã bị chánh quyền Phú-xuân nghi ngờ từ lâu nên dầu muốn dầu không phải lo bành trướng thế lực để chống lại nhất là lúc này dưới mắt ông, anh em nhà Tây-Sơn đang có sự lục đục cần phải khai thác thời cơ.

Tại Nam-hà, từ khi Bắc-bình-vương thắng trận ở Thăng-Long, Nguyễn Nhạc tức Trung ương Hoàng-đế có nhiều thắc mắc cho rằng ông vua em sớm muộn cũng thoát ly khỏi vòng kiềm tỏa của mình. Đã vậy còn thêm vụ những vàng bạc châu báu ông Huệ và các tướng lãnh tịch thu được ở phủ Chúa Trịnh lại chẳng chia xẻ cho Qui-nhơn khiến một giao tranh đẫm máu đã xảy ra tổn hại tới ngoài bốn chục ngàn nhân mạng. Nếu không có sự nhân nhượng kịp thời của ông Huệ, cuộc huynh đệ tương tàn có thể bi-thảm vô lường. Dầu sao việc này cũng làm cho đôi bên rầu ruột thối gan thì Nguyễn-hữu-Chỉnh cử một phái bộ vào Phú-Xuân đòi lại đất Nghệ, một việc có tính cách không thích thời và chọc giận con hùm thiêng xứ Huế.

Xứ Nghệ bây giờ do thượng tướng Tây-sơn Vũ-văn Nhậm đảm trách.

Cầm đầu phái-bộ ngoại-giao là ai?

Xin thưa: Trần-công-Sán!

Ông Sán sinh quán ở xã Yên Vỹ, huyện Đông Yên đậu tiến sĩ dưới Cảnh-hưng, khoa Nhâm-thìn. Dưới đời Trịnh-Khải, ông giữ chức Công Bộ Thị Lang sau thăng Hành tham-tụng, tính rất khẳng khái trung trực. Ông thuộc loại người «*uy vũ bất năng khuất*» tức sĩ quân tử theo quan niệm của đạo Nho. Thời Bắc-bình-vương với địa-vị oai hùng thét ra lửa, mửa ra khói bước chân vào đất Thăng-Long, mọi người đều xanh mặt khiếp uy mất vía, riêng ông cứ ngang nhiên với cử chỉ một đại thần tiến đến gần kẻ chiến thắng khiến ông phải ngạc-nhiên, rồi hỏi đâu ông nói đó, không ngập ngừng, ấp úng. Trong cuộc đối thoại ông Huệ muốn thử tài kẻ sĩ đất Bắc, hỏi vặn vẹo nhiều điều, ông chẳng chút thua mà còn làm cho Bắc-bình-vương phải trọng về nhân phẩm, kính nể về tài ba. Xét ra Trần-công-Sán nâng cao được giá trị và tư cách của kẻ sĩ đời bấy giờ không phải là vì ông từng ở địa-vị lớn (ông đã liên tiếp làm Hình bộ thượng thư chầu tòa Kinh Diên để dạy thái tử, lại có khi lãnh chức Đông bình chương quân quốc trọng sự) sự thế buộc ông không được hèn mà vì ông có tinh thần của người quân tử trong đạo Nho nó buộc kẻ đọc sách thánh hiền dự hàng lãnh đạo quốc gia phải giữ trọn vẹn nhân cách cho đến khi chết theo ba điều dưới đây:

http://hoangsa.org

« *Phú quý bất năng dâm,*
« *Bần tiện bất năng di,*
« *Uy vũ bất năng khuất*
« *Vị chi đại-trượng-phu*

Nguyễn hữu Chỉnh tuy bấy giờ đang đóng vai chúa tề Bắc-hà bên cạnh vua Chiêu thống mà cũng coi họ Trần vào bậc thày, nhất nhất việc gì cũng phải hỏi ý kiến trong phái bộ còn có Ngô Nho cũng xuất thân Tiến sĩ tôn trọng Trần không kém. Ông nầy cũng thuộc loại có khí tiết lớn nên khi nghe Tây Sơn đã động binh ở xứ Nghệ và có manh tâm Bắc-tiến có đến cáo cấp với ông Trần. Hai bên đàm thoại với nhau, ông Trần nói :

— Tôi biết chuyến này đi lành ít dữ nhiều. Tôi là đại thần sống thác không cần tính đến. Ông mới ra làm quan, chức còn nhỏ lại có mẹ già ở nhà, trung hiếu không thể được cả đôi đường, ông hãy nghĩ cho kỹ.

Ngô Nho đáp :

— Tướng công mang nặng trọng trách của triều đình, ơn dầy nghĩa nặng, tôi thì chịu tình tri ngộ của tướng công, vậy kẻ sĩ có chết vì người tri kỷ cũng thỏa dạ.

Sán mừng nói :

— Hùng lắm ! Thế mới là « *đạt* ».

Phái bộ lên đường. Vũ-văn-Nhậm đang coi đồn ở Quỳnh-lưu thấy sứ giả đến liền đón vào dinh trấn Nghệ-an, mở tiệc khoản đãi.

Nhậm hỏi Sán nhiều câu về đường lối chính trị đương thời của Bắc Hà và tỏ ý bực dọc. Sán trả lời rất vững khiến Nhậm phải phục tài mặc dầu qua cuộc tiếp xúc nầy Tây Sơn đã cho thấy họ đang bất bình về việc vua Chiêu Thống trọng dụng Nguyễn hữu Chỉnh và như vậy cờ Tây Sơn có thể trực chỉ Bắc-Hà phen nữa, vừa để lấy đầu Chỉnh, vừa thâu đoạt cả xứ Bắc.

Đối với mục tiêu đòi trả xứ Nghệ của phái bộ Nhậm bảo rằng : « Nghệ An là cái ấp nhỏ, có nghĩa gì với đại cục mất còn, phái bộ nên về thì hơn kẻo chỉ mệt sức mà thôi... chim đã lìa tổ, trở lại khó có cành mà đậu... »

Câu nầy làm cho Ngô Nho giật mình.

Nho bàn riêng với Sán đổi lại quốc thư, chỉ yêu cầu Phú-Xuân cho vua Lê được tập phong mà thôi.

http://hoangsa.org

Sán không nghe. Phái bộ tới Phú-Xuân đệ quốc thư lên. Bắc-bình-vương coi qua biết vụ nầy do ý-đồ của Chỉnh rồi Vương lớn tiếng mạt sát luôn cả triều đình Bắc-hà thiếu thành thực, Vương nói :

— Năm xưa ta đem quân ra Bắc, phá Thăng-Long, diệt họ Trịnh, thần dân Bắc-hà đều bó tay, khi đó ta xưng đế xưng vương gì mà chẳng được. Song vì kính mến tiên đế ta trả lại hết đất đai, việc thống nhất là do tay ta tái tạo. Triều Lê báo đáp ta bằng tước Thượng công. Thượng công là cái chi ? Được cái Thượng công ta có hơn gì ? Đến việc tiên đế thăng hà, tự vương nối ngôi cũng lại ta lo liệu. Nay nhà Lê chưa đền ơn trả nghĩa ta lại dùng kẻ phản thần (Chỉnh) rồi lại giành với ta xứ Nghệ An. Các người làm như vậy có coi được không ? Ta đã phải hai vạn binh ra lấy đầu cha con thằng Chỉnh rồi đó ! Hắn Chỉnh đã bức bách tự-quân rồi, trong vòng lửa đạn, ngọc đá xô bồ, tự tôn có hề chi không ? Sán bình tĩnh đáp từng khoản :

— Vua Thái tổ xưa đánh đuổi giặc Minh, công đức như núi cao biển rộng, truyền đến Thánh tông. Trời nam một giải trăm họ được hưởng thái bình từ núi Thạch-bi ra Bắc, từ Đại-lĩnh vào Nam dân nước ai mà không tôn kính, ghi ơn ? Sau hơn một trăm năm họ Mạc tiếm ngôi, ai nấy đều đau lòng. Tiên-vương (Nguyễn Kim) họp các tôi trung, lập lại dòng chính-thống, sau họ Trịnh nổi lên cùng phải lót miệng bằng tiếng « *phù Lê* » nên mới hiệu lệnh được nhân sĩ bốn phương. Và đời sau tuy họ Trịnh lạm quyền nhưng vẫn không dám thay đổi chính-sóc. Đại-vương dầu có oai lớn danh to nhưng cũng vin vào nghĩa tôn phù mới được nhân dân tin phục. Nếu không ngài bước chân vào nước người ta có đâu dễ như vậy Tiên đế đãi Đại vương, trước phong Công sau phong Vương, theo điển-lễ sẵn có của bản triều, như thế là vô cùng trọng hậu. Đại vương há nên coi rẻ. Khi tiên đế sắp qua đời, tự hoàng lên nối ngôi, mọi việc đều bẩm bạch trước, người chủ trương đại sự chẳng là Đại vương đó ru ? Đã đến bước không sao đừng được thì cũng là lý, thế tất phải như vậy, chúng tôi chẳng dám bợ đỡ Đại vương đâu !..

Vẫn một giọng từ tốn, sứ giả họ Trần tiếp tục :

... Hồi đại quân rút về Nam, Nguyễn hữu Chỉnh đi theo. Đại vương cho ở lại giữ Nghệ-An, sao gọi là phản bạn ? Nghệ-An là đất cũ của nhà Lê, sao gọi là tranh giành được ? Đại vương đem quân ra Bắc thỉnh an bản triều theo điển lễ tiếp đãi, nếu không người xưa đã nói : nước lớn có quân

http://hoangsa.org

chinh phạt thì nước nhỏ cũng có cách chống giữ. Ngày nay sự thế lại biến đổi, tôi ra ngoài cõi không dám biết đến, còn Tự hoàng nước tôi có chân mạng đế vương tên đạn cũng phải nể, xin Đại vương đừng mệt lòng. Đại vương theo ý trời, thuận lòng dân mà giúp rập nhà Lê, người nước ai không kính mến! Công đức như vậy, quên chẳng được, đâu dám giận. Nếu không việc đời đã thay đổi, sau trước thế nào chúng tôi không thể đoán trước được...»

Trước lý luận đanh thép của Trần công Sán, Bắc-bình-vương không đáp được một lời, đó là một sự lạ chưa có từ trước tới nay. Bấy giờ trời đã tối, Vương bảo Sán về nhà quán-dịch nghỉ ngơi rồi Vương sẽ có quyết định.

Sán đỡ lời luôn: Đại vương nghĩ một lần cũng đủ, nghĩ vài lần e lẫn chăng, tôi xin liều chết cho rồi!

Vương giận lắm truyền cho nhốt sứ bộ lại.

Bề ngoài Vương nạt nộ nhưng trong bụng đã có ý muốn thâu dụng con người dũng cảm ấy. Nhưng Sán đâu phải con người ham danh lợi!

Nằm trong ngục Sán vẫn thản nhiên. Ông viết một câu đối lên vách:

Đạt đức hữu tam, túng vị năng chi nguyện học
Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã, hà vưu? [1]

Hai thân-thần của Bắc-bình-vương là Trần văn Kỷ và Vũ văn Trụ được mật lệnh vào thuyết phục Sán. Văn Kỷ nói:

— Cụ ơi, tội gì mà đầy đọa tấm thân cho khổ?

Sán nghiêm sắc mặt trả lời:

— Số mệnh cả!

Văn Trụ tiếp:

— Đã là người trí thì phải liệu thời cơ, sao lại bó tay phó mặc số mệnh. Đánh sóc đĩa còn có chẵn lẻ, phải lựa chiều mà đánh «*mặt rền*» mới là tay lỗi lạc, thưa cụ...

Sán ngắt lời ngay:

— Đấy là mẹo cờ bạc, người quân tử đâu có thể hành động như vậy. Sán này nghe người xưa nói «*Làm tôi phải chết trung*»,

---

1 Ba đức được tôn, dẫu chưa hay xin học.
Một lòng không đổi, cứ để mộc dám trách ai?

http://hoangsa.org

Bọn Văn-Kỷ trở ra bảo nhau: Trần công Sán như Tô-tử-Khanh (Tô Vũ) đời HÁN, đáng ghét mà cũng đáng phục! Giữa lúc nầy tình hình anh em nhà Tây-Sơn đang lộn xộn, người ta ngại sự việc nầy lọt vào mắt phái bộ rồi bay ra Bắc-hà nên vội dục sứ-giả lên đường. Bắc-bình-vương đưa ra một trăm lạng bạc nói là của Công chúa tặng riêng phái-bộ rồi Đô Đốc Vũ văn Nguyệt tiễn sứ về Bắc bằng hải-đạo.

Sứ-giả cùng 20 kẻ tùy tùng tới cửa ĐAN-NHAI thì đắm thuyền, hôm ấy là ngày 11 tháng 4 năm Đinh mùi. Cái chết của sứ-bộ không khỏi do quân Tây-Sơn đục thuyền rồi bọn Nguyệt chạy lên bờ kêu rằng thuyền bị bão nên phái-bộ chết đuối hết.

Thật đúng với lời Sán đã nói với Chỉnh trước khi khởi hành: «Tôi đi chuyến nầy chưa chắc có về!» Cái chết của Lý trần Quán cũng như cái chết của Trần công Sán đã nêu lên rằng nhà Hậu Lê tàn nhưng sĩ-khí của những người trí thức đời Hậu Lê vẫn còn soi sáng đến thế hệ của chúng ta để chúng ta phân biệt cái sống nhục và cái chết vinh cần phải ghi vào sử xanh muôn thuở.

PHẠM-VĂN-SƠN

CÔNG-TY THỦY-TINH VIỆT-NAM

Công-Ty nặc danh vốn 170.000.000 $ VN

CHUYÊN SẢN XUẤT VE, LỌ ĐỦ LOẠI VỚI KỸ THUẬT VÀ MÁY MÓC TỐI TÂN NHẤT VIỆT-NAM.

TỐT VÀ RẺ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

— Trụ-Sở Chánh: 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI
SAIGON — Đ. T.: 93.149

— Trụ-Sở Thương-Mãi: 16-18, Hai Bà Trưng (Lầu I) — SAIGON
Đ. T.: 25.198

— Nhà Máy: 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI
SAIGON
Đ. T.: 93.149

http://hoangsa.org

NGUỒN ĐỘNG LỰC NAM TIẾN VỚI VÙNG ĐẤT TÂY SƠN

▽ LÝ VĂN HÙNG

Giữa thế kỷ thứ 15, biên thùy cực nam nước Đại Việt là huyện Tuy Viễn. Tuy: yên định, Viễn: xa xuôi, vùng đất mới được yên định chốn xa xôi.

Căn cứ bản đồ Hồng Đức in ngày mồng sáu tháng tư năm 21 (1490) huyện Tuy Viễn nầy có 7 xã, thuộc phủ Hoài-nhân, thừa tuyên Quảng Nam. Về diện tích huyện nầy lớn không thể tưởng tượng, gồm 1/3 tỉnh Qui-nhơn và 2 tỉnh Phú Yên, Phú Bản ngày nay. Vị trí ở đông giáp biển, tây Trường-sơn, bắc huyện Phù-ly, nam núi Thạch Bi.

Chúng tôi xin dẫn chứng sử kiến-trí duyên-cách của 2 tỉnh Bình Định, Phú Yên trong quyển 9 và quyển 10 của *Đại Nam nhất thống chí:*

Bình Định xưa là đất Việt-Thường (Gia-Long cầu phong với Thanh có câu: Tổ tiên tôi gồm có cả vùng đất Việt-Thường).

Đời Tần gọi huyện Lâm-ấp, thuộc Tượng quận, đời Hán gọi huyện Tượng lâm thuộc quận Nhật nam, đến năm thứ 2 Vĩnh hòa Hậu Hán Thuận đế, có viên công tào tên Âu Lân trong quận giết quan huyện chiếm đất này, tự xưng Lâm ấp vương, năm thứ nhất. Đại nghiệp nhà Tùy bình định Lâm-ấp, đặt Sung-châu, sau đổi là quận Lâm-ấp, thống hạt 4 huyện: Tượng phố, Kim sơn, Giao giang và Nam cực, bắt đầu năm Trịnh Quán đời Đường đổi gọi Lâm châu, lĩnh hạt 3 huyện: Lâm-ấp, Kim long, Hải giới. Cuối thời Trinh Nguyên nhà Đường (785) bỏ cho Chiêm thành, tức 2 vùng Đồ bàn và Thi nại. Đến năm thứ nhất Hồng Đức nhà Lê chinh phạt Chiêm Thành, lấy lại các vùng ấy, mở mang bờ cõi đến núi Thạch Bi (Phú Yên) chia làm 3 huyện Bồng sơn, Phù ly, Tuy viễn, đặt phủ Hoài nhơn, dưới sự cai quản của Thừa tuyên Quảng nam, những miền nam dãy núi Cù mông vẫn chưa kịp kinh lý, mãi đến năm Nhâm Dần Chúa Nguyễn Thái Tổ gia Dụ (năm thứ 3 Hoằng định Lê kính tông 1603) đổi tên là Qui-nhơn phủ đặt chức tuần phủ kham lý, vẫn dưới quyền dinh Quảng Nam. Đến năm Tân Mão, năm thứ 3 Chúa Nguyễn Thái tông Hiếu Triết (năm thứ 3 Khánh Đức Lê Thần tông) đổi là Qui ninh phủ.

http://hoangsa.org

Đến năm Nhâm Tuất vua Thế tông đặt lại tên cũ Qui-nhơn. Mùa hạ năm Kỷ Mùi Chúa Nguyễn phúc Ánh đổi tên là Bình-định.

***

Phú Yên xưa là đất Việt-Thường, đời Tần thuộc Tượng quận, đời Hán thuộc quận Nhật Nam, sau thuộc vào Lâm-ấp, chuyển sang Chiêm Thành là vùng Bà Đài (Xuân Đài) Đà Lãng (Phan-rang). Năm thứ sáu Hồng Đức: Lê thánh Tôn chinh phạt Chiêm Thành, khai thác đến dãy núi Thạch Bi. Năm Mậu Dần năm 21 Chúa Gia Dũ (năm thứ nhất Quang Hưng 1578) sai quan trấn biên Lương văn Chính (người Tuy Hòa, trước giữ chức Thiên-vũ vệ, đô chỉ-huy sứ, về sau đánh Chiêm Thành lập công, phong Phụ-quốc thượng tướng quân Phù-nghĩa hầu, tặng Phù quận công thượng đẳng thần) chiêu tập lưu dân mở mang vùng Cù-Mông, Bà Đài và Đà Lãng. Năm Tân Hợi, năm 54 Chúa Gia Dũ (1612) người Chiêm xâm lấn, Chúa Nguyễn sai viên chủ sự Văn Phong vào bình định, đặt 2 huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa, dưới quyền phủ Phú Yên, dinh Quảng Nam. Văn Phong giữ chức lưu thú được 17 năm thì phản bội, Chúa Nguyễn sai phó tướng Nguyễn Vinh vào chinh phạt, đặt dinh Trấn Biên, sau đổi tên dinh là Phú Yên...

***

Trải hơn 180 năm khai thác, việc hành chánh của huyện Tuy Viễn đã được chia cắt thêm thành 7 huyện nhỏ: Bình Khê (sau là An Khê) Tuy Phước, Đồng Xuân, Tuy An, Tuy Hòa, Sơn Hòa và Tuy Viễn. Nhưng rất thiếu về mặt nhân lực, tức nguồn động lực Nam tiến, chúa Nguyễn Hiền Vương mới quyết đánh một trận rất bạo, Bắc tiến tìm nguồn nhân lực, kết cuộc thu chiến quả rực rỡ do đại tướng Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn hữu Dật chỉ huy chiêu hàng 2 đạo binh của Phạm tất Toàn và Đặng Minh với dân chúng qui phụ của 7 huyện bờ nam sông Lam, đem cả quân dân ấy về mở mang 7 xã huyện Tuy Viễn miền Nam sung túc nhân lực phát triển cho 7 huyện mới.

***

TRẬN ĐẠI CHIẾN QUAN HỆ NHẤT NAM TIẾN.

Theo sử liệu quyển 32 Khâm định Việt sử thông giám cương mục: Tháng mười Tân Mão năm thứ 3 Khánh Đức Thần tông (1651) Vua Minh Quế vương bị quân Thanh đuổi đến Nam Ninh tỉnh Quảng Tây, cần sự viện trợ của chúa Trịnh, đành đặc cách sai sứ phong chức « An-Nam phó quốc vương » cho Trịnh Tráng. Tháng 8 năm sau Nhâm-Thìn,

http://hoangsa.org

năm thứ 4 Khánh Đức, Trịnh Tráng gia phong cho con mình Trịnh Tạc làm Nguyên soái chưởng quốc chính, Tây-Định vương (cùng năm thứ 3 Khánh Đức Thần tông, Hiền vương chỉnh đốn vùng Qui-nhơn, đặt là Qui Ninh phủ).

Trịnh Nguyễn hai đàng cùng một chiều Nam tiến cả, đụng độ nhau quyết liệt nhứt vào năm Ất Mùi. (1655).

***

Tháng 2 năm Ất Mùi Trịnh dấy binh lần thứ 5 độ qua sông Gianh đánh vào Nam Bố Chính. Tháng 4 Chúa Nguyễn Hiền vương sai Thuận Nghĩa hầu Nguyễn hữu Tiến, Chiêu Vũ hầu Nguyễn hữu Dật đem quân phản công. Về lực lượng: bên Trịnh lắm nhiều quân số, bên Nguyễn có nhiều tướng tài, ngoài 2 vị chủ tướng, còn Tống hữu Đại, Dương Trí, Nguyễn cửu Kiều, Tống phước Khang v.v... Cuộc xáp chiến quyết liệt, bên Nguyễn đánh bật ra Bắc Bố Chính, tướng trấn thủ họ Trịnh là Phạm tất Toàn về hàng.

Quân nhà Nguyễn tiến đến Hoành sơn, đại bại Lê hữu Đức, thẳng đến đồn Hà Trung thắng cả Lê văn Hiểu, hai vị bại tướng này lui về giữ An Tràng (thành Nghệ An) với xã Đại Nại. Quân nhà Nguyễn đóng ở huyện Thạch Hà, chiêu hàng Đặng Minh tham đốc họ Trịnh.

Tháng 6 Trịnh Tráng sai Trịnh Trượng vào làm thống lĩnh kinh lược đất Nghệ An, đem theo 2 vị đốc thị Nguyễn văn Trạc, Nguyễn Tánh với 18 tướng lãnh đi đường bộ đến huyện Kỳ Hoa, Võ văn Thiêm đem 500 chiến thuyền đi đường thủy đóng cửa Kỳ La.

Nguyễn hữu Tiến dùng kế nhử địch, rút quân về Linh giang, Trịnh Trượng phái 500 quân vào Lạc Xuyên dọ thám. Cuối tháng 8 quân Nguyễn đột nhiên công kích, Nguyễn hữu Dật dẫn thủy binh đánh cửa Kỳ La, đuổi chiến thuyền Võ văn Thiêm chạy về cửa Đan Nhai (nam giới hải khẩu Lam giang tức cửa Hội Thống) đổ bộ lên bờ, hai vị tướng Trịnh Nguyễn hữu Sặc, Lê sĩ Hậu đều bỏ đồn chạy. Còn Nguyễn hữu Tiến thừa thắng đánh đuổi đến 7 huyện phía nam sông Lam, dân chúng 7 huyện: Kỳ Hoa, Thạch Hà, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Sơn, Thanh Chương đều qui phụ cả.

Tháng 9 Trịnh Tạc vào làm thống lãnh đất Nghệ An. Bên Nguyễn hữu Tiến đã rút cả về đóng giữ Hà Trung...

***

http://hoangsa.org

Chiến quả năm Ất Mùi bên Nguyễn rất khả quan, các quân dân qui phụ được đem về khai thác Tuy Viễn, tức phủ Ninh Viễn kể trên. Vùng đất Tây Sơn được mở mang cũng từ đấy.

Theo quyển 44 K.Đ.V.S.T.G.C.M, tháng 2 Ất Mùi năm 36 Cảnh Hưng Lê Hiển tông (1775) Tây Sơn Nguyễn Nhạc đánh Quảng Nam. Nguyên tổ tiên Nguyễn Nhạc là người huyện Hưng Nguyên trấn Nghệ An, vào năm Thịnh Đức Lê Thần tông (1653-1657) bị quân chúa Nguyễn đem an trí tại huyện Tuy Viễn, phủ Hoài Nhơn, trải bốn đời sau đến Văn Nhạc làm chức biện lại ở Vân đồn tuần...

Cùng sử liệu *Đại Nam chính biên liệt truyện* và *Tây Sơn liệt truyện* đều nói như thế. Trải hai hoa giáp: 120 năm, kể từ năm Ất Mùi 1655 vào khai thác Tây Sơn đến năm Ất Mùi 1775 thì tiến quân lấy Qui-Nhơn.

***

Trong bài nầy chúng tôi nhấn mạnh về phong thủy địa thế Tây Sơn, để chứng minh đất Tây Sơn có góp công xây dựng vỹ nghiệp Nam tiến.

Tây Sơn là vùng đất sơn thủy hữu tình, địa linh nhân kiệt, thuộc dãy núi Trụ lĩnh 胄嶺 (Trụ: cái mũ sắt có chóp nhọn của các vị tướng soái) trên nguồn Tam kiều nguyên (方嶠源) nguồn nơi cao nhọn vuông vức).

Trong phần sơn xuyên chí tỉnh Bình Định quyển 9 của Đại Nam nhất thống chí nói rằng: Dãy Trụ lĩnh có tên riêng là Phong Sơn đứng phía tây huyện Tuy Viễn, hình thế cao tuấn, dài dọc cả mấy trăm dặm, gồm các ngọn đồi: Hinh Hốt, Chí Công. Yên sơn, Cát sơn, Đại sơn, miền tây bắc có Vụ sơn. Phía tây Đại sơn đều là rừng rậm, giữa có ngọn núi Mộ Điều. Phía bắc núi Mộ Điều có bảo An Khê, nơi giao dịch với dân miền sơn cước. Có nguồn suối gọi Phương kiều nguyên, tức chỗ dấy binh của anh em Tây Sơn.

Phương kiều nguyên ở phía tây huyện Bình khê, cọng cả 15 cái thác: 1. Châm ô, 2. Lưu thủy, 3. Thuyền kiên, 4. Danh cố, 5. Nại mộc, 6. Ca tố, 7. Miên mộc, 8. Giang than, 9. Miếu than, 10. Hán than, 11. Mã kỉnh, 12. Vò vò, 13. Tra than, 14. Trung than, 15. Trại than, đổ vào phía nam sông Ba đến núi Phước yên nhập vào sông Đà rằng ra biển.

(Huyện Bình Khê nguyên là thôn Thượng giang tổng Vĩnh thạnh thiết lập từ năm thứ 3 Đồng Khánh.)

Hình thế Phương kiều rất hiểm yếu, giữ gìn bờ cõi biên thùy.

***

http://hoangsa.org

Quả thật vùng Tây Sơn chiếm địa thế trọng yếu, lại chỉ huy cuộc giao thông miền Thượng, mà 200 năm trước tiền nhân ta đã biết lối Thượng đạo nầy rồi. Như : các vị tướng Châu văn Tiếp, Nguyễn huỳnh Đức, Nguyễn văn Thoại, Nguyễn văn Duệ, Trần quang Diệu đều có đi xuyên qua cả.

Vua Quang Trung Nguyễn Huệ vẫn nhớ tưởng nguồn xưa đất Nghệ An, có nhờ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp khám địa thế, vẽ hình đồ và và đốc công xây thành Phụng Hoàng làm Trung Đô.

Sử kê cứu dòng dõi Tây Sơn, viễn tổ là Hồ hưng Dật, người Triết giang, sang làm thái thú Diễn châu hồi đời Ngũ-quý. Đời Trần có ông Hồ tông Thốc giữ chức Hàn lâm học sĩ kiêm thẩm hình viện, đến già về hưu, sống hơn tám chục tuổi. Con ông Hồ tông Đốn, cháu ông Hồ tông Thành đều đỗ trạng nguyên nhà Trần. Cụ Trần nguyên Đán có đối liễn khen rằng :

Lưỡng thế phương danh tiêu Nhạn tháp,
Nhất gia thịnh sự dật Long môn.
(Hai cháu danh thơm lừng tháp Nhạn,
Một nhà việc thạnh nổi khung Rồng.)

Trải 360 năm đời Lê dòng họ Hồ vẫn ở đất Nghệ-An, các nhân vật hiển đạt có : Bình Lãng, Bình Quốc, Hoàn Hậu, Sĩ Dương, Phí Tích, Sĩ Tân, Sĩ Đông v.v... (theo tiểu sử Hồ tông Thốc phần Nghệ An hạ, quyển 15 Đại Nam nhất thống chí.)

LÝ VĂN HÙNG

M. SAKAI

Director

Maruka Machinery Co, LTD

SAIGON OFFICE
NO. 13, ĐẠI-LỘ TRẦN HƯNG ĐẠO, SAIGON
P.O. BOX SAIGON
TEL : 23.898
CABLE ADDRESS : « MARUKA » SAIGON

HEAD OFFICE :
41, BUNGO-MACHI,
HIGASHI-KU, OSAKA.
P.O. BOX HIGASHI-350
TEL : (941) 8271-0279

CABLE ADDRESS : « MARUKA » OSAKA

http://hoangsa.org

CHUYỆN CÒN TRUYỀN LẠI TỪ KHI NHÀ NGUYỄN TÂY-SƠN MẤT NGÔI

▽ THÚY SƠN

CHÚA TIÊN

Công-chúa Ngọc-Hân tục gọi chúa Tiên, con vua Lê Hiển-Tông, năm bính-ngọ (1786) mới 16 tuổi, vâng mệnh vua cha kết duyên với Long-Nhương tướng quân Nguyễn văn Bình (lên trước là Nguyễn Huệ) tục gọi đức Lệnh [1]. Thời bấy giờ, trừ những người oán trách họ Trịnh lộng quyền, dân Bắc-hà trong triều ngoài nội phần đông cho là cuộc tình duyên ép uổng. Con vua cành vàng lá ngọc «phải» lấy một viên võ-tướng ở Nam-hà xa xôi ngày xưa kể như góc biển chân trời, dân chúng quen tục coi như «mất con» [2]; cho nên hồi ấy Nguyễn-thì-Thấu, bạn với Ngô-thì-Nhiệm, đã từng phò Lê-duy-Mật dấy binh ở Ninh-trấn, chống lại họ Trịnh, sau lui về ẩn lánh, đã làm bài «kĩ thuật thời sự» có những câu:

Ngựa thồ thay mối xích thằng,
Ông Tơ bà Nguyệt dẫu giằng chẳng ra.
Một ngày một vắng quê nhà,
Sáng từng từng nhớ, tối tà tà trông. [3]

Nhiều người lầm tưởng như chuyện công-chúa Huyền-Trân, con vua Trần Anh-Tông, bính-ngọ (cũng năm bính-ngọ, nhưng trước bà Ngọc-Hân 480 năm, tức là năm 1306) lấy vua Chiêm là Chế-Mân. Người thời bấy giờ cho là duyên ngang trái mới đặt ra câu hát:

---

1. Đức là tiếng tôn xưng tỏ ý sùng bái. Lệnh là tiếng kính trọng, kiêng không nói tên, để chỉ em vua Thái-Đức. Lúc đem quân ra đánh Phú-Xuân, Nguyễn-Huệ được vua Thái-Đức phong Nguyên-súy Long-Nhương tướng-quân.

2. Cao-dao tục-ngữ: *Hoài con mà gả chồng xa,*
Một là mất giỗ, hai là mất con.

3. Quốc-văn đời Tây-sơn Sơn-tùng Hoàng thúc Trâm.

http://hoangsa.org

Con vua lấy thằng đốt than,
Nó đưa lên ngàn cũng phải đi theo. [1]

Nhưng có biết đâu nỗi niềm tâm-sự hai bà khác hẳn nhau, chỉ có sự ngẫu-nhiên trùng hợp năm bính-ngọ, ngẫu nhiên có ý nghĩa lịch-sử. Bà Huyền-Trân thì:

Nước non ngàn dặm ra đi. Mối tình chi?
Mượn màu son phấn đền nợ Ô, Ri.
Đắng cay vì, đương độ xuân thì... [2]

. . . . . .

Dân chúng thấy vua gả chồng xa cho con, chồng là người Chiêm nước da chẳng trắng trẻo gì, lại ở xa xôi tưởng như người rừng núi, mới đặt ra câu ca-dao nọ, có biết đâu rằng bà gạt nước mắt ra đi « vì lợi cho dân ».

Bà Ngọc-Hân thì tâm sự lại khác:

Từ cờ thắm trỏ vời cõi Bắc,
Nghĩa tôn phù vẳng vặc bóng dương.
Rút dây vâng mệnh phụ hoàng,
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu quy.
Trăm ngàn dặm quản chi non nước,
Chữ nghi gia mừng được phải duyên [3]

. . . . . .

An-Nam nhất thống chí [4] có chép nỗi hân hoan trên nét mặt vài ngày sau hôm cưới khi bà cùng Nguyên-súy thượng-công lễ yết thái-miếu ra về sóng kiệu cùng đi.

Bà đã vui chữ vu quy, và khi vua Quang-Trung băng hà đã làm văn-tế và ai-tư-văn là những áng văn bất hủ vì nỗi xót thương nên câu tuyệt diệu. Bài « kĩ thuật thời sự » của Nguyễn-thì-Thấu viết theo ý riêng chẳng mảy may phản ảnh tâm sự bà.

---

1. Việt-Nam phong-sử phó-bảng Nguyễn văn Mại.

2. Khúc ca Nam-bình (quen đọc Nam-bằng) bà Huyền-Trân đã đặt ra và phổ vào đàn để giải bày tâm-sự. Từ đấy bản nhạc hay rất đặc sắc đã được phổ biến truyền tụng cho đến ngày nay. Hai chữ đầu đề bài ca là Nam-bình đã nói lên ý nghĩa việc bà cất gót ra đi.

3. Trích ở bài Ai tư văn của Ngọc-Hân trong Thi văn bình chú Ngô tất Tố.

4. An-Nam nhất thống chí Học-Tốn và Trương-phủ, sách viết tay, vi ảnh của Viễn-Đông Bác cổ Học-viện số A 22-15.

http://hoangsa.org

Thực cũng dễ hiểu: Bà Ngọc-Hân cũng như tất cả mọi người hoàng tộc đều oán ghét họ Trịnh chuyên quyền từ nhiều đời đến ngầm giết vua, giết thái tử, những lăm le cướp ngôi nhà Lê, thì tự nhiên dễ có cảm tình với nguyên-súy Tây-Sơn đã dâng biểu tôn phù trước khi đến Thăng-long và đã tỏ lòng trung thành giữ lời hứa phục hưng ngôi báu sau khi diệt trừ chúa Trịnh. Ấy là chưa nói mối lương duyên từ thiên lí đem lại giữa giai-nhân với lương-tướng, khi bóng anh hùng đã lọt mắt xanh thì chẳng hẹn mà nên, cũng không khó khăn gì.

Hai bà công-chúa «phải» vâng mệnh vua cha đi lấy chồng hoàn cảnh có khác, nỗi niềm tâm sự cũng không giống nhau, nhưng đều cùng một mục đích chính-trị coi là nghĩa vụ phải làm.

KHI NHÀ NGUYỄN TÂY-SƠN SUY VONG

Vua Quang-Trung lên ngôi hoàng-đế năm mậu-thân (1788) đến năm mậu-tí (1792) băng, truyền ngôi cho con là vua Cảnh-Thịnh đến năm nhâm-tuất (1802) bị diệt, trước sau cả thảy được 14 năm.

Người thời bấy giờ nhân đó dùng lối triết tự đặt ra hai câu ca với mục đích tuyên truyền:

Cha nhỏ đầu, con nhỏ chân,
Đến năm nhâm-tuất thì thân chẳng còn[1]

và *Đầu cha lấy làm chân con,*
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi[1]

Chữ Quang 光 (Quang-Trung) có chữ Tiểu 小 (nghĩa là nhỏ) ở trên đầu, chữ Cảnh 景 (Cảnh-Thịnh) có chữ Tiểu 小 (nghĩa là nhỏ) ở dưới chân, vậy là *Đầu cha lấy làm chân con,* và đầu với chân đều nhỏ (vì là chữ Tiểu).

Người ta đã dụng ý bày đặt thêu dệt nên chuyện cho là có điềm báo ứng như vậy, để dân chúng tin trăm điều tránh chẳng khỏi số, vận-mệnh nhà Tây-sơn ngắn ngủi có ngần ấy thôi, đừng ai khờ dại mơ màng tưởng vọng theo về với họ hòng quật khởi cũng không được.

Người ta đây là bọn theo vua Gia-Long, còn đang lo sợ cho ngai vàng họ Nguyễn-phúc vừa mới lập chưa lấy gì làm vững chắc, khi dân Bắc-hà còn chưa chịu quy phụ.

---

1. Việt-Nam phong sử, sách đã dẫn.

http://hoangsa.org

MỘT HẬU QUẢ CỦA VIỆC CẦU CỨU QUÂN THANH CHỐNG VỚI TÂY-SƠN.

Nói về Tây-sơn thì phải nói đến quân Thanh, mà Lê Mẫn-đế cầu cứu đem sang, bị đại bại phải rút về Tàu. Mẫn-đế cùng gia quyến chạy sang Tàu với hi-vọng được giúp đỡ để khôi phục cơ đồ, nhưng bị lừa và phải lên Yên-Kinh trú ngụ, kéo dài những ngày thừa rồi héo hắt nhắm mắt xuôi tay ở quê người.

Dưới đây là nguyên văn câu chuyện chép trong *Đỉnh tập Quốc sử di biên* [1] Về việc đem hài cốt vua Lê và mấy cựu thần tòng-vong từ Yên-Kinh về nước:

Khi trước tên Doãn Trắc, là con Trường-phái hầu Doãn-Hựu nhà Lê, xin làm chức hành-nhân theo ông Nguyễn-Cát sang sứ Tàu, để được thăm vua nhà Lê và bố; khi đến Yên-Kinh vào hầu bố là ông Doãn-Hựu, ông Hựu bảo con (là Trắc) rằng: Mày trở về Việt-Nam làm tờ tâu xin vua Thế-Tổ cho phép đem xương vua nhà Lê về nước. Doãn Trắc vâng lời về tâu xin, vua Thế Tổ cho phép, liền gởi thư sang Tàu cho cha biết để lo liệu.

(Cách một đoạn tiếp theo đây chép hai việc khác).

Tháng 8 tước Trường-phái hầu nhà Lê là Doãn-Hựu đem mả vua Lê từ bên Tàu về nước Việt-Nam.

Khi vua tôi nhà Lê chạy sang nhà Thanh còn lưu lạc lại hơn mười người, cũng có kẻ lấy vợ bên ấy đẻ con; có ông Doãn-Hựu thì bị giam nghèo khổ lắm, chỉ có một cái mũ nát đội hơn mười năm. Năm Canh-thân vua Gia-khánh nhà Thanh lên ngôi, Doãn-Hựu được tha mới biết vua Lê đã chết, liền làm lễ để trở. Năm Nhâm-tuất [2] nghe tin Tây-Sơn mất nước, bèn xin phép vua Thanh cho đem xương vua Lê về Việt-Nam, đã mấy lần cũng không được; sau gặp được sứ Việt-Nam sang xin sắc phong, có con là Doãn-Trắc làm chức hành-nhân cùng theo sứ sang, đến châu Trác gặp cha là Doãn-Hựu ra hầu quan sứ, cha con gặp nhau mừng lắm mới làm câu thơ rằng:

Tài văn mỗi vị nhân khi ngã
纔 聞 每 謂 人 欺 我

1. Đỉnh tập quốc sử di biên, Dưỡng-hạo-Hiên, bản quốc ngữ chép tay có dịch ra Pháp-văn, ở Viện Khảo-cổ Saigon.

2. 1802.

http://hoangsa.org

Cặp kiến kinh hô nhữ thị thùy
及見驚呼汝是誰

(Mới nghe tin mày sang thì tưởng người nói dối ta. Đến khi gặp mày thì lại ngờ mày là ai).

Hai bố con liền theo quan sứ về Yên-Linh v o lạy trình vua nhà Thanh, vua khen rằng :

Cha có lòng trung với vua, con có hiếu với bố, ban thưởng nhiều đồ vật.

Khi quan sứ về, Doãn-Hựu bảo Doãn-Trắc rằng: Mày về nước tâu vua Thế-Tổ xin cho đem ma vua Lê về chôn ở Việt-Nam.

Doãn Trắc về tâu xin, vua Thế-Tổ cho phép, Trắc liền viết thư cho cha để xin phép vua Thanh. Vua Thanh cho phép và cho tất cả các người Việt-Nam đã sang Tàu ở bấy lâu cũng được phép về nước.

Ngày 24 tháng 3 năm Giáp-tí[1] Doãn-Hựu làm áo quan, bốc xương vua Lê, vợ vua, con cả vua, và các quan theo vua là lũ ông Nhạ-Hành 迓衡 cả thảy 18 cái áo quan. Doãn-Hựu khóc và làm lễ.

Vua Thanh sai làm mỗi áo quan một cái mộ-chí để trên, đi đường thì chia làm ba bọn: Bọn đi đầu là vợ con đày tớ những kẻ theo vua sang, bọn thứ hai là những áo quan, bọn thứ ba là những người chạy sang ở Tàu đã lâu bây giờ được về. Các quan phủ huyện bên Tàu đem quân đi tiễn; tháng 7 về đến cửa Nam-quan vào trấn Lạng-sơn, rồi làm một tiệc lễ ở ngoài thành; quan hiệp-trấn là Nguyễn duy Thản 垣 và các quan cùng đến viếng khóc.

Ngày 26 Doãn-Hựu một mình về trước vào hầu quận-công Nguyễn văn Thành ở Thăng-Long; khi vào hầu quỳ trước sân mà không lạy, nói rằng: Tôi chưa được lạy vua Thế-Tổ cho nên không dám lạy quan lớn xin tha lỗi cho tôi. Ông Thành vẫy tay không cho quỳ nữa, mời lên ngồi ghế uống nước trà, ông Hựu có lời tạ rằng:

Nhà Lê mất nước mà tôi không khôi phục được, tội nay là người có tội với quan lớn, bây giờ đến hầu sợ lắm, mồ hôi thấm áo, chỉ vì xương vua Lê tôi chưa được nơi đất nào chôn, nên phải đến xin quan lớn dủ lòng thương giúp cho xong việc ấy.

Ông Thành rằng: Việc ấy không lo, rồi tôi liệu cho. Vua Thế-Tổ

1. 1804.

http://hoangsa.org

vẫn mong ông lắm đấy, nay ông đã về thì nên đến hầu vua, ở năm ba ngày cho được hỏi tâu hết mọi sự vua Lê. Nói đoạn, mời ông Hựu ở lại ba ngày. Hết thảy các quan văn võ và kẻ cố cựu đến thăm ông Hựu đông lắm. Hết ba ngày ông Hựu đến thăm quan Tản-lí Đặng-đình-Thường. Ông Thường trông thấy ông Hựu mừng lắm, gọi ngay là ông Khổng-Minh. Ông Hựu từ chối không dám ví với ông Khổng-Minh; ông Thường lại gọi ông Hựu là ông Tử-Phòng, ông Hựu nói rằng: Quan lớn gặp được vua thánh ra làm quan, được thỏa chí mình thì quan lớn nên là ông tử-Phòng, tôi thì không dám nhận! ông ấy từ tạ và trở về.

Ngày 6 tháng 8 ông Hựu tự Thăng-long trở về thăm làng, làm rượu vui với các thân thuộc, đoạn bảy ngày rồi làm lễ nhà thờ tổ tiên và làm lễ đề trở bà thím là vợ ông Doãn-Thân 允伸.

Ngày 12 ông Hựu lại ra thành Thăng-long xin phép ông Thành về kinh-đô để tâu xin việc vua Lê. Vua Thế-Tổ cho phép đem ma vua Lê về chôn ở làng Bố-Vệ (tỉnh Thanh-hóa)

Ngày 24 tháng 9 ông Thành đem quân ngoài Bắc-thành và binh phu các huyện trấn Lạng-sơn đón ma vua Lê về Thăng-long. Về đến nơi thì đặt bàn thờ ở nhà ông Diên-Tự công 迓緒公, các quan văn vũ hết thảy mặc áo trắng đến viếng con áo quan ông Đinh-nha-Hành 丁延衡 và các áo quan khác thì cho ai là thân thuộc đến mà nhận đem về chôn.

Khi ấy có bà vợ vua Lê tên là Tì-Bà 琵琶 tự chùa Lã đến viếng khóc, và hỏi ông Hựu rằng: Thân tôi bây giờ xử thế nào là phải? Ông Doãn-Hựu rằng: Nhất thì bà chết đi để cho linh hồn được gặp vua Lê, hai là bà về ở nơi mộ vua Lê để coi đèn hương cúng vua. Sau bà ấy uống thuốc độc tự tử, tuổi vừa 40; quan tán-lí Thường có câu đối viếng rằng:

Tiết nghĩa tàn đăng hạ
節義殘燈下
Cương thường nhất chước trung
剛常一酌中
(Hồn tiết nghĩa ở dưới ngọn đèn tàn.
Đạo cương thường ở trong chén thuốc độc).

Vua Thế-Tổ ban khen cho bốn chữ

Thủ trinh tuẫn tiết
守貞徇節
(Giữ mình được trinh tiết mà chết).

http://hoangsa.org

Ngày 28 tháng 10 quận-công Nguyễn văn Thành đưa ma vua Lê về đến Bố-vệ, quan hiệp-trấn Thanh-hóa coi việc chôn đắp mả, làm lễ viếng, và đem bà Tì-Bà chôn phụ với mả vua Lê; bài vị bà ấy đặt thờ ở trái bên tả miếu vua Lê, và lại lập nhà thờ và bia ở làng bà ấy là làng Tì-Bà huyện Lang-tài phủ Thuận-an, được hai tên lính coi giữ quét dọn.

Ông Doãn-Hựu đưa ma vua Lê rồi, tự Thanh-hóa trở về lạy tạ ông Thành, rồi ba ngày không ăn vì thương vua Lê; sau ra làm sư tu ở chùa Đại-Đồng 大同, có làm câu thơ rằng:

伏祖容爲初弟子
皇王許作舊閒民

(Sư cụ nuôi ta làm học trò mới. Nhà vua cho ta là nhàn dân cũ).

Khi ông Hựu đã 55 tuổi thường nói chuyện với bạn cũ là ông Nguyễn huy Phác: Tôi như thể người con gái xấu mà không có tài nghệ gì, may mà lấy được người chồng giỏi, thật là có phúc quá; bây giờ chồng chẳng may lại chết đi, thì ta nên chịu góa ở vậy để cho trọn tiếng tiết nghĩa với chồng, vì không như thế thì không ra giống người, ông Phác khen rằng: Phải, thực là tài thí dụ.

Nhưng Ông Hựu vốn là người giết gióc lắm, ai có lỗi nhỏ ông cũng bới ra không tha, nhiều người không phục. Khi ông ấy ở Tàu con cháu ở nhà bán cả ao ruộng của ông ấy, khi về ông ấy đòi lại tất cả, lại hay hỏi nợ mướn cho người mà đồ vạ cho kẻ lương thiện, vì thế có lắm người oán giận.

Ngày 1 tháng 9 ông Lê doãn Hựu và con ông là Tụy bị cướp giết chết.

ĐÃ XUẤT BẢN:

TRUNG QUỐC SỬ LƯỢC của Phan Khoang
in lần thứ tư (tăng bổ và hiệu đính)

— Soạn lại rất công phu phần cổ sử với các thể chế chính trị, văn hóa, xã hội.

— Tác phẩm giúp tìm hiểu nguyên ủy văn minh Việt Nam.

http://hoangsa.org

NHỮNG NGÀY TÀN CỦA TÂY-SƠN DƯỚI MẮT CÁC GIÁO-SĨ TÂY PHƯƠNG

▽ *Bản dịch của* NGUYỄN NGỌC CƯ

L.T.S. : Cô Đặng Phương Nghi, nguyên là Giám-Đốc Nha Văn-Khố và Thư-Viện, hiện giảng dạy tại Đại-Học Sorbonne, trước khi sang Pháp có để lại một số tài liệu Văn-Khố quan trọng.

Chúng tôi đã nhờ cụ Nguyễn ngọc Cư hiện giảng dạy tại Đại-Học Sư-Phạm Sài-gòn, dịch một số tài liệu Văn-Khố chép tay, phần lớn chưa được đăng tải của cô Đặng Phương Nghi hầu mong cống hiến quí bạn đọc một vài tài liệu Văn Khố giá trị liên quan đến thời Tây-sơn.

LỜI NGƯỜI DỊCH :

Từ thế-kỷ XVI đã có giáo-sĩ người Âu tới Việt-Nam : như ở Đàng Ngoài (Bắc-Việt), năm 1553, đời vua Lê Trang-tôn, có giáo-sĩ Ignatio (I-nê-Khu) do đường biển vao giảng đạo ở các làng Ninh-cường, Quần-anh (thuộc huyện Nam-trực, tỉnh Nam-định hiện nay) và làng Trà-lũ, thuộc huyện Giao-thủy, nay là phủ Xuân-trường, tỉnh Nam-định (Theo Đại-Nam Việt-sử thông-giám cương-mục, quyển 33, trang 6b).

Năm 1596, đời Chúa Nguyễn-Hoàng, có giáo-sĩ người Tây-ban-nha tên là Diego Adverte tới Đàng Trong (Trung-Việt) trước tiên, nhưng được ít lâu phải bỏ đi. (Theo Cours d'Histoire annamite của Trương-Vĩnh-Ký).

Đến thế-kỷ XVII, các giáo-sĩ mới ở hẳn lại trong nước ta, họp thành giáo-đoàn : Giáo-đoàn Đàng Trong (Mission de la Cochinchine) do L.M. Francesco Busomi thành-lập năm 1615 và Giáo-đoàn Đàng Ngoài (Mission du TonKin) do L.M. Alexandre de Rhodes tổ-chức năm 1627.

Về sau, các giáo-sĩ truyền đạo Thiên-chúa tại nước ta, thuộc về Dòng Tên (Ordre des Jésuites), một tu đạo-hội lập ra năm 1534, hoặc về Hội truyền-giáo ngoại-quốc (Société des Missions étrangères) lập ra ở Paris năm 1663, tập-họp tu-sĩ của nhiều nước : Pháp, Tây-ban-nha, Bồ đào-nha, Ý, Nhật.

http://hoangsa.org

Dưới đây, chúng tôi trích dịch một số tài-liệu hiện lưu-trữ trong Văn-Khố của Hội Truyền-g áo ngoại-quốc kể trên. (Archives des Missons Étrangères de Paris). Đó là mấy văn-thư của những giáo-sĩ, với tư-cách là nhân-chứng lịch-sử, tường-thuật những biến-cố đánh đấu bước suy-vong của Triều Tây-sơn và đà thắng-lợi của Nguyễn-Vương Ánh trong công cuộc thu-hồi giang-sơn nhằm tiến tới việc thống-nhất quốc-gia (Đầu thế kỷ XIX).

Chúng tôi tôn-trọng tinh-thần của nguyên-văn đã mô-tả tình-hình chính-trị và xã-hội trong thời-kỳ nước ta ở vào thế Nam-Bắc phân-tranh. Quý-vị độc-giả sẽ tùy-nghi nhận-định quan-điểm chính-trị và thái-độ của các giáo-sĩ đã ngả về phía Nguyễn-Vương được kể là thuộc dòng chính-thống, coi Tây-sơn là Ngụy-triều (rebelles) và chỉ đích danh là Tiếm-Vương (Tyran).

***

1 *BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG CỦA VUA CẢNH THỊNH*

(Archives des Missions Étrangères de Paris, Tonkin volume 693)

* *Thư của giáo sĩ Longer gửi cho hai giáo sĩ Boiret và Descourvières ngày 4-9-1801.* (Trích trang 507-514)

— (Trang 508). Người ta đã khám-phá ra cuộc âm-mưu chống Tiếm-Vương Cảnh-Thịnh, nhằm giành lại vương-vị cho con Tiếm-Vương Thái-Đức (Nguyễn-Nhạc) mất từ năm 1793. Quý vị đều rõ là Tiếm-Vương Quang-Trung sinh ra Cảnh-Thịnh, mất ngày 15-9-1792, trước kia đã huy động chính quân của trưởng-huynh (vua Thái-Đức) để chống lại ông ấy. Tiếm-Vương Quang-Trung đã tranh đoạt hầu hết lãnh thổ do người anh đã chiếm được, chỉ để lại cho ba, bốn tỉnh nhỏ, ngoại trừ Qui-nhơn. Về sau Tiếm-Vương Thái-Đức lại phải nhường nốt mảnh đất này cho cháu là Cảnh-Thịnh khi yêu-cầu hắn đem viện-quân vào giải-cứu cho thành lũy của Quí-phủ (tọa-lạc tại Qui-nhơn) đang bị (năm 1793) Chúa Nguyễn bao vây. Do đó mà con vua Thái-Đức trước kia được coi là Hoàng Thái-tử của Tiếm-Vương Tây-sơn đã trở thành thần-hạ của người em con nhà chú. Trời đã xui khiến cho tham-vọng và tật đố-kỵ của ông Tiểu-Trào (danh-hiệu của Nguyễn Bảo, con vua Thái-Đức) khích-động một cuộc phiến-loạn chống Tiếm-Vương Cảnh-Thịnh. Trấn-thủ thành Qui-nhơn (là Ông Đại Tư Lễ) và cả sư-phó của Cảnh-Thịnh (Ông Hội-giá) cùng dự mưu. Dù chẳng thành-công, cuộc âm-mưu đã giáng một đòn chí-tử vào phe ủng-hộ Tiếm-Vương Cảnh-Thịnh. Vị ấu-quân này buộc phải bao vây Quí-phủ là nơi người anh con nhà bác đã rút vào. Quân lính hai bên đều chết bộn, đó là một

http://hoangsa.org

thất-bại lớn cho ấu-quân dù có hạ được thành. Cách cư-xử rất tàn-ác: bắt anh họ phải tự ải [1], sai phân thây bác (Đại Tư Lễ) ra từng mảnh và cho dìm xuống sông vị sư-phó (Ông Hội giá) làm thất nhân-tâm. Nhiều người bỏ đi theo chúa Nguyễn thuộc dòng chính-thống và giúp ngài hạ được Quí-phủ.

Về ba nạn-nhân của vua Cảnh-Thịnh thì: Ông Tiều-triều là người rất hung-bạo. Ông Đại Tư Lễ thì quá ngược đãi Thiên-chúa giáo, còn vị sư-phó thì đã tỏ ra rất sốt-sắng trong việc tuyển-mộ dân quân năm 1788, dưới thời tiền triều...

— (Trang 510). Ông Thái-Phủ có hai con gái cùng lấy Tiếm-Vương Cảnh-Thịnh là vị quan đã khởi xướng việc ngược-đãi Thiên-chúa giáo năm 1798. Cuối năm ấy hoặc sang đầu năm 1799, ông ta được cử vào tăng-viện cho Tân Trấn-thủ thành Qui-nhơn (tức là Quí-phủ) vì Tiếm-Vương lo ngại Nguyễn-Vương đem quân ra tấn-công thành này; dù có mang viện-quân vào giúp, ông Thái-Phủ rất buồn lòng khi thấy Trấn-thủ Qui-nhơn đã đầu hàng. Vì chẳng còn hy-vọng vào đâu, vào phía chúa Nguyễn cũng như vào phía Tiếm-Vương là con rể, ông ta bèn chạy vào rừng núi với chừng 500 quân theo sau. Nhưng đạo quân này đã đào ngũ dần và rút cuộc chỉ còn lại một gia-nhân. Tên này có cho biết tin chủ-tướng đã tự-tử vì thất-vọng.

— (Trang 511) Trở lại chuyện của Tiếm-Vương Cảnh-Thịnh: tháng 9 năm 1799, hai tướng đã được cử vào để giữ thành Quí-phủ, bất bình với nhiều triều-thần ở lại Huế, bèn đóng quân ở bên này sông (Hương-giang) độ một tháng và dọa đốt cung-điện nếu triều-đình không chịu giải-nộp địch-thủ của họ. Bọn này phải hàng-phục vô điều-kiện và, nhờ có sự nhượng bộ ấy, tình-thế tạm ổn-định. Tháng giêng năm 1800, một trong hai tướng kể trên đã dẫn một đạo bộ quân hùng-hậu vào cố đoạt lại thành Quí-phủ. Có kẻ nội-phản đã mở cho tướng ấy một lối đi và sau khi lọt được vào tỉnh Qui-nhơn, tướng ấy bèn phong tỏa thành Quí-phủ và hy-vọng chiếm được nhờ một cuộc nội-phản mới. May thay tướng giữ thành vốn là người can-trường và trước kia đã cầm cự nổi một cuộc bao vây kéo dài từ bảy đến chín tháng ở Nha-Trang, khám-phá

1. Trong *Việt-Nam sử-lược*, Trần Trọng Kim chép rằng Nguyễn Quang Toản (vua Cảnh-Thịnh) biết mưu của Ông Tiều-triều là Nguyễn Bảo định bỏ về hàng Nguyễn Vương, bèn sai tướng vào bắt, đưa về dìm xuống sông chết đi.

http://hoangsa.org

được âm-mưu của bọn làm phản. Độ 500 kẻ đã chạy thoát, số khác bị bắt và hành quyết, chừng bảy, tám trăm người. Vì thành-trì được trang bị đầy đủ, quân địch bao vây bị cầm chân, không làm gì nổi. Buổi đầu cuộc bao vây thành một người thân thuộc (em họ hoặc cháu) của Nguyễn Vương cũng đã bị bắt vì tội phản và bị chém đầu. Người đó tên là Trạch và trước kia thường được chúa giao cho Giám-mục Bá-đa-Lộc trông nom cùng với hai vị hoàng-tử (Ông Đông-cung và Ông Búa). Người ta cho biết rằng hai hoàng-tử đã yểu-vong, một người mắc chứng đậu mùa và một người chết vì ung-nhọt. Tháng tư năm 1800. Đô-đốc triều vua Cảnh-Thịnh dẫn một đội thủy quân (Trang 512) cũng hùng hậu vào trợ lực bộ-quân để đánh lấy lại thành-trì mà tôi đã nói đến đây. Vị Đô-đốc ấy khoa-trương rằng sẽ tiến vào tận Đồng-nai (Gia-định) nhưng gặp vận rủi, chiến-thuyền đã bị hư-hại vì hai trận bão, một phen ngay lúc mới ra khỏi Huế (Cửa Eo) và phen nữa ở Cửa Hàn (Đà-nẵng, Tourane). Vào tới hải-cảng Qui-nhơn, nơi gọi là Cửa Chợ-Giả, mới được ít ngày đã bị ba, bốn chiếc tàu của Chúa Ngu ễn vây chặt cho tới đêm 16 rạng ngày 17 tháng 3 năm nay (1801) thì bị thủy-quân của chúa thiêu-hủy hoàn-toàn. Trong suốt thời-gian địch-quân bao vây Quí-phủ, chúa Nguyễn đã chủ-tâm ngăn-chặn việc tiếp-tế lương-thực của họ bằng đường bể. Vì tiếp-tế theo đường bộ chẳng được bao lăm nên đạo quân vây thành ấy lâm vào nạn đói càng thêm trầm trọng từ 10 tháng 4 là ngày mà chúa Nguyễn đã nắm giữ các lối giao-thông giữa Huế và Qui-nhơn. Rốt cuộc, ngày 14 tháng 6, trong khi quân của Tiếm-Vương Cảnh-Thịnh suy yếu vì cạn lương, Nguyễn Vương đã đánh chiếm Huế và chỉ gặp một sức chống-cự yếu-ớt. Tiếm-Vương đã bỏ lại cung-điện cùng tất cả của cải. Có chút ít đồ quý định đem theo khi chạy ra Bắc thì lại bị bọn lính hầu hoặc thị-vệ phỗng tay trên rồi tẩu thoát. Vì vậy, Tiếm-Vương đã theo đúng lời của quỉ Satan xưa kia đã nói, « Bellum pro pelle ».[1]

Ấu-quân chỉ còn biết chạy ba chân bốn cẳng và theo sau chỉ còn hai em và một cận-thần. Có người kể lại rằng ngựa của Tiếm-Vương phi mệt quá đã chết lả. Về tới Đàng Ngoài vội vã, qua Linh-giang, con sông chia cách Bắc với Nam, không một giờ, vì thuyền của chúa Nguyễn đã đuổi gấp và tới nơi khi Tiếm-Vương vừa đi khỏi. Quân Đàng Trong

1. Ý nghĩa tương-tự với câu tục-ngữ của ta: « Bỏ của chạy lấy người ».

http://hoangsa.org

đã đuổi theo mà không kịp, họ không dám mạo hiểm tiến sâu vào tỉnh Nghệ-an vì sợ đụng độ với quân của Trấn-thủ tỉnh này vẫn còn theo phe Tiếm-Vương. Vị Trấn-thủ ấy đã khuyên Tiếm-Vương nên vi-hành ra Thanh-hóa. Một trong số anh em của Tiếm-Vương bấy giờ ở Thăng-Long đã nghe tin em thất-bại, vội vã vào đón và cung-ứng đủ phương-tiện để giữ vẻ uy-nghi. Hiện giờ Tiếm-Vương ở kinh-thành (Thăng-Long) và cố gắng chuẩn-bị để phòng ngự chống với chúa Nguyễn vì nghĩ rằng thể nào chúa cũng chẳng để cho yên. Người ta xác ngôn rằng Đàng Trong được an-lắc và, khi tới Huế, chúa Nguyễn đã cho mời Giám-mục De Veren tới; vị Giám mục này đã cử Giáo-sĩ Girard tiến triều trước.

(Đoạn này thuật lại việc giáo-sĩ Le Labousse và L. M. Paul Cochin-chinois mệnh-chung mấy ngày sau Đông-cung Cảnh).

* *Thư của Giám-mục Longer gửi cho Champenois ngày 17-9-1801* (Trang 525-527)

— (Trang 526) Tiếm-Vương Cảnh-Thịnh đã mất hết lãnh-vực Đàng Trong vào tay Nguyễn-Vương đã chiếm thêm một phần đất thuộc Đàng Ngoài và cho hay rằng chắc chắn năm sau hai vương quốc Bắc, Nam sẽ hợp-nhất.

* *Thư của Giáo-sĩ Ph. Serard gửi cho Giáo-sĩ Blandin ngày 17-9-1801* (Trang 529-544)

— (Trang 537). Chẳng có nơi nào mà dân không nổi loạn hoặc sẵn sàng nổi dậy. Người Xiêm, người Mên, xứ Đồng-nai (Gia-định), toàn thể Đàng Trong, tất cả dân sơn-cước, các bộ-lạc gồm rất nhiều sắc-tộc ở rải-rác khắp vùng đất rộng và dài thuộc dải Trường-sơn, tất cả các quốc vương xứ Ai-Lao, miền ranh-giới Trung-quốc và các tỉnh Đàng Ngoài, tóm lại là khắp nơi, mọi người công-nhiên chống lại dòng Tây-sơn bị coi là ngụy triều; nhưng mặc dầu họ chỉ còn là thiểu số và ngày càng giảm-sút, lại không cứu-vãn được nổi thất-bại trong khi chúa Nguyễn đã nắm được nơi phát-tích của họ mà người ta vẫn chưa tiêu diệt nổi họ.

— (Trang 541). Sau khi để lại giữ thành Quí-phủ hai danh-tướng [1] cùng một đạo quân hùng-hậu, nằm trong vòng vây của quân Tây-sơn đã từ hơn hai năm, Nguyễn-Vương theo đường bể tiến ra Phú-Xuân, kinh-đô của Đàng Trong, và hạ được thành này sau

1. Phò-mã Võ-Tánh, em rể Nguyễn-Vương và Ngô Tùng Châu.

http://hoangsa.org

một cuộc tấn-công, Tiếm-Vương cùng các triều-thần và quân lính đã bỏ tất cả lại để chạy thoát thân. Địch quân nào muốn sang hàng ngũ của chúa cho được an-toàn đều chẳng gặp khó khăn và được chúa khoan hồng dung-thứ. Vì thế cho nên chỉ có Tiếm-Vương cùng hai em và một vị đại thần chạy chốn ra phía Đàng Ngoài mà lại chẳng được đồng hành. Mạnh ai nấy chạy cho nhanh để thoát chết; nếu châm chận thì sẽ bị bắt cầm tù. Biến-cố ấy đã xảy ra ngày 13 tháng 6. Bốn người đào-tẩu đáng thương ấy đã chạy suốt ngày đêm trong mười hai ngày đường mà không bị ai nhận diện vì họ đã bị tước đoạt hết mọi thứ. Khi tới địa-hạt xứ Nghệ, Tiếm-Vương có báo trước cho vị Trấn-thủ và mấy quan-chức lớn nhưng vẫn nơm nớp đến nỗi không dám hiển-xuất và cũng chẳng dám mặc gì có thể cho thấy khác người thường vì e sợ bị giết ở dọc đường; Tiếm-Vương cứ vi-hành kín đáo như vậy cho tới khi vào địa-phận xứ Thanh. (Trang 542). Tại đây, Tiếm-Vương đã được tĩnh trí đôi chút và nghỉ lại mấy ngày, chờ anh ở Kẻ Chợ. Kinh-thành xứ Bắc đem quân vào đón và rước về theo nghi-lễ cho tới Kinh-thành này...

Nguyễn-Vương đã liên-tiếp chiến-thắng cho tới ranh giới lãnh-thổ cũ của các chúa và tiến qua cả đất Bố-chính, tới biên giới xứ Nghệ. Rồi Nguyễn-Vương trở lại và đi đuổi bắt hai tướng địch đã trong gần hai năm nắm giữ phần lớn tỉnh Quảng-Nam và hiện đang bao vây tại Qui-phủ vị phò-mã của Chính-Vương chưa chịu qui hàng. Hai tướng ấy có thể thành công nếu buộc phi mã nhịn đói bằng cách chặn mọi liên-lạc với Nguyễn-Vương và bít các lối giao-thông tiếp-tế. Đó là mục tiêu mà hai tướng vẫn nhằm vì không dám xích gần tới lũy thành và chỉ bao vây ngoài tầm súng đại-bác... Chúng tôi chưa thể biết rõ trạng-huống của hai tướng địch và các sĩ quan tùy-tùng; còn binh lính thì chắc chắn là bị khổ-cực vì thiếu ăn trong khi Nguyễn-Vương đã cho tàu chiến thỉnh-thoảng cướp các đoàn thuyền chở lương-thực từ các tỉnh ở Đàng Ngoài vào tiếp-tế. Vì thế phần lớn binh-lính sớm đầu hàng. Một số hàng binh xác ngôn rằng dù đã trốn chạy dọc theo đường núi, rốt cuộc hai chủ tướng của họ đã bị bắt và chém đầu... Từ ít lâu (trang 543) ở đây có tin đồn rằng Nguyễn-Vương đã gửi ra Đàng Ngoài thủ-cấp hai tướng đựng trong hai chiếc hòm nhỏ đóng rất kín và bên ngoài rất sạch sẽ, Người ta kể rằng hai thủ-cấp ấy được ướp thuốc cẩn-thận để giữ cho dung mạo và nét mặt được nguyên vẹn hầu dễ nhận ra. Câu chuyện được giữ kín trong thâm cung nhưng không khỏi lọt ra ngoài. Nguyễn-

http://hoangsa.org

Vương chỉ sai một số quân đi theo thượng-đạo để trưng-mộ tất cả sắc dân miền sơn-cước, người Lào và các bộ-lạc như người Xiêm, Mên, Tàu ở suốt dọc Đàng Trong, Đàng Ngoài cho tới biên giới Trung-hoa, nghĩa là một vùng rộng lớn gồm nhiều sắc dân khác nhau có vua chúa, tiểu-vương, luật-pháp, tục-lệ, tôn-giáo riêng biệt; tất cả các sắc dân ấy đã bị Tây-sơn phiền-hà và áp-chế nhiều nên họ khai chiến, cùng giúp Nguyễn-Vương. Tôi không rõ bao nhiêu cuộc đụng độ đã xảy ra nhất là tại xứ Nghệ; thường thường quân Tây-sơn đều thua kém nhưng họ chưa thất bại hẳn. Chỉ có dân-chúng bị khổ cực nhất và phải gánh mọi chiến-phí. Nhiều làng bị cướp bóc, tàn-phá, thiêu trụi khi bị nghi là đã viện giúp chúa Nguyễn hoặc để cho quân chúa trú đóng... (Trang 544). Lực-lượng của chúa trội nhất về mặt thủy với số chiến thuyền lớn mạnh gấp mười lần của Tây-sơn, nên chắc chắn là chúa chờ gió mùa thuận-lợi để xuôi buồm ra tiếp-tục cuộc chiến-thắng. Vả chúa không thể nào cứ đóng yên một chỗ.

* *Thư của Giáo-sĩ Eyot gửi cho hai Giáo-sĩ Chaumont và Blandin ngày 15-12-1801* (Trang 545-554)

(Đoạn này tường thuật việc chúa Nguyễn chiếm kinh-thành Huế và sự tán loạn của quân Tây-sơn).

— (Trang 546). Trước kia Tiếm-Vương lấy hiệu là Cảnh-Thịnh, bây giờ đổi ra là Bảo-Hưng. Tiếm-Vương tin dị đoan và cho rằng danh hiệu Cảnh-Thịnh là triệu bất tường.

(Có một đoạn tường thuật cái chết của hai tướng Tây-sơn và những tin đã ghi trong thư trước).

— (Trang 547). Bọn triều-thần mới được vua Bảo-Hưng phong chức cũng chẳng *nhu-mì* và khoan thứ hơn chút nào so với bọn tiền nhiệm.

Mấy ngày sau khi an vị, Tiếm-Vương xuống lệnh trưng binh mới, gây hao-tổn cho dân-chúng vì mỗi làng phải nuôi quân lính, cứ năm đầu người thì bắt một đi phục dịch cho triều-đình. Những làng nào tinh khôn, man khai lúc kiểm-tra dân-số và có đủ gan, chỉ kê một số ít thì còn có thể chịu đựng nổi; những làng nào kê khai gần đúng sự thực thì bị đầy đọa trăm chiều hoặc cam đành bỏ đi tha phương cầu thực. Trong thời-kỳ kiểm-tra dân-đinh, quân Tây-sơn đã dùng gậy đánh đập tàn nhẫn các hương-trưởng phụ-trách việc ghi tên đinh tráng; nhưng dầu có hành hạ thế nào, cũng chẳng đòi hỏi được bản kê khai đúng số; số bịa rất xa sự thực vì có làng trên 100 suất đinh, chỉ kê khai có 20, 30 hay 40 suất.

http://hoangsa.org

Làng mà tôi hiện đang trú-ngụ có ít ra 300 suất đinh nhưng chỉ khai là có 30 hay 40 suất thôi 3/4 dân số làng này là người ngoại-đạo.

Nhiều đoàn quân đã khởi-hành từ Đàng Ngoài vào giữ miền biên-cảnh giáp với Đàng Trong và hiện có những đoàn khác nối gót. Có tin nói rằng thủy-quân của Nguyễn-Vương đóng trên sông Gianh (Linh-giang) xưa kia phân cách Bắc, Nam. Miền Bố-chính vốn thuộc Đàng Ngoài đã lọt sang tay chúa Nguyễn. Xứ Nghệ, một tỉnh của Đàng Ngoài, hiện giờ là bãi chiến-trường. Dân miền rừng núi thuộc giống người Mường cũng đã ngả về phía dòng vua chính-thống và cùng góp sức với Nguyễn-Vương. Theo 5, 600 quân của Vương, họ đã đánh 13 trận và luôn luôn thắng thế. Họ đã giết hai tướng Tây-sơn... Sau khi chiến thắng người Mường đã chiếm một phần đất xứ Nghệ và tiến tới gần Phủ Vinh là tỉnh-lỵ, nơi Trấn-thủ đặt dinh. Nhưng vì người anh của Tiếm-Vương đã vào đó với một đạo quân nên người Mường đột nhiên rút lui và bỏ cả phần đất đã chiếm được. Chẳng ai rõ vì sợ hãi hay mưu toan một trá-lược nào đó. Ngay sau khi họ rút đi thì bọn Tây-sơn độc ác tàn-phá nhiều làng đã đề quân Mường đi qua hoặc trú đóng... (Trang 549). Quân Tây-sơn hung ác tới mức nuốt tươi những người dân nổi tiếng là can đảm.

— (Trang 552). Giữa thời chiến-thắng rực rỡ, Nguyễn-Vương đã trải qua nhiều cơn ưu-phiền : sau Giám-mục Bá-đa-Lộc, đến lượt đệ-tử của Đức cha mệnh-chung. Vị Đông cung mà quý-vị đã gặp ở bên Pháp và là người đã được chỉ-định để kế vị chúa, cùng với con trai mới lên sáu tuổi đều mất; một hoàng-tử là em Đông-cung cũng qua đời cùng với Đức Cậu, người em họ xưa kia đã theo Đông-cung sang Pháp.

— (Trang 553). Nguyễn-Vương đã cho phổ biến ra tận Đàng Ngoài một tờ hịch trong đó (trang 554) ngài nói rằng sau khi thu hồi giang-sơn cũ đã mãn nguyện rồi và chẳng tính việc đánh chiếm Đàng Ngoài vì nếu khuếch-trương quyền thống-trị ra đó thì chỉ tăng nỗi vất vả và thêm mối lo nghĩ trong việc cai-quản cả hai xứ; nhưng vì nhân-dân Đàng Ngoài hiện đang rền xiết dưới áp-bức của ngụy-quyền, Ngài buộc phải chinh-lược xứ Bắc và như vậy là để cứu vớt nhân-dân bị ức-hiếp và giải phóng họ thoát khỏi vòng cương-tỏa.

* *Thư của Giáo-sĩ Ph. Sérard gửi cho Giáo-sĩ Blandin*
Ngày 5-8-1802 (Trang 565-583).

— (Trang 569). Sau khi chiếm Phú-Xuân, Nguyễn-Vương đã tu bổ

http://hoangsa.org

cho thêm kiên-cố bức thành dài và cao gọi là Lũy Sậy, ngăn cách Đàng Trong với Đàng Ngoài, rồi đặt nhiều quân canh phòng cẩn mật. Xong việc đó, cùng với số quân đã qui hàng trong dịp hạ Kinh-thành Phú-Xuân, Nguyễn-Vương lui vào đánh đạo quân địch còn chiếm giữ phần nội-địa và bao vây thành Qui-nhơn. Thực ra lúc bây giờ quân Tây-sơn đã làm chủ Qui-nhơn vì phò-mã (Võ-Tính), sau gần ba năm cố thủ đã tự thiêu bằng thuốc súng để tránh nỗi nhục của kẻ đầu hàng địch trong khi đã cạn hết lương thực.

— (Trang 570). Trong thời-gian kéo dài từ 8 đến 9 tháng mà quân Đàng Trong cố chiếm lại thành Qui-nhơn, từ đầu tháng 6 cho tới đầu tháng 2 năm sau, Tiếm-Vương cùng hai em trước kia đã chạy thoát khỏi Phú-Xuân, với tất cả tướng-sĩ huy-động lực-lượng mạnh nhất của đàng ngoài, dẫn hai đạo quân hùng hậu, một do đường bộ, một do đường bể, vào tấn công Lũy Sậy với viễn tượng thu-hồi kinh-thành đã mất. Tây-sơn tin chắc sẽ đạt được mục-đích vì theo văn thư trao-đổi mật giữa hai chiến-tuyến, họ đã thỏa-hiệp với nhau rằng đạo quân trong nội-địa sẽ động-binh cùng lúc đạo quân từ Đàng Ngoài tiến vào tấn công Lũy Sậy. Ngày khởi-sự đã được ấn-định vào Tết Nguyên-đán. Hơn nữa, nhiều quan lại cùng quân sĩ đã trá hàng theo Nguyễn-Vương sẽ nhất tề nổi lên đồng thời và gây lộn xộn trong hàng ngũ của chúa. Mưu toan như vậy, Tiếm-Vương tin tưởng vào sự thành công nên khi xuất xứ từ Kinh-thành đàng ngoài (Thăng-long) đã khoa-trương sẽ trở về mau lẹ sau khi đánh bại Nguyễn-Vương và thu-hồi Phú-Xuân cùng với toàn-thể lãnh-thổ Đàng Trong. Nhưng «mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên». Thượng-đế đã xui khiến cho Nguyễn-Vương mưu-toan kể trên bằng một bức thư của địch đã lọt vào tay ngài. Vì vậy, cuộc tấn-công Lũy Sậy đã thất bại. Đội thủy-quân của Nguyễn-Vương đã ra gặp thủy-quân địch và đánh tan sau mấy giờ giao chiến. Đạo quân trên bộ hy-vọng phá vỡ thành lũy mau lẹ nhưng khi thấy thủy-quân tan rã thì vội bỏ tất cả và chỉ tính cách rút lui vì sợ bị bao vây và kẹt đường khi qua sông Gianh còn ở sau lưng, tại miền Bố-chính, là nơi mà thủy-quân của Nguyễn-Vương sẽ tiến vào nếu thuận chiều gió. Chiến-thắng rực rỡ của Nguyễn-Vương đã làm thất-đảm tất cả hàng-ngũ Tây-sơn. (Trang 572). Tiếm-Vương cùng các anh em và tất cả văn quan võ tướng vội vã chạy trốn tay không võ-khí, túi rỗng lương-thực, mạnh ai nấy tìm một lối thoát thân; một số lớn đã lẻn vào rừng vì sợ bị bắt khi qua sông; mấy vị quan và nhiều quân sĩ đã theo về hàng Nguyễn-Vương.

http://hoangsa.org

Trong khi cuộc tấn-công Lũy Sậy diễn ra thì đạo quân Tây-sơn ở nội-địa bị Nguyễn-Vương vây chặt mấy tháng trước, đã nỗ lực và, sau nhiều ngày đường, tiến tới Kinh-thành Phú-xuân với hy-vọng rằng quân Đàng Ngoài thắng lợi và chẳng bao lâu hai đạo quân sẽ gặp nhau sau khi đánh bại quân Nguyễn-Vương bị ép ở giữa hai gọng kìm. Nhưng danh-tướng chỉ huy-đạo quân ấy rất đỗi ngạc nhiên khi thấy thủy-quân của Nguyễn-Vương do đường bể tiến vào cùng với nhiều đội quân mới đến tiếp viện. Tướng ấy được hay tin về biến-cố mới xảy ra ở Lũy Sậy; ông ta quân bị của chúa truy kích cả trên bộ lẫn dưới bể, gắt gao, tới mức (trang 573) phải rút vào một nơi có núi non bao bọc nhưng chỉ trong ít tháng lương-thực cạn hết nên đến tháng 4, ông buộc phải thoát hiểm bằng thượng đạo ở Lào cùng với nhiều thớt voi và mấy ngàn quân theo sau; số người còn lại đã ra hàng Nguyễn-Vương làm cho đạo quân của Vương được tăng-cường hơn trước rất nhiều. Sau khi đã quét sạch tất cả địch-quân ra khỏi Đàng Trong, Nguyễn-Vương chỉ còn phải tính việc truy-kích họ ở Đàng Ngoài. Vương đã chuẩn-bị đầy đủ để xuất quân tấn công bằng cả đường bộ lẫn đường bể. Lòng dân xứ Bắc và cả một số lớn tướng sĩ cựu triều mà vương biết rõ tâm-địa từ lâu gây cho Vương nhiều tin tưởng... Hơn một tháng trước, Vương đã quyết-tâm đánh lấy Kinh-thành Đàng Ngoài ngày 16 tháng 6 âm-lịch, bây giờ là 17 tháng 7 dương-lịch và mặc dầu còn ở Phú-Xuân nghĩa là cách xa mục tiêu 18 ngày đường, Vương đã tiên đoán đứng. Chính ngày hôm ấy, đạo quân tiên-phong tới cửa kinh-thành (Thăng-Long) và hôm sau, kéo vào, thấy thành chẳng còn ai bảo vệ (trang 574)... Toàn thể quân các đồn trại, thành lũy, đội vệ binh đã rút lui khi thấy địch tới. Tiếm-Vương và anh em đang ở Kinh-thành đã tẩu thoát trước tiên khiến mọi người theo gương (Trang 575) (Có một đoạn tường-thuật các dị-đoan, lời khẩn cầu và mưu toan của Tiếm-Vương muốn chiếm khí-giới và một hiệu-kỳ tàng trữ trong ngôi miếu thờ một vị đại-tướng; nhưng theo lời khuyên-can của một cô đồng bói, Tiếm-Vương đã đổ ý).

— (Trang 576). Tiếm-Vương ngỡ-ngàng, rời khỏi miếu cùng với đoàn tùy-tùng. Tới bờ sông lớn (Nhị-hà), đối diện với Kinh-thành Tiếm-Vương muốn nhảy xuống nước và đã gieo mình nếu vệ-binh không can ngăn. Từ buổi ấy, Tiếm-Vương chỉ nghĩ tới việc tìm an-toàn bằng cách chạy sang Trung-quốc và đem theo vàng bạc... (Trang 577). Nhưng ở dọc đường, Tiếm-Vương bị dân-quân chặn lại, bắt giao cho quân lính của Nguyễn-Vương đuổi sát bước.

http://hoangsa.org

Tất cả các triều-thần khác đều bị chung số phận hẩm hiu. Chỉ trong vòng mấy ngày, họ bị bắt hết, không một mống nào chạy thoát. Sau chiến bại ở nội-địa Đàng Trong, hai vị danh-tướng đã nói ở trên, lần trốn theo đường thượng-đạo dọc qua xứ Lào với quyết tâm liên-lạc với quân-đội Đàng Ngoài nhưng không thể sớm tới đích. Khi hay tin hai tướng ấy xuống núi tại xứ Nghệ, Nguyễn-Vương cũng cho quân tới đuổi và, sau mấy ngày truy-kích, trong lúc bị đói mèm và mệt lả giữa rừng hoang, cả hai bị rơi vào tay quân chúa. Thực là Trời đã ban ơn cho Nguyễn-Vương và khiến cho hai tướng ấy không liên-lạc được với quân-đội Đàng Ngoài... Một trong hai tướng là Thiếu-phó,[1] có đủ tài năng và can-đảm để đương đầu với lực-lượng của Nguyễn-Vương. Chính tướng ấy chống cự với Vương trong 12 năm, đã bao vây tiểu đô-thị Nha-Trang [2] và có cơ hạ được nếu đức Giám-mục Bá-đa-Lộc bây giờ cũng ở trong vây không khuyến lệ phò mã Võ-Tánh kiên trì cố-thủ cho tới lúc quân chúa từ Đồng-nai ra cứu viện. Cũng chính tướng ấy, sau khi quân Đồng-nai chiếm thành Quí-phủ nhờ có nội-công mở cửa cho vào, rốt cuộc đã giành lại được thành này sau một cuộc bao vây kéo dài nhiều năm mà chúa Nguyễn không thể đem quân lương tới tiếp viện và đã buộc phò-mã thủ thành phải tự thiêu để khỏi chết dưới lưỡi gươm của địch.... Tất cả kẻ thù của chúng ta hiện bị giam xiềng. Tiếm-Vương cùng với ba anh em và bảy, tám đại-thần sẽ chẳng bao lâu nữa chịu hình-phạt mà họ đã dành cho những đạo-hữu đã tuẫn-giáo; ít ra là một phần lớn sẽ chịu chế-tài ấy... Những quan-chức nhỏ... hiện đang phải phục-dịch ở tượng-đội, đi kiếm rơm, và cắt cỏ, gánh về hoặc phải làm những công-tác ti-tiện nhất trước mắt những người dân mà họ đã phiền nhiễu và phải kính sợ họ.

(Có một đoạn viết về Nguyễn-Vương muốn gặp các giáo-sĩ) (Trang 581). Cho tới bấy giờ chúa Nguyễn vẫn công-nhận họ Lê là dòng chính-thống, hễ có làm việc gì cũng là nhân-danh Lê-triều và chỉ xưng là Tổng-trấn, chiến đấu nhân danh vua Lê và cố gắng phục-hưng vương-tộc đã bị giặc Tây-sơn cướp hết quyền. Chỉ theo quan-điểm ấy thì khắp nơi dân chúng mới sốt sắng giúp đập chúa và tất cả nhân-dân Đàng Ngoài ngã về phe chúa. Tóm lại, ngay khi chắc chắn

1. Tướng này là Trần-quang-Diệu: Vị thứ hai là Võ-văn-Dũng.
2. Thành Diên-Khánh.

http://hoangsa.org

hoàn thành cuộc chinh-phục giang-sơn, vị chúa ấy đòi hỏi việc suy-tôn vương-hiệu và đối với các hậu duệ họ Lê chỉ tỏ lòng trắc ẩn và coi như không xứng đáng với đế-vị. Đó là điều đã làm mích lòng mọi người, nhất là những ai đã hy-sinh tính-mạng trong chiến-cuộc từ nhiều năm và nghĩ rằng đã hoạt-động vì họ Lê và tái lập dòng chính-thống lên ngôi tôn, còn như chúa thì chỉ là vị quốc-gia lương-đống và cứ nên giữ chức Tổng-trấn như trước kia.

* *Thư của Giám-mục Longer gửi cho các giáo-sĩ Giám-đốc Chủng-viện ngày 13-8-1802.* (Trang 589-596)

— (Trang 589). (Đoạn này nói về chiến-cuộc). Ngày 4-2-1802, đạo thủy-quân của Tiếm-Vương đã bị Nguyễn-Vương đoạt-thủ.

— (Trang 595). Nguyễn-Vương đã lấy hiệu là Gia-Long và dường như muốn thu-phục nhân-tâm. Nhà vua không tỏ vẻ tin các mối dị-đoan cố-hữu. Tiếm-Vương Bảo-Hưng cùng với hai em và hầu hết các triều-thần của Tây-sơn đã bị bắt và giải về Triều-đình, người thì bị xiềng-xích, kẻ thì đeo gông, một số đã bị hành quyết hoặc cho voi giày.

* *Thư của Giáo-sĩ F. Leroy gửi cho Giáo-sĩ Blandin ngày 9-9-1802* (Trang 641-603)

Nguyễn-Vương đã đặt cho Bảo-Hưng là Trớt.

* *Thư của Giám-mục Eyot gửi cho Giáo-sĩ Blandin ngày 10-10-1802* (Trang 613-618)

— (Trang 613). Trong cuộc bao vây kéo dài hơn 20 tháng, phò-mã Võ-Tánh bị triệt đường tiếp-tế lương-thực và viện quân; sau khi đã ăn hết thịt ngựa và voi, bèn mở hội-nghị cùng với chừng 8000 quân còn sống sót và quyết ý tự thiêu rồi giao thành Quí-phủ cho giặc (trang 614) để bảo-toàn sinh-mạng cho quân-sĩ. Toàn thể họ muốn liều chết cùng với phò-mã nếu cần và quyết tâm chiến-đấu để thoát ra ngoài thành nhưng phò-mã đã khuyến dụ họ.... Sau khi ban huấn-từ phò-mã sai quân ra xin hai tướng địch mấy tấm lụa và tiền bạc. Khi đã được toại nguyện, phò-mã trèo lên một cái đài chung quanh có chất đầy thuốc súng, ra lệnh phóng hỏa và tự thiêu. Quân sĩ ra hàng địch.

* *Thư của Giáo-sĩ Guérard (thuộc Dòng Tên) gửi cho Giáo-sĩ Chaumont ngày 2-9-1803* (Trang 691-693)

— (Trang 691). Vua Gia-Long bác-khước việc tự do tín-ngưỡng theo quan-điểm của các giáo-sĩ.

http://hoangsa.org

— (Trang 693). Tiếm-Vương Cảnh-Hưng đã bị bốn thớt voi xé theo lệnh vua Gia-Long như tôi đã kể trong thư trước gửi vào hồi cuối năm ngoái nhân có chuyến tàu từ Madras tới Đàng Trong

Thế là chúng tôi mất liền hai mùa lúa. Chắc chắn là nhiều người sắp chết đói năm nay, nhất là do những nỗi phiền nhiễu ghê gớm của các quan lại — điều mà nhà vua cũng biết — và gánh sưu-dịch nặng tới mức chưa từng thấy ngay cả trong thời các Tiếm-Vương Quang-Trung và Bảo-Hưng cầm quyền.

* *Thư của Giám-mục Sérard gửi cho Giáo-sĩ Chaumont ngày 22-2-1804* (Trang 707-710).

— (Trang 708). Trung-quốc mới cử một sứ-giả phong tước Vương cho nhà vua, đó là cơ-hội cho nhà vua còn thăng tiến nữa.

— (Trang 709). Tháng 10 năm nay, mất mùa gần khắp nơi. Các đê điều giữ nước trong lòng sông bị vỡ, gây lụt lội, nước sôn tràn bờ như một trận tiểu hồng-thủy kéo dài hơn một tháng tại nhiều nơi, làm cho lúa mới cấy bị thối. Tại các tỉnh khác và những vùng cao nước không tràn bờ nhiều thì côn-trùng đủ loại đã cắn lúa, làm hư hại cả mùa màng Tuy nhiên, vì người ta đã trồng ngay nhiều loại củ với các thực-phẩm khác và dường như Chúa có tích-trữ thóc chiêm (gặt vào tháng 5 Âm-lịch) nên không đến nỗi nhiều người chết đói.

* *Thư của Giám-mục Longer gửi cho hai Giáo-sĩ Boiret và Descourvières ngày 15-3-1804* (Trang 711-717)

— (Trang 713). Mọi người kêu đói khổ và không ưa nhà vua. Nhà vua đã giảm lương quân lính và muốn tự để mắt tới mọi việc, chú ý vào cả những điều vụn vặt. Tôi nhận thấy nhà vua đã thay đổi rất mau.

* *Thư của Giáo-sĩ Langlois gửi cho hai Giáo-sĩ Boiret và Descourvières ngày 17-4-1804* (Trang 793-800)

— (Trang 796). Trong cuộc công-du ra Bắc vào cuối năm ngoái để nhận vương-miện tự tay của sứ giả do Thanh-đế cử sang phong vương cho nhà vua.... (?)

(Có đoạn nêu sắc-chỉ về các tôn giáo và mô tả tình-trạng đói khổ).

* *Thư của Giám-mục Eyot gửi hai Giáo-sĩ Boiret và Descourvières ngày 9-7-1804* (Trang 817-823)

— (Trang 821). Ngày 13 tháng (?) âm-lịch, sứ-giả Trung-quốc vào

http://hoangsa.org

Kinh-thành (Thăng-Long) trao cho nhà vua các sắc-chỉ đã mang sang; nghi-lễ không kéo dài và sứ-đoàn trở về nước ngay trong ngày đó. Ngày 21, nhà vua hồi-loan về Phú-xuân, nơi đặt trú sở. Ngày 25, sắc-chỉ nói trên được ban hành:

Những hội-hè và yến tiệc sẽ giảm bớt vì gây kinh-phí lớn do dân phải gánh chịu; các pháp-sư và nhà tiên-tri là bọn chuyên du-hoặc. Cấm xây cất chùa mới và muốn tu sửa chùa cũ thì phải xin phép quan Trấn thủ. Một danh-bộ ghi các vị thần có sắc-phong được thiết-lập. Thiên-chúa giáo được coi ngang hàng với đạo thờ ngẫu-tượng.

(Có một đoạn nói về nỗi bất-bình của dân-chúng vì sưu cao thuế nặng, và mấy cuộc nội loạn xảy ra).

— (Trang 823). Trích một bức thư kèm vào thư của Giám-mục Eyot:

Tiếm-Vương trẻ tuổi đã bị năm thớt voi xé, các quan bị xử trảm, vợ nguyên-súy [1] bị voi giầy; bà này đã cầm đầu một đạo quân để chống lại quân của Nguyễn-Vương. Khi voi tung xác lên, bà ta đã hát. Vị nữ-tướng đã chết với một thái-độ can-đảm quá phi-thường. Nhiều phụ-nữ và trẻ em cũng bị thẳng tay xử tử-hình. Nhiều người khen Tiếm-Vương mà họ cho là có nhiều đức hạnh.

Thuế rất cao; nhà vua ưa kiến-thiết nhiều đô-thị mới nên dân chúng phải khổ-cực vì sưu-dịch nặng. Có tin sẽ xây cất tại đây bốn đô-thị. Hiện đang xây đắp hoàng thành... Vì số dân công rất đông và không ai được rời xa nhiệm sở nên xú khí bốc lên khó chịu. Ngoài ra nhiều người phải dầm mình dưới nước và bùn ngập chân. Vì vậy không ai có thể chịu đựng lâu, cần có người khác thay phiên. Dân công còn bị roi mây quất vào lưng nên có khi phải thuê người làm thay với giá một quan tiền một ngày (bằng 50 xu của Pháp). Dân-chúng kêu ca nhưng nhà cầm quyền chẳng buồn nghe. Kiến-trúc-sư điều khiển việc xây cất hoàng-thành trước kia đã phụ trách việc kiến-thiết giáo-đường của Cố Giám-mục Bá-đa-Lộc.

*
* *

1. Nhủ danh là Bùi-thị-Xuân.

http://hoangsa.org

2 ĐÁM TANG LONG-TRỌNG NHẤT Ở ĐÀNG TRONG VÀO CUỐI THẾ-KỶ XVIII VÀ SỰ THẮNG THẾ CỦA NGUYỄN ÁNH ĐỐI VỚI TÂY-SƠN

(Archives des Missions Étrangères de Paris, Cochinchine volume 746)

* *Thư đề ngày 24-4-1800 của Giáo-sĩ Le Labousse trong Tổ-hợp Giáo-hội Đồng-nai* (Trang 837-888).

Đức Giám-mục Bá-đa-Lộc lâm bệnh vào đầu tháng 8 tại tỉnh Qui-nhơn, nơi đặt Kinh-thành của người anh cả dòng Tây-sơn. Giám-mục đã tháp-tùng Đông-cung (Cảnh) ra đó ; chẳng bao giờ Đông-cung xuất hành mà không có vị sư-phó hiền-minh kèm bên. Như tôi đã báo tin, Giáo-mục mắc bệnh lỵ do mệt mỏi và sự thiếu-thốn mọi tiện-nghi. Nhiều trường-hợp bất như ý và có lẽ việc đầu được vụng về đã khiến cho chứng lỵ trở nên nguy-kịch và bất-trị.

Nguyễn-Vương đã cử các thái-y ra chăm nom và dùng đủ phương cách để bảo toàn sinh-mệnh của người đã bao phen cứu sống Chúa. Chúa đã đích thân cùng với hoàng-tử tới thăm Giám-mục. Chúa đã tốn nhiều nước mắt khi thấy công chăm sóc vô hiệu.

(Đoạn kế tiếp ghi lời tán-dương đức Giám-mục).

— (Trang 845). Giám-mục tắt nghỉ vào hồi 10 g 30 sáng ngày 9 tháng 10 (ngày Thánh Denis) tại nhà Thày giảng giáo-lý ở tỉnh Qui-nhơn. Ngay sau khi Giám-mục trút hơi thở cuối cùng, chúng tôi đã báo ai-tín cho Nguyễn-Vương. Chúa cho mang ngay tới một cỗ quan-tài đẹp cùng với những tấm vóc (Damas) và loại tơ lụa khác dùng vào việc khâm-liệm. Ngày 10-10-1799, chúng tôi chuyển cữu xuống một chiếc tàu lớn võ-trang đầy đủ để rước vào Đồng-nai (Gia-định), và tới nơi ngày 16. Linh-cữu được quàn tại Tòa Chưởng-giáo trong khi chờ đợi Nguyễn-Vương hồi-loan.

— (Trang 846) Đông-cung cho dựng một ngôi nhà rạp lớn trong cung-đình để tiếp đón các quan và tất cả những người đến tỏ lòng ai-điếu vị sư-phó trứ danh.

(Có một đoạn miêu tả Lễ Mi-xa và các điển-lễ).

http://hoangsa.org

— (Trang 848). Khi lễ tất, Đông-cung mời các quan do Nguyễn-Vương cử tới túc-trực một ngày, dự một tiệc lớn tổ-chức theo quốc-tục.

Táng-lễ đã cử-hành ngày 16 tháng 12. Giáo-hội và Triều-đình phối-hợp để tổ-chức táng-nghi xứng đáng với phẩm-tước của Đức Giám-mục Bá-đa-Lộc trong Giáo-hội và trong Vương-quốc. Nhà vua đã cử Đông-cung điều-khiển đám tang khởi-hành vào khoảng 2 giờ sáng.

(Có một đoạn ngắn nói về cuộc rước cữu).

— (Trang 849) Tất cả thị-vệ đội gồm trên 18 người, chưa kể đội thị-vệ của Đông-cung, binh-khí sẵn sàng và xếp theo hai dọc, các chiến-pháo đi đầu, 120 thớt voi cùng với đoàn hộ-tống và cờ hiệu đi hai bên. Trống, kèn, quân nhạc nối theo điệu Đàng Trong và Mên, lại thêm pháo thăng thiên, pháo bông, v.v... Không còn thiếu thứ gì. Ngoài 200 đèn đủ kiểu, còn có vô số ngọn đuốc và cây sáp soi đường cho cuộc tiến bước bi ai ấy. Có ít ra là 40.000 người vừa Công-giáo lẫn ngoại-đạo đã theo đám tang. Nhà vua hiện-diện cùng bá quan mọi ngành. Và có điểm lạ là cả Thái-hậu, Hoàng-tỉ, Vương-phi, các thứ-phi, các hoàng-tử, tất cả các mệnh phụ triều-đình nghĩ rằng đối với một người vượt hẳn bình-phàm như Đức Giám-mục, thì khỏi cần câu nệ và có thể bất chấp thông-lệ; các bà đến dự đông đủ và đưa đám tới tận huyệt.

Tang-lễ có vẻ long-trọng chưa từng thấy ở Đàng Trong, đã thu hút không biết bao nhiêu khán khách. Đường lối đông nghẹt; có người leo lên tận mái nhà để thỏa lòng hiếu kỳ. Từ khắp các ngả đô thành Saigon dân cư đổ tới xem.

Lễ hạ huyệt thực-hiện theo nghi-lễ công-giáo nhưng Nguyễn-Vương lại cúng tế thêm tam-sinh.

— (Trang 850). Nhà vua cho đem tới bò, heo, dê, rượu và nhiều thực-phẩm khác để hiến tế Đức Giám-mục theo phong-tục. Chúng tôi than van về việc đó, nhưng biết xử làm sao? Nguyễn-Vương tỏ ra thiếu phong-vận khi cúng hiến thứ mà trong thâm tâm ngài chẳng ưa gì. (Trang 851). Tuy nhiên, trừ ra trường-hợp theo Công-giáo, nhà vua coi đó là bổn-phận phải làm, nếu trốn tránh thì sẽ mất thể diện trước toàn dân. Vả chăng nhà vua tỏ ra đã cảm thấy việc cúng-tế ấy vô-ích và lố-bịch. Mấy hôm sau, trước mặt bá quan, ngài có nói tại công-đường:

http://hoangsa.org

« Từ trên Trời cao, chắc sư-phó phải tức cười về việc cúng tế và lễ vật của chúng ta ».

Sau khi đã chuẩn-bị đầy đủ cho việc cúng-tế, người ta đọc một điếu-văn. Rồi nhà vua tiến bước một cách trịnh-trọng và huyền-diệu, dung-nhan lộ vẻ đau đớn và ngỏ lời vĩnh biệt cuối cùng. Nước mắt nhà vua chan hòa đến nỗi một vị đại-thần chưa từng khóc lần nào đã bị xúc-động tới cực điểm và nói lớn tiếng: « Nếu chẳng khóc trước linh-cữu sư-phó thì chúng tôi cũng phải rơi lệ khi nhìn thấy đức vua ». Tuần cúng lễ của Nguyễn-Vương được tiếp nối bằng tuần cúng tế của Đông-cung. Bài điếu-văn mà Đông-cung cho đọc nhân-danh ngài đã khiến tất cả chúng tôi đều rơi lụy.

... Khi lễ tất, nhà vua cho bày biện dưới những lều rạp đã được dựng sẵn, một bữa cơm thịnh soạn dành cho các quan, quân-sĩ và tất cả những ai đã theo đám tang. Về phần nhà vua thì ngài cùng vương-phi lui vào một căn phòng riêng để tự an-ủy (Trang 852). Tại đó, hai ngài đã nói về Đức Giám-mục với những lời dễ xúc-động lòng người.

... Khi Chúa từ Qui-nhơn trở về, vị tướng đứng đầu hàng sĩ-quan hải-quân đã tâu trình rằng sau một chiến-dịch mà Chúa đã thắng lợi lớn, nên tổ-chức một buổi hát bội để tạ ơn thần thánh, nhưng Chúa không chấp-thuận đề-nghị ấy.

Nguyễn-Vương đã ra lệnh cho Đông-cung để tang Đức Giám-mục. Một hôm, thấy yên ngựa của Đông-cung mang màu đỏ, ngài bèn nặng lời quở trách trước mặt các triều-thần: « Con để tang sư-phó như rứa à? »

... Nhà vua có năm cây cờ lệnh thường cho đem theo bên mình khi ra trận. Đó là phù-hiệu để người ta nhận ra nhà vua. Hôm cất đám Đức Giám-mục, nhà vua đã cho đem cờ ấy trưng lên sau linh-cữu. Ai nấy đều lấy làm ngạc-nhiên.

Nguyễn-Vương ban lệnh xây lăng cho Giám-mục, ban nhiều ân-huệ. Nhà vua xúc-động trước phẩm-vật truy-tặng cho Đức cha.

— (Trang 857). Năm ngoái, Nguyễn-Vương mới mở một cuộc bao vây thành Qui-nhơn là Kinh-đô của người anh cả dòng Tây-sơn. Yếu ải của địch không cầm-cự nổi hai tháng. Đồn binh gồm khoảng 40.000 quân ưu-tú đã phải đầu hàng cùng với khí-giới, hành-lý và 120 thớt voi. Chiến-công oanh-liệt ấy và những chiến thắng rực-rỡ trước là hiệu-quả của những lời khuyến-dụ khôn-ngoan của Đức Giám-mục Bá-đa-Lộc.

http://hoangsa.org

Nếu Đức Giám-mục không ra Qui-nhơn thì bọn Tây-sơn còn ngạo nghễ tồn tại ở đó. Thành-trì đã hạ xong thì việc chiếm-đóng cung-điện rất dễ dàng. Một hôm Nguyễn-Vương có nghẹn ngào tuyên-bố rằng: « Sư-phó đã tận lực để thu-hồi giang-sơn cũ cho ta. Người đã giúp ta giành lại phần lớn lãnh-thổ: nay chiếm được Qui-nhơn, ta chỉ còn phải tiến một bước nữa để kế vị tiên-tổ trên ngai vàng. Có lẽ nào sư-phó lại tịch-diệt mà chẳng được an-ủy bằng việc thân tôn ta lên ngôi quý! ».

— (Trang 858). Mới đây Nguyễn-Vương có ngỏ lời với các sĩ-quan Pháp giúp việc tại Triều-đình: « Ta mắc nhiều khuyết-điểm nhưng nếu có ai biết vạch cho ta nhận thấy, cũng thận-trọng và khôn kéo như sư-phó thì ta sẽ coi người ấy là bạn quý nhất của ta ».

— (Trang 859). Bằng việc cứu biết bao nạn nhân bất hạnh khỏi tội tử hình, Giám-mục Bá-đa-Lộc đã chứng tỏ rõ thế lực và quyền năng đối với Nguyễn-Vương về mặt tinh-thần, có khi hơn cả Vương-phi và Thái-hậu; nhưng điều biểu lộ tâm-hồn quảng-đại của Giám-mục là ngài đã cứu sống cho cả những kẻ định ám-hại mình.

— (Trang 869). Có lẽ Nguyễn-Vương là người lanh lợi và nóng nảy nhất nước. Nhưng, như tôi đã nói trên đây, những khuyên gián khôn khéo của Giám-mục Ba-đa-Lộc đã làm ôn-hoà bầu máu sôi ấy. Nguyễn-Vương không còn là vị vua chúa chỉ hành quyền với cây côn và thanh kiếm lăm lăm trong tay, và chỉ phán-quyết tử-hình. Ngài nhớ rằng mình là phụ mẫu của thần-dân chứ chẳng phải là bạo chúa. Ngài luôn luôn được lòng dân nhưng không uyển-chuyển đối với các quan lại và quân sĩ. Ngài khiến cho họ sợ nhưng chưa làm cho họ mến. Hiện nay Nguyễn-Vương đối xử cách khác: xưa kia ngài chẳng để cho lọt ra cửa miệng một lời ngọt ngào nào thì bây giờ ngài đã tìm ra bí-quyết chinh phục lòng người. Ngài cương-quyết mà không tàn nhẫn. Ngài nghiêm trị kẻ phạm tội nhưng theo đúng luật-pháp. Nguyễn-Vương có đủ tâm-địa và tài-năng. Ngài nhớ ơn, khoan-hồng, tế-nhị về vấn-đề danh-dự, giữ được vẻ hiên-ngang khi gặp vận bĩ và chịu đựng ách vận với thái-độ can đảm như vị sư-phó đã tôi luyện ngài.

Thời hoa niên, Nguyễn-Vương ham mê rượu chè nhưng khi đã ở vào địa-vị phải quán xuyến mọi việc ngài chừa hẳn tật bê tha, không thèm nhắp qua một giọt nào nữa. Ngài có nói: « Theo ý ta thì chẳng có gì làm trụy-lạc con người, làm cho người ta hoàn toàn bất-lực, đưa người ta vào vòng tội lỗi và nguy biến hơn là sự quá chén. Chớ có bao giờ để cho một bợm say chỉ huy ai. Một kẻ không

http://hoangsa.org

thể tự-chủ thì làm thế nào sai khiến nổi người khác?» Vì thế nên Nguyễn-Vương đã ban ra những sắc-lệnh rất nghiêm đối với những kẻ say sưa và ráo-riết theo dõi.

— (Trang 870). Tài-năng của Vương chẳng thua gì tâm-địa. Vốn linh-lợi, sắc-sảo, chính-trực, ngài chỉ liếc qua cũng nhận ngay ra những việc rất phức-tạp ; ngài rất sáng dạ nên nhớ dai mọi việc và đồng thời có thể mô-phỏng mọi thứ một cách dễ dàng, tự-nhiên. Những xưởng đóng tàu và quân cảng của Nguyễn-Vương được mọi người cảm phục và nếu có chứng-kiến thì người Âu-tây sẽ phải tán-tụng. Một bên người ta thấy súng trường, đại-bác với đủ khẩu kính, chiến-pháo, dá súng, đạn đại-bác, v.v... không kém gì kiểu hảo hạng. Bên kia, có vô số chiến thuyền chạy bằng buồm, chiến-hạm đủ cỡ và đủ kiểu, đủ kiên-cố để ai nấy phải kính-phục. Tất cả các thứ ấy là công của Nguyễn-Vương, đã chuyên cần lại khéo léo. Ngay từ lúc mặt trời ló dạng Nguyễn-Vương đã rời cung-điện để ra bến (trang 871) làm việc cho tới giờ ăn. Ngoài ra, ngài thường lưu tại đó suốt ngày để điều-khiển bá quan đã được cắt đặt mỗi người giữ một nhiệm-sở và phận-sự. Tại công-xưởng, Nguyễn-Vương cùng bá quan ngồi ăn đồng bàn. Không có gì làm xúc-động hơn cảnh hàng ngàn người làm việc hết sức hăng-hái dưới mắt nhà vua ; ngài chú ý tới mọi việc, điều-khiển tất cả và có khi cẩn thận chỉ bảo cho cả kích thước. Nguyễn-Vương chỉ dùng toàn thợ gốc Đàng Trong mà đã có thể đóng tàu theo kiểu Âu-tây. Khởi sự, ngài cho tháo rời từng mảnh một chiếc tàu cũ đã mua được. Ngài cho lắp lại theo đồ hình cũ nhưng khéo tới mức tàu đẹp hơn trước. Thành-tích đầu tiên ấy đã khích-lệ Nguyễn-Vương đóng một chiếc tàu mới và ngài đã thành-công. Sau đó, ngài cho đóng thêm hai chiếc nữa. Bốn chiếc tàu ấy đã dương danh ngài ở khắp nơi. Nguyễn-Vương hoàn-tất công việc rất mau lẹ. Không quá ba tháng đã hoàn-thành và thường còn được mau xong hơn thế. Tuy nhiên tàu lớn đẹp và mang 26 khẩu đại-bác, số khác mang tới 36 khẩu ; mỗi chiếc tàu có trên 300 thủy thủ.

Tàu Phụng do ông Vannier chỉ-huy với sự phụ-tá của ông Renou. Tàu Ưng do ông De Forçans và tàu Phi-Long do ông Chaigneau điều-khiển. Tàu Trân-châu vừa mới được hạ-thủy do chính Nguyễn-Vương chỉ-huy. Quý-vị sẽ lấy làm ngạc-nhiên thấy Nguyễn Vương điều-khiển nổi một chiến-thuyền đóng và trang-bị theo kiểu Âu-tây. Quý vị còn ngạc-nhiên hơn nữa nếu được mục-kích tất cả

http://hoangsa.org

những gì Nguyễn-Vương đã thực-hiện ở đây. (Trang 872). Nguyễn-Vương có đủ kiến-thức và khả-năng trong mọi lãnh-vực; ngài có biệt tài có thể coi là vô song khi đi vào chi-tiết sự việc.

Nguyễn-Vương rất siêng-năng; đêm ngủ rất ít và đọc sách rất nhiều. Trong cung của ngài có nhiều sách Pháp nghiên-cứu về thuật xây-đắp thành-lũy, v.v... Ngài thường lần dở sách để coi các đồ-án và cố-gắng mô-phỏng. Mỗi ngày ngài tiến-bộ thêm.

Trong chiến-dịch vừa rồi Nguyễn-Vương đã thắng-lợi nhiều nhưng cũng không tránh khỏi rủi ro. Mấy ngày sau khi long-trọng vào thành Qui-nhơn, một cuồng-phong ghê gớm đã làm tung-tán cả hải-quân của nhà vua và của địch, nhưng vì chiến-thuyền địch gặp gió xuôi nên kịp vào bến, không bị tổn-hại nhiều. Hải-quân của Nguyễn-Vương chẳng được may mắn như vậy. Các tàu và thuyền buồm bị xô đẩy ra khơi, một số lạc tới hải-phận ngang đảo Hoàng-sa, số khác lạc về phía đảo Hải-nam, trong Vịnh Bắc-phần. (Trang 873). Nguyễn-Vương chỉ mất mấy tàu nhỏ loại xấu và mấy thuyền buồm. Nhưng tất cả hải-quân của ngài bị tổn-hại nặng nề. Vì thế ngài buộc phải rút lui về Đồng-nai và để em rể (Phò-mã Võ-Tánh) ở lại giữ thành Qui-nhơn.

Địch-quân đã lợi-dụng tai-biến xảy ra cho Nguyễn-Vương để mưu toan đánh lấy lại thành-trì mới mất. Họ đã bố-trí tại đó từ hơn bốn tháng mà chưa dám giao-chiến trận nào... Họ còn mưu toan vào đánh Đồng-nai nhưng có lẽ sự hiện-diện của Nguyễn-Vương đã khiến họ chùn bước. Cũng có thể là họ bị cầm chân bởi các chiến-thuyền đã từ Áo-môn (Macao) sớm tới đây. Một chiếc tàu Anh đã qua hải-phận của họ và vào rất gần bờ để nhập hàng-ngũ Nguyễn-Vương, khiến cho họ kinh-sợ chẳng ít.

Chiếc tàu này do một Công-ti ở Madras (Ấn-độ) trang-bị đã khởi-hành ngược chiều gió mùa, dưới quyền điều-khiển của Ông Henderson, thuyền-trưởng của Công-ti, được lệnh đem sang cho Nguyễn-Vương một số võ-khí và quân-nhu đạn dược. Thuyền-trưởng được tiếp đón long-trọng ngoài sự mong ước; ông ta không ngờ rằng ở Đàng Trong lại được sáng giá đến thế. Ông ta rất vừa lòng và lấy làm khoái-trá. Về phần Nguyễn-Vương cũng hết lời ban khen vị thuyền-trưởng... Trên tàu có cả ông Barizi do Nguyễn-Vương đã cử đi vận-động để các vị Tổng-trấn ở Ấn-độ gửi cho những thứ cần-thiết.

— (Trang 874) Mấy ngày nữa, Nguyễn-Vương sẽ đem quân ra tấn-công địch. Dường như ngài muốn tiến thẳng tới Kinh-thành của Tiếm-

http://hoangsa.org

Vương. Theo lẽ thường thì Nguyễn-Vương phải thắng vì hiện giờ ngài có khoảng 80.000 quân thủy và bộ đã tập chiến-đấu để thắng địch theo lối của người Pháp, Hải-quân của Nguyễn-Vương lớn mạnh hơn bất cứ của một tỉnh nào ở Ấn-độ. (Ngoài bốn chiếc tàu kiểu Âu-tây, còn có thêm 40 chiếc tàu kiểu bản xứ trong đó có 5 chiếc mang 46 đại bác cỡ nòng cỡ 18, các đại bác khác có khẩu-kính 20, 26..., độ chừng 100 thuyền buồm lớn và ít ra là 200 thuyền nhỏ hơn nhưng rất tiện cho việc giao-chiến trên sông nhỏ). Nhất-định hải-quân ấy sẽ vô-địch (trang 875) nếu được đặt dưới quyền chỉ-huy của các hạm-trưởng Âu-tây mà tôi vừa nói ở trên.

— (Trang 878). Để bít tất cả các lối đi, Nguyễn-Vương đã cho thiết-lập một phòng tuyến khởi từ bờ bể và kéo dài qua đỉnh một dãy núi dài một ngày rưỡi đường trong các ải-đạo tỉnh Qui-nhơn. Vì vậy Tây-sơn đã tấn-công với từ 5 đến 6.000 quân. Tin này khiến cho Nguyễn-Vương kinh-ngạc. Ngài tưởng rằng địch-quân đã xâm-nhập qua phòng tuyến nên tính chuyện thoái lui. Đức Giám-mục Bá-đa-Lộc khi ấy đang cùng Đông-cung đóng quân trong trại gần bến có chiến-thuyền đậu, đã uổng công trình bày lý lẽ không nên rời bỏ các địa-điểm có lợi thế trước khi biết đích nguyên-ủy tình-thế và, dù trong trường-hợp nào, nhà vua cũng phải chiến-đấu tại đồng-bằng thay vì tháo lui để mất mứa quân-số (trang 879) và làm hư-hỏng cả mọi việc. Lời khuyên-can của Giám-mục vô hiệu. Nhà vua cho chuyển những đại-bác xuống tàu và đêm hôm sau ra lệnh thoái quân. Ngay lúc bấy giờ, một phu trạm đem tin báo rằng địch-quân đã rút lui. Và sự thể đã xảy ra như sau: khi không thấy bóng quận chúa, địch-quân bèn tiến lên. Giữa lúc ấy có một tướng trong hàng ngũ Đàng Trong xuất-hiện với vỏn vẹn một phân đội 500 quân. Vị tướng này đánh rất kịch-liệt, chặn bước địch-quân và buộc chúng phải rút vào những đồn bỏ trống.

Khi mới nghe tin biến cố ấy, mỗi quân-đoàn đã gửi một ít viện binh tới tăng cường. Ban đêm, địch nghe thấy tiếng trống vang lên và tiếng súng bắn loạn xạ từ khắp phía thì tưởng rằng quân-đội của Nguyễn-Vương đông hơn nhiều. Họ bèn quyết ý lui về khởi điểm. Vì quân thoái lui trong đêm đầy, theo những đường gập ghềnh, khúc khuỷu, tối tăm và chúng tưởng đang bị truy-kích nên mới kinh-khủng đột nhiên xảy ra ẩm ảnh. Họ vứt khí-giới cùng mọi thứ có trong tay và chạy tán-loạn.

Người ta nói quả quyết rằng khi xuống tới chân núi, địch gặp

http://hoangsa.org

một đội quân do chính vị tướng của họ đã để lại khi trèo lên núi, và họ bị lầm vì nhiều lý-do khác nhau nên đồng bọn đã gây hấn và đánh tan hàng ngũ của nhau. Điều chắc chắn là địch chỉ qua được vùng ải-đạo sau khi đã mất rất nhiều võ-khí và hơn 1000 quân. Quân chúa Nguyễn đang truy-kích, thấy hàng ngũ địch quá hỗn loạn bèn tước đoạt mọi thứ, cả chiếc kiệu, cây thương và thanh kiếm vàng của tướng Tây-sơn; vị tướng này đã trải qua nhiều gian lao mới chạy thoát được.

— (Trang 880) Vị tướng ấy [1] chỉ huy toàn-thể quân đội Đàng Ngoài, là cậu của Tiếm-Vương và là tướng giỏi nhất của phe Tây-sơn, có thể là cả trong Nam ngoài Bắc chẳng ai sánh kịp; một hôm vào triều, ông ta thấy ngoài cửa một bọn người đeo gông. Ông hỏi lý-do thì được biết đó là tín-đồ Cơ-đốc giáo, Ông bèn lên tiếng với giọng phẫn-khái: « Có lý nào người ta lại xử phạt họ chỉ vì cớ họ theo đạo Cơ-đốc? Họ đã mắc tội gì đối với Chính-phủ? Họ không nộp cống như các người khác chăng? Họ không đi sưu-dịch để góp sức vào việc thực-hiện các công-tác chăng? Họ không võ-trang, không chịu xung-phong ra trận chăng? Họ đã theo chúng ta chiến-đấu từ Bắc chí Nam và cùng trở về chúng ta. Quý-vị còn muốn đòi hỏi gì hơn nữa? Họ là tín-đồ Cơ-đốc giáo hay không, có can gì? Chỉ cần họ là những thần-dân lương-thiện và trung-thành... »

— (Trang 881). Câu chuyện ấy do một học viên có mặt tại chỗ kể lại với tôi, đã không làm vui lòng các vị triều-thần khác. Họ coi vị đại-tướng gần như bọn thày tu thuộc giáo-đoàn Do-thái đối xử với đứa trẻ mù từ lúc lọt lòng mẹ, nói trong Phúc-âm; họ cho rằng đại-tướng đã bị ma-giáo ấy mê hoặc; họ còn loan tin (trang 882) rằng đại-tướng đã tiếp một mật thư của Đức Giám-mục ở Đồng-nai.

— (Trang 885). Hai năm trước. một loại dịch chuột đã làm chết nhiều gia-súc trong khắp nước. Gà vịt, heo, nhất là trâu gần chết hết. Nông-dân buộc phải kéo cày trong khi mọi người đã mất hết trâu và gia-súc khác.

— (Trang 886). Sau nạn dịch ấy lại xảy ra một trận lụt lớn mà thế-hệ trước chưa từng thấy ở Đàng Trong. Lắm người chết tại nhiều tỉnh. Ông Grillat đã phải ẩn náu trên gác chuông một Thánh-đường mà ông cư-trú. Nhiều nhà cửa bị cuốn trôi vì sức nước chảy mạnh như thác lũ. Tất cả các vườn tược bị tàn phá ở nơi có nước chảy qua.

1. Đó là Trần quang Diệu.

http://hoangsa.org

Tổng bị thiệt hại nặng nhất là tổng có đặt trụ sở tập-đoàn nhỏ của chúng tôi. Lúa má, mía, trầu-không vốn phù trợ và nuôi sống dân vùng lân-cận, đều ủng thối hết. Các cây ăn trái, cây thì chết, cây thì không kết trái nữa.

* * *

3 *NHỮNG TRẬN ĐÁNH CUỐI CÙNG GIỮA TÂY-SƠN VÀ NGUYỄN-ÁNH*

(Archives des Missions Étrangères de Paris, Cochinchine, volume 801)

* *Thư của Ô. Jean Baptiste Chaigneau gửi cho Ô. Barizy ngày 19 tháng giêng âl. tức là ngày 2.3.1801.* (Trang 857).

— (Trang 857) Chúng tôi vừa mới thiêu-hủy tất cả hải-thuyền của địch không một chiếc nào chạy thoát. Đó là trận đánh hết sức đẫm máu mà dân Đàng Trong chưa từng thấy bao giờ. Địch-quân chống cự cho đến chết. Quân ta đánh giỏi hơn; tuy chết và bị thương nhiều nhưng không thấm vào đâu so với thắng-lợi của Nguyễn-Vương. Hai ông Vannier, de Forçans cùng tôi có dự chiến và được bình-an vô sự.

Trước khi thấy tận mắt hải-quân của địch, tôi có ý khinh miệt, nhưng xin thú thực với ông rằng tôi đã lầm; địch có những tàu mang tới 50, 60 khẩu đại-bác.

Nguyễn-Vương sắp sửa ra Phú-Xuân và chắc bụng chẳng gặp sự chống-cự nào. Quân Tây-sơn rất bối-rối; nhiều đứa muốn hàng nhưng bên ta không dung nạp. Nguyễn-Vương cho phép họ về nhà sống yên không được tham chiến nữa.

Năm nay chúng tôi sẽ không trở về Saigon. Nguyễn-Vương cử tất cả các võ-quan hải-quân về đem gạo ra tiếp-tế.

* *Thư của Ô. Barizy gửi cho Ô. Letondal ngày 11-4-1801* (Trang 863-898).

— (Trang 863). Tin Tây-sơn cử một sứ-đoàn tới có lẽ rất đúng vì đại-sứ của họ hiện lâm vào tình-trạng rất nguy-ngập. Họ đã cầm chân đạo quân thuộc quyền chỉ-huy của tướng Tiền-quân cho tới ngày 21 tháng 11 âl. thì người Mọi đã khám phá cho Nguyễn-Vương một tiểu-

http://hoangsa.org

lộ mà đại-bác và voi có thể qua lọt nhưng địch tuyệt-nhiên không hay biết. Nguyễn-Vương bèn cử Ông Tong Dong Tang[1] đem một phần quân đội qua phía sau địch. Sau một hành-trình bảy ngày, hôm 21, vào lúc mặt trời mọc, khi đã nhìn thấy ám-hiệu của Ông Tong Dong Tang, tướng Tiền-quân bắt đầu tấn-công cuồng-nhiệt bảy đồn ở Ung Thi, tọa-lạc trong một ải-đạo (Trang 864) với nhiệm-vụ ngăn đối-phương lại gần.

Cuộc công-kích đã khởi sự lúc mặt trời mọc và mãi tới hồi 10 giờ địch mới nhận ra đạo quân dân ở phía sau cùng hai bên sườn là quân của Nguyễn-Vương. Một loạt súng hỏa mai và 20 chiến-pháo nhỏ đã khai hỏa với tầm ngắn như súng tay để dẹp đường mà tiến quân; kẻ nào muốn chạy trốn đều bị ngọn giáo và lưỡi lê đâm chết; cuộc đồ-sát rất khủng-khiếp, chẳng tha thứ cho mạng nào. Đội Thanh tak[2] (Thị-vệ quân) chỉ rời chỗ khi không còn phải ra tay nổ súng.

Sau chiến-bại ấy, quân-pháp hội-nghị của địch đã nghĩ rằng chỉ có thể làm rạng danh quân-đội và nhân-dân bằng cách đánh mấy trận lớn; địch đã tập-hợp những quân tinh nhuệ hơn hết cùng những tướng giỏi nhất và quyết-định mở một cuộc tổng công-kích. Ngày 27 tháng 11 âm lịch, đạo quân địch khai chiến với sự tăng cường của một đội quân do đô-đốc hải-quân đã phân-phái. Hôm ấy, địch có tới 223.000 quân nhưng số lượng ấy chẳng hề làm cho Nguyễn-Vương lo sợ. Thực ra địch quân có thế địa-lợi nhưng Nguyễn-Vương có súng hỏa-mai, pháo-binh và hơn hết là lòng dũng-cảm của quân-sĩ. Tay cầm gươm, Nguyễn-Vương đi đạo trước hàng ngũ với vẻ hân-hoan; (Trang 865) quân ta nôn nóng muốn phóng tay: địch-quân đã rục-rịch; pháo-binh của họ nổ vang; voi của họ hùng hổ tiến lại gần hàng ngũ ta; Nguyễn-Vương đứng giữa các vệ-binh, bình-tĩnh quan-sát; toàn quân im lặng như tờ. Khi địch tiến vào giữa tầm súng, các đại đội của ta khởi sự theo hiệu-lệnh của Nguyễn-Vương: 400 chiến-pháo khạc lửa đạn và gieo chết chóc: súng nổ liên thanh rất trúng đích và được vận-dụng khéo đã hạ sát địch một cách ghê rợn. Địch có đồn lũy yểm trợ ở hai bên hông và phía sau bằng đại pháo khéo vận-dụng nên cũng tiêu diệt được nhiều quân ta. Nguyễn-Vương hạ lệnh cho thị-vệ đội xung phong công đồn. Chư-tướng nêu gương trước, hạ được các đồn, chém giết hết địch-quân;

1. Ông Thông Đốn tả hay Thần sách quân tả đô chính thống (tức là Tả quân Lê-văn-Duyệt).

2. Quân Túc-trực.

http://hoangsa.org

những khẩu đại-bác chĩa thẳng vào khạc đạn khiến họ tán-loạn hoàn-toàn; số còn sống sót nấp vào lũy-tuyến phòng-ngự hậu-địa và Nguyễn-Vương tạm chấp nhận tình-trạng ấy. Vả chăng quân-sĩ đã mỏi mệt. Tuy nhiên cuộc tàn sát còn kéo dài tới đêm khuya. Nguyễn-Vương tạm trú ở giữa tầm súng hậu-tập của địch và cho tu-bổ lũy phòng-ngự. Ngày 21 tháng chạp âm-lịch, địch quân còn gây hấn nhưng Nguyễn-Vương chẳng hề nao núng trong lũy phòng-ngự. Bấy giờ địch xung-phong tấn-công rất có trật-tự và đều đặn. Tay dương thiên-lý kính, Nguyễn-Vương nhận thấy ở cánh quân bên phải của địch (trang 866) có vẻ rất lộn xộn và ở giữa cánh quân ấy với trung-quân có một cái hố; như vậy rất dễ cắt đứt hữu-dực này; Ngài bèn cho ngay 22 đội quân thị vệ tấn công, không để cho địch kịp nhận diện. Khói súng do gió Đông Bắc tạt vào mắt khiến địch không nhận ra quân của Nguyễn-Vương. Tới lúc những phát súng đầu tiên nổ lên địch mới thấy sự lầm lộn đã mắc phải; họ kiên-trì giữ vững. Nhưng Nguyễn-Vương tiến tới đâu là thắng ở đó, và chiến-thắng hoàn-toàn. Ngày dự chiến giữa hàng vệ-binh, tiến lên với sự yểm-trợ của hỏa-lực ghê gớm xuất phát từ lũy-tuyến phòng-ngự và ngài làm tan rã hẳn hàng ngũ địch. Địch mất năm thượng-tướng và vị chỉ-huy trưởng cánh quân bên phải; quân của Chúa chẳng tha cho tên địch nào; cuộc tàn-sát thật là rùng rợn.

Từ dạo ấy có nhiều phen đoàn quân bách thắng của Chúa đã tỏ ra rất anh-dũng. Sau cùng, ngày Nguyên-đán âm-lịch, địch mở một quân-pháp đại hội-nghị trong đó các tướng chỉ-huy bộ và thủy-quân quyết-định tấn-công Nguyễn-Vương bằng đường bể vào Cửa Ông, chỉ cách Qui-nhơn 20 hải-lý. [1] Vì vậy họ đã chuẩn-bị hải-quân được tăng-cường bằng số viện-binh hùng-hậu gồm những thành phần thiện-chiến. Nguyễn-Vương đã biết rõ kế-hoạch của địch, bèn ngự ngay trên tàu. Với những đội do thám và những pháo-đội sắp đặt rất khéo, ngài đã khiến cho địch hết ham tấn-công. Ngược lại, ngài đã hoạch-định cuộc tấn-công địch và đã thực-hiện với hùng tâm và dũng-khí như các đô-đốc nổi danh: Nelson, [2] Duncan, Hood, Rodney, v.v...

1. 1 hải-lý (mille marin) = 1852 m, khác với lý (dài 1609m) là thước đo đường của người Anh.

2. Nelson (1758-1805) là vị Đô-đốc Anh lừng danh vì hai chiến thắng: Abukir (ở Ai-cập) và Trafalgar (ở phía Tây Bắc eo Gibraltar của Tây-ban-nha).

http://hoangsa.org

Quân-lực địch do Đô-đốc Thiếu-phó điều-khiển, gồm:

9 tàu, mỗi chiếc mang 66 đại bác có khẩu kính 24 với 700 thủy-thủ
5 tàu, mỗi chiếc mang 50 đại bác có khẩu kính 24 với 600 thủy-thủ
40 tàu, mỗi chiếc mang 16 đại bác có khẩu kính 12 với 200 thủy-thủ
93 chiến thuyền — mang 1 đại bác có khẩu kính 36 với 150 thủy-thủ.
300 pháo hạm mỗi chiếc có 50 thủy-thủ
100 tàu buồm kiểu Đàng Trong (có buồm hình chữ nhật) mỗi chiếc có 70 thủy-thủ.

Đệ Tam phân hạm đội của Nguyễn-Vương gồm:

26 chiến thuyền, mỗi chiếc mang 1 đại bác với 200 thủy-thủ
65 pháo hạm, mỗi chiếc mang 1 đại bác với 80 thủy-thủ

Ngày rằm tháng giêng âm lịch, tức là vọng-nhật đầu năm, theo tục-lệ, toàn-thể các tàu thao-diễn và tập bắn. Quang-cảnh trời mát dịu miền Nam và mặt bể phẳng lặng như gương đã gợi cho Nguyễn-Vương ý-kiến hạ lệnh cho một phân hạm-đội sửa soạn nhổ neo. Chính Nguyễn-Vương lên tàu và dưới quyền chỉ-huy của ngài có: Đô-đốc Ông Tồng Thoui [1] mà người Bồ-đào-nha thường gọi là Bouche Toote (?), Ông Yam Koun Thou [2] (không phải là tướng đã dự sứ-đoàn cùng với Giám-mục Bá-đa-Lộc), một tướng khác trước kia theo ngụy nhưng đã hàng Nguyễn-Vương khi ngài rời Xiêm về nước, tướng Ông Tong Đong Tang [3] là một trong những tướng điều khiển quân Thenck Tuc [4] (thị-vệ đội), và ba sĩ quan Pháp là De Forçans, Vannier, Chaigneau. Sau cùng, vào hồi 2g30 chiều, tiểu hạm-đội gồm 91 chiến thuyền ấy đã xuất-sư để tấn công một đạo quân có trên 50.000 thủy-thủ và 45.000 người thuộc hải-quân lục-chiến lẫn thú binh đội đóng trong các đồn ở cửa bể.

Sau đây biểu diện cửa bể Qui-nhơn (cửa Thị-Nại).

---

1. Ông Tồng-thủy Võ-di-Nguy (1745-1801) sinh tại Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên, đã từng theo Nguyễn-Vương sang Vọng-Các và dự nhiều trận đánh Tây-sơn; chuyên về thủy chiến, được phong đến chức Đô-đốc nên người Đàng Trong gọi là Ông Tồng Thủy hay Chưởng Thủy.

2. Ông Giám quân thủy Nguyễn-văn-Trương.

3. Ông Thông Đôn tả hay Thần sách quân tả đô chính thống Lê-văn-Duyệt (1764-1832) gốc huyện Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-ngãi, đã theo phò Nguyễn-Vương, hai lần tòng vong sang Xiêm-la, nổi danh từ trận đại phá thủy quân Tây-sơn ở cửa Thị-nại (1801).

4. Quân Túc-trực, có mặt, chầu chực luôn luôn một bên nhà vua.

http://hoangsa.org

Vào lúc mặt trời lặn, tiểu hạm-đội của Nguyễn-Vương ở vào tầm súng của Đảo Ong Datte (?). Nguyễn-Vương ra hiệu cho Ông Thông Đôn tả (Lê-văn-Duyệt) chuẩn bị 1200 quân Túc-trực để đổ bộ lên bãi cát. (Trang 869) Hồi 7 giờ tối, cuộc đổ bộ đã thực-hiện dưới quyền điều-khiển của Trung-tá Phó-vệ Túc-trực quân; quân-sĩ im lặng đi dọc theo bãi cát, tới gần các pháo-đài và đồn địch mà không có ai phát giác.

Hồi 10 giờ 30 đêm, Nguyễn-Vương tiến vào tới 1/3 tầm súng của các pháo-đài trên bến mà chẳng ai trông thấy; ngài đã cử đội tiên-phong gồm 62 pháo-hạm tới áp mạn ba chiếc tàu địch ở hàng đầu, xông lên nổi lửa đốt và cắt giây cột thuyền để gây hỗn-loạn giữa các tàu đậu ở phía trong. Gió thổi mạnh và nước triều dâng cao rất thuận-lợi cho việc thực-hiện kế-hoạch ấy. Ông Giám-quân (Nguyễn-văn-Trương) thực-thi kế-hoạch; đúng 10 giờ 30, ông khai pháo; Nguyễn-Vương bèn ra ngay lệnh tổng công-kích. 26 chiến-thuyền bắn súng liên hồi và vận-dụng khéo vào khắp bãi biển để tảo-trừ. 1200 quân ta tay cầm súng lắp lưỡi lê chiếm các lũy phòng-ngự trên bãi cát bằng cách đánh tập hậu, phá tan mọi trở lực, chĩa đại-bác vào tận xó cùng của hải-cảng. Bấy giờ Nguyễn-Vương hạ lệnh cho các chiến-thuyền tiến vào bến và cùng dàn trận tấn-công. Lúc ấy, cuộc hỗn-chiến diễn ra đẫm máu; có trông thấy Nguyễn-Vương bấy giờ mới rõ được tài-năng của ngài. Vận-số của ngài lệ-thuộc vào chiến cuộc ấy. Đồn Tam-tông (ở phía Đông) bắn dữ dội vào các chiến-thuyền của Nguyễn-Vương đang ở vào đúng tầm súng. Ông Tổng-thủy (Chưởng-thủy Võ-di-Nguy) bị trúng một phát đại-bác bắn bay đầu; cái chết đột ngột ấy khiến cho quân-sĩ bối rối. Một chiến-thuyền mắc cạn; Ông Thông Đôn tả (Lê-văn-Duyệt) cho người tới chặt đầu viên hạm-trưởng (Trang 870) và nổi lửa đốt ngay thuyền rồi ra lệnh tiến về phía các tàu chằng mũi và chằng lái đậu ngang dưới chân dãy núi ở mé Đông, cũng nổi lửa đốt mà không cần cướp đoạt gì; lệnh ấy được thi-hành cấp-tốc một cách can-đảm và thận-trọng.

Lúc đó, tướng Giám-quân (Nguyễn-văn-Trương), sau khi cho nổi lửa đốt ba chiếc tàu ở hàng đầu trong bến, đã len vào hai phòng-tuyến địch và tấn-công hàng cuối các chiến-thuyền đang chuyển động để tới cứu các tàu phát hỏa. Địch ngạc-nhiên xiết bao khi bị đột-kích vào nơi thật bất ngờ. Hàng đầu bị trúng đạn của pháo-đội trên bãi cát có mấy khẩu đại-bác đã lọt vào tay quân ta, họ ngỡ ngàng do dự một lát. Ông Giám-quân (Nguyễn-văn-Trương) lại còn đốt cả mấy pháo-hạm của mình. Quân địch ở hàng đầu tưởng rằng có sự phản-bội của mấy tướng

http://hoangsa.org

đã làm nội-công cho Nguyễn-Vương. Lúc bấy giờ lòng can-đảm của địch-quân bắt đầu lay chuyển. Tướng Nguyễn-văn-Trương đã thực-hiện được mấy kỳ-tích quý giá. Ông đánh liều một nước cuối cùng, một là gỡ hết, hai là thua gấp đôi. Ông đã tiến vào quá sâu, không thể lùi bước được nữa; vì thế quân lính của ông lồng lộn như bầy hổ chẳng còn biết gì là nguy hiểm; ngọn lửa hồng và tiếng súng vang trong đêm khuya bày ra một cảnh tượng bi-tráng khó tả nên lời. Vào khoảng 4 giờ sáng, lửa cháy lan trên khắp các tàu địch; lúc rạng đông, một phần lớn hạm-đội bị nổ tung làm thiệt mạng cả đoàn thủy-thủ v.v... Các chiến-thuyền và pháo-hạm cầm-cự cho tới 2 giờ 30 chiều ngày 16 tháng giêng năm thứ 61 đời vua Cảnh-Hưng. Nguyễn-Vương bị thiệt hại lớn, mất 4.000 quân tử thương; (Trang 871) nhưng tổn-thất của địch lại to gấp bội. Địch mất ít ra là 50.000 quân, tất cả hải-quân hùng-hậu. 1800 thuyền buồm vận-tống, 6000 cỗ đại-bác đủ cỡ, vô số võ khí và quân-nhu, lương-thực; vàng-bạc, đồ châu ngọc chất đầy túi các tướng-sĩ cùng thuộc-cấp đã làm mồi cho sóng cả.

Nhưng trên thế-gian này làm gì có hạnh-phúc thập toàn. Xin tạm ngưng một lát vì nỗi đau lòng của tôi đã tới cực-độ và tôi không thể mở đầu câu chuyện trước khi thu hết thần-trí.

Trong khi Nguyễn-Vương chiến-thắng địch và dựng vương-kỳ thay thế cờ ngụy thì Đông-cung (Cảnh) đang ngọa trọng bệnh dường như chỉ trông chờ hỷ-tín ấy để được yên lòng nhắm mắt. Đông-cung là một vị hoàng-tử đang tuổi thanh-xuân, được quốc-dân ái-mộ vì lòng nghĩa-hiệp và tính ôn-hòa, là người mà vương-quốc Đàng Trong đặt tất cả kỳ-vọng thiết-tha và êm-dịu, người đã công-khai bênh-vực mọi Âu-kiều do vận rủi hoặc sự ngẫu-nhiên dẫn tới xứ này, vị ân-nhân của chúng tôi và có thể mạn phép coi là người bạn chân-chính, thành-thực, người bảo-vệ tín-ngưỡng và giáo-điều của chúng tôi. Hỡi Trời! giám mong phán-quyết của Trời có thể được con người hiểu nổi; còn như nếu có thể chống lại thiên-mệnh (Trang 872) thì có lẽ đây là một cơ hội để phản-kháng.

Hồi tháng 9, có ba chiếc tàu Áo-môn (Macao) tới đây với vẻ tiều-tụy và thiếu cả cột buồm, v.v... Đông-cung ủy-thác cho tôi giúp đỡ họ; tôi coi ý muốn của ngài như một mệnh-lệnh...

Tôi đã tiếp được 24 khẩu súng trường gửi cho Đông-cung; tôi cử người tới thỉnh lệnh. Đông-cung bảo cứ nhận nếu súng tốt; nếu có khẩu nào hư thì cứ giao cho công-binh xưởng sửa chữa. Tôi đã thi-hành đúng lệnh.

http://hoangsa.org

Quan phụ-tá Đông-cung là Ông Phó-tướng Nguyễn-Công-Thái.

Ông Bóc Tan (?) là vị Hậu-bổ của Đông-cung và là Chủ-tịch Hội-nghị.

Trấn-thủ tỉnh, Giám-thủ nhận cống-tiến phẩm.

Ông Jam Thiagne (Ông Giám?...) là Đô-Trưởng, võ-quan hải-quân, thanh-tra các pháo đài, cầu cống và đường xá v.v...

(Có một đoạn nói về tính gian-ác của Botelho và âm-mưu của y xúi bầy các đại-thần đề gông cùm ông Barisy).

— (Trang 880). Đông-cung đang lâm bệnh-trạng nguy-kịch, nghe thấy tiếng đại-bác nổ, nhiều lần lên tiếng hỏi: « Ô. Barisy đã đi chưa? » Một em nhỏ 10 tuổi đang quạt hầu, thấy Đông-cung ba lần lặp lại câu đó mà chẳng ai dám trả lời, bèn nghẹn ngào nói: « Thưa Điện-hạ, làm sao mà ông ta đi thoát; hiện giờ người ta đã gông cùm ông ta chỉ vì đã được lòng thương của Điện-hạ và của Đức Vua ». Đông-cung bèn nổi giận đùng đùng, cho triệu Ông Tam-quan (?), thủ-tướng và ban những lệnh kinh-khủng; suốt đêm người ta nghe thấy Đông-cung gọi tên từng chúng tôi. Đông-cung mê sảng dữ dội, kêu gọi Phụ-vương đề xin chiếu-cố chúng tôi. Đông-cung cho người sang yêu-cầu giáo-sĩ Liot cầu-khẩn Thượng-đế cho ngài, mong chúng tôi chiếu-cố ngài, và ngài tắt nghỉ lúc 4 giờ sáng. Ô hô! Điện-hạ! tại sao không có thường dân nào chết thay cho ngài? Chúng tôi đây là bốn kẻ bất hạnh vong quốc, không có bạn bè, bị vu-khống và phỉ-báng ở khắp nơi, thì lưỡi kéo của Tử-thần lại không thề cắt đứt đời sống của chúng tôi! Còn vị thần-tượng của một dân-tộc, nhân-vật có thề khai-hóa, canh-tân một Đế-quốc lớn, giáo-hóa, khuếch-trương, huấn-luyện nhân dân thì lại mệnh-chung giữa buổi hoa-niên. Hỡi vị Hoàng-tử yêu dấu và bạc-mệnh, ngài đã ghi tạc vào lòng ân nghĩa của đấng quốc-vương bất hạnh của chúng tôi là Vua Louis Thập-lục, ngài đã ban nhiều ân-huệ cho những kẻ đã phục-vụ ngài và tị-nạn trong lãnh thổ của Phụ-vương ngài; xin ngài nhận cho lòng tôn kính vong linh ngài. Chúng tôi nguyện dựng một linh-miếu thờ ngài trong tâm-khảm. Nếu mắt chúng tôi tràn lệ là do lòng quyến-luyến chân-thành. Quyền-thế, thời vận, của cải chẳng có nghĩa gì so với lòng ái-mộ và mến yêu của chúng tôi đối với ngài.

— (Trang 882). Như tôi đã báo để ông rõ, Nguyễn-Vương có dành cho tôi một chiếc tàu, nhưng tôi còn phải tu sửa. Đông-cung đã cấp cho thợ mộc đóng tàu, thợ nhém thuyền, thợ rèn, đất thô, dầu nhớt, nhựa nhém và mọi thứ cần dùng trong tàu như gỗ, đinh, giây cột thuyền, đại-bác, thuốc súng, đạn lớn, v.v.. Đông-cung mất đi khiến tôi đau đớn

http://hoangsa.org

vô cùng và suốt từ 24 giờ nay cứ ở lỳ trong nhà như kẻ không hồn chẳng biết rằng mình có còn sống chăng. Ngày 28 tháng 3, vào hồi 2 giờ sáng, người ta báo tin chiếc tàu của tôi mắc cạn; tôi bèn chạy ra bờ bể và thấy rõ tàu sắp lật trúc.

— (Trang 888). Tôi chỉ gặp trong vòng 5 phút Ông Henderson cùng với Ong Leon Toune (?), hoàng-tử thứ hai con Nguyễn-Vương lên Tàu Phượng tìm tôi vào lúc 7 giờ tối và rủ cùng lên tàu Anh coi cho biết vợ ông Henderson.

(Có một đoạn nói về hạnh-kiểm bất chính của bà Henderson.)

— (Trang 890) Mãi tới 3 giờ chiều ngày 23 tháng 5 tôi mới hay rằng Thuyền-trưởng R. Henderson bị bệnh. Chính Nguyễn-Vương đã gọi tôi tới và cho biết tin rồi bảo tôi đi theo Thái-y trưởng; lên tới tàu tôi trông thấy thuyền-trưởng Abrau mang một số đồ hộp.

(Có một đoạn phê-bình cách điều-trị của vợ ông Henderson).

— (Trang 891). Vị Thái-y đã tâu với Nguyễn-Vương rằng bệnh-nhân bị trúng phong điều mà chúng tôi hiểu là chứng bí phát hãn (không ra mồ hôi). Vào khoảng 3 giờ sáng, bà Henderson cho người tới tìm tôi nhưng tôi trả lời rằng vì thủy-thủ hiện diện đông đủ, tôi không thể nào rời tàu.

Người ta bèn đi kiếm Ông Chaigneau, thuyền-trưởng tàu Long; cũng như tôi, ông này cho biết không thể rời tàu. Hồi 9 giờ sáng, khi Nguyễn-Vương thức dậy, tôi báo ngài hay tin thuyền-trưởng Henderson đã chết trên một chiếc xuồng đậu dọc theo chiến-hạm của tôi. Nguyễn-Vương đã chỉ-định một ủy-ban gồm vị Thái-y trưởng, Đại-tá Wa Teou (?), ông Jalreau, thuyền-trưởng tàu Jur (?), ông J.B. Chaigneau, thuyền-trưởng tàu Long, Philippe Vannier, lữ-trưởng hải-quân, ông Godefroi de Forçans, thuyền-trưởng tàu Bằng-phi. Rồi Nguyễn-Vương cử ngay tôi lên tàu để tịch-thu các giấy tờ hầu tránh sự biển thủ.

(Có một đoạn ghi cuộc thảo-luận ngắn không kết-quả với vợ ông Henderson).

— (Trang 894). Ngày 27, Nguyễn-Vương ra lệnh cho tôi lên tàu ấy (chiếc tàu Anh do Henderson điều khiển trước kia) đem giao hoàn cho các sở-hữu chủ. Tôi đã dẫn tàu sang Quảng-châu (Canton), ở lại đây trong nhiều tháng mà chẳng thấy ai nói gì với tôi. Nguyễn-Vương đã cần dùng tàu và giữ lại trong một tháng. Tôi đã tìm ra lý-do trong một

http://hoangsa.org

cuốn sổ, đồng thời cả lời của Nguyễn-Vương cam-kết bồi hoàn số tăng-gia tiền thuê.

Một chiếc bàn giấy của ông Henderson đã do vợ bán cho ông Chaigneau ở Nha-Trang; sách vở thì được giao cho thuyền-trưởng J. Purefoi. Ông Henderson còn thiếu nợ ông Barisy 800 đồng bạc nhưng ông này sợ làm cho câu chuyện thêm to, e rằng thế nào bà Henderson cũng tới đòi Nguyễn-Vương những gì thuộc quyền sở-hữu của chồng và như vậy sẽ làm tổn hại cho tàu nào có chứa chấp phụ-nữ.

Vả chăng, theo luật-pháp của vương-quốc thì sau khi chồng chết người vợ được hưởng tất cả di-sản; tại đây người ta chỉ kể vào hàng vợ lẽ nếu thấy có nhiều súc thiếp, mà bà Henderson lại là người vợ duy-nhất; (trang 896) vậy thì chẳng còn gì để hồ-nghi về nhân-hệ của bà ta đối với kẻ quá cố và luật-pháp dành cho bà ta quyền hưởng tất cả di-sản của chồng; tôi chẳng có thể nói gì được. (Vả chăng Ô. Barisy vẫn phải coi chừng mụ này).

— (Trang 898) Ngày 10 âl. tháng này, tôi nhập ngũ và tới nhiệm-sở; hễ có một chiếc tàu Anh nào cập bến thì tôi sẽ đi Quảng-châu để hội-đàm với các vị mại-bản tàu thủy và tìm hiểu qua về lai lịch của Botelho.

* *Thư của Ông Liot viết cho Ô. Letondal từ Saigon ngày 13-4-1801* (Trang 899-906)

— (Trang 901) Như ông đã rõ, ngoài ngôi nhà của cố Giám-mục, Nguyễn-Vương dành cho tôi binh lính mà phần lớn nộp cho tôi hàng năm một số tiền; đó là nguồn lợi-tức của tôi.

— (Trang 902). Nguyễn-Vương ra trận từ tháng năm. Ngài đã luôn luôn chiến-thắng trong khắp các trận cho tới gần đây ngài thiêu-hủy được ở bến Qui-nhơn toàn thể chiến-thuyền của Tây-sơn; đó là chiến-công lớn nhất mà ngài đã thực-hiện được. Tuy bị thua đậm, nguỵ quân vẫn lưu lại Qui-nhơn và tin rằng nếu họ rút lui về Huế thì Nguyễn-Vương sẽ theo chân họ liền và như vậy thì sẽ hoàn-toàn thất-bại. Nhưng chắc chẳng bao lâu họ buộc phải rút về vì nỗi thiếu lương-thực mà Nguyễn-Vương thì cứ tiếp tục đánh cho mệt lữ khiến họ chẳng còn đủ sức cầm-cự lâu nữa. Nguyễn-Vương đã chuẩn bị đầy đủ để kịp ra kinh-thành Huế ngay khi Tây-sơn rút khỏi Qui-nhơn.

Vương-tộc và Giáo-hội đã cùng chịu một cái tang lớn. Vị hoàng-tử trẻ tuổi mà Đức Giám-mục đã dẫn sang Pháp trước kia mới mất vì bệnh

http://hoangsa.org

đậu mùa vào ngày 21 tháng 3 năm nay. Dân-chúng tiếc thương ngài vô cùng và đặc-biệt là các tín-đồ Cơ-đốc giáo... Hoàng-tử để lại bốn con trai, người lớn nhất mới hơn bốn tuổi đầu. Các hoàng-tôn này sẽ kế vị hoàng-tử. Ngoài Đông-cung, còn có một hoàng-tử nữa lên 19 tuổi đang dự chiến cùng phụ-vương. Chắc chắn là ông hoàng này sẽ được cử vào đây cầm quyền thay anh: ông ta đã hỗ-tòng trưởng-huynh cho tới khi Đức Giám-mục Bá-đa-Lộc viên-tịch. Cố Giám-mục đã giáo-huấn cả hai người. Vì thế ông ta rất tôn kính Đức Cha. Tôi cũng quen biết riêng và được ông ta tín nhiệm, như vậy tôi cũng được an-ủy phần nào trước cái chết của Đông-cung.

Đến lượt Linh-mục Paul viên-tịch. Một bà con thân-thích của Đông-cung (là tín-đồ Cơ-đốc giáo) trước có tháp-tùng ngài sang Pháp, ở vào địa-vị cao nhất trong vương-phủ, được kính trọng vô cùng tại Triều-đình vì có nhiều đức-tính và đã có công đi sứ sang Pháp, lại là anh em thúc-bá của Vương-phi, cũng mệnh-chung ngày mùng một tháng ba năm nay. Vị thân-vương này đã chịu đủ phép bí-tích thực-hiện với niềm sùng-tín cao thâm.

— (Trang 905) Chiếc tàu Anh năm ngoái đã chở Ô. Barisy sang Trung-hoa và do chính ông điều khiển, thuộc hãng Rœbuck, Abbott và Công-ti là một trong những hãng lớn nhất ở Madras. Khi tàu ấy tới Đàng Trong, Nguyễn-Vương đã tiếp thuyền-trưởng Anderson rất long trọng. Một hôm thiết triều, một sĩ-quan Pháp nhân danh Nguyễn-Vương đã ra bờ sông đón, mời ông ta lên một chiếc kiệu trần-thiết sẵn và vào cung với vị sĩ-quan và thị-vệ quân tháp-tùng. Hai bên các thông lộ trong hoàng-thành có lính bồng súng dàn chào. Các quan tập-hợp đông đủ với lễ phục và triều miện, có cả Nguyễn-Vương ngự trên ngai. Sau một cuộc đàm-thoại ngắn theo lễ-pháp và hỏi về cuộc hành-trình do Ô. Anderson thực-hiện ngược chiều gió mùa, Nguyễn-Vương nói với ông ta: «Đại sư-phó đã mất nhưng có một vị tân sư-phó mệnh-danh Liot kế nhậm cũng được chúng tôi hoàn toàn tin cậy. Vậy ông sẽ hầu chuyện với Đức Giám-mục về những điều quan-thiết. Ông hãy đến thăm ngài». Nói tới đây, Nguyễn-Vương hướng về phía các thuyền-trưởng Pháp và bảo họ cùng đi với Ô. Anderson. Cuộc đãi-ngộ ấy khiến cho viên thuyền-trưởng Anh vui lòng cực độ cũng như cách đối-xử với ông ta về sau; vì thế nên trong thư từ gửi về Madras, ông ấy đã nói hay đủ thứ cho Nguyễn-Vương và tôi. Chiếc tàu do Ô. Anderson điều-khiển còn phải trở lại đây.

http://hoangsa.org

* *Thư của Ô. Barisy viết cho Ô. Letondal hay Marquini ngày 16-4-1801* (Trang 915-918).

— (Trang 915). Lúc nào chúng tôi cũng mong thư tín của Nguyễn-Vương và tất cả mọi người ở đây hết sức nóng lòng: nông-dân, công-nhân, binh-lính, ai nấy đều áy náy, bồn chồn. Tại đây bọn ngụy có đặt nội-công giữ bí mật, không ai rõ tung-tích và thỉnh-thoảng có những tin đồn báo nguy làm cho nhân-dân mấy tỉnh này xao-xuyến vô cùng.

Ngày 13 tháng này, vào hồi 2g30, có lửa nổi cháy tại năm nơi khác nhau: kho thóc, kho vải, kho tơ-lụa, cung chúa và dinh Đông-cung. Rất may là không một kho nào bén lửa vì người ta đã phát-giác ngay được. Tại dinh Đông-cung lửa đặt tại nhiều chỗ nhưng đã không lan vào trong, chỉ thiêu cháy doanh-trại của đạo Tả-quân; nhờ vậy, chúng tôi đã thoát nạn, không thiệt-hại mấy tí.

10.000 bộ-quân (Trang 916) dưới quyền của Phó-tướng Nguyễn-Công-Thái (vốn không ưa gì người Bồ và chẳng những thế) khởi-hành ngày 10 tháng 3 âm-lịch để tới tăng-cường đạo quân của Nguyễn-Vương. 30 ghe chiến cùng chiếc tàu của tôi, 20 chiến thuyền và 100 pháo-hạm hộ-tống đoàn viện-binh; chắc chắn là tôi được cử đi hàng đầu để rồi trở lại Saigon hộ-tống đạo viện-binh thứ hai.

(Đoạn này Ô. Barisy tường thuật vụ mất chiếc tàu Bồ nông có mang 18.600 đồng bạc, chưa kể những quân-nhu phẩm và giấy tờ trong số có một văn-thư của Đông-cung giới-thiệu tàu tại đảo Bornéo là nơi tàu định tiến sang. Ít người trong quân-giới đã trải qua những nỗi phù-trầm ở đời nhiều như Ô. *Barisy*; năm 17 tuổi làm sĩ-quan phục vụ nước Pháp với chức thuyền-trưởng tàu « L'ongre du Roi L'oiseau; năm 18 tuổi, tàng-sự trên một thương-thuyền vận-tống với chức đệ-nhị hải-quân đại-úy; năm 21 tuổi, làm thiếu-tá tại đảo Froix ở bờ bể xứ Bretagne; năm 23 tuổi, là một quân-nhân đào-vong lang thang trong nước Thổ-nhĩ-kỳ (trang 617) đã thấy chú tôi là Ô. de Flotte, Đô-đốc ở Toulon bị sát hại, chú Boisquerrai ở Lorient bị tước quyền, đuổng đuổi, lưu đày, chú Barisy là giáo-sĩ bị giam cầm trong một ngục-thất; anh rể tôi là Ô. Lorach bị xử giảo; rồi cuối cùng là tôi, lang thang ở bên Ấn-độ, rơi vào tay người Mã-lai; sau khi chịu mọi khổ-sai và gia-hình, trốn thoát được, tới Đàng-Trong; may mắn được Nguyễn-Vương có lòng nhân-đức bao-dung, khiến tôi có thể nhặt nhạnh chút ít để dưỡng lão, nhưng rồi lại bị thuyền-trưởng Thomas coi tàu Nonsuch bắt-thủ; rồi sau thoát-ly để quay về Đàng Trong và lại được Nguyễn-Vương

http://hoangsa.org

cùng Đông-cung nâng đỡ ; tôi dành dụm được một chục ngàn đồng bạc nhưng rồi lại bị gông cùm, mất hết cả tài-sản mọn, còn bị khép tội đầu độc, cướp đoạt, mưu sát, cả ngần ấy tội trong vòng tám ngày mà không có thể tìm nổi chứng-cớ nào khả nghi.

Tôi bất cần mà cũng không chán-nản vì tin tưởng rằng người Anh sẽ thấy tôi vô tội và có thiện ý. Chẳng có ai quyến luyến thành-thực với họ bằng tôi và bạn tôi là hiệp-sĩ de Courson, nguyên chiến-hữu trong hải-quân ; bạn tôi thuộc một vọng-tộc xứ Bretagne, là cháu đức Giám-mục địa-phận Dol, bị hành-quyết trên đoạn đầu đài, còn đau khổ hơn tôi nhiều. Nhà quý-phái Milord Nornington đã dành cho anh ta chức Giám-đốc còn để chống ở Pondichéry.

Tôi hiện đang ở Đàng Trong. Cầu Thượng-Đế phù-hộ cho Nguyễn-Vương cùng bảo-quyến.

(Có một đoạn trong thư biểu-lộ lòng tri-ân đối với người Anh bảo-vệ cho những người Pháp tị-nạn).

* *Thư của Giám-mục De Véren viết cho Ô. Letondal ở miền Thượng Đàng Trong ngày 15.6.1801* (Trang 919-922).

— (Trang 919) Rốt cuộc, kìa đạo quân Đồng-nai mà chúng tôi mỏi mắt trông chờ đã tới Phú-Xuân ; ngày 11, hải-quân xuất-hiện trước bến. Hôm sau, nhằm ngày Thánh-tâm Chúa Jésus, trong khi các tu-sĩ đang cầu nguyện cho hòa-bình, thì hải-quân ấy vượt được mọi trở-lực và tàn-phá tất cả các đồn-lũy do Tây-sơn đã thiết-lập trên bến để ngăn-chặn lối vào. Trận đánh không kéo dài suốt một ngày một đêm ; sau đó, đạo-quân của Nguyễn-Vương đã vào tới bến và lập tức quân Tây-sơn bỏ chạy. Tiếm-Vương bị bắt cùng với các hoàng-đệ và đa số triều-thần ; nếu có kẻ nào chạy trốn thì cũng bị bắt ngay. Về phần các quan theo ngụy-triều hiện ở Đàng Ngoài thì một khi kinh thành bị hạ và Tiếm-Vương bị bắt, chắc họ chẳng còn có thể chống lại lực-lượng Đồng-nai. Như thế là Chúa Nguyễn ở Đồng-nai, trước kia đã mất cả giang-sơn, lại sắp có những hai vương-quốc để thống-trị.

* *Thư của Ô. Girard gửi cho Ô. Letondal ngày 25.6.1801* (Trang 925-926).

(Thư này cũng báo những tin kể trên, nhưng theo Ô. Girard thì Tiếm-Vương (Cảnh-Thịnh) đã chạy thoát).

— (Trang 924). Tuy nhiên, còn hai đại-tướng của Tây-sơn vẫn ở lại tỉnh Qui-nhơn cùng với một đạo quân hùng-hậu. Đó là hai võ-tướng

http://hoangsa.org

nổi danh nhất nhưng chẳng có vẻ gì cho thấy họ có thể chấn-hưng phe Tây-sơn ở Đàng Trong.

* *Thư của Ô. Liot viết cho Ô. X.... ở Saigon ngày 2-7-1801* (Trang 927-937)

(Trong đoạn đầu, tác-giả giải rõ vụ Barisy-Botelho ; chỉ-trách Boteho).

— (Trang 934). (Tác-giả ái-ngại cho ông Barisy). Chiếc tàu của ông ta đã bị thu hồi. Ông ấy chở gạo của chính-phủ ra Qui-nhơn cho Nguyễn-Vương. Nguyễn-Vương rất xúc-động về rủi ro đã xảy ra cho ông ta, thu dụng ông ta làm việc trên soái-hạm và tháp tùng ngài ra Huế là nơi ngài đã chiếm được triều-đình từ 20 ngày rồi. Hoàng Trớt (Tiếm Vương Cảnh-Thịnh trước ngự-trị ở Huế) đã chạy trốn cùng 300 người trong họ ; nhiều triều-thần Tây-sơn đã bị bắt ; quân lính và dân Kinh-thành đã hàng-phục ngay Nguyễn-Vương, (Trang 935) Chiếu-chỉ của Nguyễn-Vương đã gửi ra đây từ mấy ngày, không bổ-cáo thêm điều gì. Nguyễn-Vương đã nhập triều với một phần quân-sĩ (trong hàng ngũ có cả ba sĩ-quan Pháp), phần khác lưu lại Qui-nhơn nơi mà địch vẫn còn bao vây thành-trì do Phò-mã (Võ-Tính) là em rể Nguyễn-Vương còn cố-thủ. Dường như sau khi xếp đặt xong mọi việc tại Triều-đình, Nguyễn-Vương sẽ trưng binh tại chỗ và trở lại Qui-nhơn để đánh tan quân Tây-sơn, giải vây thành-trì. Hầu như địch-quân chẳng còn có thể cầm cự nổi trước đà thắng của Nguyễn-Vương, trừ phi ngài không còn muốn trừng-trị ngụy triều khốn-đốn.

(Một đoạn trong thư tường thuật cái chết của Ông Le Labousse. Đông-cung mệnh-chung, để lại bốn con trai, hoàng-tôn lớn nhất mới lên 5 tuổi rưỡi).

* *Thư của Giám-mục Labartette gửi cho Ông Letondal ngày 10-7-1801* (Trang 943-945)

— (Trang 945). Dường như Nguyễn-Vương rất muốn giao-thương với người Anh ; chứng cớ là Thuyền-trưởng Barisy, tuy là *người Pháp* và giúp việc Nguyễn-Vương ở đây, được gia-nạp hoặc ít ra có liên-lạc mật thiết với một công ti Anh ở Madras. Người ta đã cho biết tên Công ti này nhưng tôi quên mất. Nói riêng để Ông rõ rằng Nguyễn-Vương chẳng ưa gì người Bồ-đào-nha. Sau khi lên ngôi kế vị tổ tiên và cách đây mấy ngày, ngài có nói rằng ngài rất đội ơn Trời đã khiến người Bồ chẳng hề góp chút công nào giúp ngài chiến-thắng ; ngài rất lấy làm mừng không mắc ơn gì đối với họ, nhưng Nguyễn-Vương cũng đã

http://hoangsa.org

tâm-sự rằng có mang ơn người Pháp rất nhiều và sẽ chẳng bao giờ quên ân-trạch của vương-tộc Bourbon. Ngài đã nói với các sĩ-quan Pháp rằng sau khi tái-lập hòa-bình vững chắc ở đây, nếu dòng dõi Bourbon được trở lại Pháp để trị-vì thì ngài trù-định cử một sứ-đoàn sang cảm-tạ về mọi thiện-cử. Ngài ở vào thế có thể làm được việc ấy : vả chăng ngài vốn là người tri ân, cao thượng và khoan-đại. Nếu Thượng-Đế còn để Nguyễn-Vương sống thêm hai mươi tuổi nữa, ngài sẽ làm cho Đàng-Trong rất hùng-cường. Ngài là người uyên-bác và hiểu biết tất cả. Ngài đã trao đổi văn-thư với nhiều người Âu. Ngài nhất quyết muốn tổ-chức nền thương-mại trong nước; gần một năm rưỡi trước đây có một tàu Anh đã cặp bến ở Đồng-nai ; ngài cử người ra tiếp vị thuyền-trưởng và chiếc tàu tại bến với tính-cách long-trọng và vẽ lộng-lẫy khiến cho vị thuyền-trưởng rất ngạc-nhiên. Ông ta chưa biết tỏ lòng tri ân Nguyễn-Vương cách nào thì chẳng may lại chết đột ngột tại bến trong khi sắp trở về thành Madras. Cái tang ấy khiến Nguyễn-Vương rất ưu-phiền nhưng ngài cũng làm thêm một thiện-cử trong dịp này : ngài muốn rằng sau khi lập bảng mục-lục chính-xác liệt kê mọi tài sản trong tàu, Ông Barisy sẽ thân dẫn chiếc tàu sang giao-hoàn cho Công-ti ở Madras. Những hành động kể trên cho ông thấy tâm-địa của Nguyễn-Vương tốt như thế nào. Còn về công của Linh-mục Loreiro trước kia đã giúp cho người Anh về vụ tàu ấy thì ở đây ai nấy đều biết cả.

* *Thư của Ông Barisy viết cho hai ông Marquini và Letondal ngày 16-7-1801 trên chiến-hạm Thiếu phó Thoại đậu tại bến Cửa Hàn.*
(Trang 951-970)

— (Trang 951) Thư trước của tôi đề ngày 10 tháng 5 đã báo quý ông rõ việc hạ thành Đà-nẵng (Tourane), chiếm được đồn-trại, 30 thớt voi, 84 khẩu đại-bác bằng đồng, thiêu-hủy các kho thóc của ngụy, chiếm đoạt nhiều kho quân-phục và tiền bạc. Chiến-thắng ấy mới chỉ là màn đầu của cuộc đại tấn công mà Nguyễn-Vương sẽ thực-hiện.

Ngày 27 tháng 5, đạo-binh của Tả-quân có tôi tham-dự và đặt dưới quyền điều khiển của Phó-Tướng (Nguyễn-Công-Thái) là Tham-mưu Trưởng đã ra tới Qui-nhơn. Nguyễn-Vương duyệt binh ; quân-lực gồm 10.900 bộ binh, 27 chiến-thuyền và rất nhiều pháo-hạm, v.v...

— (Trang 952). Chúng tôi lưu lại Qui-nhơn cho tới ngày 3 tháng 6 mới sửa soạn nhổ neo tiến ra Đà-nẵng. Nguyễn-Vương chỉ-huy cả bộ

http://hoangsa.org

và thủy-quân; tôi trực-thuộc ngài với chức thuyền-trưởng soái-hạm mang hiệu-kỳ và có ngài ngự.

Hải-lực gồm có:

— Tàu Thái-phó Toại mang 36 khẩu đại-bác
— 15 tàu Toại mang 18 khẩu đại-bác có khẩu-kính 12
— 42 chiến-thuyền mang 1 khẩu đại-bác có khẩu-kính 36
— 300 pháo-hạm mang 1 khẩu đại-bác có khẩu-kính 4

Chuyến này có 15.000 quân đồ-bộ thuộc quyền điều-khiển của các tướng: Đinh-tả, Đinh-tiền, Tổng Đôn tá (Lê-văn-Duyệt).

Ngày 7 tháng 6, chúng tôi tới Đà-nẵng và gặp phân hạm-đội do Ông Giám-quân (Nguyễn-văn-Trương) chỉ huy; xưa kia tướng này đã dự sứ đoàn sang Pháp. Phân-hạm đội này gồm có:

Tàu Long phi mang 32 khẩu đại-bác, đặt dưới quyền điều-khiển của Ô. Chaigneau

Tàu Bằng phi mang 26 khẩu đại-bác, đặt dưới quyền điều-khiển của Ô. de Forçans

Tàu Phượng mang 26 khẩu đại-bác, đặt dưới quyền điều-khiển của Ô. Vannier

3 tàu mang 18 khẩu đại-bác, khẩu kính 12 đặt dưới quyền điều-khiển của Ô. Saint Phalle

30 pháo-hạm.

Ngày 9 tháng 6, chúng tôi cùng sửa soạn nhổ neo lúc 4 giờ sáng. Ngày 11 tháng 6, chúng tôi thả neo ở cửa sông Hương, trong tầm đại-bác của các đồn ở hà-khẩu. Đạo quân của chúng tôi chia ra làm hai. Tất cả các tàu và 30 pháo-hạm họp thành một phân hạm thuộc quyền chỉ-huy của Ông Giám-quân, phong-tỏa cửa phía Tây gọi là Cửa Hàn. Còn cửa phía Đông gọi là Cửa Ông bị tấn-công bởi Nguyễn-Vương và các tướng đã nêu tên trên đây, chỉ-huy 45 chiến-thuyền, 300 pháo-hạm và 15.000 quân đồ bộ.

Sau đây là biểu-diện của sông Hương:

Hồi 5 giờ sáng ngày 15, chiến-thuyền của chúng tôi dàn thế trận thành ba phòng tuyến xen vào có những pháo-hạm và tiến tới Cửa Ông, Khi thuyền tới giữa tầm súng, đại-bác từ ba đồn nhằm vào chúng tôi mà khai hỏa. Các thuyền bị đạn mà không trả miếng cho tới lúc đến tận cửa sông đang có mực nước rất thấp và, hơn nữa, chứa đầy vật-liệu đủ loại, thêm nhiều cọc và giằm gỗ; bấy giờ các chiến thuyền và pháo-

http://hoangsa.org

hạm bị mắc cạn, lâm vào cảnh tiến thoái lưỡng nan. Địch quân xướng cuồng lên và gia-tăng hỏa-lực. Nguyễn-Vương thấy bị lâm nguy bèn hạ lệnh cho quân sĩ nhảy xuống nước rồi tập-hợp trên bờ dưới trận mưa đạn của đồn địch. Tuy mắc cạn, các thuyền của Nguyễn-Vương bắn dữ dội và các pháo-hạm may mắn vượt qua được hàng rào cản ở cửa sông.

Nguyên-súy là em rể Tiếm-Vương lúc đó ở trong đồn cùng với 10.000 quân tinh-nhuệ nhất; tướng ấy tưởng chỉ còn có việc tiến bước ra và chộp lấy quân-sĩ của chúng tôi dễ như người ta bắt cừu trong một thảo-trường; nhưng vị tướng bất hạnh ấy bị tóm gọn; khi ra khỏi đồn độ 10000m thì bắt gặp những vệ-binh tức đội quân Túc-trực cầm súng đầu cắm lưỡi lê hăng hái xung-phong; các quân sĩ khác từ trong thuyền tiến ra theo hai bên hông và tập hậu. Bấy giờ tướng địch bị vây tứ phía, không còn liên-lạc được với các đồn. Khi thấy quân của Nguyễn-Vương hùng hổ tiến lên rất hăng hái, địch tính không còn cách nào chạy cho thoát, bèn xin tha mạng, nhưng quân bên ta say máu như điếc và không còn nghe lệnh của các tướng; phải khó khăn lắm mới giành lại tự tay họ con mồi là Phò-mã (Nguyễn-văn-Trị) còn sống để bắt giải nộp; Nguyễn-Vương bèn hạ lệnh xiềng xích.

Suốt ngày, quân sĩ sửa soạn đánh các đồn lũy khác. Nhưng trong dòng sông, địch có 9 chiếc tàu thuộc hải-quân gồm 65 tàu đã từ Đàng Ngoài vào và thả neo trong bến từ đêm hôm 10; các tàu khác ở cách xa quân đội chúng tôi hai dặm nhưng nhờ tốc-độ cao nên đã chạy thoát. Ngoài số 10 tàu, địch còn có 14 chiến thuyền với nhiều pháo-hạm đặt dưới quyền chỉ-huy của Tư-mã Nội và đầy nhóc quân. Chúng tôi đứng trong đài ngắm sẵn ống viễn kính và thấy rõ mặt của những tướng sĩ chủ-động. Vào khoảng 10 giờ sáng thì hàng tiên-phong của chúng tôi gồm các pháo-hạm do Đại tá liên đội Phấn-đức chỉ-huy tiến tới tầm súng của pháo-binh địch; hải-quân địch thả neo đậu theo hình lưỡi liềm dưới sự bảo vệ của các pháo-đội bắn lối giao xạ (tréo nhau); những chiến-thuyền của chúng tôi từ từ tiến và mò đường vì không thông tỏ lòng sông bấy giờ cạn nước lại trùng lúc triều xuống. Chúng tôi thấy các pháo-hạm địch chuyển động và đếm được 27 chiếc; họ tiến về phía chiến-thuyền của chúng tôi. Tướng địch mà người ta nhận ra được nhờ pháo-hạm và hạm kỳ bằng lụa đỏ treo trên ngọn cột buồm dựng ở phía trước. Ngọn cờ ấy cứ phấp phới bay như muốn thúc giục quân sĩ. Nguyễn-Vương chưa kịp tỏ nỗi khinh-hoàng. Đại tá chỉ huy liên-đội Phấn-đức không bắn qua một phát súng vào, xông vào áp mạn các pháo-hạm. Bấy giờ chúng tôi chứng kiến một kịch-chiến ngắn ngủi nhưng đẫm máu; các

http://hoangsa.org

đồn địch nổ súng bừa bãi, chẳng phân biệt nỗi tàu nhà với tàu thù. Nhưng chỉ trong vòng năm phút, chúng tôi đã thấy cờ vàng thay thế ngọn cờ đỏ trên cột buồm.

Trong khoảng thời gian ấy, các chiến-thuyền và đoàn pháo-hạm của chúng tôi tiến tới ; chúng tôi thấy tất cả đều xông vào áp mạn các thuyền và tàu địch ; rồi họ đổ bộ ở chân đồn xông lên công phá. Đến trưa, khắp nơi đều im lặng. Lửa cháy trên nhiều tàu bày ra một quang-cảnh duyệt-mục ; bãi cát đối diện với nơi hải-quân chúng tôi thả neo đông nghẹt người đào tẩu vừa tầm mắt thấy rõ.

Nguyễn-Vương đã ngược dòng sông cùng với toàn thể quân-đội và hồi 3 giờ chiều thì tới bến (trang 955) tiếp-giáp với hoàng-cung của tiên-tổ. Dân cư phủ-phục ở bờ sông như chờ nghe phán-quyết do Thắng-Vương sắp tuyên-đọc. Trong cảnh im lặng như tờ, họ hồi-tưởng những vụ đã làm mích lòng chúa Nguyễn mà kinh sợ và khó bề yên tâm.

Vì thế họ hết sức ngạc-nhiên khi thay vì chạm trán với một kẻ chiến-thắng xung gan vào kinh-thành, họ đã gặp một người lớn và một người cha nhân-từ có lòng khoan-thứ ; vẻ bình-tĩnh và ôn-hậu hiện trên dung-nhan Nguyễn-Vương là cát-triệu hứa hẹn những gì họ đang mong đợi cho tương-lai. Tất cả quân-đội dự chiến chờ lệnh của Nguyễn-Vương trong cảnh lặng phắc. Vào khoảng 6 giờ chiều, ngài ra lệnh cho toàn thể quân-sĩ lại xuống thuyền và chính ngài cũng ngự-ngọa trên soái-hạm sau khi đặt một đội vệ-binh tại khắp các khu phố. Ngài có ban lệnh triệt để cấm việc cướp bóc ; kẻ nào phạm tội này sẽ bị khép vào tử-hình.

Ngài 15 tháng 6 năm 1801, lúc 8 giờ sáng, nhằm vào tháng 5 năm thứ 62 đời vua Cảnh-Hưng, và là năm thứ 27 của ngụy triều Tây-sơn (một dòng họ xuất phát từ miền núi), người cháu của cố-quân Định-vương (tức Nguyễn-phúc-Thuần, em thân vương Nguyễn-phúc-Luân, sinh ra Nguyễn-Vượng Ánh) đã trở lại Kinh-thành của vương-quốc Đàng Trong. Nguyễn-Vương không vào nội cung mà ngự tọa tại đại-điện ở phía ngoài, nơi dân chúng thường tập hợp để tung-hô quốc-vương vào dịp đăng-quang. (trang 956).

Chính tại đại-điện, vào lúc 10 giờ sáng, tôi đã thấy Nguyễn vương có đông quần chúng gồm cả nam nữ đủ lứa tuổi đứng bao quanh : một đội thị-vệ lựa thưa không bận y-phục tráng lệ đứng hầu cạnh ngài. Thấy tôi từ xa, ngài đã gọi và hỏi về bệnh tình ông Chaigneau ra sao khi tôi rời tàu. (Nên chú ý rằng Nguyễn-Vương đã cho người đi lấy tin

http://hoangsa.org

tức ngay đêm hôm chiếm xong Cửa Ông). Bấy giờ ông Chaigneau đang đau nặng). Tôi kể sơ qua chuyện này để Quý vị hiểu rõ tâm-hồn của vị chúa này.

Sau đó, Nguyễn-Vương hỏi tôi đã trông thấy các ngụy-tướng chưa; thấy tôi đáp rằng chưa, ngài ra lệnh cho giải họ tới. Rồi ngài bảo tôi đi xem các chị em của Tiếm-Vương (Cảnh-Thịnh). Tôi đã tuân lệnh. Những nữ tù-nhân này ở một ngôi nhà kín hơi tối, thiếu vẻ thanh-nhã; trong cảnh-huống của họ, có sự tương-phản rõ rệt giữa quá-khứ và hiện-tại. Tất cả có 5 người; một 16 tuổi rất đẹp, một thiếu-nữ 12 tuổi, con Vương-phi Đàng Ngoài, dung mạo tầm-thường; còn 3 người khác từ 16 đến 18 tuổi có nước da hơi sẫm nhưng dung mạo xinh đẹp. Còn có 3 thiếu niên, một người 15 tuổi cũng có nước da sẫm và nét mặt bình phàm, 2 thiếu-niên khác 12 tuổi cũng là con Vương-phi Đàng Ngoài, có dung-mạo và cách kiều-sức khả-ái. Sau cuộc thăm qua, tôi được dẫn tới một ngục-thất khác. Tại đây tôi thấy Bà Thiệu Đoan, vợ của Vị Tư-đồ Võ văn Dũng, tướng chỉ-huy hải-quân mà Nguyễn-Vương đã thiêu-hủy ở Qui-nhơn; bà ta có nhan sắc, vẻ nhu mì và lễ-độ; thân-mẫu của Tư đồ tuổi chừng 45 đến 50 tuổi; bà đàm-đạo lâu với tôi và cảm thán về vận-số chẳng may. Trong một ngục-thất khác không xa, có thân-mẫu của vị Thiếu-phó, tướng chỉ-huy đạo-quân bao vây thành Qui-nhơn. Bà ta độ 55 tuổi và có nhan-sắc.Trong trạng-huống bất-hạnh, bà tỏ ra rất cương-quyết, có vẻ trinh-thục và không tự-tôn. Rồi tới vợ Phò-mã Nguyễn văn Trị, là chị ruột của Tiếm-Vương. Còn bà Tư-Khấu Định, vợ Tướng chỉ-huy pháo-binh, có võ-tướng; Bà Tham-lĩnh Thông, vợ Phó Đô-đốc hải-quân và sau nữa còn rất nhiều người, muốn nhớ hết phải ghi cả một niên-giám trong ký-ức.

Nguyễn-Vương đã để cho cướp phá tất cả dinh-thự của các tướng địch và tôi tức giận các binh-lính đã đập vỡ và phá-hủy tất cả những thứ lọt vào tay họ; chắc chắn có những tòa nhà tuy xây cất theo lối Trung-hoa nhưng nếu ở Paris thì có lẽ được coi là những lâu đài tráng-lệ, nhiều vườn đẹp trồng nhiều dị thảo và nhiều bình choé Nhật-bản.

Tóm lại, đó là chung-cục việc báo-thù của Nguyễn-Vương và chắc hẳn là nỗi oán-cừu của ngài rất hời hợt.

Khi nghe tin Nguyễn-Vương và binh sĩ lên đường, tướng địch chỉ-huy đại quân ở Qui-nhơn đã không thể tin rằng ngài dám tấn-công Kinh-thành (Phú-Xuân) và hẳn lượng chừng rằng nếu có tấn-công thì ngài sẽ thua sút và nhất định là phải như vậy theo sự-tình kinh-quá.

http://hoangsa.org

Tuy địch-quân đóng trong các đồn ở cửa sông đã chết bộn, Nguyễn-Vương cũng bắt được 13.760 người và còn biết bao kẻ đã đào tẩu. Nguyễn-Vương thu được 284 khẩu đại-bác và nhiều súng cối ngắn bằng gang do Paul Da Crus[1] đúc năm 1670, cùng nhiều võ khí đủ loại.

Tiếm-Vương có tên là Wan Tot (Hoàng-Trớt) đã tới bằng thuyền để có mặt tại trận và làm phấn-khởi quân-đội; trên bờ đại lộ Hoàng-Trớt có 70 thớt voi với 2000 quân tinh-nhuệ. Nhưng khi mà nguyên-súy Tư-mã Nội cho đem tin tới báo rằng đã hoàn-toàn thất-bại và khuyên nên tẩu thoát, thì Tiếm-Vương bèn trèo lên lưng một thớt voi và ngay lúc đó, Tư-mã Nội vừa tới; nhưng vị phụ tá của tướng này không may mắn bằng và đã bị bắt từ ba ngày. Chính vị phó-tướng khốn kiếp này, có tên là Nội-hầu Lê văn Lợi), đã chủ-trương ngược-đãi các Cơ-đốc giáo-đồ.

Nguyễn-Vương không lơ đễnh về việc cần phải chăm-sóc. Ngài đã sai quân đi truy-kích địch, nhưng tuy ngài mẫn-tiệp, Hoàng-Trớt và Tư-mã-Nội đã vượt qua sông Gianh (Linh-giang) và sang tới đối-ngạn (Trang 960) mấy phút trước các pháo-hạm mà Nguyễn-Vương đã không tính cho xuôi ra khơi, để ngược dòng sông. Chỉ sau quá 12 giờ từ lúc hạ Kinh-thành, Nguyễn-Vương mới nảy ra ý ấy. Toàn thể các thớt voi, đồ trang-sức, vàng, bạc đã lọt vào tay Ông Thông đôn-tả (Lê-văn-Duyệt) mà Nguyễn-Vương đã cử đi truy-kích địch theo đường bộ.

Ít ngày sau khi Nguyễn-Vương chiếm Kinh-thành, bọn quân đào-tẩu đã đem tin vào cho đạo quân địch ở Qui-nhơn hay. Các đại-tướng bèn họp hội-nghị và quyết-định phải chọn một tướng can-đảm và có kinh-nghiệm để qua phía nước Lào. Tướng ấy sẽ đi lén để qua mắt các tướng của chúa Nguyễn đang giữ vùng ải-đạo, tiến vào Huế mà Nguyễn-Vương không thể ngờ, bắt chụp ngài trong cung-điện, chiếm lấy các chiến-thuyền đậu ở bến, xuôi dòng sông mà không để cho bên ta kịp biết và thiêu-hủy hoặc cướp những tàu cùng thuyền đậu tại bến. Nhưng như thế là tính việc mà chẳng hỏi ý-kiến người quan-hệ và thường là sai. Tư-khấu Định, vị chỉ-huy pháo-binh mà, như tôi đã nói trên đây, có vợ bị cầm-tù, trù-định tóm lấy Nguyễn-Vương và chiếm Huế. Tướng

1. Người Bồ-đào-nha tên thực là Jao da Crux, phiên âm sang tiếng Pháp thành Jean de la Croix. Sách của Maybon và Russier có chép rằng đời Chúa Sãi (Nguyễn-phúc-Nguyên, con Nguyễn Hoàng), Người Bồ này đã tới lập lò đúc súng ở đất Thuận-hóa; hiện nay tại Huế người ta còn gọi địa điểm ấy là Phường-đúc. Lò đúc này được xây cất từ năm 1614.

http://hoangsa.org

ấy điều-khiển một phần đại-quân gồm 10.000 người chọn lọc và đã tiến theo những đường khó đi và không ai biết; cuối cùng, sau 12 ngày lặn lội, tới một nơi chỉ còn cách Huế nửa ngày đường mà không bị ai nghi ngờ. Vì quân lính mệt lử, ông ta phải để cho họ nghỉ. Suốt ba ngày họ chỉ được ăn cơm nhạt thì tình cờ một bọn mục-đồng chăn trâu trông thấy (trang 961) mấy quân lính nằm ngủ dài trong lau sậy. Với hy-vọng kiếm được gì bắt về để lĩnh thưởng, họ tiến sâu hơn nữa và thấy chẳng phải thứ mà họ đang tìm; họ bèn nhẹ bước lánh xa và vội vã đi báo rằng có quân lính trốn nấp tại đó.

Gần đấy, chúng tôi có đặt một đồn gồm 100 quân. Bọn này nghe báo, không tìm cách điều-tra cho kỹ, chỉ cử người về trình tâu Nguyễn-Vương, đồng thời dẫn cả bọn mục-đồng nhân chứng. Nguyễn-Vương không thể đoán bọn quân nói trên đã từ đâu đến vì tại Cửa Hàn có tướng Đinh Thông đóng với 7000 người, ở đèo Hải-vân, tướng Đinh Thiện cũng có 7000 quân; còn Ông Thông đôn-tả (Lê-văn-Duyệt) thì án ngữ phía Đàng Ngoài; như vậy, cộng các đội vệ-binh Túc-trực, các liên-đội của Noé Thenk (?) và Phấn-đức, sư-đoàn của Ông Đinh-tả, Nguyễn-Vương có tới từ 8 đến 9.000 người để chống trả với lực-lượng địch mà ngài không rõ quân-số và có lẽ đã đặt nội-công tại Kinh-thành. Nhưng Nguyễn-Vương không lúng-túng và chẳng ngỏ một lời nào cùng ai ngoại trừ với Ông Đinh-Tả; ngài huy-động toàn thể số quân hiện hữu thẳng tiến về phía địch, cho dàn chiến-thuyền ra giữa sông; ngài cho quân đội xuống các tàu của chúng tôi với lệnh chú ý canh chừng mà không nói thêm lời nào nữa. (Trang 962). Sau một cuộc hành-trình 2 giờ, quân ta tới địa điểm đã ghi và chẳng thấy chi cả. Cuối cùng họ tiến thêm một quảng gần tới chân một ngọn đồi có cây nhỏ mọc rất rậm trong đó địch quân ẩn nấp. Quân ta ở vào giữa họ mà chẳng ngờ thì bất thần địch từ nơi ẩn náu ùa ra và nhất tề tấn công tứ phía. Quân ta hơi bối rối vì tưởng địch đông hơn thực số nhưng tướng Đinh-Tả đã dụng tâm cẩn thận đặt một đội trù-bị 4000 người tại hậu-tuyến và do chính ông điều-khiển rất hữu ích. Bên công hùng-dũng thì bên thủ lại can-trường; cuộc đụng độ kéo dài gần ba giờ, rất kịch-liệt. Rốt cuộc, quân ta khiến địch phải lùi; tướng Tư-khấu Định tẩu thoát trên một ngọn đồi; Nguyễn-Vương cho dàn dưới chân đồi ấy một vòng quân khá hùng-hậu. Tướng địch có một số quân nhỏ theo. Chẳng rõ họ sống bằng gì. Nguyễn-Vương cho tôi biết ngài đã ra lệnh đi kiếm chó để đánh hơi tìm họ.

Ba tướng tham mưu của Tư-Khấu Định đã bị cầm tù. Vị thứ nhất

http://hoangsa.org

là một tướng nổi danh tên là Đô đốc Canh, trạc độ 30 tuổi, một nhân-vật nghiêm-khắc nhưng cao nhã, có vẽ hùng-dũng; vóc người cao, không gầy, không béo, nước da sạm nắng, râu rậm và đen như lông chim sả Tàu. Tướng ấy đeo xiềng xích và bị dẫn tới trình Nguyễn-Vương. Ngài hỏi ông ta về tình-hình đại-quân và những kế-hoạch của các tướng địch. Ông ta trả lời tất cả các câu hỏi một cách lễ phép và khảng-khái. Nguyễn-Vương có nói với ông ta: «Đô-đốc Canh, ông là một người chính-trực và Ta quý-mến ông; nhưng ông là một bề tôi đã phản lại nhà vua, điều đó khiến Ta không thể đối xử với ông theo thị-dục; nhưng Ta sẵn sàng thừa-nhận lòng dũng-cảm của ông. Vì vậy Ta muốn giảm nhẹ tội ông» Nguyễn-Vương bèn hạ lệnh tháo xiềng xích và chỉ bắt đeo còng nhẹ. Ngày hôm sau tôi có đến thăm tướng ấy và tôi ước lượng rằng tất cả còng sắt ông ta đeo chỉ nặng độ 4 đến 6 caty (?). Ngụy-tướng bị xích vào một cái cột; trước mặt là anh rể của Thiếu-phó, nguyên-súy quân-lực địch. Trang thanh-niên này độ 24, 25 tuổi. Còn người con trai Thiếu-phó là một thiếu-niên chừng 16, 17 tuổi, có dung mạo dễ thương, chỉ phải đeo gông nhẹ.

Hai viên tổng tham mưu khác là Đô-đốc Nguyễn bá Phong và đô-đốc Bá-Hạ. Bá Hạ đã bị hỏng một mắt trong cuộc bao vây thành Qui-nhơn; tướng này nhút nhát nhưng láu lỉnh. Cả hai tướng đều đeo xiềng nặng ít ra là 50 caty và bị xích vào cột.

Tôi có thấy hơn 144 Liên đội-trưởng (đại-tá), Liên đội-phó (Trung-tá) và Thiếu-tá trong một trại quân lớn ở phía tay mặt ngoài cửa cung điện; ai nấy đều bị xiềng xích. Ngoài ra còn có 5, 600 sĩ quan khác vô danh, đeo xiềng nhẹ hơn,

Cai đại-úy, trung-úy, hạ sĩ vào khoảng từ 3500 đến 4.000 người đều đeo gông (trang 964) và xiềng xích thành từng tốp 10 người.

Nguyễn-Vương đã trưng mộ 52.000 tân-binh và cho hợp vào với quân cũ Họ đều là dân các tỉnh trung-thành với nhà vua. Tại Đàng Trong, chỉ có dân các tỉnh Qui-nhơn, Quảng-ngãi, Phú-yên là theo ngụy. Vì vậy tất cả các võ tướng địch đều là người gốc ở mấy tỉnh này.

Đạo quân ngụy ở Qui-nhơn đang lâm vào tình-trạng quẫn-bách thiếu thốn đủ mọi thứ: thuốc súng, đạn, đại bác, súng trường, gạo; vì vậy binh lính đào ngũ rất nhiều. Tất cả quân lính các tỉnh gốc Chàm, Huế, *Dinh-cát* (?) Chom Daine (?) từ xưa vẫn mến chúa, đã kéo từng lũ đến yết-kiến và xin đầu quân với Nguyễn-Vương. Hôm qua Nguyễn-

http://hoangsa.org

Vương đã ra bến, đi dạo cùng với ông Chaigneau và tối; họp mặt suốt ngày, dùng cơm tối và ăn điểm tâm trên thuyền ngự, ngài đã kể cho chúng tôi nghe rất nhiều chuyện. Từ sáu hôm nay, ngài có nhận được thư của Trấn-thủ đô thành là Ông Han Coun (?) vốn là em rể ngài; không rõ do ai mà vị tướng này đã thông tỏ những việc mà Nguyễn Vương đã làm cùng mọi kế-hoạch của ngài.

Qua những câu chuyện đã nói hôm qua, Nguyễn-Vương có nhiều kế hoạch vĩ đại; chỉ có cái chết, điều mà chẳng ai tránh khỏi, mới ngăn nổi ngài thực hiện những kế hoạch ấy.

Nguyễn-Vương đã hạ lệnh tấn-công địch tại khắp nơi. Từ một năm nay, ngài đã đặt tỉnh Phú-yên dưới quyền ông Thiếu phó, một tín đồ Cơ-đốc giáo, chỉ huy từ 6 đến 7000 quân. Trinh sát đội ở Qui nhơn gồm 30.000 người thuộc quyền điều-khiển của các tướng: Ông Tiền-quân, Ông Tả quân, Ông Hữu quân và Đinh hậu. Đạo quân ở phía Bắc dưới quyền các tướng: Đinh Tá, Đinh Thông, Đinh Tiến (theo Cơ đốc giáo), Ông Dou Tha (?) gồm trên 60.000 người. Đạo quân này đã lên đường ngày 12 tháng này. Đó là những quân sĩ thâm niên và tinh nhuệ. Địch quân bị bao vây tứ phía ngoại trừ tại mấy ải đạo mà Nguyễn-Vương không biết. Họ đã viết thư cho tướng chỉ huy trinh sát đội ở Qui nhơn xin hưu chiến năm này để thảo luận cùng nhau. Vị tướng này cho họ tùy nghi trông cậy vào lòng nhân thứ của Nguyễn-Vương nhưng không bằng lòng hưu chiến. Nguyễn-Vương đã cho các chiến thuyền nhỏ neo dưới quyền điều khiển của đô đốc Đinh Thoui (?) nhằm mục tiêu ngăn địch tẩu thoát bằng đường thủy để trốn ra Đàng Ngoài.

— (Trang 966). Tôi hy-vọng rằng tại Áo-môn (Macao) quý ông sẽ hay tin quân đội chúng tôi đã ra tới Đàng Ngoài. Vị nguyên-súy cầm quân đã được chỉ định: đó là một người dũng-cảm và chính-trực, thương mến các tín-đồ Cơ-đốc giáo; ông là nhạc-phụ của Cố Đông-cung, tức là ngoại tổ Hoàng-tôn mà Nguyễn-Vương trù-định phong làm Thái-tử ngay sau cuộc ngoã-giải thành Qui-nhơn.

Đạo bộ quân sẽ được gia tăng tới số 80.000 người với số tân-binh. Nguyễn-Vương giữ lại ở đây những quân sĩ cũ để xử-dụng. Ngài chuyên lo đêm ngày về các luật-lệ mới do ngài trù-định ban-hành; ngài đã cho triệu tất cả các quan đã về trí-sĩ, có tài-năng và chính-trực; ngài cải-tổ sâu rộng ngành tư-pháp, cả về hộ lẫn hình. Ngài có nhiều kế hoạch qui-mô về thương-mại, công-an, an-toàn về giao thông, thuật xây đắp thành-trì, tài-chính và ngài tiến hành công việc mau lẹ. Ngài

http://hoangsa.org

đã cử Ông Chaigneau vào Saigon rước Vương-mẫu. Thái-hậu được suy-tôn làm Quốc-mẫu. Người ta chưa rõ bao giờ ngài sẽ xưng Vương; dường như ngài ước mong các đại-thần sẽ tập hợp để tính việc suy-tôn.

Hai ông De Forçans và Vannier được chỉ-định lưu lại làm việc tại hải-cảng Đà-nẵng.

Về phần tôi, tôi đã xin phép Nguyễn-Vương đi Madras để thu-xếp công việc riêng đang suy bại.

— (Trang 967). (Đoạn này trong thư nói về thái-độ chống người Bồ-đào-nha mà Nguyễn-Vương coi như người Mã-lai).

Nguyễn-Vương hạ lệnh cấm tất cả các hải-cảng không được tiếp-tế thức gì cho Người Bồ, ngoại-trừ nước ngọt và gạo; cấm vị trấn-thủ không được vin bất cứ cớ nào để cho người Bồ mua gỗ cây dùng làm cột buồm, v.v... Những người nào đem hàng-hóa tới bán cho Nguyễn-Vương sẽ được trả bằng tiền-tệ giá tương đương với bốn đồng bạc. Họ phải nộp thuế, thuế nhập khẩu, nộp tặng vật, v.v... Kẻ nào không mang gì tới bán cho Nguyễn-Vương thì chẳng được mua thứ gì của các tư-nhân, chẳng được cất hàng lên tàu mà vẫn phải nộp tặng vật theo thông-lệ rồi trở về không.

—(Trang 968). Buổi sáng hôm qua, Nguyễn-Vương yêu-cầu ông Dong Thaa (?) tả chân-dung nhà quý-phái Milord Macartney. Tướng này đã do ngài cử ra Cửa Hàn (Tourane) để mừng đón nhà quý-phái. Ông Dong Thao (?) vốn là một tướng ngụy đã về hàng Nguyễn-Vương. Là một cựu-thần, tướng này đã được Nguyễn-Vương cho lưu nhiệm tại địa-phương vì lòng dân mến mộ. Hiện giờ ông ta giữ chức quản-lý hải-cảng. Ông ta có hỏi tôi Milord Macartney có còn sống không; tôi cho biết là nhà quý-phái còn sống. Nhân dịp này Nguyễn-Vương có nói về tài-năng của người Anh đã phát-triển tới mức nào nghệ-thuật và khoa-học, về lòng dũng cảm, tính quảng-đại của họ. Rồi ngài nêu thí-dụ chiếc tàu của tôi. Vốn là một thanh-niên thiếu-kinh-nghiệm, tôi đã được giúp đỡ tận tình bao xiết kể. Rồi Nguyễn-Vương nói về người Pháp mà ngài đề-cao phẩm-giá; nhưng người Anh rất được lòng Nguyễn-Vương vì họ bảo-hoàng.

Nguyễn-Vương đã cho truyền lệnh xẻ gỗ để đóng ba chiếc tàu theo kiểu Anh (Trang 969) (Ngay hôm sau ngày hạ Kinh-thành, ngài có hỏi tin-tức về các giáo sĩ).

http://hoangsa.org

Ông Chaigneau đã được Nguyễn-Vương cho phép nghỉ ba ngày để có thể đi Định-cát là nơi ông ta có tư-dinh.

* *Thư của Ô. Barisy gửi hai ông Foulon và Marchini từ Saigon, ngày 15-6-1802, tức là năm thứ 63 đời vua Cảnh-Hưng.* Trang (987-991)

— (Trang 989). Một đạo quân gồm 80.000 người ở Đàng Ngoài do Wang Tohi ? (Nguyễn quang Thùy), Tổng-trấn xứ Bắc chỉ-huy, đã vào tấn-công thành Huế. Nguyễn-Vương đã đánh bại địch ở Huites Sai (?) ; họ đã mất 22.000 quân và 20 tướng-lĩnh cùng tất cả hành-lý.

Các tướng Đinh-Tả Tiền-quân ; Dong Chất (?), Ông Quan Van Vienc (?) đã tấn công đạo quân địch ở bốn nơi thuộc tỉnh Qui-nhơn và sau ba trận kinh-khủng, chiếm được các lối đi ở phía Bắc, Tây-Bắc bờ bể và phía Đông-Nam, rồi cùng tập hợp ở Qui-nhơn được 200.000 quân và 300 thớt voi. Tàn-quân của địch bèn bỏ chạy. Nguyễn-Vương thiêu-hủy năm trước, Dong Dau Douc Quion (?) điều-khiển pháo-binh, Dou Donc Ngon (?) cùng với 2000 quân đã tháo lui qua ngả nước Lào. Nguyễn-Vương cho quân đuổi theo họ khắp nơi. Như vậy là đã chấm dứt tấn thảm-kịch kéo dài 35 năm và giết hại ít ra 2/3 dân số.

Nguyễn-Vương cho Bắc tiến ba đạo quân : Nguyên-suý Tổng Tư-lệnh chỉ-huy 60.000 người, Đinh-Tá chỉ-huy 86.000 người, Don Donc Quint (?) có 50.000 quân. Hải-quân mạnh phi-thường, gồm hơn 100 chiến-thuyền, 800 pháo-hạm, 550 khẩu đại-bác, 50 tàu ; có 50.000 quân đồ bộ và hải lực ấy tiến thẳng ra Kinh-thành xứ Bắc được mệnh-danh là Kẻ Chợ. Nguyễn-Vương cử một sứ-đoàn sang Quảng-châu (Canton). Ngài quả là một người giảo-quyệt. Nếu Thượng-Đế còn phù-hộ cho Nguyễn-Vương được khỏe mạnh trong ba năm thì Quý Ông sẽ thấy lắm điều kỳ-diệu. Với lực lượng 400.000 lâu la, người ta có thể tiến xa.

40.000 quân Xiêm muốn can-thiệp nhưng Nguyễn-Vương đã dọa nạt họ.

HÃNG BÔNG

COBOVINA

BẠCH TUYẾT

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC,

148/1 NGUYỄN MINH CHIẾU TÂN SƠN NHỨT

http://hoangsa.org

(... tiếp theo trang 16)

PHE CHỐNG ĐẢNG TÂY-SƠN Ở BẮC VỚI TẬP «LỮ TRUNG NGÂM»

▽ HOÀNG XUÂN-HÃN

. . . . .

Thích nghĩa

6. *Vân nhưng:* cháu chắt lâu đời sau

7. *Sáng nghiệp:* lập ra triều vua; trỏ Lê Lợi. *Trung-hưng* trỏ Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng diệt Mạc lập lại Lê. Nên để ý đến vần *được* ở vế sau ở vào chữ thứ tư.

9. *Nhạn êm đầm:* văn từ trỏ sự không có giặc-giã. Nhạn ở ao đầm kêu, tượng trưng sự loạn.

10. *Đông hải:* ng. ch. Nguyễn Hữu-Chỉnh quê ở làng Đông-hải. *Rắp go:* nguyên viết hai chữ Hán: *lập* (đứng) *cô* (côi). Nếu lấy nghĩa chữ Hán (cô-lập) thì không thông ý. Chắc đó là nôm. Chữ *lập* thường đọc *rắp*. Còn chữ *cô* thì ý và âm ra sao? Hoặc là bảo đã chép lầm? Lấy ý cả hai vế 9 và 10 mà đoán, thì thấy đây tác-giả muốn nói: thời đang yên mà mầm loạn đã gây ra từ Chỉnh. Tác-giả lại dùng lối văn chơi chữ mà dùng điển *tăm kình* (sóng gợn bởi cá kình, trỏ giặc dữ) lẫn với nhạn đầm, bể Đông. Giả như viết «tăm kình nhấp-nhô» thì nghĩa cũng thông. Hoặc *rắp nhô*? nhưng theo tự-dạng thì không thể có sự viết lầm như thế. Tôi đành tạm đọc: *rắp go*, tiếng *go* nay còn có nghĩa là co, kéo lại, rút, gấp lại; và lấy nghĩa: mặt nước đang bằng bỗng go lại.

11. *Binh biến*: trỏ loạn kiêu-binh giết Hoàng Đình-Bảo chủ-tướng của Chỉnh. Cho nên Chỉnh sợ chạy vào hàng Tây-sơn.

12. *Cánh bằng... lông hồng*: trỏ Chỉnh đi rủ quân Tây-sơn đánh ra. Bằng-lĩnh hầu là tước của Chỉnh. Quân Tây-sơn cầm cờ đỏ có tháp lông gà nhuộm đỏ, gọi là cờ hồng-mao. Đây tác-giả dùng điển và chơi chữ. Cánh hồng lại trỏ kẻ có đại-chí đi xa lập công.

13. *Hỏa-hổ*: ng. ch: Hồi ấy Tây-sơn hay dùng hỏa-hổ, tức là thuốc cháy bắn bằng hỏa-tiễn.

14. *Ô Lí... Hoàng-châu*: trỏ quân Tây-sơn lấy vùng Thuận-Quảng rồi ra lấy đất vua Lê.

*
* *

http://hoangsa.org

Giả tôn-phù chỉn toan te-nghé
Dưới Vương-cung chẳng nê tỉ hào
Cân công đức biết là bao
Phụ nghì như CHỈNH nỡ nào cho cam
Đau đớn đức ĐOAN NAM tuổi trẻ
Mình muôn vàng xem nhẹ mảnh lông
Trải tuần tặc-đảng tán không
Thánh hoàng tưởng lại tiền công thêm ngừng
Khâm sách vâng đại quân hữu mệnh
Yến-đô vương phụ chính như xưa

Thích nghĩa

15. *Chỉn*: chỉ những. *Te nghé*: dòm rình để trộm. Trỏ sự giả nói phù Lê diệt Trịnh mà cướp nước.
18. *Phụ nghi*: bội nghĩa làm tôi.
19. *Đoan-nam*: Chúa Trịnh Khải hay Tông.
20. *Nhẹ mảnh lông*: ng. ch: Hồi ấy Vương làm quốc-súy mà bị chết. Mệnh người bị chết yểu, mỏng-manh như lông. Trỏ sự Trịnh Tông thua trận ở bến Tây-long, rồi chạy đi Sơn-tây, bị kẻ phản bắt, bèn tự-vẫn.
21. *Trải tuần*: qua vài mươi ngày. *Tán không*: trỏ quân Tây-sơn bỏ Thăng-long mà hoàn toàn rút lui.
22. *Ngừng*: buồn, rầu nét mặt. Trỏ sự vua Chiêu-thống nghĩ đến công các chúa Trịnh trước mà buồn (ý riêng tác-giả).
23. *Khâm sách*: tuyên chỉ của vua để phong. *Đại quân hữu mệnh*: có mệnh vua lớn.
24. *Yến-đô vương*: Trịnh Bồng ép vua phong làm phụ quốc-chính.

*
* *

Hay đâu lòng giặc khôn ngừa
Phù kia diệt nọ quen mờ người ta
Này gươm A lại toan đảo bính
Dấu Vũ-thành dám sánh Chu-vương
Cong khi cảnh-báo song mang
Biên hàn vỡ mật miếu đường bó tay
Thế đã lay nặng lòng Súy-phủ
Chiếc xe loan bắc thú lênh-đênh
Qua làng Trúc-ổ an doanh
Vi thần hồ dự nhung hành một tên

http://hoangsa.org

35 Mảy dám quên Tông-chu đại nghị
Chỉn căm loài giả nghĩa thương ân
Vâng làm một hịch vân vân

38 Ngõ bình loạn tặc vả răn gian hùng

Thích nghĩa

25. *Khôn ngừa :* khó ngăn.

26. *Phù kia diệt nọ :* Chỉnh kéo cờ : vâng mệnh vua đem quân phò vua (diệt Trịnh). Nhưng tác giả kiêng không nói rõ.

27. *Gươm A... đảo binh :* cầm ngược gươm Thái-A (Hán-thư), trao cho một bầy tây ; nghĩa là trao quyền. Đây trỏ sự Chiêu-thống sắp trao quyền cho Chỉnh.

28. *Vũ-thành :* nguyên là tên một thiên trong *Chu-thư*, ý là vũ-công đã thành. Hữu-Chỉnh lấy danh ấy đặt tên cho hiệu quân mình (nhưng hình như sau khi đến Thăng-long rồi mới lấy hiệu ấy, còn trước thì chỉ dùng chữ *đột* và chữ *thành* mà đặt tám hiệu quân gọi chung là *tứ đột* và *tứ thành* (xem HLNTC).

29. *Cong :* âm cổ tiếng *trong*. *Song-mang :* bối-rối lật đật.

30. *Biên hàn :* quân giữ biên-thùy.

32. *Bắc thú :* tiếng trỏ vua chúa (đây trỏ súy-phủ nghĩa là chúa Yến-đô) chạy lên phía bắc.

33. *Trúc-ổ :* xã thuộc huyện Quế-dương, trên bờ bắc sông Đuống phía nam núi Lãm-sơn. Chúa đóng doanh ở đó).

34. *Vi-thần :* tiếng nói khiêm tác-giả dùng tự trỏ. *Nhung-hành :* tham mưu quân-sự trong khi vua chúa thân-chinh.

35. *Tông-chu đại-nghị :* nghĩa lớn bầy tôi đối với thiên-tử, ý nói không dám chống vua Lê.

36. *Thương ân :* làm tổn hại lòng biết ơn, ý nói chỉ thù Chỉnh mà thôi.

37. Lê Huy-Dao thảo bài hịch kể tội Chỉnh để khuyên đánh Chỉnh.

3. *THẢO BẰNG QUẬN NGUYỄN HỮU-CHỈNH HỊCH*

(Hịch đánh quận Bằng Nguyễn Hữu-Chỉnh)

(Nguyên-văn :)

39 Hán-tiết kìa khi bắc tuần, lũ thuộc-tâm đều thấy quan quân ;
Đường-linh nọ thủa tây hành, đoàn chấp khống há lãng xem xa giá.

41 Tiết cứng hồ chi trời đất ;
Lòng ngay chung cả xưa nay.

http://hoangsa.org

43 Ta: Trộm dự bản-chi;
Chút là đích-phái.

45 Lọn thần-tiết, đôi mươi năm nhẫn trước; ủng bách thoắt cùng suy đới; Trời về, người ứng, há toan mưu.
Tóm quyền-cương ba bốn tháng là bao; phân mang chưa kịp tu nhương; ngoài rối, trong ngăn, ai thụ trách.

47 Song kế loạn cũng vì bước nước;
Vả dục bình chưa chuyển máy trời.

49 Cờ Khâm-sai chưa tỏ thực hư, gang tấc chống uy còn chút ngại;
Xe xuất-hạnh phải theo quyền biến, dần dà chờ thế để sau toan.

51 Lệ vu đón rước nào ai;
Cơ đích theo cầm ít kẻ.

53 Trùng-trập lâu đài mấy lớp, trông nền đường cấu chạnh bồi-hồi;
Dọc ngang triều chợ đòi chòm, tưởng hội y thường thêm bát-ngát.

55 Thành quách sơn hà nguyên chẳng khác;
Nhân dân xã tắc cũng là chung.

57 Hoàng-triều nghìn tuổi âu vàng, chữ « Thật lại... » còn in dấu cũ;
Báu-khuyết ba ngày ngọn lửa, lời « Tại tồn » đã lạnh nguyền xưa.

59 Gẫm Đà-cung man-mác thề nầy,
Vì Bằng quận lăng-loàn nên nỗi.

61 Trở Quốc-súy để đắt mưu Mãng Tháo; nghĩa chúa tôi vỗ sạch dường không.

Cặp Thiên-vương toan mượn tiếng Hoàn văn; nước cha mẹ phá tan như rửa.

63 Tính mặt còn nhiều danh-tá,
Bó tay sao chịu bạn-thần ?

65 Dù Tông-Chu là đại-nghĩa tua gìn, bui Trung-hưng thật-lục còn đây; mậu đức long cống chi nỡ phụ !

http://hoangsa.org

Bằng tự Hạ ví miễu-cung chưa xứng, thì Liệt vị Thánh-vương về trước, thâm nhân hậu trạch khá nên quên.

67 Chúa âu thần nhục, quản nài chi;
Quốc trọng thần khinh, cân nhắc đấy.

69 Cu-góp lữ thành mấy lũ, lấy sóc-phương làm chốn thu binh;
Rủ-rê trung nghĩa một đoàn, trông Nhị-thủy trỏ ngày phản bái.

71 Biên có giặc, phải xin thanh tội;
Vua là trời, há dám xưng qua.

73 Tại thiên liệt miếu dấu còn thiêng, nhờ tương-hữu dựng công kham-bát;
Hữu đạo hi triều đời dõi nối, dốc khuông-phù đặt thế tôn an.

75 Trước sau dãi mấy nhiêu lời;
Trên dưới tua cùng một sức.

77 Dù nghĩ đỉnh chung đến lộc nặng, tấm trung thành phó đã quỉ thần.
Đàn'ı hay thư khoán chép công dày, lời minh thệ trỏ cùng non nước.

Nguyên chú: (*dịch*): *Tháng mạnh-xuân* (*giêng*) *năm Đinh-mùi* (*1797*) *Nguyễn Hữu-Chỉnh thác danh tôn Lê, xui giục hai xứ Thanh Nghệ nổi, lại phạm kinh-khuyết, đốt Vương-cung. Yến-đô vương đời đi Kinh-bắc. Ngày ấy vi-thần hộ-tùng, vâng soạn hịch này, luân chuyền cho các đạo Kinh-bắc, Hải-dương, để đánh loạn-thần.*

39. *Hán-tiết*....: cờ nhà Hán chạy lên phương bắc. Trỏ sự Yến-đô chạy lên Kinh-bắc, mà dùng điển Lưu Tú bị Vương Mãng tiếm ngôi Hán, bèn đem quân lên Hà-bắc, sau khôi phục nhà Hán mà lên ngôi (Hán Quang-đế)

40. *Đường linh*....: nhạc ngựa nhà Đường đi về Tây, ngụ chuyện Đường Minh-hoàng vì loạn An Lộc-Sơn rồi loạn Sử Tư-Minh, phải chạy sang đất Thục. Nhiều trung-thần nghĩa-sĩ giúp. *Chấp khống* cầm cương ngựa để hộ vệ.

43. *Bản chi*: trỏ chi họ Trịnh nối dòng làm chúa.

44. *Đích phái*: Bồng là con chúa Uy, Trịnh Giang thuộc dòng trưởng.

45. *Ủng-bức...suy đời*: ủng hộ và ép lên ngôi chúa. Trỏ sự Bồng vốn tôn vua, không hề xin lập ngôi chúa lại, vì tưởng Đinh Tích-Nhưỡng ép nên mới nhận, vì lẽ Trời thuận cho và dân ứng về. Đây là thuyết của phe chúa.

http://hoangsa.org

46. *Phân mang... tu nhương :* đang bối rối chưa kịp sửa chính ở trong, dẹp loạn ở ngoài. Tỏ ý rằng mình chịu cáng đáng công việc chính-trị.

47. *Kế loạn :* loạn nối nhau.

48. *Dục bình :* muốn yên. Hai vế này để đổ lỗi cho vận nước, lòng trời.

49. *Cờ khâm-sai :* trỏ cờ quân Nguyễn Hữu-Chỉnh trương ra khi kéo quân tới Thăng-long, lấy nghĩa là vua Lê sai đến. Ý muốn nói vì vậy mà không chống lại.

50. *Xe xuất hạnh :* trỏ sự chúa Yến-đô kỏ Kinh mà đi ; ý nói ấy là để chờ xem sự vua gọi Chỉnh có thật không.

51. *Lệ vu :* ăn cơm hầm, nằm bãi cỏ.

52. *Cơ đích :* dây cương và hàm-thiết ngựa.

53. *Đường cấu :* trỏ sự nối nghiệp cha.

54. *Triều thị :* trỏ cung điện và phố xá ở Kinh.

57. *Âu vàng :* trỏ ý một nước vững chắc. *Thật lại :* hai chữ nghĩa đen là *thật nhờ* (chúa Trịnh), thường dùng trong các chiếu chỉ đời Lê, ví-dụ trên các bài bia Tiến-sĩ ở Thăng-long.

58. *Báu khuyết :* trỏ cung chúa Trịnh bị đốt. *Tại tồn :* ngụ lời vua Lê (?) thề với họ Trịnh rằng còn mất với nhau : « Lê tồn, Trịnh tại. Trịnh bại, Lê vong », nghĩa là : nếu ngôi vua Lê còn thì ngôi chúa Trịnh còn ; nếu ngôi chúa Trịnh bỏ thì ngôi vua Lê cũng mất.

59. *Đà-cung :* trỏ cung chúa. Đây trỏ Yến-đô vương phải chạy lang-thang.

61. *Trở Quốc-súy :* kháng với chúa. *Mãng-Tháo :* Vương Mãn tiếm ngôi Hán. Tào Tháo mưu cướp ngôi Hán. Cả hai có tiếng mưu-mô giả-trá.

62. *Cặp thiên-vương :* ủng-hộ vua thiên-tử khỏi chư hầu hiếp. *Hoàn Văn :* Tề Hoàn-công và Tấn Văn-công là hai trong Ngũ bá đời Xuân-thu được tiếng đã phò thiên-tử nghĩa là vua nhà Chu. *Rửa :* chữ nôm gồm bộ Thủy và chữ Lữ. Rửa nghĩa là sạch trơn.

63. *Tính mặt :* trỏ từng người mà đếm. Tác giả gò tiếng ấy để đối một cách xuất sắc với *bó tay*. *Danh-tả :* người giúp việc có tiếng.

64. *Bạn-thần :* bầy tôi phản chúa.

65. *Tông-Chu đại nghĩa :* nghĩa lớn đời thịnh Chu, nghĩa là nghĩa bầy tôi đối với Thiên-tử. Đây muốn nói đạo thờ nhà Lê. *Tua :* nên, tức là chữ Tu. *Bui :* nghĩa chữ *duy*, nhưng mà. *Trung hưng thật lục :* tên sách chép công họ Trịnh phục ngôi vua cho Lê. *Mậu đức long công :* đức to của họ Trịnh và công lớn của các chúa.

66. *Bằng tự Hạ... xứng :* nếu thân mọn này không đáng giữ việc thờ các chúa trước. *Thâm ân hậu trạch :* những điều mà chúa đã làm cho thần dân vui sướng (ân trạch dồi-dào).

http://hoangsa.org

69. *Cu-góp:* lấy những phần-tử rời-rạc mà họp lại (*Tế Trường-lưu nhị nữ* có: cu góp ba làng bốn xã). *Lữ thành:* tôi không rõ nghĩa. Hoặc là một hạng dân-binh chăng. *Sóc phương:* trỏ miền Kinh-bắc. *Thu binh:* bắt lính, mộ lính.

70. *Phản bái:* rước cờ quân trở về (bờ sông Nhị).

71. *Thanh tội:* kể tội cho ai đều biết.

72. *Xung qua:* giơ cái đòng; trỏ sự lấy khí-giới mà chống lại.

73. *Tương-hữu:* giúp rập ngầm. *Kham-bát:* dánh dẹp. *Tại thiên liệt miếu:* các chúa trước nay ở trên Trời.

74. *Hữu đạo hi triều:* triều đình rạng-rỡ cư xử đúng đạo đức. *Khuông phù:* phò tá vua Lê. *Tôn an:* tôn trọng hòa-bình.

78. *Thư khoán:* chép công vào sách, ghi lời hứa vào sắt.

CHI TIẾT THỜI SỰ

Cuối đời Cảnh-hưng, hai họ chia trị đất ta đều bị khủng-hoảng. Ở Đàng Ngoài, Hoàng Đình-Bảo nghe lời Tĩnh vương Sâm lập Trịnh Cán mà gạt Trịnh Tông. Ở Đàng Trong, Trương Phúc-Loan, mười bảy năm trước đó, đã đổi di-chiếu của Võ-vương Nguyễn Phúc-Khoát mà lập Nguyễn Phúc-Thuần và gạt Phúc-Luân (cha của vua Gia-long); rồi nhân chúa trẻ mà chuyên quyền. Vì đó, *Nguyễn Nhạc* nổi loạn ở Tây-sơn (1771) chiếm vùng Qui-nhân. Cũng nhân vậy Trịnh Sâm sai Hoàng Ngũ-Phúc vào chiếm Phú-xuân (1774) rồi nhận Nguyễn Nhạc làm tiền-phong để hòng đánh vào Đồng-nai. Hoàng Ngũ-Phúc chết; bộ-đội của y được trao cho con nuôi là Hoàng Đình-Bảo, sau thành phụ-chánh của Trịnh Cán đã nói trên. Hoàng Đình-Bảo có một gia-khách theo quân: *cống Chỉnh*, tức là Nguyễn Hữu-Chỉnh. Chỉnh được phái vào Qui-nhân dụ Nhạc (1775) và được Nhạc khen tài ứng đối. Sau Hoàng Ngũ-Phúc mất (1776), Hoàng Đình-Bảo về triều phụ-chánh (1782), để Chỉnh coi thủy-quân ở Nghệ-an.

Kiêu-binh nổi loạn, giết Đình-Bảo và lập Trịnh Tông (25-10 Nhâm-dần: 29-11-1782). Hữu-Chỉnh được tin, bỏ xứ Nghệ-an vượt bể trốn vào Qui-nhân, xin theo Nhạc. Chẳng bao lâu, thành một danh-tướng của Tây-sơn, không tránh khỏi sự ghen kị của gia-tướng của Nhạc. Trịnh Tông sai người vào dỗ Chỉnh về. Lần đầu, ấy là chồng em gái Hữu-Chỉnh. Sau khi hỏi được rõ tình-hình ở Bắc, Chỉnh sai giết người thuyết-khách để Nhạc thêm tin. Sau, vào cuối xuân năm Bính-ngọ (1786), sứ của trấn-thủ Thuận-Hóa, *Phạm Ngô-Cầu*, là *Nguyễn Phu-Như*, lại vào dỗ Hữu-Chỉnh. Chỉnh lại hỏi dò biết tình-hình bạc-nhược của quân Trịnh đóng

http://hoangsa.org

ở Phú-xuân. Nhạc bèn sai Huệ cùng các tướng Lữ, Vũ Văn-Nhậm, Nguyễn Hữu-Chỉnh đem quân đánh Phú-xuân.

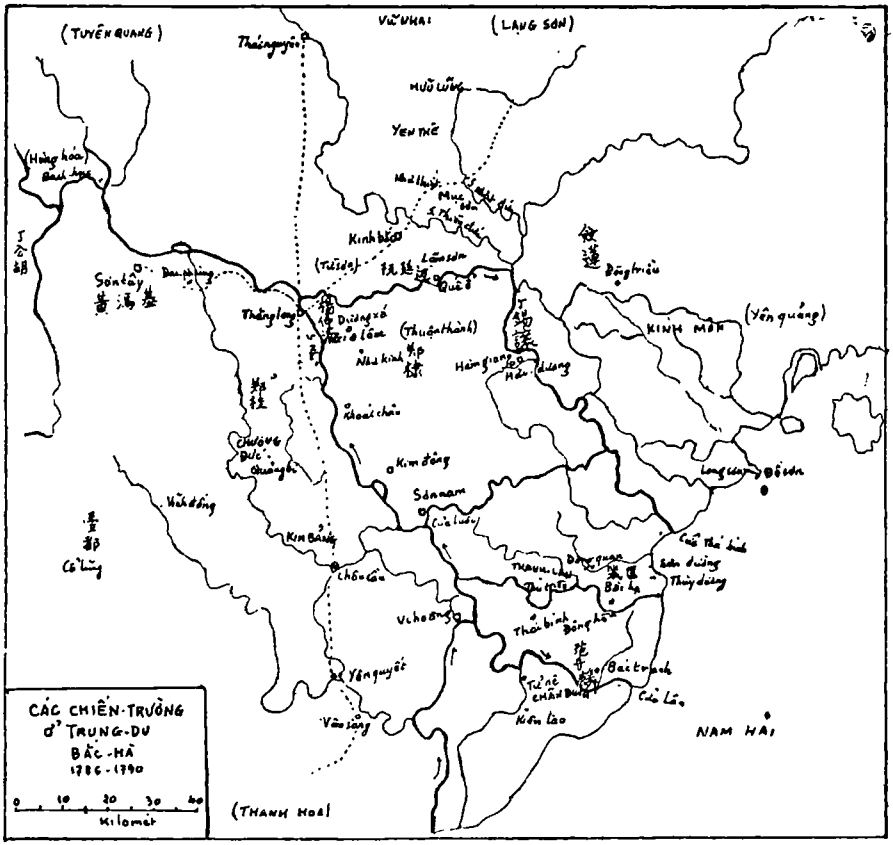

Những sự-kiện và thời-điểm quan-trọng trong việc hành quân nầy sẽ kê ra sau :

Xuất quân từ *Qui-nhân* (24-4 : 21-5-1786 theo HLNTC hoặc 28-4 : 25-5 theo LTTK)

Đánh lấy đồn *An-nông*, giết *Hoàng Nghĩa-Hồ* (ĐNLT, SKTB ; còn LTTK chép tên là Quyền, tước Quyền-trung hầu như ở SKTB) Về ngày thì NAK chép rằng ngày 18-5 (14-6) Nhạc sai Huệ đem thuyền đi đánh Thuận-hóa. LTTK lại nói ngày ấy, Phạm Ngô-Cầu nghe Tây-sơn đã vượt *Hải-vân ;* và ngày 24-5 (: 20-6) tiến đánh An-nông.

Đánh lấy *Phú-xuân*, bắt trấn-tướng Phạm Ngô-Cầu, giết phó-tướng *Hoàng Đình-Thể* và hầu hết quân-nhân. Về ngày NAK chép 20-5 (: 16-6) nghĩa là hai ngày sau khi lấy đồn An-nông, thì Phú-

http://hoangsa.org

xuân mất; và ngày 24, biên-thư (thư từ Phú-xuân gửi về) về tới Kinh. Có lẽ thư ấy báo việc quân Tây-sơn đánh An-nông, và vì thế mà LTTK đã chép ngày đánh An-nông là ngày thư tới Kinh.

Để *Nguyễn Lữ* giữ Phú-xuân, Huệ đưa quân ra lấy *Dinh Cát* và *Động-hải*. Trấn-tướng *Vĩ-phái hầu* bỏ Động-hải. Các bản HLNTC đều chép việc ấy vào ngày 14-5 (10-6-1786) nghĩa là bốn ngày trước khi An-nông mất. Có lẽ HLNTC lầm.

Nguyễn Huệ định đóng quân ở *La-hà* ở bờ nam sông Gianh. Nhưng sau theo lời khuyên của Hữu-Chỉnh đem thủy-quân ra Bắc với danh-nghĩa phù Lê diệt Trịnh. Dọc đường cho du-quân đồ bộ ở Nghệ-an và Thanh-hóa. Trấn-tướng *Nghệ-an Bùi Thế-Toại* đốt đồn mà chạy. Trấn-tướng *Thanh-hóa Tạ Danh-Thùy* cũng chạy. Các việc nầy đều vào cuối tháng 5.

Nguyễn Hữu-Chỉnh lấy đồn *Vĩ hoàng* và kho thóc lớn, vào ngày (6-6 : 1-7-1786) theo HLNTC. Tướng giữ họ *Lê* trốn (LTTK). Đại-tướng *Trịnh Tự-Quyền* rút quân về trấn *Sơn-nam*.

Nguyễn Huệ tiến họp với Hữu-Chỉnh, phá thủy-quân của *Đinh Tích-Nhưỡng* ở *Cửa-Luộc* (LQKS), hoặc cửa Cang-nông (LSTB), hoặc ở sông Rỗ (ĐNLT). Đinh Tích-Nhưỡng chạy về Hải-hương.

Ngày 24-6 (: 21-7-1786), theo NAK, trấn *Sơn-nam* mất. Trấn-tướng *Đỗ Thế-Dẫn* chạy. Đại-tướng rút về đóng ở *Kim-động* (HLNTC và LSTB)

Ngày 25-6 chúa Đoan-nam *Trịnh Tông* đem thân-quân dàn ở bến *Tây-long* và sai *Hoàng Phùng-Cơ* án-ngự ở hồ *Vạn-xuân* (NAK, LQKS, HLNTC)

Ngày 26-6, quân Tây-sơn phá thủy-quân Trịnh ở *Thủy ái*; đồ bộ, bại quân Hoàng Phùng-Cơ ở Vạn-Xuân. Quân Trịnh-Tông ở Tây-long trốn hết. Chúa chạy đi *Sơn-tây*. Nguyễn Huệ vào Thăng-long ngày ấy (NAK, HLNTC) là ngày 23-7-1786.

Ngày 27-6, chúa *Đoan-nam* tự-tử (LTTK, HLNTC). Nguyễn Huệ yết vua Cảnh-hưng ở điện *Vạn-thọ*. LSTB chép vào tháng 7, chắc lầm, vì không lẽ Huệ đợi ba ngày rồi mới gặp vua.

Ngày 7-7 (: 31-7-1786) Huệ làm lễ triều-kiến ở điện *Kính-thiên* và ngày hôm sau vua Lê phong Huệ tước Oai quốc-công (ĐNLT, HLNTC, LTTK) Sách NAK chép ngày phong Huệ là ngày mồng 4-7, có lẽ sai.

http://hoangsa.org

Ngày 11-7 (: 4-8-1786), Huệ cưới công-chúa *Ngọc-hân*.

Ngày 14-7, thư báo thắng ở Thăng-long về đến Qui-nhơn. Ngày ấy, *Nguyễn Nhạc* đưa khinh-binh trẩy Thăng-long (HLNTC)

Ngày 15-7 (: 8-8-1786) vua Cảnh-hưng làm đại-lễ *Thống-nhất* (LQKS, HLNTC)

Ngày 17-7 vua Lê mất (: 20-8, HLNTC, NAK, LTTK). Lễ *thành phục* ngày 21-7 (NAK). Đưa tang xuống thuyền ngày 25-7

Ngày 5-8 (: 28-8-1786) Nguyễn Nhạc tới Thăng-long để kiềm chế Huệ. Hôm sau, vua Chiêu-thống đến yết Nhạc. Ngày Dương-lịch, trên là tính theo phép Lịch Đại-thống mà Triều Lê dùng, khác với lịch Thi-hiến của nhà Thanh (Lịch Lê năm Bính ngọ 1786 nhuận tháng 9, lịch Thanh nhuận tháng 7).

Đêm 8-8 (: 31/8/1 ; —) Nhạc, Huệ ngầm bỏ Hữu-Chỉnh lại Thăng-long mà rút quân về nam (NAK). Theo HLNTC, quân Tây-sơn rút lui vào đêm 17-8, nghĩa là 12 ngày sau khi Nhạc đến. Sách ấy lại kể chuyện rằng mười ngày trước khi rút quân, Huệ đã mưu bỏ trống cầm canh sau canh hai, để đến đêm bỏ đồn đi, sự đêm khuya không trống canh sẽ không khiến dân Thăng-long lấy làm lạ. ĐNLT chép hai nơi rằng Nhạc ở lại Thăng-long « tuần nhật » rồi về. Tuần nhật trỏ ít ra cũng mươi ngày. Xem đó thì thuyết HLNTC (Nhạc tới ngày 5-8, đi ngày 17-8) rất có thể đúng sự thật. Nhưng trong một thư ông Le Roy viết từ Kẻ Vinh ngày 6/10/ 1786 thì Nhạc chỉ lưu lại Kẻ Chợ có 2,3 ngày (Xem Sử Địa số 9, 10; bài của Đặng Phương-Nghi, trang 230). Tuy trong những loại thư nầy có chép những điều sai, nhưng với hai nguồn *hoàn toàn độc-lập* kia, tôi nhận thuyết Bùi Dương-Lịch là đúng.

Ngày 9-8, Nguyễn Hữu-Chỉnh cũng dùng thuyết trốn theo quân Tây-sơn.

Trong tháng 8 nầy, *Dương Trọng-Tế* dùng dân-quân *Dương-xá* vùng (Gia-lâm), đánh bại chi-đội Tây-sơn, giết được thái-bảo *Hóa* (LQKS).

Cuộc Bắc-chinh của Huệ, rồi sự rút quân thình-lình, đã gây trên đất Bắc một cục-diện kì-quái về chính-trị. Những chính-quyền cổ-điển đã hoàn-toàn xóa bỏ. Những nhân-vật có tác-phong văn hay võ hầu hết bị sa-thải, hoặc tự đào-ẩn. Trên khắp địa-bàn ở bắc Hoành-sơn hình như vô-chủ. Tuy tiếng là Nhất-thống, mà ở địa-phương, mạnh ai nấy chiếm. Cũng may mà óc tự-lập bá-chủ chưa nảy nở, vì ở Thăng-long còn có vua Lê.

Ở trung-ương, vua Chiêu-thống, tuy không bị ai lấn quyền như

http://hoangsa.org

các vua Lê trước, nhưng hoàn-toàn không kinh-nghiệm, không phụ-tá có bản-lệnh, không binh-lực lão-luyện. Những người sốt-sắng trung-thành thì toàn những thiếu-niên con cháu thế-gia hay, là những tôn-nhân vô-tài.

Bên họ Trịnh, bấy giờ Tây-sơn đã lui; cũng có kẻ lăm-le nổi vì chúa. Không kể con chúa Đoan-nam (Tông) còn nhỏ, và các con những chúa cũ đã già, thì có hai người có đồ-đảng tôn suy: quận *Côn Trịnh Quế* (sau lấy tên *Bồng*) là con đầu chúa *Uy Trịnh Giang*, và quận *Thụy Trịnh Lệ* con thứ chúa *Minh Trịnh Doanh* và em ruột chúa *Tĩnh Trịnh Sum*. Nguyên Giang thuộc dòng trưởng họ Trịnh. Vì Giang để tụi hoạn-quan làm ác-chính, cho nên triều-thần, năm Canh-thân 1740 truất Giang mà lập em chúa, tức là Doanh. Bấy giờ Quế, con Giang mới mười tuổi. đó Từ ngôi chúa lọt sang dòng thứ. Đến năm Bính-ngọ 1786, Quế băm tám tuổi. Tính vốn nhu hòa, chịu an phận, không hề dám mưu giành lại ngôi chúa cho dòng trưởng. Khi chạy loạn Tây-sơn, Quế tránh ẩn ở nhà dân ở Quảng-trị, tại huyện Chương-mĩ (LLHT) phía tây-nam Thăng-long.

Chú Quế là Doanh truyền ngôi cho con trưởng là Sum. Nhưng con thứ là Lệ muốn bắt chước gương cha, mưu sự giành ngôi. Hai lần Lệ muốn cướp ngôi anh nhưng thất bại. Sau khi anh mất, lại muốn tranh ngôi với cháu là Tông. Sự không thành, Lệ lánh ở miền Kinh-bắc, dựa vào thế viên trấn-thủ cũ Thái-nguyên là hầu Thị-trung Trương Tuấn người Như-kinh huyện Gia-lâm, cũng là anh con cô của Lệ.

Về hàng vũ-tướng có danh vọng, thì có quận *Thạc Hoàng Phùng-Cơ* cầm bộ-binh ở vùng *Sơn-tây*, *Hưng-hóa*; và hầu *Liễn-trung Đinh Tích-Nhưỡng* thống-suất thủy-quân vùng *Hải-dương*.

Ngoài ra, còn các cựu-thần, hoặc môn đệ cựu-thần, mỗi nhóm mộ dân-quân địa-phương đóng giữ vùng mình, rải-rắc trên đất bắc. Trong đó, đáng kể có tiến-sĩ *Dương Trọng-Tế* giữ *Gia-lâm*, trấn-thủ cũ Kinh-bắc *Nguyễn Trọng-Mại* giữ *Quế-dương*, *Phạm Tôn-Lân* cháu đại-tướng Tôn-Sĩ giữ vùng *Chân-định*. Một nhóm tôn-thất nhà Lê giữ vùng *Thanh-hóa*. Phiên-tướng *Hoàng Văn-Đồng* giữ vùng *Tuyên-quang*. Còn ở Nghệ-an, Huệ có để quân lại đóng một vài đồn, nhất là để đại-tướng Chiêu-viễn *Vũ Văn-Dũng* đóng ở *Hà-hoa*, ở phía bắc Hoành-sơn. Tuy vậy dân Nghệ-an chống Tây-sơn và nhiều hào-kiệt địa-phương đã và đang mộ quân đánh đổ-đảng Tây-sơn, trong đó họ còn tưởng có Nguyễn Hữu-Chỉnh. Thật ra, sau ngày 8 tháng 8, Hữu-Chỉnh chạy theo Tây-sơn về

http://hoangsa.org

đến Nghệ. Huệ tuy ghét, nhưng cũng không hại và cho Chỉnh hai chục lạng vàng và một trăm quân bảo ở lại kiểm-soát hành-động người Bắc.

Nói tóm lại, trong tháng tám năm Bính-ngọ, xứ Bắc-hà như một bàn cờ đã bày quân, nhưng không có người điều khiển. Chẳng mấy chốc nữa, những động-cơ công-danh phú-quí hoặc tình-cảm sẽ xuôi đẩy mỗi con cờ đi một nước; rồi những cuộc xô-xát gây nên một tuồng rối tơi-bời. Kết-quả là đưa hùng-binh của Đại-Thanh vào nước, buộc Quang-trung, một vị tướng kì-tài, kéo quân ra, gây ra một trận phi-thường oanh-liệt...

Liền sau khi Tây-sơn rút, Chiêu-thống tự thấy thành một vua tự-chủ nhưng không triều-đình, không bộ-đội. Liền truyền hịch kêu gọi hào kiệt đem quân về ủng-hộ Hoàng-đô. Đầu tiên, hạng tử-đệ đại-gia tới, như *Lê Quính*, *Vũ Trinh*. Hai em vua, *Duy-Chỉ* và *Duy-Lưu* và các hoàng-thân đã gây được chừng vài nghìn quân bảo vệ.

Vào khoảng đầu tháng chín (22-9 đến 22-10-1786) *Dương Trọng-Tế* từ Gia-lâm sang. Cùng lúc ấy, *Trương Tuấn* mộ quân các huyện thuộc phủ *Thuận-thành* (Kinh-bắc) đưa *Trịnh Lệ* về Kinh với định ý chiếm lấy ngôi chúa. Trọng-Tế vốn đã phát-giác việc Lệ ngày xưa đã mưu cướp ngôi anh; nay sợ Lệ, nên đem quân hùa theo Tuấn đưa Lệ về chiếm phủ Chúa. Ấy vào ngày mồng 10-9 (1-10-1786, HLNTC).

Đang khi Tuấn và Trọng-Tế ép vua phong vương cho Lệ, nhưng kém sức, làm không nổi, thì *Trịnh Quế* từ huyện *Chương-đức* được những đảng-bộ vùng Sơn-tây cũng đưa về Thăng-long. Lệ sai quân mình đón đánh phía tây thành. Nhưng Trọng-Tế thấy Quế có thế hơn, lại bỏ Lệ theo Quế. Quân Lệ và Trương Tuấn tan; hai người đều bỏ chạy về Kinh-bắc. Ấy vào ngày 14-9 (5-10-1786, HLNTC; theo lịch Thanh thì tháng 8).

Trịnh Quế lấy lời khiêm-tốn chỉ xin vua cho giữ chân thờ cung miếu họ Trịnh rồi về ở Phủ Chúa. Bấy giờ *Đinh Tích-Nhưỡng* đưa 300 chiếc thuyền từ Hải-dương về đóng ở sông *Bát-tràng*, liền bị cánh Trịnh Quế quyến dụ. Thấy vua Lê chỉ phong cho Quế tước quốc-công, Tích-Nhưỡng không bằng lòng, bèn ép nài vua phải lập lại ngôi chúa và phong cho Quế tước *Yến-đô* vương. Ấy vào ngày 19-9 năm Bính-ngọ (10-10-1786, HLNTC) NAK chép ngày 20 [1].

1. Trong các sử đều thấy chép tên Quế là Bồng. Các vua chúa đời Lê thường có nhiều tên. Đời Nguyễn cũng theo lệ ấy. Trong thư của giáo-sĩ Le Roy viết ngày 6-10-1786 có nói sự lập ông quận Quế lên ngôi chúa (S.Đ. số 9, 10 trang 230). Có lẽ Quế là tên thường của Yến-đô.

http://hoangsa.org

Hạ-tuần tháng 9, *Hoàng Phùng-Cơ* mới đưa đại-quân từ vùng Sơn-tây Hưng-hóa về đến Thăng-long và có vẽ bênh vua, nhưng chung qui lại bị đảng chúa quyến dụ. Chúa bèn lập triều-đình và thân chính, lấy Hoàng Phùng-Cơ cầm đầu ban võ, *Đinh Tích-Nhưỡng* thứ hai. Rồi lại gọi *Dương Trọng-Tế* trở về coi việc tài-chính. Sự ấy rất làm vua Chiêu-thống tức-tối; nhất là sau đó Trọng-Tế với *Bùi Thị-Nhuận* vây Hoàng-thành định hại những kẻ chống chúa. Nếu không có Phùng-Cơ cương-quyết ngăn cản thì có lẽ Chiêu-thống cũng bị vạ lây.

Vì vậy từ tháng Chín nhuận (Theo lịch Lê, còn theo lịch Thanh thì tháng nhuận là tháng 7, vậy bấy giờ là tháng 9 thường, gióng với Tây-lịch từ 22-10 đến 20-11), Chiêu-thống đã mưu tìm hào-kiệt giúp mình. Về phần *Nguyễn Hữu-Chỉnh*, sau khi bị Tây-sơn bỏ rơi ở Nghệ, rất bị nhân-dân oán ghét vì đã «cõng rắn cắn gà nhà». Chỉ còn kế thừa chuyện Trịnh Bồng lấn vua, mà lấy danh phù Lê mới mong người ta tha-thứ và ủng-hộ. Cho nên một mặt thì ngầm thông với Đinh Tích-Nhưỡng là bạn cũ khi còn Hoàng Đình-Bảo, rồi phái người xin Chiêu-thống ban dụ mộ quân đưa về kinh để hộ-vệ. Tuy rằng Tích-Nhưỡng kình-thị Chỉnh, không muốn giúp, và Chiêu-thống muốn giúp nhưng sợ phe chúa, Hữu-Chỉnh vẫn giả vờ nhận chiếu cần vương. Cho nên chóng nhóm được đạo quân mạnh và nhiều phụ-tá giỏi: Hoàng Viết-Tuyển, Nguyễn Hữu-Khang, Nguyễn Kim-Khuê, Nguyễn Như-Thái, Nguyễn Đình-Viện.

Tháng mười năm ấy (21-11 — 20-12-1786 SKTB) quân Hữu-Chỉnh kéo cờ *Khâm-sai* tiến ra phương Bắc bại trấn-thủ *Bùi Thế-Toại* ở Hoa lâm rồi. Cũng lúc ấy, Nhạc sai tì-tướng ra đóng ở Nghệ-an. NAK chép việc đưa quân về hộ-vệ vào tháng 11. Có lẽ vào tháng nầy (21-12 — 18-1-1787), quân Chỉnh đã vào địa-phận Thanh-hóa, đánh bại quân Trịnh sai vào ngăn cản, giết tướng *Lê Trung-Nghĩa*, bắt *Phan Huy-Ích* ở *Đan-giáp*, huyện Ngọc-sơn (LQKS).

Triều-đình chúa tan-rã: Đinh Tích-Nhưỡng rút về. Hải-dương Hoàng Phùng-Cơ rút về Sơn-tây; mỗi người lo phòng thủ địa-phương mình. Còn lại Bùi Thị-Nhuận tạm coi việc binh, Dương Trọng-Tế được sai đưa quân ngăn Chỉnh.

Trong tháng 11, Hữu-Chỉnh qua Thanh-hoa trấn-doanh với *Nguyễn Cảnh-Thước* làm tướng tiên-phong. *Hoàng Viết-Tuyển* đã đi đường bể trước, còn *Nguyễn Như-Thái* đi chậm lại sau để mộ thêm quân (LQKS).

http://hoangsa.org

Tướng giữ Thanh-hóa *Nguyễn Trọng-Hoãn* theo Chỉnh. Các Hoàng-thân *quận Điền, quận Miễn* cũng họp quân với Chỉnh mà ra Kinh.

Cuối tháng 11 (khoảng 15-1-1786), Hữu-Chỉnh phá đồn ở sông *Thanh-quyết*, giết tướng *suất Tề*. Em chúa, *quận Kì*, thống suất đạo quân cuối cùng của chúa bỏ *Châu-cầu* chạy về cáo cấp. Dương Trọng-Tế được sai đem viện-binh xuống chống cũng bỏ chạy về Gia-lâm khi mới ra khỏi Thăng-long (LQKS). Bùi Thị-Nhuận coi việc phủ cũng bỏ trốn (HLNTC). Chúa Yến-đô cùng vài chục tùy-nhân chạy sang *Dương-xá* (Gia-lâm). Dương Trọng-Tế cho quân hộ-vệ đi về hướng bắc, qua sông để đến trú tại làng *Quế-ổ*, huyện Quế-dương, trọ tại nhà trấn-thủ cũ Kinh-bắc *Nguyễn Trọng-Mãi* (LQKS), hay *TrọngToại* (HLNTC).

Đầu tháng chạp (19-1-1787), Hữu-Chỉnh tới Thăng-long. Mồng hai bày quân ở bờ sông. Vua ra duyệt (NAK).

Ngày mồng 8-12 (26-1-1787 HLNTC) vua sai đốt *phủ chúa Trịnh* để đoạn-tuyệt ý phục-hưng ngôi chúa (Bản dịch của Ngô Tất-Tố chép ngày 8-10, chắc sai. Đây tôi theo bản cũ bằng Hán-văn). Nếu lời HLNTC chép đúng thì Chiêu-thống sai đốt phủ liền ngày sau khi chúa Yến-đô trốn đi, nghĩa là Chúa trốn ngày 7-12. Nếu vậy ngày Hữu-Chỉnh dàn quân ở bờ sông Tây-long không thể là ngày 2-12 như Bùi Dương-Lịch đã chép trong NAK. Một mặt tôi nhận thấy rằng NAK chép nhiều thời điểm có lí, vả sách ấy là một bản in; một mặt khác, vua có thể nảy ý đốt phủ Chúa sau khi quân Hữu-Chỉnh tới Thăng-long. Vì vậy tôi đã nhận ngày dàn quân là ngày mồng 2 và ngày đốt phủ là ngày mồng 8.

Liền sau đó vua phong Hữu-Chỉnh tước *Bằng quốc-công* vào giao cầm quyền, lập lại triều-đình và sửa soạn trừ đảng Chúa. Về phe Yến-đô, cũng đang chiêu-dụ hào-kiệt để đánh Chỉnh. Vì vậy Huy-Dao đã thảo bài hịch dẫn trên. Ta hãy trở lại tập *Lữ truug ngâm*.

***

4. *YẾN-ĐÔ VƯƠNG CHỐNG QUÂN NGUYỄN HỮU CHỈNH*

79 Mảnh hịch lông mới truyền đạo Bắc
Các chi đà tăng-tắc tiến lên

81 Đông thì Tích-Nhưỡng, Ninh-biên
Ngọn cờ chú Thạc treo miền ngàn Tây

83 Ấy ai hay cơ trời chửa chuyển
Trận Lãm-sơn được biến ra thua

http://hoangsa.org

85 Nghìn tao giỏ giục buồn đưa
Sông Hàm trở lái, non Đồ đóng quân

87 Bát xã dân hồ tương hiệu thuận
Miền Kinh-môn bảy quận một lòng

89 Vi thần chưng thủa hộ-tùng
Khi bồi nhung-tướng, khi cung tao-đàn

Thích nghĩa

79. *Hịch lông*: hịch truyền rất chóng; có dùng lông gà thép vào bảng hịch, giơ cao làm hiệu cho ai cũng phải tránh trên đường trạm chạy. — *Đạo Bắc*: xứ Kinh-bắc.

80. *Tăng-tắc*: đều một nhịp, cũng nói tăm-tắp.

81. Ng. ch. *Tích-Nhưỡng* là Nhưỡng quận-công. Ở Hàm-giang. *Ninh-biên* là Liên-trung hầu ở Chân-châu. Thật ra tước của Tích-Nhưỡng la Liễn quận-công. Còn Liên-trung hầu, thì chắc đó là *kiểm Liên* đã từng nổi loạn ở Hải-đông (Yên-quảng) với *Ba Bá* quấy rối vùng bể đời Trịnh Tông. Sau theo Tích-Nhưỡng phò Yến-đô.

82. *Chú Thạc*: quận Thạc Hoàng Phùng-Cơ rút quân về Sơn-tây. Huy-Dao thường dùng tiếng *chú* để trỏ những nhân-vật vào hàng bầy tôi quan-trọng. Ng. ch. Thạc-vũ hầu.

83. *Chưa chuyển*: chưa đổi vận xấu ra vận tốt.

84. *Lãm-sơn*: tên núi ở phía bắc làng Quế-ổ Cũng là tên làng. Quân Chỉnh tơi đanh chúa Yến-đô ở đây. Chúa thua phải chạy tới Hàm-giang, rồi ra đóng doanh ở Đồ-sơn.

85. *Tao*: thuyền, tiếng gọi chung trong khi đếm, cũng như chiếc thuyền.

86. *Sông Hàm*: khúc sông kề trấn Hải-dương. Hàm-giang là tên làng quán Đinh Tích-Nhưỡng.— *Non đồ*: Đồ-sơn, nui có tháp đời Li, chạy ra bể Hải-dương.

87. *Bát xã*: tám xã bọc Đồ-sơn.— *Hồ tương*: rượu, ý nói dân đem lễ đến chào và theo chúa.

88. Phủ *Kinh-môn* gồm bảy huyện, thuộc trấn Hải-dương.

89,90. Huy-Dao theo hầu chúa, bàn việc binh và giúp làm thi văn.

*
* *

CHI TIẾT THỜI SỰ

Sau khi Nguyễn Hữu-Chỉnh được trao chính-quyền, bàn cờ chính-trị Bắc-hà hầu trở lại như sau khi Tây-sơn mới rút. Những nhân-vật quan-trọng lại rút lui, giữ mỗi người một địa-phương. Chỉ khác là trung-

http://hoangsa.org

ương nay vua Chiêu-thống không cho-vơ như trước; trái lại có Chỉnh phò-tá với một nhóm tay chân vững chắc. Sự khác thứ hai là ở Nghệ-an, quân Tây-sơn cũng-cố. thế thêm và căm, ghét Chỉnh. Tuy tách xa Tây-sơn, nhưng Chỉnh cũng không lấy lòng được người Bắc-hà. Các tướng hoặc thổ-hào đều gầm-gừ đánh Chỉnh.

Chỉnh phải diệt ba cánh: Yến-đô ở Bắc, Hoàng Phùng-Cơ ở Tây và Đinh Tích-Nhưỡng ở Đông. Muốn đánh Yến-đô thì phải trừ *Dương Trọng-Tế* chiếm giữ Gia-lâm. Trọng-Tế không những chống Chỉnh, mà còn chống cả vua Chiêu-thống. Y đã tuyên-truyền trong hạt hai phủ Từ-sơn và Thuận-thành bằng bài hịch bằng Hán-văn (HLNTC), ý dịch như sau:

« *Thời ngụy Mạc, nhà Lê đã mất thiên-hạ. Nhờ Trịnh Thái-vương (Kiểm) giúp rập mới trung-hưng; công rạng rệt dưới trên; phúc lành dành con cháu. Trong hai trăm năm nay, vua Lê chắp tay rũ áo, họ Trịnh cầm quyền. Thần dân trong ngoài đều tôn kính cả hai, chẳng ai có lòng khác.*

« *Thằng giặc Nguyễn Chỉnh kia, đã vong mạng khỏi chết; nay mưu làm xằng lớn, đem địch ngoài về phá nước, giết chúa cũ mà chống thần dân. Xướng ra lời diệt Trịnh, giả lấy nghĩa phù Lê.*

« *Vua Chiêu-thống là kẻ được lập nhờ quân Nam và nhờ Chỉnh. Ơn nó lập mình, quên nghĩa tám đời sư phụ (đời chúa). Đốt phủ đuổi chúa, ỷ thế một lũ giặc gian! Thật không đáng làm vua, vì chẳng lấy gì mà tiêu biểu nước nhà.*

« *Ta đây, đài-thần (ngự sử) đời vua trước. Nghĩa không thể bỏ qua. Ta sắp dấy quân giết Chỉnh, sẽ tìm hoặc hoàng-thân, hoặc cháu vua ai hiền thì lập, để nối nghiệp có đế có vương. Hẹn đến ngày mồng một (nguyên đán?) quân sẽ qua sông Nhĩ. Hỡi hào kiệt bốn phương, hễ ai đồng chí với ta, nên đều đúng hẹn hợp quân, hiệp lực tiến đánh. Sớm xong công việc phục chính; dài ghi cái thệ càng vui!* »

Tư-cách Trọng-Tế vốn ti-tiện, cho nên không ai nghe theo. Trái lại, Chiêu-thống giục Chỉnh sai *Nguyễn Cảnh-Thước* cầm quân tiến đánh đồn *Dương-xá* (LQKS) và *Lạc đạo* (HLNTC). Trọng-Tế thua, muốn chạy tìm Đinh Tích-Nhưỡng, nhưng bị thổ-hào bắt nộp. Trọng-Tế phải tước tên trong số tiến-sĩ, phải tới hạ lỗi ở Khổng-miếu rồi bị chém, ấy vào khoảng trung-tuần tháng chạp năm Bính-ngọ (29-1 — 8-2-1787).

HLHTC chép các việc Chỉnh đánh dẹp với rất nhiều chi-tiết, kể cả những lời đối-thoại giữa các nhân vật. Tôi e tác-giả (hồi thứ 8, *Ngô Thì-*

http://hoangsa.org

Du) đã tiểu-thuyết-hóa các sự-kiện. Theo sách nầy thì tướng đánh Trọng-Tế là *Nguyễn Như-Thái* và *Hoàng Viết-Tuyển*. Về phương-diện thời-gian, HLNTC về đoạn nầy không cho biết một thời-điểm nào đích-xác. Nhiều nơi lại ra ý đảo lộn. *Nguyễn Bảo*, tác-giả LQKS là con quận Viện (Nguyễn Hoãn), chép có thứ-tự hơn. Tôi tin LQKS hơn HLNTC vào khoảng nầy, nhưng LQKS cũng không cho biết đích-xác những thời-điểm. Tôi phải lấy lý mà xét, so sánh cân nhắc và dựa vào một vài kí tải khác mà xếp thứ tự các biến-cố kề sau.

Sau việc giết Trọng-Tế, đến việc đánh chúa Yến-đô ở *Quế-ổ*. Từ khi Nguyễn Đình-Mãi (HLNTC chép Toại, phải chăng cùng một người) đưa chúa về *Quế-ổ*, các hào-kiệt vùng Kinh-bắc kéo về lập đồn trại từ sông Quế-ổ đến núi Lãm-sơn. Trong đó, *Trần Quang-Châu* là kiệt-hiệt. Nhưng quân là gia-nhân của họ Nguyễn, một cự-tộc chuyên nghề võ đã lâu đời. Chỉnh sai *Nguyễn Như-Thái* và *Nguyễn Trọng-Hoãn* đem quân đánh. Đánh trong mấy ngày không hạ nổi. Chỉnh phải sai thân-quân cho Như-Thái điều-khiển mới phá được các đồn. Yến-đô trốn. Đinh Tích-Nhưỡng cho thuyền con đón về Hải-dương (LQKS). Sách HLNTC chép nhiều chi-tiết về trận nầy, và nói Chỉnh tự cầm quân. Tôi e rằng không thật.

Trận nầy xảy vào lúc nào. LSTB chép vào tháng 5 năm Đinh-mùi (1787) cùng với việc đánh Trọng-Tế. Chép như thế là lầm. HLNTC không nói rõ thời-gian, nhưng theo vị-trí trong chuyện thì hình như cũng để chậm vào thu. LQKS chép vào tháng chạp năm trước nghĩa là liền sau khi giết Trọng-Tế. Thời-điểm ấy hợp lí. Nhưng Lê Huy-Dao sau bài hịch đánh Nguyễn Hữu-Chỉnh làm khi trước trận nầy, có dẫn rằng :

« *Tháng mạnh-xuân (giêng) năm Đinh-mùi Nguyễn Hữu-Chỉnh thác danh phù Lê, đem quân Thanh, Nghệ, ra chiếm Kinh, đốt cung Chúa Trịnh, Yến-đô vương chạy lên Kinh-bắc. Bây giờ vi-thần soạn ra hịch nầy* ».

Ta phải hiểu rằng hịch nầy thảo vào tháng giêng và bấy giờ quân Chỉnh chưa lên đánh Quế-ổ. Tôi đoán rằng trận Quế-ổ đã xảy ra vào đầu tháng giêng năm Đinh-mùi (sau 18-2-1787). Cuối năm trước, Chỉnh còn thăng thưởng cho các tướng-sĩ, cho đi trấn-thủ các xứ : Hoàng Văn-Tuyển trấn Sơn-nam, Nguyễn Cảnh-Thước trấn-thủ Kinh-bắc, quận Điền trấn-thủ Hải-dương, quận Miễn trấn-thủ Sơn-tây, quận Hải trấn-thủ Thái-nguyên (ba người sau chắc chỉ có chức hư mà thôi).

http://hoangsa.org

Chỉnh không bắt được Yến-đô, nhưng Hải-dương ở xa, còn tạm gác được. Còn Sơn-tây thì gần. Vả Hoàng Phùng-Cơ muốn kéo quân về dọa Chỉnh. HLNTC chép chuyện đánh Phùng-Cơ rất tỉ-mỉ về phương-diện tâm-lí cũng như về phương-diện sự-kiện ; nhưng ta khó phân-tách phần tiểu-thuyết và phần xác-thật. Theo sách ấy thì vua muốn hòa-hoãn đối với Phùng-Cơ, Hữu-Chỉnh viết thư bàn hòa một cách khá khiêu-khích. Thư rằng :

« *Trước đây, Tướng-quân lên thượng-du chăm lo biên-sự (trở việc lên chiêu dụ bọn Đinh Công-Hồ ở Hưng-hóa) ; lội sâu trèo hiểm, bạt-thiệp khó nhọc. Nếu quả thật muốn coi một phía để làm tường ngăn ở bờ Tây, thì tôi nên đề-đạt lên Vua, xin cho tự tiện. Nếu vì gánh việc nhung-hành lâu nên sức đã mệt, muốn giải việc binh, thì tôi đâu dám không giúp chu-toàn. Tôi sẽ chọn cho Tướng-công một chỗ tốt để xử trí, để bảo-toàn công-danh một túc-tướng của triều trước.*

« *Đại trượng-phu xử thế, chỉ có hai đường : đi hoặc dừng. Chọn đi kẻo muộn. Tướng-quân hãy tính đi !* ».

Được thư ấy, Phùng-Cơ rất tức, bảo rằng Chỉnh như con nghé không biết sợ hùm, bèn làm từ biểu xuất-quân. Rằng :

« *Trước đây, tôi vâng mệnh về trấn Sơn-tây. Vừa khi ấy Hữu-Chỉnh từ Nghệ-an tới chầu. Bệ-hạ lấy sự Chỉnh có công tôn-phù, trao cho quốc-chính. Kẻ tiểu-nhân đắc chí, càng mống mưu gian. Tôi ngu muội cho rằng Chỉnh không phải là một bầy tôi tốt, mà là một tên quốc-tặc. Xem những chứng tích nó làm việc thì như ma quỉ ; xét nọc độc xui lòng nó thì hơn hổ lang.*

« *Cúi nghĩ, xin Thánh-minh soi xét cho phép tôi trị nó khi mới bắt đầu, để ngăn nó buông-tuồng lòng ác về sau.*

Sự ấy chắc sẽ làm yên vui vô cùng cho xã-tắc. »

Quân Hoàng Phùng-Cơ kéo về đến làng Đại-phùng thì gặp quân Chỉnh đã sai lên chặn. Theo HLNTC, tướng cầm quân nầy là *Lê Duật* ; nhưng theo LQKS thì là hầu *Tư-trung*, tức là *Nguyễn Trọng-Hoãn* mà Chỉnh đã sai đi đánh Yến-đô. Hai sách kể đoạn đầu trận nầy cũng khác nhiều. Theo HLNTC thì : « Duật đến Đại-phùng, quân Thạc vừa tới. Mới giao-phong một trận, mà quân Duật đã không thể địch nổi ; bỏ giáp rút chạy. » Theo LQKS thì « Sau khi đã phá Dương-xá, Hữu-Chỉnh tiến phá Quế-ổ, quận Thạc mới dẫn quân về hướng đông. Lúc đến Đại-phùng, Chỉnh sai bọn hầu Tư-trung đem hơn vạn quân đóng ở Đại-phùng để

http://hoangsa.org

ngăn Thạc. Thạc sai con, tên *Chí*. Thừa cơ ban đêm, trèo lũy vào đánh úp. Trong quân Chỉnh rối lớn. Thạc dẫn quân tiến áp mà đánh. Các quân Chỉnh tan chạy. Sáng ra, hầu Tư-trung thu dư chúng chỉ còn trăm người, quay lại đề đánh. »

Theo HLNTC, thì hình như trận đánh nầy vào ban sáng. Tướng của Chỉnh thua chạy. Con Phùng-Cơ là *Gia* xin đuổi theo. Nhưng cha không cho phép, vì đã trót hẹn với quân dừng ăn ở Đại-phùng. Về đợt thứ hai trận nầy, hai sách kể lại như nhau. Quân Phùng-Cơ dừng lại thổi cơm. Quân Chỉnh trở lại đánh. Phùng-Cơ khinh địch đem ít quân chống lại, bị vây. Đại-quân Chỉnh đến, bắt được, đóng cũi giải về Thăng-long.

Nay còn một chứng thứ ba về trận nầy. Ấy là tập bút-kí của *Nguyễn Bá-Xuyến*, một vũ-nhân theo Hoàng Phùng-Cơ trong vụ ấy. Trong tập *Lí lịch hành trang*, y đã cho biết rõ thời-điểm trận Đại-phùng:

« *Năm Đinh-mùi, ngày mồng 6 tháng 2 (24-3-1787), tôi theo quận Thạc đánh đồn ở Đại-phùng. Sáng sớm tôi đánh nhau với tướng của quận Bằng là* trung Tư *ở làng Đại-phùng. Được trận. Thu được hết ngựa xe, súng, khí-giới mà trung Tư bỏ lại. Xong rồi, quân địch lại đến, bốn mặt xong vào giết. Quân ta ít không địch nổi, bỏ trốn. Tôi bị đâm xuyên từ ngực đến lưng, phải gấp đường chạy về La-thạch điều-dưỡng. Giờ mùi ngày ấy (vừa quá trưa, từ hai giờ đến bốn giờ) quận Thạc đánh nhau to; bị giặc đánh thua rồi bị bắt.* »

Xét kĩ thì ba nguồn ấy không hẳn hoàn-toàn trái nhau. Về tướng, có thể rằng Nguyễn Trọng-Hoãn (LQKS) là thống-tướng, Lê Duật (HLNTC) là bộ-tướng tiên-phong, còn trung Tư (LLHT) chỉ là một tì-tướng. Trong những con quận Thạc còn sống sót sau trận Vạn-xuân (21-6 năm trước) có tên Chí (LQKS) và tên Gia (HLNTC). Nhưng theo LTN thì có lẽ Phùng-Chí đã mất trong trận ấy. Vả lại chữ Chí và Gia viết tháo khá dễ lẫn nhau. Hoặc nguyên là chữ Gia? Cuối năm nầy Hoàng Phùng-Gia sẽ theo Vũ Văn-Nhậm đánh Chỉnh (LQKS). *Vạn-vĩ hầu*, một kháng-nhân chống Tây-sơn trong nhiều năm sau cũng là một con quận Thạc. Có lẽ cũng là một người. Về giờ đánh trận thì hình như LQKS chép chính-xác hơn. Còn ngày tháng, ta có thể tin vao Nguyễn-Bá-Xuyến. Vả LQKS có chép: « Chiêu-thống năm đầu, Đinh-mùi (1787) Thạc-vũ công Hoàng Phùng-Cơ với Tư-trung hầu đánh nhau ở Đại-phùng; bị bắt, đóng cũi đưa về Thăng-long. Cho phép tự tử... Tháng

http://hoangsa.org

2, Yến-đô vương...» Theo đó thấy rằng Nguyễn Bảo đặt việc nầy vào tháng giêng; cũng khá phù hợp với trên.

Vua Chiêu-thống muốn che-chở cho Phùng-Cơ nhưng không thể làm hơn là để viên lão-tướng uống thuốc độc chết và được cử lễ tang trọng-vọng.

«Quận Thạc là một kiêu-tướng, thế mà đánh một trận đã bắt được. Ở Kinh-thành, nhân-tâm khá định; dân các trấn chung quanh đều theo phép» (LQKS).

Nhưng còn mặt đông và các ngoại-trấn thì còn nhiều mối lo cho Chỉnh, nhất là ở vùng *Nghệ-an, Thanh-hóa*. Từ khi Chỉnh ra Bắc, đã từng liên-lạc với *Nguyễn-Duệ*, tướng Tây-sơn đóng ở Hà-hoa, xui về phe mình để chặn quân Tây-sơn ở đèo Ngang. Nhưng thống-chế *Vũ Văn-Nhậm* đóng ở *Bố-chánh* biết chuyện, báo tin cho Huệ, nên được sai ra bắt Duệ. Duệ thấy sự lộ, nên đã bỏ doanh, theo đường thượng-đạo trốn về Qui-nhân. Sự nầy xảy ra chừng vào tháng hai năm Đinh-mùi (1787). *Ngnyễn Đình-Viện*, người mà Chỉnh để lại Nghệ-an, cộng-tác với Duệ, bị giết cùng hai con. Nhậm ra đóng quân ở Nghệ-an, viết thư trách Chỉnh. Nhưng từ đầu năm, hai anh em Nhạc Huệ bất hòa đến mức đem quân đánh với nhau dữ-dội. Thấy vậy, Chỉnh biết Nhậm không thể làm gì mình. Vả gia-quyến Chỉnh còn ở Đàng Trong (Qui-nhân?). Chỉnh trả lời Nhậm một cách ôn-tồn và phân bua rằng sự mình làm ở Bắc là đúng theo ý muốn và lời dặn của Bắc-bình vương.

Thấy tình-thế sẽ bị khó-khăn, Chỉnh bèn thi-thố những ngón nội-trị, ngoại-giao để kiên cố thế mình. Bên trong thì một mặt mở khoa *thi cát-sĩ*, ban chiếu «*cử hiền lương phương chính*» (tháng ba, NAK), một mặt thì chiêu dụ Đinh Tích-Nhưỡng và cả Yến-đô vương. Đối bên ngoài thì sai sứ vào Phú-xuân, gồm hoàng thân *Lê Duy-Yêu* đi thăm cháu Ngọc-hân, và *Trần Công-Xán* để điều-đình xin lại đất Nghệ-an (tháng 3, SKTB). Không những Huệ không nghe lời xin, mà lại còn bỏ ngục Công-Xán. Cuối tháng 3, sứ-bộ được đưa bằng đường thủy trở về. Nhưng sợ sứ-giả biết rõ chuyện binh-tranh với Qui-nhơn, Huệ đã cho mật-lệnh đánh đắm thuyền sứ giữa khoảng bể Nghệ-an. Ấy ngày 11-4 (27-5-1787 HLNTC).

Về phe phản-kháng ở Bắc-hà, chỉ còn Đinh Tích-Nhưỡng và Kiềm Liên ở miền đông là đáng kể. Chúa *Yến-đô* sau khi thua ở Quế-dương chạy về đông, tựa nương *Đinh Tích-Nhưỡng ở Hàm-giang*. Vốn dòng danh-tướng, Tích-Nhưỡng không xứng với tiếng con nhà. Tính vũ-phu,

http://hoangsa.org

lại vô-mưu, không chí-hướng; cho nên nhiều người ghét và ít kẻ tin. Theo HLNTC, khi Yến-đô về Quế-ổ, Nhưỡng không hề đến thăm. Khi chúa tới Hàm-giang, Nhưỡng ra ý ghẻ lạnh, đưa ở biệt-doanh, HLNTC không hề nói đến việc đóng ở *Đồ-sơn*, thế mà sự nầy chắc có thật. Phải chăng biệt-doanh nói đó là Đồ-sơn ? Chắc không, vì HLNTC chép rằng Tích-Nhưỡng ghen ghét hai võ-sĩ hộ-vệ chúa: *Trần Quang-Châu và NguyễnĐình-Toại*. Hai người sợ bị hại, bèn cáo lui. Chúa khóc nói: « chết đuốivớ phải bèo, không thề nhờ vã; chẳng bao lâu nữa ta cũng sẽ đi. » Sau đó 10 ngày, tự nhiên, ban tối, Nhưỡng đưa thuyền đến mời chúa đi giạo mát uống rượu. Chúa từ và thất-vọng đối với vũ-nhân. Tuy HLNTC không viết ra, nhưng chắc ám-chỉ rằng Tích-Nhưỡng có thề phản chúa trong lúc đi chơi đêm. Nhưng có điều làm ta bớt tin lời chép ấy, là trong câu dẫn lời Nhưỡng mời chúa có « Trời trong trăng rạng, cảnh *thu* rất đẹp... »; thế mà bấy giờ là mùa xuân! HLNTC chép nối rằng chúa viết thư cho bầy tôi cũ *Trương Đăng-Quĩ* vẫn làm bình-chương với Chỉnh, nhờ xin vua cho về chầu. Lời thư ấy còn chép (sẽ xem sau). Đăng-Quĩ tâu vua. Chiêu-thống bằng lòng và sai Đăng-Quĩ dự-định báo tin cho chúa và làm sứ đón. HLNTC chỉ ghi rằng: « Bấy giờ *chúa ở Hàm-giang*. Nghe tin Nhưỡng với Chỉnh thông tin-tức, nghi có mưu gở. Bèn lập tức sai người hầu thuê thuyền buôn, nhân đêm đưa cả đồ-đảng đi Sơn-nam ». LQKS cho hay rằng chúa chạy ra *bề Hải-dương*, chắc muốn trở Đồ-sơn, SKTB chép rõ hơn: « Chúa chạy đi Hàm-giang. Đinh Tích-Nhưỡng đem chúa lui ra Đồ-sơn ». Chứng chắc-chắn nhất là LTN:

« *Sông Hàm trở lái, non Đồ đóng quân* »

Ở Đồ-sơn, chức-vụ Lê Huy-Dao là:

« *Vi-thần chưng thuở hộ-tùng*
Khi bồi nhung-trướng khi cung tao-đàn »

Về việc « tao đàn », Huy-Dao còn ghi lại bốn bài thơ Đường-luật bằng Hán-văn liên-quan đến Đồ-sơn và Đinh Tích-Nhưỡng.

Bài đầu mang đề *Đồ sơn trú tất* (Dừng chân đóng ở Đồ-sơn). Có dẫn: « Trên núi có tháp xưa, ngạch đề : Lí triều Long thụy bát niên. Cạnh núi, bốn bề đều nước. Dưới chân núi dân-cư ở thành tám làng » Tháp nầy dựng đời Lí Thánh-tông, năm Long-thụy-thái-bình thứ 8 (1061), sau bị đổ. Đời Gia-long, bị phá để lấy gạch xây thành trấn Hải-dương. Bốn vế đầu nghĩa là: « Chận ngất trên đỉnh núi có một phù-đồ. Dành để Chúa ta nay dừng thuyền ở đây. Hồ nước bốn bề làm hào chướng ngại rất tốt. Nhà dân tám xã họp thành một kinh-đô. »

http://hoangsa.org

Bài thứ hai đề *Ngự thi* (thơ chúa làm) có chú: «ngày ấy quận Nhưỡng tóm coi việc quân». Trong bốn vế đầu có ý tán dương Tích-Nhưỡng. Đại-ý là «Can qua tơi bời bụi loạn tung bay. Ấy ai là kẻ rửa sạch đám mây mù ấy cho dân bốn phương. Gã chèo thề thốt nay có tướng. Tính toan quyết thắng xưa đã người nào...»

Bài thứ ba là *bài họa của Huy-Dao;* có vế thứ ba «Chiến-tướng hữu mưu thành nhị kiệt», có lẽ muốn trỏ hai tướng là Đinh Tích-Nhưỡng và kiềm Liên như Huy-Dao đã chú-thích chính-văn LTN. Quả thật vậy, loạn-đảng ở vùng Yên-quảng nay cũng về theo chúa. LQKS chép rõ: «Trịnh vương từ thua trận ở Quế-ổ cùng Nhưỡng về ngoài bể Hải-dương. Kiềm Liên, Ba Bá (quân-sư của Liên) đều hội lại. Thu hết binh ở dọc bờ bể Hoa-phong, Vân-đồn, quân thành có vài vạn, thuyền hơn bảy trăm...»

Chúa sai Huy-Dao soạn một bài thơ *ủy-lạo quân Nhưỡng.* Có chú-thích rằng: «Bấy giờ Nguyễn Hữu-Chỉnh nhiều lần viết thư tới dụ, nhưng quận Nhưỡng kiên-chấp không nghe theo». Tôi phỏng dịch bài thơ ấy như sau:

«Đã từng len đá với ven sóng
Theo Chúa lang thang chẳng ngại-ngùng
Tranh nước khó thay, thân trót hẹn
Trao vàng hậu nhĩ, giặc đừng mong.
Đã đem thuận nghịch trương đôi mắt
Há vị gian hùng nhụt mảy lông
Sông núi cùng thề là khoán cũ
Ta theo gương trước sẽ đền công.»

Đọc các bài thơ chép trên, ta không hề thấy có sự nghi-kị gì đối với Nhưỡng. Hoặc vì sắp chết đuối phải với lấy bèo, cho nên phải tâng bốc Nhưỡng, nhưng, cũng không tin cậy lắm; sự bỏ Đồ-sơn đi Sơn-nam sẽ chứng sau. Còn việc Yến-đô muốn về Kinh, thì nếu bức thư gửi cho Trương Đăng-Quĩ có thật, nó rất có thể là tự Huy-Dao thảo. Sao Huy-Dao không từng nói đến? Huy-Dao không biết đến chăng? Sau này, khi quân Thanh đưa Chiêu-thống trở về ngôi cũ, Yến-đô sẽ về chầu vua thật. Sự này hình như khẳng nhận thuyết HLNTC. Lời thư gửi cho Đăng-Quĩ như sau:

«Đời tôi không gặp thời, phải khi nước nhiều nạn. Thẹn vì tôi là đích-tự Chúa, nên lo sâu đến sự thờ cúng miếu xã. Tôi đã dâng biểu trần tình,

http://hoangsa.org

rồi được nhà vua cho về chầu. Ban đầu mới tới, chỉ muốn giữ sự cúng tổ tiên cho trọn hiếu, thực không nghĩ đến chuyên nơi nếp cũ chiếm nước. Sự thế xô đẩy; ví các tướng ép suy tôn, nên mang lòng vua giận. Đến khi Chỉnh vào Kinh, cung khuyết liền bị đốt. Con chim cháy tổ bay quanh quẩn không nơi nương tựa. Vì vậy linh-lạc giang hồ, không dám về chầu. Sang nay ở Quế-ổ, ngày mai ở Hàm-giang. Tự lo dựng nơi gửi thân, nên mang tiếng kháng vua. Khiến những kẻ ghét tôi có điều chê bai. Trước sau một lòng cung thuận mà không biết cách nào tâu lên. Ông có thể bày tỏ hộ tôi: thửa nầy, tiến hay dừng, tôi chỉ chờ mệnh trên.»

Theo lời thư, bấy giờ chúa còn ở Hàm-giang. Sau nầy sẽ thấy rằng, tuy vua Chiêu-thống muốn sai Trương Đăng-Quĩ đi về Kinh, nhưng chiến-tranh vùng *Sơn-nam hạ* không để làm công việc ấy.

(*Còn nữa*)

Cùng một tác giả giáo sư Lý văn Hùng

1.— *Tây Sơn với Gia Long, tổng hợp tài liệu hơn 20 bộ sách, chia thành 30 hồi, viết bằng chữ Hán rất công phu có phụ lục Nam Việt khai thác sử.*

2.— *Thiên tự văn, 1 bài thơ tứ ngôn 250 câu, dùng 1000 chữ riêng biệt nhau ghép thành bài, giúp tự học chữ Hán.*

3.— *Tiếng Quảng đông và tiếng Bắc kinh, có chú âm và giải nghĩa mỗi câu nói, giúp phần tự học.*

4.— *Trung quốc văn tự học, dùng phương pháp khoa học giảng nguồn chữ và xếp thanh hệ thống thanh vận, chung cả 5000 chữ thông dụng, giúp tự học chữ Hán.*

http://hoangsa.org

SỬ HỌC TÂY PHƯƠNG SAU ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN

▽ HOÀNG NGỌC-THÀNH

L.T.S: Gần đây, nhiều độc giả yêu cầu Tập San Sử Địa mở mục tin tức sử địa để độc giả tiện theo dõi những tiến bộ sử địa thế giới. Chúng tôi xin đăng bài diễn văn của giáo sư Hoàng Ngọc Thành, đọc trong dịp lễ Phát Thưởng cuối năm cho các sinh viên ban Sử Địa, Đại Học Sư Phạm Sài-gòn, do các giáo sư, cựu sinh viên và thân hữu tổ chức vào ngày 4-10-70. Qua bài này, quí bạn đọc sẽ có khái niệm tổng quát về sự tiến bộ của ngành sử học Tây phương sau đệ II thế chiến. Chúng tôi mong quí độc giả hợp tác, đóng góp vào mục tin tức này.

Chúng tôi bắt đầu với Anh quốc là một quốc gia có nhiều truyền thống tự do từ xưa đến nay. Trong Đệ Nhị Thế Chiến (1939-1945) chính phủ Anh cho phép báo chí đăng các thông cáo quân sự của Đức. Như thế, dân chúng Anh có thể so sánh tin tức do chính phủ đưa ra với tin tức của các nước thù địch.

Bộ ngoại giao Anh tiếp tục xuất bản các tài liệu về giai đoạn 1919-1945 [1] như tài liệu về sự can thiệp của nước Anh vào Việt-nam năm 1945. Quân đội Đồng Minh cũng lấy được những tài liệu của bộ Ngoại Giao Đức và những tài liệu này được xuất bản trong bản dịch Anh văn. Người ta nay cũng biết được vụ hồ sơ về vụ hoàng thân Hohenzollern được mời làm vua Tây Ban Nha năm 1870 và thủ tướng Đức Bismarck đã dùng vụ này để khiêu khích nước Pháp gây ra chiến tranh 1870-1871. Các giấy tờ của bá tước Holstein [2] và kế hoạch hành quân

1 Bộ Ngoại Giao Anh, bắt đầu xuất bản những tài liệu của Bộ sau Đệ Nhất Thế Chiến, sau khi chế độ cộng hòa Weimar Đức cho công bố những tài liệu ngoại giao Đức 1871-1914 nhan đề Die Grosse Politik der Europaischen Kabinette.

2. Friedrich Von Holstein 1837-1906 làm cố vấn tại bộ ngoại giao Đức và ảnh hưởng nhiều đến chính sách đối ngoại Đức sau khi Bismarck bị giải nhiệm năm 1890. Ông Holstein từ chức năm 1906.

http://hoangsa.org

Schlieffen [1] cũng được công bố.

Trong các tài liệu về thời Trung cổ, đáng kể nhất là Lịch Sử Thập Tự Quân (History of The Crusades) của Runciman, các tác phẩm của ông Knowles về các dòng tại Anh, và của ông Powicke về thế kỷ XIII trong bộ Oxford History of England. Linh mục Hughes đã viết về cuộc cải cách tôn giáo trong thế kỷ XVI, Neale đã nghiên cứu công phu về quốc hội Anh thời nữ hoàng Elizabeth (1558-1603) và Rowse đã trình bày một hình ảnh đầy màu sắc về thời đại của nữ hoàng Elizabeth tại nước Anh và ngoại quốc.

Trong bộ Cambridge Modern History mới, hai quyển về thời Phục Hưng và thế kỷ XVIII đã được xuất bản. Về thế kỷ XVII, Veronica Wedgwood đã trình bày tình hình nước Anh trước cuộc nội chiến trong thời vua James I (1603-1625) và Charles I (1625-1649) trong thượng bán thế kỷ XVII. Trong khi ấy, ông Christopher Hill phân tích và giải thích tình h`nh xã hội và tôn giáo thời đại ấy theo quan điểm mác xít. Người ta có thể so sánh công trình của ông Ogg về thời đại vua James II (1685-1688) và William III (1689-1702) với quyển Lịch sử Anh quốc (History of England) của ông Macaulay [2] xuất bản trên một trăm năm nay. Cuốn nhật ký của ông John Evelyn [3] cũng đã được xuất bản đầy đủ không bớt đoạn nào và cho biết thêm về thế kỷ XVII.

Người ta cũng có thêm nhiều chi tiết về thế kỷ XVIII nhờ tác phẩm của các sử gia như Norman Syke về vị tổng giám mục Canterbury là ông Wake, của ông Plumb về sự nghiệp của Walpole, [4] của Sher-

---

1. Alfred S. Schlieffen 1833-1913, thống chế tổng tham mưu trưởng Đức 1891-1906. Kế hoạch hành quân đánh Pháp của ông bắt tập trung quân vào cánh phải, tràn qua Hòa Lan, Bỉ, làm chủ các hải cảng Pháp rồi tiến đến Ba-Lê còn cánh tả chỉ cầm chân quân Pháp tại biên giới Đức-Pháp. Kế hoạch nầy không được áp dụng đúng trong Đệ Nhất Thế Chiến nhưng được thi hành đầy đủ trong Đệ nhị Thế Chiến.

2. Thomas B. Macaulay 1800-1859 đã soạn bộ History of England from the Accession of James the Second trong 5 quyển xuất bản từ 1849 đến 1861.

3. John Evelyn 1620-1702 đã tham gia nội chiến về phe nhà vua, sau 1652 sống ẩn dật nhờ có tài sản, viết về nhiều đề tài và quyển nhật ký của ông xuất bản lần đầu năm 1818.

4. Robert Walpole 1676-1745 chính khách Anh, có ảnh hưởng lớn về chính trị tại Anh từ 1721 đến 1742, ông thật sự là thủ tướng đầu tiên trong lịch sử nước Anh dưới thời George II.

http://hoangsa.org

rad về cuộc đời của William Pitt [1] và nhờ công trình nghiên cứu của nhiều vị khác, trong số này có các ông Butterfield và Richard Pares. Hai vị sau này đã bút chiến với ông Namier về cách giải thích các cơ cấu chính trị trong thời đại các vua George dòng Hanover tại Anh quốc. Cố thủ tướng Winston Churchill đã viết rất hay quyển Lịch Sử Các Dân Tộc Nói Tiếng Anh (History of The English-Speaking Peoples) và tư tưởng của ông cũng được biểu lộ rõ ràng trong tác phẩm này. Ông G. P. Gooch đã soạn về lịch sử ngoại giao Âu châu, về lịch sử Đức và năm 1964 ông đã cho xuất bản quyển Dưới Sáu Vua (Under Six Reigns). Ông Cobban đã phân tích sự suy yếu và sụp đổ của chế độ quân chủ phong kiến tại Pháp.

Về thế kỷ XIX, chúng ta có thể kể sách của ông Thompson tường thuật cuộc đời và sự nghiệp của Nã Phá Luân III, Cuộc Tranh Dành Ưu Thế Tại Âu Châu 1848-1910 (Struggle for Mastery in Europe 1848-1910) của A. J. Taylor trình bày sự tranh dành ảnh hưởng giữa các cường quốc Âu Châu. Ông Hugh Seton-Watson đã viết về nước Nga dưới quyền trị vì của ba hoàng đế cuối cùng thuộc dòng họ Romanov còn ông Mack Smith đã tường thuật sự cạnh tranh và đố kỵ giữa Cavour [2] và Garibaldi [3] trong sự nghiệp thống nhất nước Ý, nếu chỉ trình bày sơ lược thôi.

Trong các tài liệu về thế kỷ XX, ông Carr đã viết nhiều về những năm đầu của chế độ cộng sản tại Nga và ông Macartney đã duyệt tình hình Hung Gia Lợi từ năm 1929. Cựu đại sứ Harold Nicolson đã viết tiểu sử vua George V (1910-1936) và Wheeler-Bennett thuật lại cuộc đời vua George VI (1936-1952). Quận công Windsor tức cựu hoàng Edward VIII đã thuật lại việc ông thoái vị lấy bà Simpson trong quyển Câu Chuyện của Một Ông Vua (A King's Story). Ông Alexander Werth viết về Mendes-France [4] và tình hình chính trị nước Pháp, Elizabeth

1. William Pitt cha 1708-78 cầm đầu chính phủ liên hiệp năm 1757, rút lui khỏi chính trường năm 1768, con trai thứ hai của ông là William Pitt con 1759-1806, làm thủ tướng 1783-1801.

2. Cavour 1810-1860, chính khách có công nhiều nhất trong sự thống nhất Ý Đại Lợi thời Victor Emmanuel II.

3. Garibaldi 1807-1872, nhà ái quốc và quân sự Ý, ban đầu theo lý tưởng cộng hòa sau ủng hộ chính sách của Cavour và vua Victor Emmanuel trong việc thống nhất xứ sở.

4. Mendes-France 1907 — , chính khách Pháp thuộc đảng xã hội cực đoan, làm thủ tướng Pháp 1954-1955.

http://hoangsa.org

Wiskemann trình bày tình trạng không may mắn của Ba Lan và Tiệp Khắc trước, trong và sau Đệ Nhị Thế Chiến.

Sau tập ký ức của cố thủ tướng Winston Churchill và nhật ký của Lord Alanbrooke đã cho biết nhiều chi tiết đáng kể về Đệ Nhị Thế Chiến.

Hơn một thế kỷ trước đây Karl Marx đã làm cho các sử gia phải chú trọng đúng mức các yếu tố kinh tế. Còn trong thời đại nguyên tử này, người ta đề ý nhiều đến vai trò của khoa học và kỹ thuật trong sự tiến hóa của xã hội. Hai tác phẩm quan trọng trong lãnh vực này là Khoa Học và Văn Minh tại Trung Hoa (Science and Civilization in China) của Needham và Lịch Sử Khoa Học và Kỹ Thuật (History of Science and Technology) mà Charles Singer là chủ biên. Các nhà khảo cổ cũng thực hiện nhiều thành tích đáng kể như Kathleen Kenyon đã chứng minh rằng Jericho [1] là thành phố cổ nhất.

Trong năm 1954, ông Toynbee hoàn thành ba quyển cuối cùng trong số 10 quyển của bộ Nghiên Cứu Lịch Sử (Study of History). Sự hiểu biết của ông Toynbee về sự thịnh suy của các nền văn minh rất là rộng lớn. Ông chú trọng nhiều về các tôn giáo trong thế giới và phủ nhận sự độc tôn của bất cứ tôn giáo nào. Ông cũng quan tâm nhiều đến các dân tộc Á châu và không cho rằng người Âu hơn người Á.

Tại Hoa Kỳ, nhiều vị tổng thống cũng viết ký ức như ông Hoover tường thuật đời ông trong khi ông Truman chỉ kể lại bảy năm làm tổng thống. Ông Eisenhower viết về Đệ Nhị Thế Chiến với sự đóng góp của ông là tư lệnh quân đồng minh và cả về đời ông. Sử gia Freeman đã soạn một quyển tiểu sử ông Washington rất có giá trị. Các giấy tờ của tổng thống Jefferson cũng được sắp xếp và in dần; thư từ của tổng thống Theodore Roosevelt được in tám tập, ông Schlesinger đã xuất bản quyển Một Nghìn Ngày Làm Tổng Thống của ông John F.Kennedy. Các sử gia, Godfrey Davies, nay đã từ trần, Gardiner và Firth viết lịch sử Anh thời Trung Cổ, May phân tích giai đoạn sụp đổ của dòng họ Hapsburg làm chủ đế quốc Ao-Hung và Hans Kohn trình bày chủ nghĩa Liên-Slav.

Quyển Sự Khủng Khoảng Trong Thế Giới và Ngoại Giao Mỹ 1937-1940 (World Crisis and American Policy 1937-1940) của Langer và

1. Jericho là đô thị ở bắc xứ Palestine, tại đây các nhà khảo cổ đã đào được một đô thị có tường xung quanh, xây vào khoảng độ 8000—6000 năm trước kỷ nguyên.

http://hoangsa.org

Gleeson cũng như ký ức của cố ngoại trưởng Cordell Hull cho biết về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trước Đệ Nhị Thế Chiến. Trong các sách về Đệ Nhị Thế Chiến có lẽ quyển Lịch Sử Các Trận Hải Chiến Của Hoa Kỳ (History of American Naval Operations) của tác giả Samuel Morison là có giá trị nhất.

Tại Pháp, linh mục Breuil rất nổi tiếng nhờ những công trình khảo cứu của ông tại Đông-Nam Âu châu và Tây-Nam Phi Châu. Ông làm cho sự hiểu biết về con người tiền sử được phong phú thêm. Uy tín của Gilson lại được tăng thêm với quyển Lịch Sử Triết Học Thiên Chúa thời Trung-cổ. Fliche và Martin nay chắc đã hoàn thành bộ Lịch Sử Giáo Hội. Renouvin làm chủ biên bộ Lịch Sử Bang Giao Quốc Tế và ông đóng góp hai quyển về thế kỷ XIX. Grouzet làm chủ biên bộ Lịch Sử Tổng Quát Các Nền Văn Minh (Histoire Générale des Civilisations) và hoàn thành thêm tác phẩm, Thời Hiện Đại: Đi Tìm Kiếm Một Nền Văn Minh Mới (L'Epoque Contemporaine: A La Recherche d'une Civilisation Nouvelle). Trong các tài liệu về Đệ Nhị Thế Chiến xuất bản tại Pháp, hai quyển ký ức của tướng De Gaulle là trong số đáng xem nhất. André Maurois viết tiểu sử Victor Hugo và George Sand với tài liệu mới và loại tiểu sử này bao gồm cả lịch sử chính trị và xã hội.

Tại Đức, Bộ Lịch Sử Thế Giới (Historia Mundi) trước kia do Fritz Kern hoạch định. Nhưng sau khi ông này qua đời, Valjavec tiếp tục công việc. Bộ này đã được xuất bản tại Bern và đã trình bày đến thế kỷ XVIII. Bộ sách này là kết quả của sự đóng góp của sử gia tại nhiều nước và cống hiến một sự hiểu biết đầy đủ nhất về sự tiến hóa của con người. Ông Erick Eyck tức người đã soạn tiểu sử Bismarck, đã hoàn thành một tác phẩm về nền cộng hòa Weimar. Gerhard Ritter phân tích những mối liên hệ chặt chẽ giữa quân đội và nhà nước tại Phổ và miêu tả sự chống đối trong nước Đức đối với chế độ quốc xã trong việc tường thuật cuộc đời của Goerdeler, một nhân sĩ nạn nhân của chế độ Hitler.

Tại Liên Xô cũng như các nước dân chủ nhân dân khác, sử học cũng như các ngành khoa học xã hội khác không được tiến bộ lắm vì các công trình nghiên cứu bị ràng buộc trong khuôn khổ của học thuyết mác xít. Người mác xít quan niệm rằng sự hoạt động của con người nhằm mục đích thỏa mãn các nhu cầu và đề tài chính là sự tranh đấu

http://hoangsa.org

giữa các giai cấp để dành quyền ưu thế về kinh tế và chính trị. Giai cấp thống trị dầu là địa chủ hay tư sản, luôn luôn dùng một số sử gia để viết lịch sử có lợi cho họ. Sau khi sự thống trị của địa chủ và tư sản chấm dứt, người ta cần viết lại lịch sử để trình bày sự tranh đấu của giới cần lao vô sản. Vì thế, họ quan niệm một sử gia thật sự phải là một nhà chính trị phục vụ chế độ.

Trong số các sử gia sau cách mạng Nga, đáng kể nhất là ông Mikhail Pokrovsky. Là một đảng viên, ông này được chế độ tín nhiệm. Ông đứng đầu sở văn khố Krasny Archiv và đã công bố những hiệp ước bí mật của chế độ Nga hoàng. Ông soạn một quyển Lịch sử Nga với một quan điểm đơn giản nhưng được Lenin tán thưởng. Ông chỉ trích quá khứ của dân Nga và cho rằng lịch sử dân Nga trước cách mạng 1917 là không quan trọng. Trong khi ấy Trotsky đã soạn quyển Lịch sử Cuộc Cách Mạng Nga, và tác phẩm này đáng là một tài liệu mác xít cổ điển. Sau này, trong thập niên 1930-1940 quan điểm lịch sử của ông Pokrovsky bị bác bỏ và chính quyền Sô viết khuyến khích sự nghiên cứu sử học và các bộ môn liên hệ như khảo cổ. Một số công trình có giá trị được thực hiện trong lịch sử kinh tế và lịch sử xã hội như với Boris Grekov chẳng hạn. Chế độ chính trị phần nào được cởi mở sau khi Stalin qua đời năm 1953 nhưng sự ràng buộc vào khuôn khổ ý thức hệ làm cho ngành sử học Nga nói chung và nhất là lịch sử ngoại giao và lịch sử tư tưởng còn sút kém. Các sử gia Nga cũng cố gắng trình bày sự kiện một cách khách quan và vô tư nhưng bị thanh trừng như trường hợp giáo sư tiến sĩ Alexandre Nekritch của Viện Sử Học thuộc Hàn Lâm Viện Khoa Học Liên xô. Ông là tác giả tài liệu nhan đề Ngày 22 Tháng Sáu Năm 1941 xuất bản năm 1965, và vạch ra trách nhiệm của Stalin trong các vụ bại trận năm 1941. Lý do là Stalin đã tàn sát quá nhiều cán bộ và bộ sách Lịch Sử Trận Chiến Tranh Ái Quốc Lớn Lao của Liên Xô (Istoriya Velikoi Otechestvennoi Voiny Sovetskovo) gồm sáu quyển và xuất bản từ 1960 tại Mạc Tư Khoa cũng trình bày sự tàn sát tàn bạo của Stalin. Như vậy sách của ông Nekritch bán rất chạy và được dịch ra nhiều ngoại ngữ. Nhưng đến tháng 7 năm 1967 ông Nekritch bị khai trừ ra khỏi đảng và sách của ông bị tịch thu và cấm lưu hành.

Tại nước Áo, sử gia tiếng tăm nhất từ lâu nay là ông Srbik và

http://hoangsa.org

ông này đã soạn một tác phẩm về tư tưởng người Đức từ thời Phục Hưng và chú trọng nhiều đến sử học. Sử gia Bỉ Ganshof là một chuyên viên về thời cổ và đóng góp quyển mở đầu cho bộ Bang giao Quốc Tế mà Renouvin là chủ biên.

Tại Hòa Lan Geyl chỉ trích những phương pháp và ý kiến của sử gia Anh Toynbee trong bộ Nghiên Cứu Lịch Sử.

Người Ý đã công bố những tài liệu ngoại giao, Documenti diplomatici Italiani và Salvatorelli và Salvemini trình bày những hình ảnh về thời đại Mussolini.

Sử gia Tây Ban Nha Madariaga nay đã nhập tịch dân Anh và viết về sự thịnh suy của đế quốc thuộc địa Tây Ban Nha tại Nam Mỹ.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

VIỆT SỬ : XỨ ĐÀNG TRONG

(Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam)

1558-1777

● *Phan Khoang*

LỊCH SỬ ĐẤT THUẬN QUẢNG TỪ KHI CÒN LÀ CỦA NGƯỜI CHAM, TRẢI QUA CUỘC MƯU ĐỒ TIẾN RA BẮC CỦA NGƯỜI CHAM, CUỘC ĐÀN ÁP CỦA NGƯỜI TRUNG-QUỐC ĐỘ HỘ, RỒI NHỮNG TRANH GIÀNH GIỮA NGƯỜI CHIÊM VÀ NGƯỜI VIỆT DƯỚI CÁC TRIỀU TIỀN LÊ, LÝ, TRẦN, LÊ, ĐẾN ĐỜI CÁC CHÚA NGUYỄN, CUỘC LẤN HẾT ĐẤT CHIÊM THÀNH VÀ THỦY CHÂN LẠP, CHO ĐẾN KHI NGƯỜI VIỆT LẬP CHÍNH QUYỀN Ở CÀ-MAU

* *Tác phẩm lịch sử khảo cứu công phu.*
* *Gồm 691 trang tài liệu giá trị rất cần cho học giới.*

KHAI TRÍ XUẤT BẢN

http://hoangsa.org

Giới thiệu Sách Báo

▼ VIỆT SỬ: XỨ ĐÀNG TRONG (1558-1777). *CUỘC NAM TIẾN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM của PHAN KHOANG — Khai Trí xuất bản, 1970, 691 trang.*

Những người Việt viết sử Việt bây giờ có thể đếm trên đầu ngón tay. Và cứ thực tình mà nói thì quả chúng ta chưa có sử gia đủ kích thước như đòi hỏi của bộ môn, tuy rằng dưới ảnh hưởng của văn minh Trung hoa, người Việt đã có sách sử gần 8 thế kỷ, và bây giờ đã làm quen với khoa học Tây phương gần 100 năm rồi. Không nhắc tới những điều kiện nghèo nàn về tài liệu, về khả năng sáng tác gây bởi chiến tranh, xáo trộn chính trị,... chúng ta cũng phải thấy sự chuyển hướng văn tự của ta là một duyên cớ cắt đứt quá khứ khiến cho tủ sách Việt sử ngày nay thật phải gây ngượng ngùng. Người mới không đủ kiên nhẫn và điều kiện đi vào các tài liệu xưa. Người cũ loay hoay trong mớ giấy bản thật dồi dào sự kiện, nhưng cũng thật chứa nhiều độc tố bảo thủ của một thời đại co rút trong kinh, sử... lại vì sự trì trệ của khung cảnh xã hội, những khuôn mặt sử gia «mới» không thủ đắc thấu đáo những phương pháp của sử học tân tiến với nhân sinh quan vững chắc của con người hiện đại trong khi phải đứng khựng trước đống tài liệu cũ để bằng lòng với những lược dịch, trích văn... Nên dù có vơ vào thật nhiều để tập họp thành những compilation dày cộm, những sử gia Pháp — bản xứ này cũng phải nhường bước trước uy tín của những ông đồ nho có tây học. Nhưng các sử gia của thành phần này còn sống đến nay cũng phải gắng gượng mang một chút thay đổi để làm khởi sắc bộ môn cũng như thành phần của mình. Một Phan Khoang của *Việt sử: Xứ Đàng Trong* cho ta thấy rõ điều đó.

Quyển sách viết riêng cho xứ Nam hà từ lúc Đoan quận công Nguyễn Hoàng tiến vào cửa Việt trấn đất Thuận hóa (1558) đến lúc Tây sơn truy diệt Duệ tông Nguyễn phúc Thuần, chấm dứt triều chúa Nguyễn cũ (1777).

Vì đất Nam hà còn là đất của các triều đại Chiêm thành, Chân lạp nên soạn giả đã để dành nguyên một chương đầu cho đất Thuận Quảng của Chàm trước Nguyễn Hoàng với sơ lược về thời kỳ lập quốc của họ cùng sự tranh chiến với Đại Việt qua nhiều thế kỷ. Chương 2 là 1

http://hoangsa.org

bảng liệt kê tiểu sử khá tỉ mỉ về các ông chúa Nguyễn từ tiên tổ của họ đến ông chúa cuối cùng kém may mắn. Chương 3, Công việc Chúa Nguyễn làm ở Nam hà, đi sâu vào các cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn, các cuộc chiến mở rộng đất đai về phía nam, và tổ chức nội trị (với tương quan bên ngoài) trên vùng đất họ nắm quyền. Chương 4, chương cuối cùng, dành để bàn về sinh hoạt của dân chúng xét theo các lãnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa.

Đã nói, ưu thế của các sử gia như Phan Khoang là khả năng khai thác được những tài liệu chữ Hán, Nôm còn nằm trong các tủ kính thư viện, trong các hộc chứa microfilm... Trên đại thể, Trần trọng Kim cũng đã dùng cho Việt Nam Sử Lược năm 1925, nhưng ở một quyển sách nhắm vào một thời đại ngắn hơn và một vùng đất thu hẹp hơn như quyển sách này, tất nhiên các chi tiết được liệt kê đầy đủ hơn[1]. Các sử kiện nêu ra nhằm vào các biến cố chính trị, quân sự phần lớn, nhưng cũng có thể cho người đọc những căn cứ để hiểu theo chiều hướng khác.

Điểm tiến bộ trong quan niệm của soạn giả là đã sử dụng các tài liệu cổ để moi ra, sắp riêng biệt, bàn đến sinh hoạt kinh tế, nhân văn trong vùng — tiến bộ không phải chỉ là đã bàn đến sinh hoạt của dân chúng, sinh hoạt liên quan đến văn minh sử, mà là đã khảo sát sinh hoạt đó *riêng trong một chương*, cho người đọc thấy ngôi vị quan trọng của vấn đề — tuy chương bàn đến thật là ít ỏi, ngắn ngủi.

Như ở lời tựa tiểu dẫn đã hàm ý, sự phổ biến các chi tiết dồi dào, nhiều sắc thái này cũng là mục đích của soạn giả : đưa ra một miền Nam hà còn khuất lấp trong sách vở, nhưng thực ra cũng có « nhiều chuyện để nói ». Có lẽ khi mục đích của soạn giả đạt được thì cho dù các sử gia miền Bắc trong tình trạng phân ly này không đến miền Nam được nhưng vẫn có tài liệu để thu xếp, nên những tập sách bàn về những vấn đề dính dáng đến xứ Đàng Trong sẽ không nghèo nàn thảm hại như quyển *Cách Mạng Tây Sơn* chẳng hạn vốn đã khô khan sẵn vì định kiến, chủ đích chính trị khi biên soạn rồi.

Nói « khi soạn giả đạt được mục đích » vì hiện tại quả mục đích ấy còn xa. Đứng trong dòng sử gia cũ, soạn giả không sử dụng được những

1. Như những đoạn nói về tiền tệ thật phải khiến cho người đọc sách cảm ơn soạn giả vì đã giúp giải thích được những nghi vấn quanh một mớ tiền lượm được mà ở nơi đất trích, người đọc sách xa sách vở đã hết sức phân vân.

http://hoangsa.org

tài liệu của người Tây phương đương thời vì những đòi hỏi suy luận cần đến các kiến thức khoa học nhân văn mới ngày nay, mà chỉ sử dụng được những *sách tổng hợp của các tác giả Tây phương bây giờ thôi*. Quyển sách còn dấu vết chắp nối từ những trang của Vũ Biên Tạp lục, Liệt Truyện Tiền biên, Thực lục Tiền biên... Rõ ràng nhất của sự lệ thuộc này là soạn giả viết cả chương dài đến 1/3 sách về các chúa Nguyễn để phải lập lại ở nơi khác, là soạn giả tiếc rẻ chêm vào sách các chương phụ « công việc chính quyền Lê Trịnh làm ở Thuận hóa (1774-1786) Tây sơn đánh Thuận hóa » và « Nguyễn vương Phước Ánh kinh dinh ở Gia định », trong khi đáng lẽ theo đòi hỏi thuần nhất của vấn đề, phải gạt ra ngoài chuyện Nguyễn Ánh, chuyện Tây sơn chiếm lại Thuận hóa chỉ đưa các chi tiết cần thiết vào các chương chính thôi.

Vì sự ràng buộc với những tài liệu của quá khứ, của chính quá khứ như những sự thực đã xảy ra, mà người ta thường quên mất yếu tố sáng tạo phải có của sử gia — « sáng tạo » không phải hiểu với nghĩa những sản phẩm đột khởi, xuất thần của cá nhân như ở lãnh vực văn nghệ mà là sáng tạo khoa học, tung hoành trong giới hạn của bộ môn khoa học. Ví dụ, chúng ta được đọc những trang dài tài liệu liệt kê tổ chức quân đội, tổ chức quan chế của Đường trong. Nhưng soạn giả có làm gì cho người đọc hiểu được *thực chất* của những tổ chức ấy qua mớ chữ Hán p'hù hoa bóng bẩy đó không? Độc giả có nhờ những dòng chữ ấy mà vẽ được trong trí, linh động, hiển hiện, một tập thể quân nhân, vua quan, sinh hoạt như thế nào, có khả năng tới đâu, có quyền hành tới đâu, với nhau, với đám dân chúng dưới quyền...? (không phải những vấn đề nêu trên không có thấp thoáng trong sách, nhưng chỉ để chúng « thấp thoáng » trong khi đó là những vấn đề chính của nội dung lịch sử thì thật là đáng tiếc).

Cho nên những quyển sử Việt vững chãi cho hợp với thế kỷ khoa học (chưa nói đến thế kỷ du hành không gian) vẫn còn là một đòi hỏi, đòi hỏi của độc giả thích hiểu biết mà thiếu khả năng phương tiện gởi đến những học giả hiểu biết đầy mình và thừa phương tiện làm việc.

17-11-70

Tạ Chí Đại Trường 3265

***

http://hoangsa.org

▼ DÃ LAN NGUYỄN ĐỨC DỤ, *GIA PHẢ (KHẢO LUẬN VÀ THỰC HÀNH), Sài-gòn, 1967.*

Thật khó mà giới thiệu một tác phẩm đánh máy như quyển *Gia Phả* (*Khảo Luận và Thực Hành*) vì độc giả hầu không thể tìm đọc. Nhưng có nhiều điều đặc biệt khiến chúng tôi phải viết về một tác phẩm ngay khi nó chưa được xuất bản này. Đặc biệt về tác phẩm và đặc biệt về tác giả.

Trước hết, với tác phẩm này, Ông Dã Lan Nguyễn Đức Dụ đã làm sống lại một ngành văn học cổ Việt Nam. Nhưng công trình của Ông không phải là sự lập lại. Hơn thế, đây là sự canh tân. Gia phả theo cách viết xưa chỉ chú trọng đến vài chi tiết hành trạng, tên tuổi, mồ mả, giỗ tết với một thể văn rất ngắn, rất gọn và nhất là cũng trang trọng như chiếc khảm sơn son thiếp vàng chứa đựng nó. Không ai dám nghĩ đến sự cải đổi, và quyển gia phả trở nên một vật trân quý, một biểu hiệu của danh gia vọng tộc. Nay thì Ông Dã Lan có cái can đảm dùng con mắt người nay mà xét việc, thu thập kinh nghiệm của cả những nhà làm phả Tây phương, quyển *Gia Phả* (*Khảo Luận và Thực Hành*), do đó, bao gồm tất cả vấn đề liên quan đến sự thực hiện một bộ phả đa dụng.

Tác phẩm gồm 6 chương mà Chương Thứ Nhất được coi là chương dẫn nhập, định nghĩa gia phả và trình bày nguồn gốc gia phả. Ở Âu châu và Á Đông. Về phả học Âu châu, tác giả dùng các Chương Thứ Ba và Chương Thứ Tư để trình bày cách viết phả, so sánh phân tách các quan niệm lập phả của Đông Tây. Đây là những phần tầm thường của tác phẩm. Chính một quyển sách nhỏ, phổ thông trong Collection Que-Sais-Je ?[1] là tác phẩm tham khảo căn bản của tác giả về những vấn đề liên quan đến phả học Âu châu. Còn về phả học Việt Nam, tác giả lại nhân dịp trình bày về cơ cấu tổ chức gia tộc Việt, về thành phần, hôn nhân, cúng giỗ... mà những chi tiết độc giả có thể gặp trong các sách về Phong-Tục-Học đã xuất bản.

Phải đến Phần Thực Hành gồm các Chương Thứ Năm và Chương Thứ Sáu ta mới thấy được giá trị của tác phẩm.

Tác giả nêu những điều cần bổ khuyết cho một tập phả mới, giải thích tường tận những thiếu sót của phả xưa. Nhận xét về những biến

1. DURYE Pierre, *la Généalogie*, Paris, Collection Que-Sais-Je ?.

http://hoangsa.org

cố trọng đại liên tiếp xảy ra từ 1945 tạo ra những hiện tượng mới như sự di dân... ngược với tình trạng ổn cố của xã hội nông nghiệp Việt xưa, tác giả đề nghị thêm phần phong thổ làng mạc thật đầy đủ để họ hàng thân tộc dù phải phân tán tứ phương cũng nhận biết rõ những chuyện làng nước họ mình. Nhận xét sự thiếu sót về ngành ngoại có thể dẫn đến những chuyện thương tâm và đại bất hạnh như anh em ruột lấy phải nhau... tác giả đề nghị thêm phần ngành ngoại « để ghi rõ mối giây liên hệ của con gái như quê quán lai lịch bên họ nhà chồng và con cái để những con cháu đời sau dễ nhận biết nhau » (trang 139). Những biến cố lịch sử hay thời sự cũng được tác giả đề nghị ghi thêm vào gia phả vì chúng sẽ giải thích hay soi sáng hành trạng của các người trong họ nhất là những người có liên hệ đến biến cố.

Ông Dã Lan Nguyễn Đức Dụ còn có công sưu tầm và công bố những quyển phả giá trị như quyển phả họ Trịnh Kiểm, họ Nguyễn Đức, họ Dương, họ Bùi Viện..., trình bầy những đặc điểm của mỗi quyển hầu rút ra những kinh nghiệm quý giá cho sự lập phả.

Đi quá phạm vi của một người nghiên cứu thuần túy, tác giả có lúc trở nên một *người hướng dẫn* độc giả làm phả. Tất cả các chi tiết cần thiết đều được đem ra bàn xét tường tận. Chương Thứ Sáu được dành cho những mẫu gia phả. Mẫu « Đơn Dựng » áp dụng cho giới bình dân ít học hay cho những nhà chỉ biết có mấy đời gần mình. Mẫu « Hợp Dựng » áp dụng cho trường hợp những người muốn ghi chép tỷ mỉ những chi tiết của dòng họ. Ưu khuyết điểm của các cách vẽ phả đồ cũng được đề cập đến ; khi nào thì vẽ theo hình cái cây, hình trôn ốc, hình thang. Rồi các phương pháp tính ngôi vị các ông tổ, hoặc là « Phương Pháp Thuận », lấy ông thủy tổ làm đơn vị vì tính theo chiều thuận từ trên xuống, nghĩa là sau ông thủy tổ đến ông tổ một đời. hai đời... cứ thế đi lần xuống mãi xuống hàng con cháu, hoặc là « Phương Pháp Nghịch », lấy người con làm đơn vị tính ngược trở lên là ông tổ nhị đại (cha), tam đại (ông nội)... Tất cả những chi tiết kỹ thuật này đều kèm theo chứng từ hay mình vẽ, hình chụp rất công phu và khoa học. Sau cùng, tác giả còn ghi lại cả những « mánh khoé » khi ghi chép, khi đi sưu tầm chi tiết, về lối văn viết trong phả. Những điều này chưa chắc đã là phương pháp tốt nhất làm mẫu mực cho một quyển phả nhưng chúng chứng tỏ rõ tấm lòng thành thực và tinh thần làm việc khoa học của tác giả.

Thật ra thì tập *Gia Phả* (*Khảo Luận và Thực Hành*) chỉ là một công

http://hoangsa.org

trình nhỏ dẫn xuất từ bộ thế phả đồ sộ mà Ông Dã Lan Nguyễn Đức Dụ đã dồn tâm lực thực hiện cho gia tộc ông. Có thấy tận mắt bộ thế phả ấy, tức bộ *Nguyễn Tộc Thế Phả* (*1527-1961*) soạn xong năm 1963, chép tay dầy hơn 500 trang, tập *Phả Liệu Tàng Thư* gồm tất cả những tài liệu, hình ảnh, thư từ trao đổi của tác giả để sửa soạn cho bộ phả trên, cùng tập Đồ Ảnh con cháu Nguyễn Đức tộc, đối chiếu tận mắt với gia cảnh thanh bạch của tác giả, chúng ta mới cực cảm sự hy sinh và việc làm vô vị lợi để cung hiến cho chúng ta một tác phẩm mà Ông Dã Lan Nguyễn Đức Dụ sửa soạn trong mấy năm trời nay.

Chúng tôi hy vọng tác giả sẽ có phương tiện để ấn hành quyển *Gia Phả* (*Khảo Luận và Thực Hành*), nhắc nhở cho số lớn người Việt việc làm cần thiết là lập phả, phải chăng chính là tâm nguyện của tác giả ?

T.A.T

Tháng 2-1971

***

▼ TÂM-TRẠNG TƯƠNG-AN QUẬN VƯƠNG QUA THI CA CỦA NGUYỄN KHUÊ — *Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa xuất bản, 1970, 269 trang.*

« Tâm trạng TƯƠNG-AN QUẬN-VƯƠNG qua thi ca của Nguyễn Khuê là một tác-phẩm nghiên-cứu văn-học, mới được xuất bản. Sách được trình bày mỹ-thuật, in cẩn thận, giấy tốt.

Trước khi đọc cuốn sách này, cái tên TƯƠNG-AN QUẬN-VƯƠNG đối với chúng tôi hoàn toàn xa lạ. Đọc xong, chúng tôi đã hiểu rõ được, đời Nguyễn, ngoài Tùng-thiện-Vương và Tuy-lý-Vương còn có Tương-An-Vương là một ông hoàng hay thơ.

Nguyễn-Khuê đã có công đưa ra ánh sáng một thi-nhân bị bỏ quên. Có thể nói ông là người đầu tiên khảo-sát về Tương-An vương kỹ như vậy. Ông làm việc khá công phu: viết kỹ, trình bày đẹp, dịch thơ khéo. Nguyễn Khuê đã cắt nghĩa rõ lý do Tương An vương bị lu mờ: Chỉ vì vương kết giao thân thiết với An phong công HỒNG BẢO, sau khi ông này mưu phản không thành bị giam và chết trong ngục, Tương-An vương bị nghi có nhúng tay vào âm mưu ấy. Xưa có tội hay bị nghi ngờ thì văn chương khó được lưu truyền.

http://hoangsa.org

Cách làm việc của tác-giả Nguyễn Khuê có tinh thần khoa học: ông đưa ra những tiêu chuẩn rõ rệt trước khi nghiên cứu và ông đã cố công sưu tầm những sách vở và đồ ảnh về Tương-An vương.

Có lẽ đây là một tập tiểu luận Cao học, vì vậy khi viết tác giả có vẻ dè dặt, gò bó nên phần trên hơi khô khan. Một vài chỗ tác-giả cắt nghĩa rườm-rà, nhất là phần chú thích về thân-thế Tương-An vương. Có thể nói 71 trang đầu, tác giả đã không trình bày thẳng về Tương-An vương.

Khi định nghĩa chữ TÂM, tác giả đã mắc một bệnh chung của các nhà nghiên-cứu là «tầm chương trích cú»: kể hết tự điển này đến tự điển khác. Riêng hai chữ TÂM TRẠNG mà tác giả dùng trong sách thì lại không định nghĩa kỹ!

Phần Phân-tích tâm trạng-Tương-An vương, tác giả đã nói về ảnh-hưởng của tam-giáo đối với Tương-An và cho rằng đó là tâm-trạng của vị vương này. Thật ra, có nhà thơ cổ-điển nào trong văn học Việt Nam mà không chịu ảnh-hưởng Nho, Phật, Lão? Tìm hiểu tâm-trạng của Tương-An vương là tìm những nét đặc-thù chỉ vị vương này có mà người khác không có, nhất là tâm trạng của vương lại mang nhiều sắc thái đặc biệt vì VỤ ÁN HỒNG-BẢO!

Từ phần SẦU TÌNH trở đi, tác giả viết có vẻ phóng túng, không còn gò bó, khô khan như trước nữa.

Điểm đặc-biệt ở phần cuối là Nguyễn-Khuê đã cho ta biết rõ HỒNG-BẢO: một nhân vật lịch sử làm rung động triều Nguyễn đời Tự-Đức. Ông cắt nghĩa việc Hồng-Bảo bị truất một cách oan-ức mà đáng lý ra người kế vị vua Thiệu-Trị phải là Hồng-Bảo chứ không phải Tự-Đức!

Nhìn chung, cuốn «Tâm trạng Tương-An quận vương» là một tác-phẩm có giá trị về phương-diện văn-học. Nguyễn Khuê đã đưa ra ánh sáng một nhà thơ hoàng-tộc nổi tiếng đã lấn-lướt cả Tùng-thiện-vương và Tuy-lý-vương về thơ văn quốc-âm với hai tác-phẩm trữ-tình HOÀI CỔ NGÂM và TRĂM THƯƠNG.

Hoàng Thạch

12-1970

***

http://hoangsa.org

TẬP SAN SỬ ĐỊA đã nhận được:

* *ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG* HAY LÀ VĂN MINH MIỆT VƯỜN của *SƠN NAM*, AN TIÊM xuất bản, sách dày 219 trang. Giá 188$.

Sau những tác phẩm HƯƠNG RỪNG CÀ MAU, TÌM HIỂU ĐẤT HẬU GIANG,... Sơn Nam, một người rất am tường về một phần đất quê hương trù phú, vừa mới cho ra đời cuốn *ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG* hay *VĂN MINH MIỆT VƯỜN*. Với một lối hành văn dung dị, tươi mát, tác giả đã làm cho người đọc không còn có cái «cảm tưởng khô khan» khi tìm hiểu về khung cảnh địa lý, các sinh hoạt kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng đất cao ráo, có vườn cam, vườn quít ở ven sông Tiền, sông Hậu, thuộc tỉnh Sa Đéc, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Cần Thơ, mà tác giả gọi là *MIỆT VƯỜN*, một danh từ của dân đồng bằng Cửu Long đã gọi để phân biệt với các miệt khác như Miệt Trên (Biên Hòa, Gia Định, Bà Rịa, có thể tính luôn vùng Tân An); Miệt Dưới (vùng Rạch Giá, Cà Mau)....

* *VIỆT NAM QUÂN CHÍNH TÂN THƯ* Quyển Thượng của LAM GIANG VŨ TIẾN PHÚC, Khởi Hành xuất bản, 1970, 236 trang. Giá 200$. Loại sách tìm hiểu về chính trị, trong đó trình bày về khái niệm về chính trị, các mối tương quan giữa chính trị với các khoa học chuyên môn, chính trị với quân sự, các vấn đề chủ thuyết, chủ nghĩa cùng những vấn đề chính trị Việt Nam và Thế giới.

* TIỂU THUYẾT MIỀN BẮC hay Những Phản Ảnh Xã Hội và Chính Trị trong tiểu thuyết miền Bắc (1950-1967) của HOÀNG NGỌC THÀNH, Tiến-sĩ Sử-Học, Phong Trào Văn Hóa xuất bản, Saigon, 1969, 136 trang. Giá 150$.

Tác giả đã trình bày về các sinh hoạt chính trị, văn hóa, kinh tế của miền Bắc qua các tài liệu văn chương.

* VÒNG ĐAI XANH Ngô Thế Vinh, nhà xuất bản THÁI ĐỘ, 1970, 250 trang. Giá 240$.

Vòng Đai Xanh là một truyện ký mà không gian là vùng Tây Nguyên Trung Phần, địa bàn hoạt động của các sắc dân Thượng, trong thời gian chiến Tranh với sự có mặt của các lực lượng Đặc Biệt Mũ Xanh của Mỹ.

* LỊCH SỬ CHIẾN TRANH LẠNH, nguyên tác của André Fontaine, LÊ THANH HOÀNG DÂN dịch, Kỷ Nguyên xuất bản, 1970, 362 trang.

http://hoangsa.org

* THUẬT TRỊ NƯỚC tại LIÊN SÔ, nguyên tác của Merle Fainsod, ĐẶNG TÂM dịch và xuất bản, 1970, 536 trang — Giá 200$.

* QUẬN CHÚA NGỌC KHOA của VŨ LANG, TRÌNH BÀY xuất bản, 1970, 86 trang. Giá 100$. Thoại Kịch gồm 3 màn.

* Giáo khoa SỬ ĐỊA, LỚP SÁU của HÀ MAI PHƯƠNG, SỐNG MỚI xuất bản, 1970, 272 trang. Giá 200$

Sách soạn đúng chương trình mới năm 1970, có phần phụ chú tài liệu, phần thích nghĩa các danh từ chuyên môn và một số câu hỏi trắc nghiệm theo phương pháp giáo dục mới.

* ĐỊA LÝ ĐẠI CƯƠNG LỚP 10 (đệ tam), của NGUYỄN KHẮC NGỮ và PHẠM ĐÌNH TIẾU. Cơ Sở Xuất Bản Sử Địa, 1971.

Cuốn sách giáo khoa địa lý đại cương đầu tiên bằng Việt ngữ viết rất đầy đủ. Giá 240$.

* Tạp Chí Văn-Nghệ «Nguồn» số 1, xuất bản tại Đà Nẵng.

Xin chân thành giới thiệu cùng quí bạn đọc.

HÃY TÌM ĐỌC

CUỐN SÁCH VIẾT VỀ CUỘC ĐỜI NHẠC SĨ PHẠM DUY TRÊN ĐƯỜNG SÁNG TẠO

— Cuộc đời *PHẠM DUY* qua 30 năm sống và sáng tác với bao biến chuyển lịch sử: tiền Kháng Chiến, Kháng Chiến, hậu Kháng Chiến thần thánh của Dân Tộc.

— Một cuộc đời đầy sống động với bao cuộc tình éo le, với bao vận nước nổi trôi, với bao khắc khoải đã được *TẠ TỴ* viết thành sách: *PHẠM DUY CÒN ĐÓ NỖI BUỒN* do *VĂN SỬ HỌC* xuất bản.

— *MỘT CUỐN SÁCH LÔI CUỐN NGƯỜI ĐỌC SAY MÊ TỪ ĐẦU ĐẾN CUỐI.*

SẼ PHÁT HÀNH VÀO THÁNG 3-1971

http://hoangsa.org

ĐÍNH-CHÁNH

Bài « Lịch-sử cuộc Nam-tiến của dân-tộc Việt-Nam » của Phù Lang, trong Sử Địa số 19-20.

Trương	Hàng	Tiếng lầm	Tiếng sửa lại
52	22	Lậm-Ấp	Lâm-Ấp
52	27	nhìn năm	nhằm năm
53	21	ngăn nư	ngăn nước
55	14	quân thủy	thủy-quân
56	5	về Thủy	về phe Thủy
59	30	bạn Lolo	bọn Lolo
60	14	điện-tích	diện-tích
61	6	không làm	không lầm
62	28	sáu năm	sáu mươi năm
64	30	miền nở	niềm nở
74	8	Harivarmam I ^{2} Sai	Harivarman I ^{2} sai
106	28	cách Phan-Thiết	cách Phú-Hài và Phan-thiết
110	26	cứ thang lên	cứ thẳng lên
110	38	san phang	san phẳng
110	49	qua đó	qua đò
114	9	sắc Chiêm-Thành	sắc nghiêng thành
115	1	Hoa Phiên-trấn	Hoa ở Phiên-trấn
127	34	tr.555	tr. 557

http://hoangsa.org

Tập san SỬ ĐỊA 1969

1 *Bửu CẦM và Cầm HÀ* — Sự quan hệ của *Bác cổ học viện* đối với văn hóa nước ta (dịch) — S. Đ. số 14-15, tt. 99-107.

2 *Phạm Bá CÔNG* — Việt kiều tại Ai-lao qua các thời đại — S. Đ. số 16, tt. 101-119.

— Katay Don Sasorith, thủ tướng Lào gốc Việt — S. Đ. số 16, tt. 121-133.

3 *Nguyễn Ngọc CƯ* — Cuộc bạo hành tại Huế ngày 5-7-1885 — Vụ cướp phá hoàng cung — Cuộc đề kháng của vua Hàm Nghi và triều Đồng Khánh (dịch) — S. Đ. số 14-15, tt. 3-46.

4 *Đông TÙNG* (*Nguyễn văn Bồng*) — Việt kiều tại Thái-lan — S. Đ. số 16, tt. 3-32.

— Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của Việt kiều tại Thái-lan — S. Đ. số 16, tt. 23-52.

— Thơ văn cách mạng phổ biến trong giới Việt kiều ở Thái-lan — S. Đ. số 16, tt. 53-63.

5 *Mai Chưởng ĐỨC* — Trung Việt văn hóa luận tập (dịch) — S. Đ. số 14-15, tt. 121-139.

6 *Hoàng Xuân HÃN* — Bắc hành tùng kí — S. Đ. số 13, tt. 3-32 và tt. 181-183 — S. Đ. số 14-15, tt. 140-152 — S. Đ. số 16, tt. 159-195.

7 *HÃN NGUYÊN* (*Nguyễn Nhã*) — Vai trò của người Việt Nam tại bán đảo Đông dương — S. Đ. số 16, tt. 142-158.

http://hoangsa.org

8 *Lý Văn HÙNG*

— Cuộc giao thiệp giữa Quang Trung với Càn Long — Vụ 16 châu và xây đền thờ Sầm Nghi Đống — S. Đ. số 13, tt. 135-142.

9 *Nguyễn HUY*

— Nguyên nhân khô hạn của miền Phan — S. Đ. số 14-15, tt. 84-98.

— Tìm hiểu về các đảng phái Việt Nam trong thời Pháp thuộc: *Đông dương Cộng sản đảng* (dịch) — S. Đ. số 14-15, tt. 176-211.

10 *Phan KHOANG*

— Chung quanh cuộc chiến thắng Tôn Sĩ Nghị của vua Quang Trung ngày Tết năm kỷ dậu (lược dịch) — S. Đ. số 13, tt. 184-189.

— Cuộc tranh giành ảnh hưởng ở nước Chân-lạp giữa Tiêm-la và các chúa Nguyễn — Cuộc xâm chiếm đất Nam Việt ngày nay của người Việt — S. Đ. số 14-15, tt. 72-83 — S. Đ. số 16, tt. 196-202 (Hết).

11 *LÊ HƯƠNG* (*Lê Quang Hương*)

— Địa danh, di tích lịch sử, thắng cảnh trong vùng người Việt gốc Miên — S. Đ. số 14-15, tt. 47-71.

— Đời sống Việt kiều tại Cao-miên — S. Đ. số 16, tt. 65-92.

— Hoạt động của các chức sắc Cao-đài Việt kiều tại Cao-miên — S. Đ. số 16, tt. 93-100.

12 *Lê Thọ XUÂN* (*Lê văn Phúc*)

— Sau ngót 150 năm, thử giải điểm thắc mắc của An-toàn-hầu Trịnh Hoài Đức về sử địa nước nhà — S. Đ. số 14-15, tt. 153-175.

13 *Châu LONG*

— Việt kiều tại Thái-lan.— S. Đ. số 16, tt. 137-140.

http://hoangsa.org

14 *MARTY, Louis* (*Nguyễn Huy dịch*) — Tìm hiểu về các đảng phái Việt-nam trong thời Pháp thuộc: *Đông dương Cộng sản đảng* (dịch).— S. Đ. số 14-15, tt. 176-211.

15 *Đặng Phương NGHI* — Triều đại Quang Trung dưới mắt các nhà truyền giáo Tây phương — S. Đ. số 13, tt. 143-180.

16 *Nguyễn NHÃ* — Tài dùng binh của Nguyễn Huệ — S. Đ. số 13, tt. 205-227 — S. Đ. số 14-15, tt. 212-231.

17 *Phạm Trọng NHÂN* — Việt kiều tại Ai-lao — S. Đ. số 16, tt. 134-136.

18 *Tạ Quang PHÁT* — Vài tài liệu về Ngọc Hân công chúa và Quang Trung (phê dịch) — S. Đ. số 13, tt. 114-134.

19 *Trương Bá PHÁT* (*Phù Lang*) — Trận Đống đa — S. Đ. số 13, tt. 33-61.

20 *SỞ CUỒNG* (*Lê Dư*) (*Bửu Cầm và Cầm Hà dịch*) — Sự quan hệ của *Bác cổ học viện* đối với văn hóa nước ta (dịch) — S. Đ. số 14-15, tt. 99-107.

21 *Phạm Văn SƠN* — Những điểm đặc biệt về Nguyễn Huệ— S. Đ. số 13, tt. 100-113.

22 *Nguyễn Xuân THỌ* (*Ng. Ngọc Cư dịch*) — Cuộc bạo hành tại Huế ngày 5-7-1885-Vụ cướp phá hoàng cung — Cuộc đề kháng của vua Hàm Nghi và triều Đồng Khánh (dịch). — S. Đ. số 14-15, tt. 3-46.

23 *TỐ NAM* — Trái tim bất tử Lê Chiêu Thống (soạn dịch) — S. Đ. số 13, tt. 80-99.

24 *Tạ Chí Đại TRƯỜNG* — Đống-đa, mâu thuẫn văn hóa vượt biên giới — S. Đ. số 13, tt. 62-79.

25 *Trần Anh TUẤN* — Dẫn vào lịch sử — S. Đ. số 14-15, tt. 108-120.

http://hoangsa.org

26 *TÙNG VÂN* (*Phạm Bá Công*) — Việt kiều tại Ai-lao qua các thời đại — S. Đ. số 16, tt. 101-119.

— Katay Don Sasorith, thủ tướng Lào gốc Việt — S. Đ. số 16, tt. 121-133.

Tập san SỬ ĐỊA 1970

1 *Tăng Xuân AN* — Nạn đói năm ất dậu 1945 — S. Đ. số 17-18, tt. 167-176.

2 *Đào Duy ANH* (*Nhất Thanh dịch*) — Cột đồng Mã Viện (dịch) — S. Đ. số 19-20, tt. 197-208.

3 *BÀNG THỐNG* (*Trần Tư Chính*) *và ĐôngTùng* — Đọc tài liệu của sở Mật thám Đông dương về *Đông dương Cộng sản đảng* — S. Đ. số 17-18, tt. 177-197.

4 *Bình Nguyên LỘC* (*Tô Văn Tuấn*) — Việc mãi nô dưới vòm trời Đông phố và chủ đất thật của vùng Đồng-nai — S. Đ. số 19-20, tt. 249-258.

5 *BỬU CẦM* — Quốc hiệu Việt-nam và Đại-nam — S. Đ. số 17-18, tt. 107-112.

6 *Đặng Văn CHÂU* — Niên biểu các nhân danh của những triều vua Việt-nam — S. Đ. số 17-18, tt. 224-236.

7 *DÃ LAN* (*Nguyễn Đức Dụ*) — Mục đích và ích lợi của gia phả — S. Đ. số 17-18, tt. 133-147.

8 *ĐÌNH THỤ* (*Hoàng Văn Hoè*) — Đất đai nước ta về đời Hùng Vương — S. Đ. số 17-18, tt. 123. 125.

http://hoangsa.org

9 *ĐÔNG TÙNG* (*Nguyễn Văn Bổng*) *và BÀNG THỐNG* — Đọc tài liệu của sở Mật thám Đông dương về *Đông dương Cộng sản đảng* — S. Đ. số 17-18, tt. 177-197.

10 *Mai Chưởng ĐỨC* — Trung Việt văn hóa luận tập (dịch) — S. Đ. số 17-18, tt. 126-132.

11 *Hoàng Xuân HÃN* — Đồ biểu đối chiếu lịch xưa và công lịch — S. Đ. số 17-18, tt. 3-16 và tt. 198-208.

12 *NGUYÊN HÃN* (*Nguyễn Nhã*) — Hà-tiên, chìa khóa Nam tiến của dân tộc Việt Nam xuống đồng bằng sông Cửu-long — S. Đ. 19-20, tt. 259-283.

13 *Nguyễn Văn HẦU* — Bài tế *nghĩa trủng văn* do Thoại ngọc hầu chủ tế cô hồn tử sĩ sau ngày đào kinh Vĩnh-tế— S. Đ. số 17-18, tt. 27-37.

— Sự thôn thuộc và khai thác đất Tầm-phong-long— S. Đ. số 19-20, tt. 3-24.

14 *Hoàng Văn HOÈ* — Đất đai nước ta về đời Hùng Vương.— S. Đ. số 17-18, tt. 123-125.

15 *Phan KHOANG* — Từ cuộc bảo hộ đến cuộc đô hộ nước Cao miên thời nhà Nguyễn.— S. Đ. số 17-18, tt. 17-25.

16 *LÊ HƯƠNG* (*Lê Quang Hương*) — Những người Việt tiền phong trên bước đường Nam tiến tại Cao-lãnh — Kiến-phong — S. Đ. số 19-20, tt. 209-231.

17 *Lê Hữu LỄ* — Di tích và cổ vật Chiêm-thành tại Bình-thuận — S. Đ. số 19-20, tt. 161-168.

18 *NHẤT THANH* (*Vũ Văn Khiếu*) — Làng xóm — S. Đ. số 17-18, tt. 49-77.

— Cột đồng Mã Viện (dịch) — S. Đ. số 19-20, tt. 197-208.

19 *PHÙ LANG* (*Trương Bá Phát*) — Sáu nén hương hoài cổ, Phan Công Tòng người đã chết trong trận Giòng-gạch lúc công phá trại binh Pháp — S. Đ. 17-18, tt. 148-166.

http://hoangsa.org

— Lịch sử cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam — S. Đ. số 19-20, tt. 45-141.

20 *SƠN NAM* (*Phạm Minh Tài*) — Việc khẩn hoang vùng Rạch-giá — S. Đ. số 19-20, tt. 169-190.

21 *Trần Nhâm THÂN* — Tìm hiểu non sông, cảm thông hồn nước — di tích Chiêm thành tại Bình định — S. Đ. số 19-20, tt. 191-196.

22 *Nguyễn Đăng THỤC* — Nam tiến Việt-nam, S.Đ. số 19-20, tt. 25-43.

23 *TÔ NAM* (*Nguyễn Đình Diệm*) — Vạn Thắng vương — S. Đ. số 17-18, tt. 209-223.
— Đồ bàn thành ký (dịch) — S. Đ. số 19-20, tt. 232-248.

24 *TRI THIỆN* (*Trần Nhâm Thân*) — Tìm hiểu non sông, cảm thông hồn nước — di tích Chiêm-thành tại Bình-định — S. Đ. số 19-20, tt. 191-196.

25 *Tạ Chí Đại TRƯỜNG* — Về các danh xưng chỉ người Chàm — S. Đ. số 17-18, tt. 113-122.

26 *Trần Anh TUẤN* — Thư tịch về cuộc Nam tiến của dân tộc Việt-nam — S. Đ. số 19-20, tt. 288-300.

27 *Bùi Quang TUNG* — Bài vè thủy trình từ Huế vô Sài-gòn (ghi chép) — S. Đ. số 17-18, tt. 39-48.

28 *Thái Công TỤNG* — Đất phù sa và phân hóa học trong việc trồng lúa ở Nam Việt-nam — S. Đ số 17-18, tt. 79-105.

29 *Nguyễn Văn XUÂN* — Vài nét về văn học và nghệ thuật Việt-nam trên đường Nam tiến — S. Đ. số 19-20, tt. 139-159

http://hoangsa.org

ĐÃ ẤN HÀNH SỐ ĐẶC KHẢO VỀ:

- TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH
  (Sử Địa số 3, 1966, 172 trang)
- PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM VÀ CÁC LÂN BANG
  (Sử Địa số 5, 1967, 240 trang)
- PHAN THANH GIẢN
  (Sử Địa số 7 và 8, 1967, 268 trang)
- QUANG TRUNG
  (Sử Địa số 9 và 10, 1968, 268 trang)
- NGUYỄN TRUNG TRỰC
  (Sử Địa số 12, 1968, 176 trang)
- KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG XUÂN KỶ DẬU (Đống Đa)
  (Sử Địa 13, 1969, 232 trang)
- VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG
  (Sử Địa số 16, 1969, 222 trang)
- NAM TIẾN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
  (Sử Địa số 19 và 20, 1970, 312 trang)

SẼ ẤN HÀNH SỐ ĐẶC KHẢO VỀ:

* ĐÀ-LẠT
* NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

* Chủ Nhiệm : *Nguyễn Nhã*
* Quản Lý : *Mai Chưởng Đức*
* Thủ Quỹ : *Phạm Thị Hồng Liên*

Giấy phép xuất bản số 6679 BTLC/BCI ngày 23-11-1965 *và biên lai chính thức số* 291 BTT/NBC/HCBC ngày 12 tháng 3 năm 1970.
In tại nhà in Việt Hương — 34 Lê Lợi, Sàigòn.

http://hoangsa.org

NĂM THỨ VI * tam cá nguyệt san — số 21, tháng 1 đến 3

* *Lá thư tòa-soạn* 1

HOÀNG XUÂN HÃN

● *Phe chống đảng Tây-Sơn ở Bắc với tập « Lữ Trung Ngâm »* 3

NHẤT THANH

● *Công-chúa Ngọc-Hân Bắc-cung Hoàng-hậu triều Quang-Trung* 17

PHỦ LANG TRƯƠNG BÁ PHÁT

● *Cuộc khởi dấy và chiến tranh của Tây-Sơn* 33

NGUYỄN TOẠI

● *Việc mất đất sáu châu Hưng Hóa* 98

NGUYỄN ĐĂNG THỤC

● *Thái độ « kẻ sĩ » Triều Quang-Trung* 107

PHẠM VĂN SƠN

● *Kẻ sĩ đời Lê Mạt (Giai đoạn Tây-Sơn đánh Bắc Hà)* 118

LÝ VĂN HÙNG

● *Nguồn động lực Nam Tiến với vùng đất Tây-Sơn* 129

THÚY SƠN

● *Chuyện còn truyền lại từ khi nhà Nguyễn Tây-Sơn mất ngôi* 134

NGUYỄN NGỌC CƯ

● *Những ngày tàn của Tây-Sơn dưới mắt của Giáo-sĩ Tây-phương* 141

HOÀNG NGỌC THÀNH

● *Sử học Tây-phương sau Đệ Nhị Thế Chiến* 211

* *Giới thiệu sách báo* 217

ÌH BÌA : *Gò Đống Đa (Thái Hà Ấp, Hà-Đông), ảnh chụp của Hà văn Dậu.*